Thạc sĩ. TRƯƠNG NGỌC THƠI

1000 CÂU HỎI & BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

LỊCH SỬ

12

Dùng cho học sinh:

- Bồi dưỡng học sinh giỏi
- Thi tốt nghiệp THPT
- Thi vào các trường ĐH & CĐ

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Thạc sĩ: TRƯƠNG NGỌC THƠI

1000 CÂU HỎI & BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

LỊCH SỬ

12

Dùng cho học sinh

- Thi tốt nghiệp THPT
- Thi vào các trường Đại học, Cao đẳng khối C
- Bồi dưỡng học sinh giỏi

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lời nói đầu

Cùng các em học sinh thân mến!

Bước sang thế kỷ XXI, khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, với sự "bùng nổ" về thông tin đã mang lại cho các em những hiểu biết sâu rộng các vấn đề về tự nhiên, xã hội... Song nó cũng đã và đang làm nảy sinh những mâu thuẫn giữa thời gian học tập có hạn của các em với khối lượng kiến thức khổng lồ. Điều mà lâu nay các em cảm thấy bối rối, lúng túng trong việc tiếp thu kiến thức chung của nhân loại, trong đó có kiến thức bộ môn Lịch sử, nhất là Lịch sử lớp 12 bậc THPT.

Trong những năm qua, có không ít học sinh bị nhầm lẫn về các niên đại, các sự kiện và nhân vật lịch sử dẫn đến kết quả thi tốt nghiệp, nhất là thi vào các trường Đại học, Cao đẳng khối C điểm số còn rất thấp.

Cuốn sách ***"1000 Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm lịch sử lớp 12"*** sẽ giúp các em ôn tập để hiểu rõ và ghi nhớ kỹ những kiến thức cơ bản, vận dụng một cách có hiệu quả những kiến thức đã học để làm các bài thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng khối C.

Sách gồm bốn phần:

- *Phần I:* Bài tập, câu hỏi trắc nghiệm lịch sử Việt Nam theo từng chương, từng bài.
- *Phần II:* Bài tập, câu hỏi trắc nghiệm lịch sử Thế giới theo từng chương, từng bài.
- *Phần III:* Bài tập lịch sử tổng hợp từng giai đoạn.
- *Phần IV:* Câu hỏi trắc nghiệm tổng hợp từng giai đoạn lịch sử.

Đây là cuốn sách rất thiết thực và bổ ích cho các em cũng như cho những ai quan tâm đến việc hiểu biết về lịch sử.

Những khiếm khuyết trong sách là điều không thể tránh khỏi. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía các bạn đồng nghiệp và đông đảo các em học sinh.

TÁC GIẢ

CHƯƠNG 1

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

BÀI 1

NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Tình hình phân hoá xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam?***

**** Tình hình phân hoá xã hội:***

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam bị phân hoá sâu sắc. Bên cạnh những giai cấp cũ vẫn còn, giờ đây đã xuất hiện các giai cấp mới.

a. ***Đối với giai cấp cũ:***

- *Giai cấp địa chủ phong kiến:* Tiếp tục bị phân hoá và chia ra hai bộ phận, mỗi bộ phận có thái độ chính trị khác nhau trước kẻ thù và trong cuộc đấu tranh dân tộc.

Bộ phận nhỏ là đại địa chủ, giàu có lên do dựa vào Pháp, chống lại cách mạng, chúng trở thành đối tượng của cách mạng.

Bộ phận lớn là trung nông và tiểu địa chủ, bị Pháp chèn ép, đụng chạm tới quyền lợi, nên ít nhiều có tinh thần chống đế quốc, tham gia phong trào yêu nước khi có điều kiện.

- *Giai cấp nông dân:* Nước ta vốn dĩ là một nước nông nghiệp, nên nông dân chiếm 90% dân số. Họ là nạn nhân của chính sách chiếm đoạt ruộng đất, chính sách sưu thuế, địa tô, phu phen, tạp dịch dưới chế độ phong kiến. Họ tiếp tục bị bần cùng hoá và bị phá sản trên qui mô rộng lớn.

Do bị áp bức, bóc lột nặng nề bởi thực dân và phong kiến nên nông dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

b. Đối với các giai cấp và tầng lớp mới:

- *Giai cấp tư sản:* Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời vào những năm đầu sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân hoá thành hai bộ phận: Một bộ phận là tư sản mại bản có quyền lợi gắn với đế quốc, nên cấu kết chặt chẽ về chính trị với chúng. Một bộ phận khác là tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập, phát triển kinh tế dân tộc, nên ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến, nhưng lập trường của họ không kiên định, dễ dàng thoả hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

- *Tầng lớp tiểu tư sản:* Ra đời cùng thời gian với giai cấp tư sản. Tầng lớp tiểu tư sản cũng bị đế quốc bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, gặp nhiều khó khăn, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Tầng lớp tiểu tư sản nhạy bén với tình hình chính trị, có tinh thần cách mạng, hăng hái đấu tranh và là một lực lượng quan trọng cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

- *Giai cấp công nhân:* Ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp: từ 14 vạn (1914) lên đến 22 vạn (1929). Công nhân Việt Nam cũng chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột nên cuộc sống của họ vô cùng khốn khổ.

**** Vì sao?***

- Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng:

+ Bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên có tinh thần cách mạng cao nhất.

+ Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

+ Kế thừa truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất của dân tộc.

+ Đặc biệt, vừa lớn lên, giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu ngay chủ nghĩa Mác – Lênin, ảnh hưởng cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh.

- Giai cấp công nhân Việt Nam với hoàn cảnh ra đời và phát triển, cùng với những đặc điểm của mình, là giai cấp yêu nước, cách mạng, cùng với giai cấp nông dân trở thành hai lực lượng chính của cách mạng, trong đó : giai cấp công nhân Việt Nam nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Bài tập 2: ***Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp có tác động như thế nào đối với nền kinh tế Việt Nam?***

Quá trình khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến theo hướng tư bản. Chính sự thâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dẫn tới sự tan rã dần của nền kinh tế tư nhân, tự cấp, tự túc ở nông thôn. Nền kinh tế hàng hoá, do đó có điều kiện để phát triển.

Tuy nhiên, do mục đích của thực dân Pháp là biến Việt Nam thành thị trường cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ hàng hoá, nên tác dụng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào cũng chỉ hạn chế.

Mặt khác, Pháp vẫn tiếp tục duy trì quan hệ sản xuất phong kiến ở Việt Nam, tiếp tục sử dụng giai cấp địa chủ phong kiến. Vì vậy, Việt Nam không còn là nước độc lập và không thể có nền kinh tế dân tộc phát triển bình thường lên tư bản chủ nghĩa, mà trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Hay nói tóm lại, nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ là nền kinh tế đan xen tồn tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và phương thức sản xuất phong kiến. Và suy cho cùng đó là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

Bài tập 3: ***Lập bảng so sánh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929) của thực dân Pháp ở Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, mục đích, quy mô, hệ quả và tác động đến kinh tế, xã hội Việt Nam?)***

	Cuộc khai thác lần thứ nhất	**Cuộc khai thác lần thứ hai**
Hoàn cảnh lịch sử	Sau khi thực hiện xong việc bình định về quân sự, thực dân Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914).	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), thực dân Pháp tiếp tục khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam.
Mục đích	- Khai thác nguồn tài nguyên phong phú. - Bóc lột nguồn nhân công rẻ mạt. - Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp.	Giống như cuộc khai thác lần thứ nhất.
Nội dung	Pháp đầu tư vào các ngành kinh tế: - Nông nghiệp: Tiến hành cướp ruộng đất của nông dân để lập đồn điền. - Công nghiệp: Chủ yếu khai thác mỏ, nhất là mỏ than. Ngoài ra, bắt đầu hình thành những cơ sở công nghiệp hàng tiêu dùng. - Giao thông vận tải: Chú ý phát triển để phục vụ cho công cuộc khai thác và mục đích quân sự. - Thương nghiệp: Độc quyền xuất nhập khẩu. Hàng hoá Pháp ở thị trường Việt Nam chiếm 37% số lượng	Quy mô khai thác gấp nhiều lần so với lần thứ nhất, đầu tư vào các ngành: - Nông nghiệp: Vốn đầu tư cho nông nghiệp tính đến năm 1927 là 64 triệu france. Đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất, tính đến 1930, Pháp chiếm 850.000 ha để lập đồn điền cao su. - Công nghiệp: Chủ yếu là khai thác mỏ than, sản lượng khai thác than tăng gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Ngoài ra Pháp còn chú ý đến công nghiệp tiêu dùng, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến. - Thương nghiệp: Độc chiếm thị trường Việt Nam, đóng thuế

	hàng nhập khẩu. Tổng số vốn của Pháp đầu tư vào Việt Nam gần 1 tỷ đồng.	nặng vào các mặt hàng nhập từ Nhật Bản và Trung Quốc. Lập ngân hàng Đông Dương. Tăng thuế đối với hàng hoá nội địa.
Hệ quả	Làm cho kinh tế Việt Nam bị què quặt, ngày càng lệ thuộc vào chính quốc.	Càng làm cho kinh tế nước ta bị cột chặt vào kinh tế nước Pháp. Đông Dương trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.
Tác động	- Phương thức sản xuất TBCN bắt đầu du nhập vào Việt Nam tồn tại cùng với phương thức sản xuất phong kiến. - Xã hội Việt Nam bắt đầu phân chia giai cấp.	- Phương thức sản xuất TBCN tiếp tục du nhập vào Việt Nam. Hình thái kinh tế chuyển đổi rõ rệt từ hình thái phong kiến chuyển sang hình thái TBCN. - Xã hội Việt Nam có sự phân hoá giai cấp rõ rệt.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: ***Một trong những lí do Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?***

A. Bù vào những thiệt hại trong cuộc khai thác lần thứ nhất.

B. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.

C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 2: ***Tổng số vốn mà Pháp đầu tư vào Đông Dương để thực hiện chương trình khai thác lần thứ hai từ (1924-1929) là bao nhiêu?***

A. Gấp 20 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

B. Gấp 10 lần so với 6 năm trước chiến tranh.

C. Gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

D. Gấp 8 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

Câu 3: ***Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào các ngành nào?***

A. Công nghiệp chế biến. B. Nông nghiệp và khai thác.

C. Nông nghiệp và thương nghiệp. D. Giao thông vận tải.

Câu 4: ***Diện tích trồng cao su của Pháp ở Việt Nam từ năm 1918-1930 tăng lên bao nhiêu?***

A. Từ 20.000 héc ta tăng lên 120.000 héc ta.

B. Từ 15.000 héc ta tăng lên 150.000 héc ta.

C. Từ 15.000 héc ta tăng lên 140.000 héc ta.

D. Từ 15.000 héc ta tăng lên 120.000 héc ta.

Câu 5: ***Hãy chọn từ đúng nhất sau đây điền vào chỗ trống cho câu sau đây hợp nghĩa:***

Các công ty ....có từ trước nay đều được bỏ vốn thêm và hoạt động mạnh hơn.

A. Than. B. Mi sơ lanh. C. Đất đỏ. D. Sắt.

Câu 6: ***Vì sao tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than ở Việt Nam?***

A. Ở Việt Nam có trữ lượng than lớn.

B. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.

C. Để phục vụ cho nhu cầu công nghiệp chính quốc.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 7: ***Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?***

A. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

B. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa do nền công nghiệp Pháp sản xuất.

C. Biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp.

D. Câu a và b đều đúng.

Câu 8: ***Để độc chiếm thị trường Đông Dương, Pháp đóng thuế rất nặng vào hàng hóa của các nước nhập vào Đông Dương, đó là:***

A. Hàng hóa của Ấn Độ.

B. Hàng hóa của Trung Quốc, Nhật Bản.

C. Hàng hóa của Thái Lan, Singapo.

D. Hàng hóa của Triều Tiên, Mông Cổ.

Câu 9: ***Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?***

A. Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

B. Nền kinh tế mở cửa.

C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc vào Pháp.

D. Nền kinh tế thương nghiệp và công nghiệp phát triển.

Câu 10: ***Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để ở Việt Nam, nghĩa là gì?***

A. Mọi quyền hành nắm trong tay người Pháp.

B. Mọi quyền hành nắm trong tay vua quan Nam triều.

C. Mọi quyền hành vừa nắm trong tay người Pháp vừa nắm trong tay vua quan Nam triều.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 11: ***Những thủ đoạn nào của thực dân Pháp về chính trị và văn hóa giáo dục nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?***

A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt Nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.
B. Thâu tóm quyền lực vào tay người Pháp.
C. "Chia để trị" và thực hiện có văn hóa nô dịch, ngu dân.
D. Mở trường dạy tiếng Pháp để đào tạo bọn tay sai.

Câu 12: ***Pháp thi hành chính sách "chia để trị": chia nước ta thành 3 kỳ với 3 chế độ khác nhau. Điều đó được biểu hiện như thế nào?***

A. Nam Kỳ: thuộc Pháp, Trung Kỳ: nửa bảo hộ, Bắc Kỳ: bảo hộ.
B. Nam Kỳ: bảo hộ, Trung Kỳ: thuộc Pháp, Bắc Kỳ: nửa bảo hộ.
C. Nam Kỳ: nửa bảo hộ, Trung Kỳ bảo hộ, Bắc Kỳ: thuộc Pháp.
D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 13: ***Chính sách văn hóa, giáo dục mà Pháp thực hiện ở Việt Nam nhằm mục đích gì?***

A. Đào tạo đội ngũ trí thức ở Việt Nam để đưa sang Pháp.
B. "Khai hóa" văn minh cho dân tộc ta.
C. Nô dịch, đồi trụy nhân dân ta.
D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 14: ***Những giai cấp cũ trong xã hội Việt Nam, có từ trước cuộc khai thác thuộc địa của Pháp, đó là giai cấp nào?***

A. Nông dân, địa chủ phong kiến.
B. Nông dân, địa chủ phong kiến, thợ thủ công.
C. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản dân tộc.
D. Nông dân, địa chủ phong kiến, công nhân.

Câu 15: ***Giai cấp nào mới ra đời do hậu quả của việc khai thác của Pháp sau chiến tranh?***

A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.
B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.
D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 16: ***Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến như thế nào?***

A. Sẵn sàng thỏa hiệp với nông dân để chống tư sản dân tộc.
B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp.
C. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.
D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân để giải phóng dân tộc.

Câu 17: ***Thực dân Pháp đã đối xử với giai cấp tư sản Việt Nam như thế nào?***

A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.
B. Bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm.

C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.

D. Được thực dân Pháp cho hưởng đặc quyền, đặc lợi.

Câu 18: ***Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ở Việt Nam ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?***

A. Giai cấp nông dân.
B. Giai cấp công nhân.
C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến.
D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 19: ***Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai giai cấp tư sản phân hóa như thế nào?***

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.

C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 20: ***Thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?***

A. Có thái độ kiên định với Pháp.

B. Có thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 21: ***Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành những bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta?***

A. Bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.

B. Đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản, thất nghiệp.

C. Câu a đúng, câu b sai.

D. Cả câu a, b đều đúng.

Câu 22: ***Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?***

A. Nông dân.
B. Tư sản dân tộc.
C. Địa chủ.
D. Công nhân.

Câu 23: ***Lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?***

A. Công nhân.
B. Nông dân.
C. Tiểu tư sản.
D. Tư sản dân tộc.

Câu 24: ***Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?***

A. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.

B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

D. Vừa lớn lên đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 25: ***Lấy năm 1929 làm mốc, thì số lượng công nhân từ trước chiến tranh đến thời điểm ấy tăng lên khoảng bao nhiêu? (sử dụng phép trừ).***

A. 12 vạn. B. 10 vạn. C. 15 vạn. D. 6 vạn.

Câu 26: ***Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ đâu?***

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép.

D. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

Câu 27: ***Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?***

A. Giữa công nhân và tư sản.

B. Giữa nông dân và địa chủ.

C. Giữa nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 28: ***Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn giai cấp cơ bản của cách mạng Việt Nam?***

A. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, nông dân với đế quốc Pháp.

BÀI 2

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

(1919 - 1925)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Mục tiêu và tính chất đấu tranh trong phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919 - 1925? Những mặt tích cực và hạn chế của phong trào?***

Mục tiêu và tính chất phong trào thể hiện:

****Phong trào của giai cấp tư sản dân tộc**:* Cuộc đấu tranh nhằm các mục tiêu:

- *Đòi một số quyền lợi về kinh tế*: Giai cấp tư sản dân tộc nhân đà làm ăn thuận lợi, muốn vươn lên giành lấy vị trí khá hơn trong kinh tế Việt Nam sau chiến tranh.

Năm 1919, tư sản dân tộc tổ chức phong trào "Chấn hưng hàng nội hoá", "Bài trừ hàng ngoại hoá".

Năm 1923, họ châm ngòi đấu tranh chống độc quyền Cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ của tư bản Pháp.

- *Đòi các quyền tự do dân chủ*: Cùng với hoạt động kinh tế, giai cấp tư sản dân tộc đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi của mình.

Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long...) đứng ra tổ chức đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng, rồi đưa ra một số khẩu hiệu: Đòi tự do dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng, làm áp lực đối với Pháp.

- *Các phong trào của giai cấp tư sản dân tộc thể hiện tính chất:* Đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản, các hoạt động của họ mang tính chất cải lương, thoả hiệp.

*** Phong trào của các tầng lớp tiểu tư sản:** *Thể hiện các mục tiêu:*

- Chống cường quyền, áp bức, đòi các quyền tự do dân chủ.

- Các tầng lớp tiểu tư sản đã thể hiện lòng yêu nước của mình bằng nhiều cách. Ngoài việc tham gia vào các phong trào yêu nước, dân chủ công khai lúc bấy giờ, họ đã tập hợp nhau lại trong những tổ chức yêu nước mới, tiến hành đấu tranh có tổ chức.

- Nhiều tổ chức chính trị yêu nước của tri thức nhà văn, nhà báo, nhà giáo, học sinh, sinh viên... đã ra đời như: Tân Việt Thanh niên Đoàn (1923), Việt Nam Nghĩa Đoàn (1925), Hội Phục Việt (1925), Đảng Thanh niên (1926)...

- Các tổ chức đã cho ra đời những tờ báo tiến bộ như: Chuông Rè, An Nam trẻ, Người nhà quê... lập ra những nhà xuất bản tiến bộ như: Cường học thư xã (Sài Gòn), Nam Đồng thư xã (Hà Nội)... Họ dùng sách báo làm phương tiện truyền bá tư tưởng yêu nước, tiến bộ, nêu quan điểm lập trường chính trị của mình.

Trong cao trào yêu nước lúc bấy giờ có ba sự kiện tiêu biểu nhất: vụ Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méc-lanh, vụ đòi thả Phan Bội Châu và vụ để tang Phan Châu Trinh.

* Tháng 6/1924, toàn quyền Đông Dương là Méc-lanh sang Nhật và Trung Hoa âm mưu cấu kết với chính quyền phản động hai nước này để phá hoại cách mạng Việt Nam. Tâm Tâm xã giao cho Phạm Hồng Thái nhiệm vụ trừ khử tên thực dân đầu sỏ. Cuộc mưu sát không thành, nhưng hành động của Phạm Hồng Thái đã gây tiếng vang lớn ở trong và ngoài nước, giống như "Cánh chim báo hiệu mùa xuân" vừa có tác dụng cổ vũ vừa thúc đẩy phong trào yêu nước.

* Phan Bội Châu là nhà yêu nước, hoạt động cách mạng từ đầu thế kỷ XX. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu tiếp tục hoạt động ở Trung Quốc. Giữa năm 1925 ông bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải và bí mật đưa về nước giam ở Hoả Lò (Hà Nội) với âm mưu sát hại Cụ. Nhân dân cả nước đấu tranh buộc thực dân Pháp đưa Cụ ra xét xử công khai, tha bổng và giam lỏng ở Huế cho đến khi mất (1940).

* Cùng hoạt động với Phan Bội Châu, đầu thế kỷ XX có Phan Châu Trinh. Khi vụ chống thuế ở Nam Kỳ xảy ra (1908), Phan Châu Trinh bị bắt và bị đày đi Côn Đảo ba năm. Đến ngày 24/3/1926, cụ Phan Châu Trinh qua đời sau một thời gian ốm nặng tại Sài Gòn. 14 vạn người đã xuống đưa Cụ về nơi an nghỉ cuối cùng. Sau đám tang, khắp Bắc Trung, Nam đều tổ chức lễ truy điệu.

- *Tính chất:* Theo khuynh hướng dân chủ tư sản, mang tính chất yêu nước, dân chủ rõ rệt.

Nhìn chung, Phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc, tuy thể hiện lòng yêu nước nhưng mang tính chất thoả hiệp, cải lương và ngày một xa rời đi đến chỗ đối lập với quần chúng. Tiếng nói và hoạt động của tiểu tư sản mạnh mẽ hơn nhiều, chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ, được quần chúng ủng hộ, song cũng không thể đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi, do thiếu đường lối chính trị đúng đắn.

**** Những mặt tích cực và hạn chế của phong trào:***

- Phong trào của giai cấp tư sản dân tộc:

+ Tích cực: Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam đã có cố gắng trong việc đấu tranh chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư sản nước ngoài.

+ Hạn chế: Các hoạt động của họ chỉ mang tính chất cải lương, giới hạn trong khuôn khổ của chế độ thực dân, phục vụ quyền lợi của các tầng lớp trên và nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua.

- Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản:

+ Tích cực: Có tác dụng thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân, truyền bá những tư tưởng cách mạng mới.

+ Hạn chế: Họ chưa tổ chức thành chính đảng nên đấu tranh mang tính chất xốc nổi, ấu trĩ.

Bài tập 2: *Tại sao lại cho rằng cuộc bãi công Ba Son (8/1925) là một cái mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân nước ta sau chiến tranh?*

- Tạo điều kiện cho tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga thấm sâu vào công nhân Việt Nam để công nhân Việt Nam hành động có ý thức hơn.

- Sự trưởng thành của công nhân Việt Nam: Là cuộc đấu tranh quan trọng đầu tiên của công nhân có tổ chức, lãnh đạo; đấu tranh không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà còn vì mục tiêu chính trị; họ đã tỏ rõ sức mạnh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản; đánh dấu công nhân Việt Nam bắt đầu đi vào đấu tranh tự giác.

Bài tập 3: *Con đường tìm chân lý của Nguyễn Ái Quốc có gì là độc đáo, khác với con đường truyền thống của lớp người trước?*

- Các bậc tiền bối mà tiêu biểu là Phan Bội Châu đã chọn con đường cứu nước, đó là đi sang phương Đông chủ yếu là Nhật, vì ở đó đã từng diễn ra cuộc cải cách Minh Trị (1868) làm cho Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa; vì Nhật đã đánh bại đế quốc Nga trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904-1905) và Nhật còn là nước *"đồng văn, đồng chủng"* với Việt Nam. Đối tượng của Phan Bội Châu gặp gỡ là những chính khách Nhật để xin họ giúp Việt Nam đánh Pháp. Phương pháp của Cụ là vận động, tổ chức giai cấp, cùng các tầng lớp trên để huy động lực lượng đấu tranh bạo động.

- Còn Nguyễn Ái Quốc lựa chọn hướng đi sang phương Tây, nơi được mệnh danh có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học kỹ thuật, có nền văn minh phát triển. Cách đi của Nguyễn Ái Quốc là đi vào tất cả các giai cấp, tầng lớp, đi vào phong trào quần chúng giác ngộ, đoàn kết họ đứng lên đấu tranh giành độc lập thật sự, bằng sức mạnh của mình là chính. Người luôn đề cao học tập, nghiên cứu lí luận và kinh nghiệm cách mạng mới nhất của thời đại, để trên cơ sở đó bắt gặp chân lí Cách mạng tháng Mười Nga. Đây là con đường cứu nước duy nhất đúng đắn đối với dân tộc ta, cũng như đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc khác, vì nó phù hợp với sự phát triển của lịch sử.

Bài tập 4: ***Tại sao lại nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam?***

Sau khi tiếp nhận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước. Quá trình này trải qua các thời kỳ sau:

a. Thời kỳ ở Pháp (1920 - 1923)

Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, tranh thủ sự ủng hộ của giai cấp công nhân Pháp đối với Việt Nam.

Người tham gia Hội *"Những người yêu nước tại Pháp"* vận động kiều bào ủng hộ đấu tranh giải phóng dân tộc.

Người cùng một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp, sáng lập hội *"Liên hiệp các dân tộc thuộc địa"* (1921) để gây tình đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Người tham gia xây dựng báo *"Le Paria"* (*"Người cùng khổ"*) vào năm 1922. Người còn viết nhiều bài đăng trên báo *"Nhân đạo"*, *"Đời sống công nhân"*. Tiêu biểu nhất là cuốn *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*.

Những sách báo do Người viết, một mặt tố cáo tội ác của bọn đế quốc, nhất là đế quốc Pháp ở Đông Dương; mặt khác, khích lệ lòng yêu nước cho đồng bào, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vận động quần chúng đấu tranh.

b. Thời kỳ ở Liên Xô (1923 – 1924)

Giữa 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân (10.1923). Sau đó, Người ở Liên Xô một thời gian ngắn để hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, học tập thêm về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn về Cách mạng tháng Mười Nga.

Trong thời gian này, Người viết nhiều bài đăng trên báo *"Sự thật"* - Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Liên Xô, *"Thư tín quốc tế"* - Cơ quan ngôn luận của Quốc tế Cộng sản.

Tháng 7/1924, Người dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và đọc tham luận tại Đại hội, trình bày quan diểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian này, chủ yếu trên mặt trận tư tưởng - chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta. Những tư tưởng đó là:

+ Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa.

+ Xác định giai cấp công nhân có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

c. Thời kỳ ở Trung Quốc (1924 - 1927)

Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) để tập hợp những người yêu nước ở Việt Nam, truyền bá giáo dục cho họ chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đầu tiên Người tìm hiểu và cải tổ Tâm Tâm xã thành *"Hội Việt Nam cách mạng thanh niên"* (6.1925). Người sáng lập báo *"Thanh niên"* (1925). Cùng với nhiều nhà cách mạng các nước, Người tham gia sáng lập *"Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông"* để gây tình đoàn kết giữa cách mạng các nước trong khu vực.

Tại Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã mở nhiều lớp huấn luyện (1925 - 1927) đào tạo được 75 cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giảng của Người sau này tập hợp lại trong cuốn *"Đường kách mệnh"* được xuất bản ở Trung Quốc vào năm 1927.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

Bài tập 5: ***Tại sao nói Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về mọi mặt cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam? Nêu những cống hiến của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong thời gian từ 1911 đến 1930?***

Quá trình vận động thành lập Đảng là một quá trình đấu tranh và chuẩn bị lâu dài của Nguyễn Ái Quốc và những người cách mạng Việt Nam. Quá trình đó được bắt đầu từ năm 1920 khi Nguyễn Ái Quốc tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, trở thành người cộng sản Việt Nam dầu tiên và kết thúc ngày 3.2.1930 khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?

Thứ nhất, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng

Sau một thời gian dài gian khổ ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Tại đại hội Đảng Xã hội Pháp ở Tua (12/1920), Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Người đã tích cực hoạt động để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

a. Thời kỳ ở Pháp (1920 - 1923)

Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, tranh thủ sự ủng hộ của giai cấp công nhân Pháp đối với Việt Nam.

Người tham gia hội *"Những người yêu nước tại Pháp"* vận động Kiều bào ủng hộ đấu tranh giải phóng dân tộc.

Người cùng một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp, sáng lập hội *"Liên hiệp các dân tộc thuộc địa"* (1921) để gây tình đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Người tham gia xây dựng báo *"Le Paria" "Người cùng khổ"* vào năm 1922. Người còn viết nhiều bài đăng trên báo *"Nhân đạo"*, *"Đời sống công nhân"*. Tiêu biểu nhất là cuốn *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*.

Những sách báo do Người viết, một mặt tố cáo tội ác của bọn đế quốc, nhất là đế quốc Pháp ở Đông Dương; mặt khác, khích lệ lòng yêu nước cho đồng bào, tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, vận động quần chúng đấu tranh.

b. Thời kỳ ở Liên Xô (1923 – 1924)

Giữa 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pháp sang Liên Xô dự hội nghị Quốc tế nông dân (10.1923). Sau đó, Người ở Liên Xô một thời gian ngắn để hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, học tập thêm về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn về cách mạng tháng Mười Nga.

Trong thời gian này, Người viết nhiều bài đăng trên báo *"Sự thật"* - Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Liên Xô, *"Thư tín quốc tế"* - Cơ quan ngôn luận của Quốc tế Cộng sản.

Tháng 7/1924, Người dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và đọc tham luận tại Đại hội, trình bày quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian này, chủ yếu trên mặt trận tư tưởng - chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta. Những tư tưởng đó là:

+ Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa.

+ Xác định giai cấp công nhân có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
LC/1384

c. Thời kỳ ở Trung Quốc (1924 - 1927)

Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) để tập hợp những người yêu nước ở Việt Nam, truyền bá giáo dục cho họ chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đầu tiên Người tìm hiểu và cải tổ Tâm Tâm xã thành *"Hội Việt Nam cách mạng thanh niên"* (6/1925). Người sáng lập báo *"Thanh niên"* (1925). Cùng với nhiều nhà cách mạng các nước, Người tham gia sáng lập *"Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông"* để gây tình đoàn kết giữa cách mạng các nước trong khu vực.

Tại Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã mở nhiều lớp huấn luyện (1925 - 1927) đào tạo được 75 cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giảng của Người sau này tập hợp lại trong cuốn *"Đường kách mệnh"* được xuất bản ở Trung Quốc vào năm 1927.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

Thứ hai, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và những người cách mạng Việt Nam đã đưa tới sự chín muồi của những điều kiện để thành lập chính đảng Mác xít ở Đông Dương. Vai trò của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không còn phù hợp nữa. Cuộc đấu tranh để thành lập chính đảng Mác xít đã bắt đầu diễn ra gay gắt trong nội bộ những người cách mạng Việt Nam. Đó là lí do để dẫn tới sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929: Đông Dương Cộng sản đảng; An Nam Cộng sản đảng; Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Sự hoạt động riêng lẽ của ba tổ chức Cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Một yêu cầu cấp thiết, cần phải hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đáp ứng yêu cầu đó, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế cộng sản chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930) tại Hương Cảng - Trung Quốc.

**** Những cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc***

- Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn (kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới).

- Chuẩn bị về chính trị tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930.

- Xác định đường lối đúng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bài tập 6: ***Những nội dung cơ bản của tác phẩm "Đường kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc?***

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Người đã liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây thành lập

Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và tích cực vận động, tổ chức, huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng.

- Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện được xuất bản thành tác phẩm *"Đường kách mệnh"*. Nội dung như sau:

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng gồm sĩ, nông, công, thương trong đó công – nông là gốc cách mạng, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công - nông.

+ Cách mạng phải có đảng theo chủ nghĩa Mác – Lênin lãnh đạo. Đảng có vững mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy.

+ Cách mạng của mỗi nước là một bộ phận của cách mạng quốc tế. Cần phải đoàn kết và tranh thủ sự giúp đỡ của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, song trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính mình.

+ Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng thời đại – cách mạng vô sản. Cách mạng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân. Đó là sự nghiệp to lớn, lâu dài. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng được dân tộc. Cả hai cuộc cách mạng này là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới.

+ Sách nêu rõ mọi người phải đồng tâm, hiệp lực, phải có tổ chức và phương pháp đấu tranh đúng để đánh đổ giai cấp thống trị chứ không phải là ám sát cá nhân.

- Tác phẩm *"Đường kách mệnh"* đã vũ trang lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tuyên truyền vào giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam, chuẩn bị kỹ về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 29: ***Những sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?***

A. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11/1917).

B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxây (6/1919).

C. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng xã hội Pháp (12/1920).

D. Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế.

Câu 30: ***Khi Đệ tam quốc tế (Quốc tế Cộng sản) thành lập ở Mátxcơva vào tháng 2/1919. Lúc đó Nguyễn Ái Quốc đang ở đâu?***

A. Ở Anh. B. Ở Pháp. C. Ở Liên Xô. D. Ở Trung Quốc.

Câu 31: ***Những sự kiện nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam?***

A. Quốc tế Cộng sản được thành lập (2/1919).

B. Đảng Cộng sản Pháp ra đời (1920).

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời (1921).

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 32: ***Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?***

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.

D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 33: ***Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng, đó là:***

A. Chống độc quyền Sài Gòn.

B. Chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ.

C. Phong trào "Chấn hưng nội hóa", "Bài trừ ngoại hóa".

D. Thành lập Đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

Câu 34: ***Chọn từ đúng nhất để điền vào câu sau đây cho hợp nghĩa: Một số tư sản và địa chủ lớn.................(đại biểu là Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu), tổ chức Đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.***

A. Ở trong Nam. B. Ở ngoài Bắc.

C. Ở miền Trung. D. Ở Quảng Châu, Trung Quốc.

Câu 35: ***Những tổ chức chính trị như: Việt Nam Nghĩa đoàn, hội Phục Việt, hội Hưng Nam, đảng Thanh niên là tiền thân của tổ chức nào?***

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Tân Việt cách mạng đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 36: ***Những tờ báo tiến bộ của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1926) là:***

A. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Nhành lúa"....

B. "Tin tức", "Thời mới", "Tiếng dân".....

C. "Chuông rè", "Tin tức", "Nhành lúa"....

D. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Người nhà quê"...

Câu 37: ***Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1926) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?***

A. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.

B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền pháp thả Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang nổ tại Sa Diện và Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị VécXây.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 38: ***Trần Dân Tiên viết: "việc đó tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân". Sự kiện nào sau đây phản ánh điều đó?***

A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.

B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925).

C. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926).

D. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu (6/1924).

Câu 39: ***Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1926) cuối cùng bị thất bại?***

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.

B. Thực dân Pháp còn mạnh, đủ khả năng đàn áp phong trào.

C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế nên ươn hèn về chính trị; tầng lớp tiểu tư sản do điều kiện kinh tế bấp bênh nên không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.

D. Do chủ nghĩa Mác - Lênin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 40: ***Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919-1924 chủ yếu là:***

A. Đòi quyền lợi về kinh tế.　　　B. Đòi quyền lợi về chính trị.

C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. Chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 41: ***Chọn từ đúng để điền vào câu sau đây:***

Năm 1924, có nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở ....

A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn.　　　B. Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.

C. Hải Phòng, Nam Định, Vinh.　　　D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá.

Câu 42: ***Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?***

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).

B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922).

C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn ngăn tàu chiến Pháp đi đàn áp cách mạng ở Trung Quốc (8.1925).

D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu 43: ***Sự kiện nào thể hiện: "Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam".***

A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8/1925).

B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện - Quảng Châu (6/1924).

D. Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Vécxây (1919).

Câu 44: ***Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào ngày tháng năm nào? Tại đâu? Đầu tiên Bác đến nước nào?***

A. Ngày 6/5/1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến nước Trung Quốc.

B. Ngày 5/6/1911, tại Phan Thiết, đầu tiên bác đến nước Pháp.

C. Ngày 5/6/1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến nước Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 45: ***Lấy đơn vị năm làm chuẩn, từ khi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước đến khi Bác dự Đại hội của Đảng xã hội Pháp ở Tua là bao nhiêu năm?***

A. 10 năm. B. 11 năm. C. 12 năm. D. 15 năm.

Câu 46: ***Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Bác Hồ đi từ nước nào đến nước nào để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.***

A. Từ Mĩ sang Nga. B. Từ Pháp sang Trung Quốc.

C. Từ Anh sang Nga. D. Từ Anh sang Pháp.

Câu 47. ***Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?***

A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxây (18/6/1919).

B. Nguyyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp (12/1920).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6.1925).

Câu 48: ***Để nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin và Cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1920 đến 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở nước nào?***

A. Ở Liên Xô. B. Ở Pháp. C. Ở Trung Quốc. D. Ở Anh.

Câu 49: ***Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!". Hãy cho biết đoạn văn trên của ai, viết trong tác phẩm nào?***

A. Của Lênin, trong sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

B. Của Mác – Ăngghen trong Tuyên ngôn Đảng cộng sản.

C. Của Nguyễn Ái Quốc trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. Tất cả đều sai.

Câu 50: ***Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Pari đi Liên Xô, đất nước mà từ lâu Người mơ ước đặt chân tới?***

A. Tháng 6/1924. B. Tháng 6/1922.

C. Tháng 12/1923. D. Tháng 6/1923.

Câu 51: ***Sự kiện ngày 17/6/1924, gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là:***

A. Người dự Đại hội nông dân Quốc tế.

B. Người dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

C. Người dự Đại hội Quốc tế phụ nữ.

D. Người dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

Câu 52: ***Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là gì?***

A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930).

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương "vô sản hóa" để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Câu 53: ***Từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào?.***

A. Pháp, Liên xô, Trung Quốc.

B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.

C. Pháp, Liên xô, Trung Quốc, Thái Lan.

D. Câu A và câu C đúng.

BÀI 3

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI THÀNH LẬP ĐẢNG (1925 - 1930)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Hoạt động cơ bản của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Hội?***

+ Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu (Trung Quốc). Người tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng Việt Nam có mặt ở đây, cùng một số thanh niên hăng hái thành lập *"Hội Việt Nam cách mạng thanh niên"* với hạt nhân Cộng sản Đoàn (6/1925), chuẩn bị điều kiện để thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

+ Hoạt động quan trọng đầu tiên của Hội là mở lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách để đào tạo thanh niên yêu nước Việt Nam trở thành cán bộ cách mạng. Từ năm 1925 đến năm 1927, có 75 người dự các lớp huấn luyện này. Một số được chọn đi học tiếp tại trường Đại học Phương Đông ở Liên Xô hoặc trường Quân sự Hoàng Phố ở Trung Quốc. Những bài giảng trong các lớp đào tạo của cán bộ ở Quảng Châu, được tập hợp lại in thành sách *"Đường kách mệnh"* (1927): Nội dung của tác phẩm như sau:

- Nguyễn Ái Quốc vạch ra phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

+ Năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hoá", Hội đã cử những thành viên của mình về nước sống, làm việc với công nhân để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin cho họ.

- ***Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:***

+ Sáng lập và lãnh đạo Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, lựa chọn thanh niên yêu nước đưa vào Hội, vạch ra mục đích, chương trình của Hội.

+ Mở lớp huấn luyện chính trị, trực tiếp viết bài dạy, cho xuất bản báo Thanh niên.

+ Qua hoạt động của Hội, Người thực hiện mục đích đào tạo những cán bộ cách mạng đem chủ nghĩa Mác – Lênin truyền bá vào trong nước. Đây chính là quá trình chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930).

Bài tập 2: ***Những non yếu của Việt Nam quốc dân đảng về chính trị, tư tưởng tổ chức và phương thức hoạt động? Vì sao có những non yếu đó?***

- *Những non yếu:*

+ Về chính trị, tư tưởng: Lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, một trào lưu dân chủ tư sản thịnh hành ở Trung Quốc làm nền tảng chính trị, tư tưởng; nhưng những nguyên tắc, chính sách có tính cách mạng đã bị loại bỏ (Khẩu hiệu Bình quân địa quyền, chính sách Liên Nga, liên Cộng phù trợ công nông).

+ Tôn chỉ, mục đích: Còn chung chung không rõ ràng (nhằm đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, sau cùng thiết lập dân quyền).

+ Về tổ chức:

Đây là đảng cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính sáng lập, chủ trương xây dựng thành 4 cấp từ trung ương: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ đến Chi bộ cơ sở nhưng chưa bao giờ trở thành hệ thống trong cả nước.

Thành phần đảng viên trong Việt Nam quốc dân đảng phức tạp, kết nạp học sinh, sinh viên, công chức, tư sản dân tộc, phú nông, thân hào địa chủ và cả một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

Là một đảng hoạt động bí mật nhưng tổ chức lỏng lẻo, kỷ luật thiếu nghiêm minh, kết nạp đảng viên bừa bãi, thực dân Pháp lợi dụng sơ hở này đưa tay chân vào đảng, theo dõi nắm bắt mọi hoạt động của đảng và chờ dịp ra tay đàn áp.

+ Phương thức hoạt động: Chủ trương bạo động vũ trang, ít chú ý đến tuyên truyền vận động quần chúng. Không có cơ quan ngôn luận hoặc tài liệu văn kiện chính thức để giải thích tôn chỉ, mục đích. Không có lí luận làm cơ sở cho đường lối và phương pháp đấu tranh nên hoạt động thiên về quân sự, nặng về ám sát cá nhân.

- *Vì sao:*

+ Là tổ chức chính trị của giai cấp tư sản, chưa có cương lĩnh hoạt động.

+ Đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản, khuynh hướng này trở nên lỗi thời, lạc hậu ở Việt Nam.

Bài tập 3: ***Tại sao có sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản vào năm 1930?***

Hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930 đó là: Một, khuynh hướng cấp tiến, thấy cần thiết phải thành lập Đảng và một khuynh hướng cho rằng chưa cần thiết phải thành lập Đảng. Sở dĩ có hai khuynh hướng này vì:

- Do nhận thức khác nhau của các hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên về vấn đề thành lập đảng (Hội viên ở Bắc Kỳ thấy cần thiết phải thành lập ngay một Đảng Cộng sản, đại biểu các nơi khác thấy chưa cần thiết).

- Có những nhận thức khác nhau, đó là do thực tế phong trào cách mạng, đặc biệt là phong trào công nhân ở từng miền khác nhau (miền Bắc phong trào phát triển hơn nên các đại biểu Bắc Kỳ nhận thức được yêu cầu có Đảng sớm hơn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đang trên đà phát triển).

Bài tập 4: ***Lập bảng so sánh ba tổ chức yêu nước cách mạng (Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam quốc dân đảng) theo yêu cầu sau đây:***

Nội dung	Hội Việt Nam cách mạng thanh niên	Tân Việt cách mạng đảng	Việt Nam quốc dân đảng
Thời gian	6/1925 đến 7/1929	7/1927 đến cuối 1929	12/1927 đến đầu 1930
Lãnh đạo	Nguyễn Ái Quốc	Tầng lớp trí thức tư sản: Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt.	Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.
Lực lượng	Công nhân, trí thức, thanh niên yêu nước.	Nhiều tầng lớp gồm tiểu tư sản, học sinh, sinh viên...	Phức tạp: tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, công chức, binh lính...
Nhiệm vụ	Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, đào tạo cán bộ làm cách mạng vô sản.	Đánh đuổi thực dân Pháp nhưng chưa rõ rệt.	Đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
Xu hướng	Làm cách mạng dân chủ, làm cách mạng vô sản.	Phân hoá theo hai hướng	Đi theo con đường tư bản chủ nghĩa nhưng bế tắc, tan rã.

Bài tập 5. ***Từ sự chuyển hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự phân hóa của Tân Việt, sự thất bại của Việt Nam quốc dân đảng. Hãy tìm ra nguyên nhân chung dẫn đến quá trình đó?***

- Từ nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX ở Việt Nam diễn ra một thực tế lịch sử:

+ Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về đường lối cách mạng trên lập trường vô sản ở Việt Nam do Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tiến hành. Nhưng chính sự phát triển đó lại vượt quá tầm lãnh đạo của Hội. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam lúc này, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã chuyển hóa thành hai tổ chức Cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng (6.1929) và An Nam Cộng sản đảng (7/1929).

+ Cũng chịu ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của con đường cách mạng vô sản, nên Tân Việt cách mạng đảng cũng có sự phân hóa: Một bộ phận tiên tiến của Tân Việt đã gia nhập vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên; một bộ phận còn lại sau này tiến đến thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.

+ Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản. Đường lối cách mạng không đáp ứng yêu cầu của dân tộc, do vậy Việt Nam quốc dân đảng không xây dựng được cơ sở của mình trong các giai cấp cơ bản, không được quần chúng ủng hộ. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam quốc dân đảng khởi xướng và lãnh đạo. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại kéo theo sự tan rã của Việt Nam quốc dân đảng.

- Từ thực tế đó, ta có thể rút ra nguyên nhân chung dẫn đến sự chuyển hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự phân hóa của Tân Việt và sự thất bại rồi tan rã của Việt Nam quốc dân đảng là: Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, cũng là quá trình tuyên truyền những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản ở Việt Nam. Con đường cách mạng trên lập trường vô sản đáp ứng được yêu cầu cơ bản của dân tộc và của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, con đường cách mạng vô sản, các tổ chức cách mạng trên lập trường vô sản được quần chúng nhân dân hậu thuẫn ngày càng chiếm ưu thế và đã giữ vai trò chủ đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Bài tập 6: ***Hãy nêu những ảnh hưởng làm cho phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong những năm 1926 – 1929? Đặc điểm của phong trào công nhân trong thời kỳ này? Vị trí của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?***

- Ảnh hưởng đến phong trào:

+ Hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được đẩy mạnh, nhất là phong trào "*vô sản hoá*" có tác động mạnh đến phong trào của quần chúng trong những năm 1925 - 1929, trước hết đến phong trào công nhân, chuyển dần sang tự giác, để đến năm 1930 thì hoàn toàn tự giác.

+ Ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thời kỳ này còn có những sự kiện bên ngoài:

Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản (6.1924) ở Matxcơva đề ra những Nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng của các nước thuộc địa.

Cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ với Quảng Châu là trung tâm.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc cùng với những nhà cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1927, chuẩn bị trực tiếp và toàn diện cho một chính Đảng của giai cấp vô sản ra đời ở Việt Nam.

Tình hình trên đã tác động mạnh đến bộ phận tiên tiến trong lực lượng cách mạng nước ta, qua đó tác động đến sự giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân, làm cho phong trào đấu tranh của công nhân phát triển lên bước cao hơn.

Trong những năm 1926 - 1927 liên tiếp nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân. Lớn nhất là cuộc bãi công của 1.000 công nhân Nhà máy sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm.

Trong hai năm 1928 - 1929 phong trào cách mạng phát triển mạnh, mang tính thống nhất toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh của công nhân các miền, lớn nhất là cuộc bãi công của công nhân ở Nhà máy xi măng và Nhà máy sợi Hải Phòng, Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy diêm, nhà máy cưa Bến Thuỷ, Nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh), Nhà máy Ba Son (Sài Gòn), đồn điền cao su Phú Riềng...

- Đặc điểm của phong trào đấu tranh của công nhân trong thời kỳ này là:

+ Các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra liên tục, rộng khắp, mang tính chính trị, bước đầu đã liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

+ Cuộc đấu tranh có sự lãnh đạo và phối hợp khá chặt chẽ. Khẩu hiệu đấu tranh ngày càng nâng dần lên: từ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế chuyển sang đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

+ Trình độ chính trị của giai cấp công nhân đã được nâng lên rõ rệt. Giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

- Vị trí của phong trào công nhân:

+ Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, có ý thức chính trị rõ rệt (cùng với phong trào yêu nước) đòi hỏi có sự lãnh đạo của tổ chức đảng cách mạng tiên phong. Các tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời và sau đó thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930).

+ Phong trào công nhân là điều kiện bên trong, là mảnh đất màu mỡ để đón nhận chủ nghĩa Mác – Lênin từ ngoài truyền bá vào Việt Nam.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Phong trào công nhân là một nhân tố để hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bài tập 7: ***Sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam (từ 1919 đến 1930) và ý nghĩa của nó đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?***

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước Chiến tranh thế giới thứ nhất và phát triển nhanh chóng trong thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ hai, phần lớn tập trung ở các trung tâm kinh tế. Trước chiến tranh có 10 vạn, đến năm 1929 lên đến 22 vạn.

+ Ngay từ khi ra đời, công nhân đấu tranh dưới hình thức bỏ việc hoặc bãi công. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra nhiều hơn.

* Từ năm 1919 –1925: có khoảng 25 cuộc đấu tranh. Đấu tranh của công nhân viên chức cơ sở công thương tư nhân Bắc Kỳ, bãi công của công nhân thợ nhuộm Chợ Lớn... Tiêu biểu là bãi công của công nhân Ba Son (8.1925) đánh dấu bước phát triển mới của công nhân về ý thức chính trị.

Các cuộc đấu tranh trong thời kì này đã sử dụng hình thức đấu tranh riêng biệt của công nhân là bãi công, có yêu cầu riêng và quyền lợi cụ thể của giai cấp mình, bước đầu đã xuất hiện tính tổ chức và ý thức chính trị, song cơ bản vẫn ở trình độ tự phát.

* Từ 1926 – 1930: Trong điều kiện mới, sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, hoạt động sôi nổi của nó, chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá rộng rãi vào Việt Nam. Phong trào công nhân Việt Nam phát triển hơn về số lượng và chất lượng. Năm 1926 đến 1927 có 10 cuộc bãi công của công nhân; từ năm 1928 đến 1930, có khoảng 40 cuộc bãi công của công nhân.

+ Cùng với sự tăng tiến của các cuộc bãi công, chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam qua hoạt động của các tổ chức thanh niên và nhất là khi có phong trào *"vô sản hoá"*, phong trào công nhân càng lên cao, ý thức giai cấp biểu hiện rõ rệt. Công nhân Việt Nam đã vươn lên trình độ tự giác, và trưởng thành nhanh chóng khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930.

- ***Ý nghĩa:***

+ Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc và thực sự trở thành một lực lượng chính trị độc lập, có sức thu hút các lực lượng xã hội khác.

+ Sự phát triển của phong trào công nhân đã thúc đẩy nhanh chóng việc hình thành các tổ chức cộng sản: Đông Dương cộng sản đảng; An Nam cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn để đến đầu năm 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 54: ***Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập vào thời gian nào? ở đâu?***

A. Tháng 5/1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Tháng 6/1925 ở Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Tháng 7/1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

D. Tháng 6/1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

Câu 55: ***Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là:***

A. Báo Thanh niên.　　　　B. Tác phẩm "Đường kách mệnh".

C. "Bản án chế độ thực dân Pháp".　　D. Báo "Người cùng khổ".

Câu 56: ***Ba tư tưởng sau đây được trình bày trong tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc?***

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

+ Cách mạng phải do đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo.

+ Cách mạng Việt Nam phải gắn bó và đoàn kết với cách mạng thế giới.

A. Tạp chí Thư tín quốc tế.　　　B. "Bản án chế độ thực dân Pháp".

C. "Đường kách mệnh".　　　D. Tất cả cùng đúng.

Câu 57: ***Vừa về tới Quảng Châu (Trung Quốc) và trước khi thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức chính trị nào?***

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

C. Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 58: ***Hãy nêu rõ thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt cách mạng đảng?***

A. Công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kỳ.

B. Tư sản dân tộc, công nhân, hoạt động ở Bắc Kỳ.

C. Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kỳ.

D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp, hoạt động ở Nam Kỳ.

Câu 59: ***Tân Việt cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?***

A. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

B. Một số tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

C. Một số gia nhập vào Việt Nam quốc dân đảng.

D. Câu a và b đều đúng.

Câu 60: ***Việt Nam quốc dân đảng được thành lập vào năm nào? Địa bàn hoạt động chính ở đâu?***

A. 25/12/1925 – Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ

B. 25/12/1926 – Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kỳ.

C. 25/12/1927 – Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ.

D. 25/12/1927 – Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kỳ.

Câu 61: ***Việt Nam quốc dân đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?***

A. Dân chủ vô sản. B. Dân chủ tư sản.

C. Dân chủ tiểu tư sản. D. Dân chủ vô sản và tư sản.

Câu 62: ***Mục tiêu của Việt Nam quốc dân đảng là gì?***

A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ ngôi vua.

B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.

C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 63: ***Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân đảng nổ ra đêm 9/2/1930 ở Yên Bái, sau đó nổ ra ở các tỉnh nào?***

A. Ở Phú Thọ, Hải Dương, Hà Tĩnh. B. Ở Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La.

C. Ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Yên Thế. D. Ở Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình.

Câu 64: ***Khởi nghĩa Yên Bái (9.2.1930) thất bại, do nguyên nhân khách quan nào?***

A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

B. Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng còn non yếu.

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.

D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

Câu 65: ***Quá trình phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?***

A. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.

B. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. Tất cả đều sai.

Câu 66: ***Báo "Búa liềm" là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?***

A. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương cộng sản đảng.

C. An Nam cộng sản đảng.

D. Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng.

Câu 67: ***Sự phân hóa của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?***

A. Đông Dương cộng sản đảng.

B. An Nam cộng sản đảng.

C. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. Đông Dương cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 68: ***Bằng cách đánh số thứ tự, hãy sắp xếp các sự kiện lịch sử sau đây theo thứ tự biên niên sử.***

Số thứ tự	Các sự kiện lịch sử
	A. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxây C. Thành lập Tân Việt cách mạng đảng. D. An Nam cộng sản đảng được thành lập. E. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. G. Đông Dương cộng sản đảng ra đời. H. Việt Nam quốc dân đảng thành lập. I. Tác phẩm "Đường kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Trung Quốc. K. Đông Dương cộng sản liên đoàn thành lập. L. Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 69: ***Các yếu nhân trong tổ chức Việt Nam quốc dân đảng:***

A. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Tôn Trung Sơn.

B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.

C. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn Phan Long.

D. Nguyễn Thái Học, Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu, Phó Đức Chính.

Câu 70: ***Các sách báo nào sau đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến 1925?***

A. "An nam trẻ", "Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường kách mệnh".

B. "Người cùng khổ", "Người nhà quê", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp".

C. "Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường kách mệnh", "Nhân đạo".

D. Tất cả đều đúng.

CHƯƠNG II

CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM (1930 –1945)

BÀI 4

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập1: ***Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo?***

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, tuy còn sơ lược, nhưng đã vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam, đó là:

- Con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam trước tiên làm cách mạng tư sản dân quyền sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng đó liên tiếp nhau.

- Nhiệm vụ của cách mạng: đánh đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến, tư sản phản cách mạng. Làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng nên Chính phủ nông công binh, tổ chức ra quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, lấy ruộng đất của bọn đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân. Công nông là gốc của cách mạng, phải liên minh với tiểu tư sản, lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trang, tiểu địa chủ và tư sản dân tộc nếu họ chưa ra mặt phản cách mạng.

- Vai trò lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, phải đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản quốc tế, nhất là giai cấp công nhân Pháp.

- *Tính khoa học và đúng đắn thể hiện*: Những nội dung của Cương lĩnh rất đúng với các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn Việt Nam. Ngay từ đầu, Đảng ta đã thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam, đó là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, đường lối này đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và thắng lợi hoàn toàn.

- *Tính sáng tạo thể hiện:* Những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin được Nguyễn Ái Quốc vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam, ví như Cương lĩnh kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp, trong đó độc lập dân tộc là tư tưởng chủ yếu. Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh đã thể hiện được vấn đề đoàn kết dân tộc rộng rãi để đánh đuổi kẻ thù. Điều này rất đúng với hoàn cảnh một nước thuộc địa như Việt Nam.

Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Tuy còn vắn tắt nhưng nó là Cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

Bài tập 2: ***Trong nội dung Luận cương chịnh trị tháng 10.1930 có một số nhược điểm, hạn chế gì? Những hạn chế, nhược điểm đó được sửa chữa trong thời kỳ nào?***

**** Một số nhược điểm, hạn chế:***

- Luận cương chính trị (10.1930) của Đảng đã xác định được những vấn đề chiến lược trong đấu tranh đòi các quyền lợi trước mắt và lâu dài. Tuy nhiên, Luận cương còn có một số hạn chế nhất định, như chưa xác định mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, nên không nêu được vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Không đánh giá đúng khả năng cách mạng, lòng yêu nước chống Pháp của tư sản dân tộc và tiểu tư sản. Những hạn chế đó mang tính chất "tả khuynh" giáo điều. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng những nhược điểm đó mới dần dần được khắc phục.

**** Quá trình sửa chữa:***

- Trong thời kỳ cách mạng 1936-1939, sửa chữa về lực lượng cách mạng: Đảng ta chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương, sau đó đổi thành mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp tất cả các giai cấp, tầng lớp đứng vào Mặt trận. Như vậy, đến đây lực lượng cách mạng không chỉ có công – nông mà còn các giai tầng khác trong xã hội.

- Trong thời kỳ cách mạng 1939-1941, sửa chữa về nhiệm vụ cách mạng: Đảng ta chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Chủ trương này thể hiện trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11/1939) và được hoàn chỉnh trong Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941). Như vậy, vấn đề dân tộc được đặt trên vấn đề giai cấp.

Bài tập 3: ***So sánh một số điểm chủ yếu trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị năm 1930 để thấy rõ sự đúng đắn của văn kiện trước và sự hạn chế của văn kiện sau?***

Nội dung	Cương lĩnh	Luận cương
Hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam	Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Nhiệm vụ cách mạng	Chống đế quốc, chống phong kiến	Đánh đổ phong kiến, đánh đổ đế quốc.

Lực lượng cách mạng	Công – nông, liên lạc với trí thức, tiểu tư sản, trung nông	Công - nông.
Vai trò lãnh đạo của Đảng	Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.	Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
Vị trí của cách mạng	Là một bộ phận của cách mạng thế giới	Quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới
Phương pháp cách mạng		Tập hợp tổ chức quần chúng đấu tranh.

Qua bảng so sánh chúng ta thấy, Luận cương chính trị tiếp thu những vấn đề cơ bản của văn kiện thành lập Đảng và bổ sung thêm phương pháp cách mạng, song hai vấn đề nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền còn hạn chế: *đặt nhiệm vụ chống phong kiến lên trên chống đế quốc và không thấy khả năng cách mạng của các tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam*. Những hạn chế này phải trải qua một quá trình đấu tranh trong thực tiễn mới khắc phục được.

Bài tập 4: *Vì sao nói rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?*

* Trước năm 1930, phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta diễn ra liên tục, sôi nổi và quyết liệt song đều bị thất bại vì khủng hoảng về đường lối. Đảng ra đời đã vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng. Đường lối đó là: Trước làm cách mạng dân tộc dân chủ rồi sau tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ nay cách mạng Việt Nam chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và có sự lãnh đạo đúng đắn để đi đến thắng lợi.

* Đảng ra đời, xây dựng được một lực lượng mới cho cách mạng mà chủ yếu là liên minh công nông. Trước 1930, các nhà cách mạng thường chỉ kêu gọi nhân dân ta chống Pháp, giành độc lập dân tộc, mà không kêu gọi chống phong kiến cho giao ruộng đất, dân cày, không chú ý đúng mức đến quyền lợi nông dân. Đảng ra đời đề ra hai khẩu hiệu chiến lược là: *"Độc lập dân tộc"* và *"Ruộng đất dân cày"*. Hai khẩu hiệu này đáp ứng được nguyện vọng của đa số nhân dân, nhất là nông dân. Do đó, lôi cuốn được đông đảo nông dân đi theo cách mạng, xây dựng được khối liên minh công nông, tạo ra được một nhân tố cơ bản nữa, đảm bảo thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

* Đảng ra đời vạch ra được phương pháp cách mạng đúng đắn. Trước 1930, nhân dân ta chống Pháp rất anh dũng, nhưng thường sai lầm về phương pháp. Người thì dùng khởi nghĩa vũ trang (như các chiến sĩ Cần Vương), nhưng khởi nghĩa thường diễn ra lẻ tẻ từng nơi, dễ bị bao vây tiêu diệt. Người thì dùng vũ lực nhưng lại dựa vào sự cầu viện ở nước ngoài (như cụ Phan Bội Châu). Người thì dùng biện pháp cải lương "Cầu xin thực dân Pháp rủ lòng thương" (như cụ Phan Châu Trinh), không biết ai dựa vào sức

mạnh của chính mình. Đảng ra đời đã vạch ra phương pháp đấu tranh mới. Đó là dùng phương pháp đấu tranh cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhờ đó ta biết xây dựng và sử dụng hai lực lượng chính trị, vũ trang để tiến hành khởi nghĩa.

* Đảng ra đời xây dựng được bạn đồng minh mới. Trước năm 1930, nhiều nhà cách mạng Việt Nam ra nước ngoài, tìm lực lượng cứu nước nhưng chưa ai biết đoàn kết với lực lượng cách mạng thế giới. Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của thế giới. Nhờ vậy, từ đó đến nay, ta đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng mọi kẻ thù.

Vì những lẽ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã mở ra một bước ngoặt lịch sử vĩ đại cho cách mạng Việt Nam.

Bài tập 5: *Tại sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm 20 của thế kỷ XX?*

- Chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam, trở thành nhân tố quan trọng dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác- Lênin truyền bá vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau, trong đó con đường hoạt động của Nguyễn Ái Quốc giữ vai trò quyết định nhất.

+ Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Từ năm 1921 đến năm 1930, Người đã tích cực hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Nhờ những đóng góp thiết thực của Người: xuất bản báo chí, viết bài, báo cáo tham luận, đặc biệt là hai tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* và *"Đường cách mệnh"* những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin đã ngày càng được thâm nhập rộng rãi vào Việt Nam.

Thông qua việc sáng lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và các hoạt động của Hội, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện được việc truyền bá và giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin cho quần chúng lao động và giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Qua đó vai trò của chủ nghĩa Mác – Lênin đã được thể hiện: những tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thức tỉnh những người Việt Nam hướng theo con đường cách mạng đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản; Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; xác định đúng vấn đề động lực cách mạng, liên minh giai cấp; vị trí cách mạng thuộc địa, phương pháp cách mạng bạo lực... đó là cơ sở lí luận cho Cương lĩnh cách mạng của Đảng sau này. Nhờ chủ nghĩa Mác – Lênin làm cho phong trào công nhân có những bước phát triển mới: chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác.

- ***Phong trào công nhân là điều kiện cơ bản, quyết định dẫn tới sự ra đời của Đảng.***

+ Từ đầu thế kỷ XX, giai cấp công nhân Việt Nam đã được hình thành và bước vào trận tuyến đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Trước chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân chưa trở thành lực lượng riêng biệt, còn hòa lẫn vào phong trào dân tộc.

+ Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1925, giai cấp công nhân tăng lên về số lượng và chất lượng, phong trào công nhân đã trưởng thành, xuất hiện những cuộc bãi công lớn đòi các quyền kinh tế, chính trị, trở thành lực lượng riêng biệt và bước đầu xuất hiện những tổ chức sơ khai.

+ Từ năm 1926 –1930, do tiếp thu được chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân đã phát triển dần lên trình độ tự giác với sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929. Sự thống nhất ba tổ chức cộng sản được đặt ra thành một yêu cầu cấp bách của cách mạng nước ta, đồng thời đánh dấu bước trưởng thành và chín muồi của phong trào công nhân, làm cơ sở cho sự ra đời của một chính đảng vô sản duy nhất.

Như vậy, phong trào công nhân ngày một trưởng thành, đi từ tự phát đến tự giác là một trong những điều kiện tất yếu dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- ***Phong trào yêu nước là cơ sở xã hội, là yêu cầu cho sự ra đời của Đảng.***

+ Quá trình xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam chúng đã gặp phải tinh thần đấu tranh quyết liệt của nhân dân ta. Từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, các phong trào yêu nước đã xuất hiện, tiêu biểu là phong trào Cần Vương.

+ Từ năm 1919 đến 1930, phong trào yêu nước Việt Nam phát triển theo hai khuynh hướng: khuynh hướng tư sản và vô sản.

Khuynh hướng tư sản: Bao gồm các phong trào của giai cấp tư sản và tiểu tư sản như: phong trào Chấn hưng nội hóa, Bài trừ ngoại hóa, chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ... những cuộc mít tinh, biểu tình của tầng lớp tư sản. Tiêu biểu là tiếng bom của Phạm Hồng Thái thả xuống Sa Diện – Quảng Châu (Trung Quốc); phong trào đòi thả Phan Bội Châu; phong trào đòi để tang Phan Châu Trinh... và đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng. Các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi, anh dũng nhưng cuối cùng bị thất bại.

Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản bị thất bại chứng tỏ rằng con đường cứu nước theo khuynh hướng này không còn phù hợp nữa. Những người Việt Nam yêu nước đang đứng trước sự khủng hoảng về đường lối cách mạng, nhất là tầng lớp tiểu tư sản. Vì vậy, khi chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam, làm cho tầng lớp tiểu tư sản phân hoá sâu sắc và họ lần lượt chuyển sang hoạt động trong phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

Khuynh hướng vô sản: Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và những hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin của Nguyễn Ái Quốc trong những năm từ 1920-1930, phong trào theo khuynh hướng vô sản ngày càng phát triển mạnh mẽ, điển hình nhất là các hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Chủ nghĩa Mác – Linin thông qua hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được truyền bá vào Việt Nam làm cho khuynh hướng yêu nước vô sản ngày càng có tác dụng mạnh mẽ ở Việt Nam.

Như vậy, đến cuối năm 1929 đầu 1930, cả ba yếu tố: chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước đã được kết hợp chặt chẽ với nhau. Sự kết hợp đó đặt ra yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Tất cả các yếu tố đó đều xoay quanh một con người, đó là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc. Chính vì Người xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước ra đi tìm đường cứu nước, rồi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

Bài tập 6: ***Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử? Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng như thế nào?***

**** Tại sao:***

- Trước năm 1930, phong trào yêu nước ở Việt Nam nổ ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, do bị khủng hoảng về đường lối cách mạng. Tình hình đang đặt ra yêu cầu phải có đảng của giai cấp tiên tiến nhất với đường lối đúng đắn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Từ năm 1919 đến 1929, thông qua hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

- Những năm 1928 – 1929, chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu đó ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng Việt Nam, cần phải hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.

- Trước tình đó, được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc về Hương Cảng (Trung Quốc) chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930).

**** Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:***

- Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng - Trung Quốc vào ngày 3/2/1930.
- Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước trong việc tranh giành quyền lãnh đạo, tranh giành quần chúng tranh giành đảng viên.
- Đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức cộng sản để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Viết và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đó chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã vạch ra những nét cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam.
- Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việc hợp nhất rồi đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 71: ***Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp:***

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh.

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước.

Câu 72: ***Từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã họp ở đâu?***

A. Quảng Châu (Trung Quốc) . B. Ma Cao (Trung Quốc).

C. Cửu Long – Hương Cảng (Trung Quốc). D. Câu a và b cùng đúng.

Câu 73: ***Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?***

A. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.

B. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 74: ***Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba t chức cộng sản (3/2/1930) thể hiện như thế nào?***

A. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấ tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên để Hội nghị thông qua.

C. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

D. Câu a và b đúng.

Câu 75: ***Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cươn lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là:***

A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lê chủ nghĩa cộng sản.

B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.

C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 76: ***Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?***

A. Công nhân và nông dân.

B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông.

C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.

D. Tất cả đều đúng

Câu 77: ***Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo?***

A. Cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.

D. Câu a và b đúng.

Câu 78: ***Sách giáo khoa lịch sử lớp 12, trang 25, có viết: "Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc, bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập...". Đây là một trong những nội dung của văn kiện nào?***

A. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

B. Lời kêu gọi Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng (2/1930).

C. Cương lĩnh chính trị của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

D. Câu a và b đều đúng.

Câu 79: ***Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ nhất vào thời gian nào? Ở đâu?***

A. 2/3/1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).

B. 10/1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).

C. 3/1935, tại Ma Cao (Trung Quốc).

D. 10/1930, tại Quảng Châu (Trung Quốc).

Câu 80: ***Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không thuộc Luận cương chính trị tháng 10/1930?***

A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản theo chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo.

C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

D. Lực lượng để đánh đuổi đế quốc và phong kiến là công - nông. Đồng thời "phải biết liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp".

BÀI 5

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Lập bảng thống kê về cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 –1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam?***

Trả lời:

Lĩnh vực	*Tác động*
Kinh tế	+ Về nông nghiệp: Giá lúa, nông sản hạ, ruộng đất bỏ hoang. + Về công nghiệp: Bị suy sụp. + Về thương nghiệp: Xuất khẩu bị đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.
Xã hội	+ Nông dân: Mức thu nhập thấp do lúa gạo sụt giá, sưu thuế không ngừng tăng, tiếp tục bị bần cùng hóa và bị phá sản. + Công nhân: Thất nghiệp ngày càng đông, tiền lương giảm sút. + Tiểu tư sản thành thị: Điêu đứng vì các nghề thủ công bị phá sản, viên chức bị sa thải, học sinh ra trường không có việc làm. + Số đông tư sản dân tộc cũng gặp nhiều khó khăn.

Bài tập 2: ***Vì sao phong trào cách mạng trong nửa đầu năm 1930 của toàn quốc và riêng ở Nghệ – Tĩnh đã lên cao như vậy?***

- Nguyên nhân làm phong trào cách mạng bùng nổ mạnh mẽ trong toàn quốc:

** Về kinh tế:*

Do bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, thêm vào đó từ 1929-1933 thế giới lại diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế của TBCN, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khốn khổ càng thêm khốn khổ. Mâu thuẫn xã hội càng gay gắt, khiến cho nhân dân ta nhận thấy, chỉ còn một con đường vùng lên đấu tranh chống ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, thoát khỏi cuộc đời trâu ngựa.

** Về chính trị:*

Đầu năm 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng bùng nổ và thất bại. Lợi dụng cơ hội này bọn đế quốc tiến hành khủng bố trắng đối với cách mạng. Hàng nghìn người bị bắt, tra tấn, tù đày. Tình hình đó làm cho không khí chính trị ở Đông Dương vốn đã căng thẳng lại càng thêm căng thẳng.

** Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời:*

Cũng vào đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đề ra hai khẩu hiệu chiến lược: *"Độc lập dân tộc"* và *"Ruộng đất dân cày"*. Hai khẩu hiệu này đã đáp ứng nguyện vọng đại đa số nhân dân, nhất là nông dân. Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai giành độc lập, tự do.

Từ ba nguyên nhân ấy dẫn tới sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở nước ta. Trong ba nguyên nhân trên Đảng ra đời và lãnh đạo là nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào.

- Tại sao phong trào ở Nghệ – Tĩnh lên cao:

Bên cạnh những nét chung, Nghệ – Tĩnh có những nét riêng:

+ Chịu ách thống trị của đế quốc và phong kiến rất nặng nề và lại vùng đất nghèo.

+ Nhân dân Nghệ – Tĩnh có truyền thống cách mạng.

+ Cơ sở công nghiệp Vinh - Bến Thủy là trung tâm kỹ nghệ lớn nhất Trung Kì, là điều kiện thuận lợi cho liên minh công nông.

+ Các tổ chức Cộng sản và cơ sở Đảng ở đây khá mạnh.

Bài tập 3: ***Trình bày về tổ chức chính quyền và các chính sách của chính quyền Xô viết Nghệ – Tĩnh. Nêu nhận xét về chính quyền Xô viết Nghệ – Tĩnh? (Lập bảng thống kê)***

Tổ chức chính quyền	Đây là kiểu chính quyền Xô viết – Nga, do nông dân bầu ra các đại biểu của mình và có đại biểu của công nhân làm cố vấn.
Các chính sách	***a. Về chính trị:*** Thành lập chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Thực hiện các quyền tự do, dân chủ, lập các tổ chức quần chúng: Hội tương tế, Công hội, Nông hội, Hội phụ nữ giải phóng... tổ chức các cuộc mít tinh, hội nghị để tuyên truyền giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng. ***b. Về kinh tế:*** Chia ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xoá nợ, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, thực hiện giảm tô xóa nợ. ***c. Về quân sự:*** Mỗi làng có một đội tự vệ vũ trang. ***d. Văn hóa – xã hội:*** Phát động phong trào thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan. Trật tự xã hội được đảm bảo, nạn trộm cướp không còn.
Nhận xét	Đây là chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Bài tập 4: ***Cao trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh đã cho ta những bài học kinh nghiệm gì?***

+ *Bài học về sự lãnh đạo của Đảng:* Qua các phong trào, giai cấp vô sản Việt Nam mà đại biểu là Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của mình. Thực tiễn cho thấy tính chất đúng đắn của đường lối chiến lược mà Đảng đề ra.

+ *Bài học về xây dựng liên minh công – nông:* Qua phong trào khối liên minh công nông được hình thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nông đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ ách thống trị của đế quốc phong kiến xây dựng một cuộc sống mới.

+ *Bài học về phương pháp giành chính quyền và giữ chính quyền bằng bạo lực cách mạng:* Phong trào cho thấy rằng, khi quần chúng đã sục sôi căm thù đế quốc và phong kiến sẽ đứng lên dùng bạo lực cách mạng để đấu tranh giành chính quyền.

+ *Bài học về xây dựng chính quyền nhân dân, một hình thức chính quyền kiểu mới:* Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là chính quyền nhà nước. Phong trào sau khi đấu tranh giành thắng lợi ở một số địa phương thuộc Nghệ An và Hà Tĩnh đã xây dựng chính quyền theo kiểu Xô viết ở Nga.

+ *Bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất:* Trong thời kỳ này chưa có mặt trận dân tộc thống nhất nên chưa tập hợp được đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân nhằm đấu tranh chống thực dân và phong kiến. Đây là bài học mà Đảng ta rút ra để sau này đến thời kỳ cách mạng 1936 – 1939, chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

Bài tập 5: ***Qua thời kì cao trào cũng như thoái trào, vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện như thế nào?***

- ***Thời kì cao trào:*** Đảng là người phát động và lãnh đạo phong trào:

+ Phong trào được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng nổ ra từ Bắc chí Nam, ở cả công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu.

+ Mục tiêu đấu tranh: Không chỉ đòi quyền lợi cho công nhân, nông dân, các tầng lớp khác mà còn tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 1/5/1930.

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cao trào đấu tranh đã nhằm vào hai kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc Pháp và bọn phong kiến.

+ Hình thức đấu tranh: Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là chủ yếu.

- ***Thời kì thoái trào***:

Tuy bị thực dân Pháp đàn áp khủng bố dã man, phong trào tạm lắng xuống, các cơ sở đảng bị phá vỡ, song sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn được giữ vững và luôn đi đầu trong chống khủng bố, tuyên truyền giác ngộ, gây dựng lại cơ sở của Đảng và quần chúng.

+ Đấu tranh ở trong tù của các đảng viên cộng sản.

+ Gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.

+ Lợi dụng các diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng.

+ Thành lập Ban lãnh đạo của Đảng và ra chương trình hành động để phát động quần chúng đấu tranh.

Bài tập 6: ***Chứng ninh rằng phong trào cách mạng 1930 –1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt?***

Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phát động quần chúng đấu tranh chống thực dân, phong kiến để đòi độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày. Thực hiện mục tiêu đó, phong trào đã diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt.

- *Tính quy mô rộng khắp:*

+ Phong trào đã phát triển trên quy mô cả nước, kéo dài suốt gần hai năm (từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1931).

+ Phong trào đã thu hút được sự tham gia đông đảo các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là quần chúng công nông, với hàng trăm cuộc đấu tranh lớn nhỏ, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân và nông dân Vinh – Bến Thủy vào ngày 1/5/1930, cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân Thanh Chương ngày 1/9/1930 và cuộc biểu tình tuần hành của 6 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12/9/1930.

- *Tính cách mạng triệt để:*

+ Phong trào đã nhằm vào hai kẻ thù cơ bản của nhân dân ta là bọn đế quốc và phong kiến tay sai.

+ Tại một số nơi thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, hệ thống chính quyền địch bị tan rã từng mảng, bọn quan lại và cường hào bỏ trốn, chính quyền công nông binh thành lập dưới hình thức Xô viết.

- *Sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt:*

+ Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ mít tinh biểu tình đến đốt huyện đường, phá nhà lao, kết hợp biểu tình thị uy với hoạt động nửa vũ trang để tiến công địch.

+ Trong tháng 9 và tháng 10/1930 phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền địch thành lập chính quyền cách mạng.

Như vậy, phong trào cách mạng 1930 –1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh là phong trào cách mạng rộng lớn đầu tiên của quần chúng công nông ở nước ta do Đảng lãnh đạo. Tính quy mô rộng lớn, tính chất cách mạng triệt để và hình thức đấu tranh quyết liệt của phong trào đã chứng minh bước phát triển nhảy vọt về chất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta một khi có Đảng lãnh đạo.

Bài tập 7: ***Tại sao nói phong trào cách mạng 1930 –1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?***

- Mặc dù cuối cùng bị thất bại, song phong trào cách mạng 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển tiếp theo của cách mạng nước ta. Phong trào đã tạo ra những nhân tố đầu tiên bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp cách mạng.
- Phong trào đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua phong trào này, uy tín của Đảng được xác lập trong quần chúng. Phong trào chứng tỏ đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, đáp ứng được nguyện vọng cơ bản của quần chúng nhân dân đó *"Độc lập dân tộc"* và *"Ruộng đất dân cày"*.
- Một kết quả to lớn nữa là, phong trào đã xây dựng được trong thực tế khối liên minh công nông.
- Qua phong trào lần đầu tiên quần chúng đã sáng tạo ra một hình thức chính quyền mới, một mô hình xã hội mới ở nước ta.
- Phong trào đã để lại những bài học kinh nghiệm quý giá: Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng; Bài học về thực hiện liên minh công nông; Bài học về sử dụng bạo lực cách mạng; Bài học về xây dựng chính quyền ...

Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930 –1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Bài tập 8: ***Hãy trình bày những cuộc đấu tranh của công nhân trong phong trào cách mạng 1930 – 1931? Nêu nhận xét về các cuộc đấu tranh đó?***

- Những cuộc đấu tranh của công nhân:

+ Từ tháng 2 đến tháng 3/1930: Có cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (2/1930), cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy, xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè, đồn điền cao su Dầu Tiếng...

Những cuộc đấu tranh này đóng vai trò tiên phong, là màn đầu của cao trào cách mạng mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản tổ chức lãnh đạo.

+ Từ tháng 5 đến tháng 9/1930: Vào ngày 1/5 có các cuộc đấu tranh của công nhân trong nhiều xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh – Bến Thủy, Sài Gòn – Chợ Lớn... Riêng trong tháng 5/1930 có 16 cuộc đấu tranh của công nhân.

Vào ngày 1/8/1930, cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Vinh – Bến Thủy, đánh dấu một thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến.

Sang tháng 9/1930, phong trào đấu tranh của công nhân lên đến đỉnh cao. Vào ngày 12/9, công nhân Vinh – Bến Thủy đấu tranh để ủng hộ phong trào nông dân và phản đối chính sách khủng bố của địch. Đến năm 1931 phong trào tạm thời lắng xuống.

- ***Nhận xét:***

+ Phong trào diễn ra với quy mô rộng khắp từ Nam đến Bắc, ở tất cả các khu công nghiệp lớn.

+ Cuộc đấu tranh ngày càng mạnh mẽ, đạt đến đỉnh cao vào tháng 9/1930.

+ Khẩu hiệu đấu tranh kinh tế kết hợp với chính trị.

+ Phong trào công nhân đóng vai trò tiên phong của các giai cấp và tầng lớp trong sự nghiệp chống thực dân Pháp.

+ Qua phong trào đã hình thành trên thực tiễn khối liên minh công nông.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 81: ***Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931?***

A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công nhân và nông dân đứng lên chống đế quốc và phong kiến.

D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 82: ***Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931 là khẩu hiệu nào?***

A. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

B. "Tự do dân chủ" và "Cơm áo hòa bình".

C. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến".

D. " Chống đế quốc", "Chống phát xít".

Câu 83: ***Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1930, phong trào nổ ra mạnh nhất ở đâu?***

A. Ở Trung Kỳ. B. Ở Bắc Kỳ. C. Ở Nam Kỳ. D. Trong cả nước.

Câu 84: ***Các số liệu sau đây, số liệu nào đúng nhất:***

A. Riêng trong tháng 5/1930, cả nước có 50 cuộc đấu tranh của nông dân, 20 cuộc đấu tranh của công nhân, 8 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

B. Riêng trong tháng 5/1930, cả nước có 30 cuộc đấu tranh của công nhân, 40 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

C. Riêng trong tháng 5/1930, cả nước có 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 16 cuộc đấu tranh của công nhân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

D. Riêng trong tháng 5/1930, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc đấu tranh của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Câu 85: ***Từ tháng 5 đến tháng 8/1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?***

A. Ở miền Trung. B. Ở miền Bắc. C. Ở miền Nam. D. Trong cả nước.

Câu 86: ***Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930-1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?***

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện liên minh công - nông vững chắc.

Câu 87: ***Các sự kiện sau đây, sự kiện nào đúng?***

A. Tháng 2/1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng bãi công.

B. Ngày 1/5/1930, 3000 công nhân huyện Thanh Chương nổi dậy phá đồn điền Trí Viễn.

C. Ngày 12/9/1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghệ An nổi dậy biểu tình.

D. Tất cả các sự kiện trên đều đúng.

Câu 88: ***Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?***

A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.

B. Chia ruộng đất cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lý.

C. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng dời sống mới.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 89: Hãy chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau đây: " Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Phong trào đã......................".

A. Đánh bại hoàn toàn bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến.

B. Giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc, phong kiến tay sai.

C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn.

Câu 90: ***Qua thực tế lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1931, Đảng ta được trưởng thành nhanh chóng. Do đó, tháng 4.1931 Đảng ta được Quốc tế cộng sản công nhận:***

A. Là một chi bộ của Quốc tế cộng sản.

B. Là một Đảng trong sạch vững mạnh.

C. Là một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

D. Là một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Câu 91: ***Trong thời kỳ đấu tranh để phục hồi lực lượng cách mạng, tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) các chi bộ đã ra những tờ báo nào để bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin cho đảng viên.***

A. "Ý kiến chung", "Đuốc đưa đường".

B. "Đuốc đưa đường", " Con đường chính nghĩa".

C. "Tiếng dân", "Nhành lúa".

D. Tất cả các tờ báo trên.

Câu 92: ***Hệ thống tổ chức Đảng trong nước nói chung đã được khôi phục vào thời gian nào?***

A. Đầu năm 1932.

B. Đầu năm 1933.

C. Cuối năm 1935.

D. Cuối năm 1934 đầu năm 1935.

BÀI 6

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936 – 1939

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***So với thời kì 1930 –1931, chủ trương sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kì này có gì khác? Vì sao?***

NỘI DUNG	1930 – 1931	1936 – 1939
Kẻ thù	Đế quốc, phong kiến.	Phản động Pháp và tay sai.
Nhiệm vụ	Chống đế quốc, giành độc lập dân tọc. Chống phong kiến, giành ruộng dất cho dân cày.	Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, phản dộng tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.
Mặt trận		Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương.
Hình thức phương pháp cách mạng	Bí mật, bất hợp pháp. Bạo động vũ trang.	Hợp pháp, công khai, bán công khai.

Như vậy, so với thời kì 1930 – 1931, chủ trương, sách lược và hình thức đấu tranh trong thời kì này đều có nét khác. Sở dĩ, có sự khác nhau như vậy là do hoàn cảnh lịch sử thay đổi so với trước. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp đã ban hành các chính sách về tự do dân chủ và ân xá tù nhân chính trị cho các nước thuộc địa. Lợi dụng cơ hội này Đảng ta chủ trương đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

Bài tập 2: ***Trong cao trào dân chủ 1936 – 1939, có sự kiện nào tiêu biểu nhất?***

Có hai sự kiện tiêu biểu nhất:

+ Giữa năm 1936, Đảng chủ trương phát động phong trào đấu tranh công khai, vận động thành lập "Ủy ban trù bị Đại hội Đông Dương" nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới đại hội Đông Dương (6/1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các "Ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước.

+ Đầu năm 1937, nhân việc đón phái viên của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp và viên toàn quyền mới xứ Đông Dương là Gôđa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng khắp nơi trong nước, đông đảo và hăng hái nhất là công nhân và nông dân, biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình đưa dân nguyện.

Bài tập 3: ***Các phong trào cách mạng 1930-1931 và 1936-1939 đã chuẩn bị những gì cho Cách mạng tháng Tám 1945?***

a. Phong trào cách mạng 1930 – 1931:

- Phải nói rằng, chưa bao giờ có cuộc đấu tranh mạnh mẽ như năm 1930, một số huyện, xã, chính quyền địch bị tan rã. Chính quyền cách mạng dưới hình thức Xô viết được thành lập ở một số địa phương thuộc Nghệ – Tĩnh.
- Qua phong trào này vai trò lãnh đạo của Đảng được khẳng định trong thực tiễn cách mạng. Khối liên minh công nông được hình thành trong thực tiễn đấu tranh. Đây là bước thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển về sau của cách mạng. Trực tiếp mà nói, không có những trận chiến đấu giai cấp rung trời chuyển đất những năm 1930 – 1931, trong đó công nông đã "vung ra nghị lực phi thường" của mình thì không thể có phong trào cách mạng 1936 – 1939.
- Phong trào cách mạng 1930 – 1931 là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

b. Phong trào dân chủ 1936 – 1939:

Đã thu được những thắng lợi cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng. Chính quyền thực dân buộc phải thả nhiều tù chính trị, ban hành luật báo chí, cải thiện một phần điều kiện lao động, lương bổng cho công nhân viên chức. Nhưng thắng lợi to lớn hơn cả là, qua phong trào đấu tranh, quần chúng đã được tổ chức, giác ngộ về chủ nghĩa Mác - Lênin, nhiều cán bộ mới đã được đào tạo. Cán bộ đảng viên được tôi luyện kiên cường. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng sâu rộng trong quần chúng. Qua phong trào đấu tranh, đội quân chính trị của quần chúng hàng triệu người được Đảng tập hợp, xây dựng, giáo dục. Đảng đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, cả những bài học thành công và bài học thất bại. Đảng đã đề ra mục tiêu đấu tranh sát hợp, cương lĩnh Mặt trận đúng đắn, hình thức đấu tranh phong phú, linh hoạt; qua đó phát huy được sức mạnh của quần chúng; xây dựng lực lượng cách mạng cho Cách mạng tháng Tám sau này.

Phong trào dân chủ 1936 – 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Bài tập 4: ***Vì sao nói phong trào cách mạng 1936 - 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?***

Nếu như phong trào cách mạng 1930 – 1931 đã tạo ra những nhân tố cơ bản đảm bảo cho thắng lợi Cách mạng tháng Tám thì phong trào 1936-1939 lại tiếp tục bồi bổ và phát triển những nhân tố đó lên một bước mới cao hơn.

+ Thông qua phong trào này Đảng đã được trưởng thành thêm về tư tưởng và tổ chức. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin càng ngày càng thêm thấm nhuần trong tư tưởng, hành động của các đảng viên cộng sản và ăn sâu, toả rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đảng đã xây dựng và phát triển được một đội ngũ cán bộ có năng lực và giàu kinh nghiệm, đồng thời phát triển thêm các tổ chức cơ sở, tăng cường mối dây liên hệ với quần chúng. Qua phong trào, nghệ thuật chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng, trình độ giác ngộ của đảng viên và uy tín của Đảng nâng lên một bước rõ rệt.

+ Cùng với sự trưởng thành của Đảng, lực lượng cách mạng cũng lớn mạnh không ngừng. Qua thực tiễn đấu tranh, Đảng đã xây dựng một đội quân chính trị hùng hậu gồm hàng triệu người ở cả thành thị và nông thôn, tập hợp trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Cũng qua đấu tranh mà quần chúng cách mạng được tôi luyện và thử thách dày dạn.

+ Phong trào cách mạng 1936 –1939 còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho giai đoạn cách mạng sau. Đó là bài học về tổ chức, tập hợp quần chúng đấu tranh; Bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú.

+ Phong trào cách mạng 1936-1939 đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đưa Đảng và quần chúng cách mạng bước vào thời kì đấu tranh trực tiếp giành chính quyền. Vì vậy, đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Bài tập 5: ***Hãy tìm những đặc điểm về hình thức đấu tranh, nhiệm vụ chính trị, hình thức tổ chức quần chúng, Mặt trận trong thời kì 1936 – 1939?***

+ Đặc điểm về hình thức đấu tranh: Đấu tranh công khai, hợp pháp, bán công khai, bán hợp pháp, bất hợp pháp và bí mật. Đây là thời kì sử dụng hình thức đấu tranh phong phú nhất. Chủ yếu là đấu tranh chính trị.

+ Về nhiệm vụ chính trị: Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

+ Về hình thức tổ chức quần chúng: Tập hợp quần chúng trong Mặt trận, đã lôi kéo lực lượng chính trị của quần chúng, hàng triệu người đứng về phía cách mạng.

+ Về công tác Mặt trận: Trước tiên thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương đến 3/1938 đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương cho phù hợp với mục tiêu đấu tranh.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 93: ***Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?***

A. Ở Đức, Pháp, Nhật.
B. Ở Đức, Tây Ban Nha, Ý.
C. Ở Đức, Italia, Nhật.
D. Ở Đức, Áo, Hung.

Câu 94: ***Chủ nghĩa phát xít có đặc điểm nào để phân biệt với chủ nghĩa tư bản?***

A. Độc tài tàn bạo nhất, sô vanh nhất.
B. Bóc lột thậm tệ đối với công nhân.
C. Đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính.
D. Câu a và c đều đúng.

Câu 95: ***Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII họp vào thời gian nào? Ở đâu?***

A. Tháng 6/1934, tại Ma Cao (Trung Quốc).
B. Tháng 7/1935, tại Mátxcơva (Liên Xô).
C. Tháng 3/1935, tại Ma Cao (Trung Quốc).
D. Tháng 7/1935, tại Ianta (Liên Xô).

Câu 96: ***Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?***

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.
B. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.
C. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.
D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 97: ***Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự Đại hội?***

A. Nguyễn Ái Quốc.
B. Phạm Văn Đồng.
C. Nguyễn Văn Cừ.
D. Lê Hồng Phong.

Câu 98: ***Trong năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền.***

A. Nước Đức.
B. Nước Pháp.
C. Nước Anh.
D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 99: ***Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?***

A. Mặt trận nhân dân Pháp.
B. Mặt trận nhân dân Liên Xô.

C. Quốc tế cộng sản. D. Thực dân Pháp.

Câu 100: ***Những sự kiện nào sau đây có liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939?***

A. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản.

B. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936.

D. Câu a và c đúng.

Câu 101: ***Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối của Quốc tế cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn nào?***

A. Thực dân Pháp.

B. Bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận nhân dân Pháp.

C. Bọn phong kiến.

D. Câu a và b đúng.

Câu 102: ***Nhiệm vụ cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kỳ 1936 – 1939 là gì?***

A. Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.

B. Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.

C. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 103: ***Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?***

A. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 104: ***Đến tháng 3/1938, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?***

A. Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 105: ***Về hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kỳ 1936-1939 diễn ra như thế nào?***

A. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước, đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.

D. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

Câu 106: ***Phong trào Đông Dương, Đại hội diễn ra trong thời gian nào?***

A. Từ năm 1936 đến năm 1939.

B. Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.

C. Từ giữa năm 1936 đến tháng 3 năm 1938.

D. Từ giữa năm 1936 đến tháng 9 năm 1936.

Câu 107: ***Qua các cuộc mít tinh biểu tình, đưa "dân nguyện", lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất?***

A. Công nhân và nông dân. B. Học sinh và thợ thủ công.

C. Trí thức và dân nghèo thành thị. D. Câu a và c đúng.

Câu 108: ***Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939, diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?***

A.Vào ngày 1.8.1936, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

B. Vào ngày 1.5.1938, tại Bến Thủy, Vinh.

C. Vào ngày 1.5.1939, tại Hà Nội.

D. Vào ngày 1.5.1938, tại nhà Đấu Xảo – Hà Nội.

Câu 109: ***Tác phẩm "Vấn đề dân cày" của Qua Ninh và Vân Đình được in và phát hành rộng rãi trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Vậy Qua Ninh và Vân Đình là ai?***

A. Sóng Hồng và Xuân Thủy.

B. Nguyễn Ái Quốc và Phạm Văn Đồng.

C. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp.

D. Trần Phú và Hà Huy Tập.

Câu 110: ***Trong những năm 1937-1938, Đảng Cộng sản Đông Dương lợi dụng khả năng hợp pháp đưa người của Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ và Viện dân biểu Bắc - Trung Kỳ nhằm mục đích gì?***

A. Vận động bọn tay sai của thực dân Pháp đứng về phía cách mạng để đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Mở rộng địa bàn hoạt động trong cả nước, gây cơ sở cách mạng trong toàn quốc.

C. Nắm bắt tình hình để đối phó với kẻ thù trong bất cứ tình huống nào đồng thời chuẩn bị tiến đến thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Tất cả cùng sai.

Câu 111: ***Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là hai sự kiện nào?***

A. Phong trào Đại hội Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.

C. Phong trào đón Gođa và đấu tranh nghị trường.

D. Phong trào báo chí và đòi dân sinh, dân chủ.

Câu 112: ***Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là gì?***

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

C. Tập hợp được một lực lượng công – nông hùng mạnh.

D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

BÀI 7

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
(1939 – 1945)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có gì mới?***

- Tháng 9.1939 chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tháng 6.1940 phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp, bọn phản động Pháp hoàn toàn đầu hàng và chính phủ tay sai Pêtanh lên cầm quyền ở Pháp.
- Ở Viễn Đông, phát xít Nhật đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Trung Quốc và tiến sát biên giới Việt – Trung.

Đứng trước hai nguy cơ: Cách mạng Đông Dương và sự đe dọa trắng trợn của phát xít Nhật, thực dân Pháp thi hành chính sách hết sức phản động đối với nhân dân ta.

* *Về chính trị:* Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta giành được trong thời kì vận động dân chủ, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Mặt khác, chúng thỏa hiệp với Nhật áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

* *Về kinh tế:* Thi hành chính sách "*kinh tế chỉ huy*" để tăng cường vơ vét sức người, sức của ném vào lò lửa chiến tranh.

Chính những việc làm đó đã gây mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai trở nên gay gắt.

Bài tập 2: ***Nhiệm vụ cách mạng trung tâm của thời kì này là gì? Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã có quyết định gì mới?***

+ Nhiệm vụ trung tâm của cách mạng lúc này là giải phóng dân tộc, đây là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách.

+ Hội nghị có quyết định mới là chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng so với thời kì 1936 –1939:

- Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Các nhiệm vụ khác (cả nhiệm vụ chống phong kiến) phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.

- Hội nghị quyết định thay đổi hình thức và phương pháp đấu tranh cho phù hợp: Từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ đến đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc, tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang.

- Hội nghị quyết định tạm ngất khẩu hiệu *"cách mạng ruộng đất"*, mà chỉ đề ra khẩu hiệu: *"tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân nghèo"*.

Như vậy, Hội nghị Trung ương lần VI (11/1939) đánh dấu sự chuyển hướng đầu tiên nhưng vô cùng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng, mở đường cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Hội nghị thể hiện sự nhạy bén chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Bài tập 3: *Thái độ của thực dân Pháp trước và sau khi Nhật nhảy vào Đông Dương như thế nào?*

**** Trước khi vào Đông Dương:***

Sau khi xâm lược Trung Quốc, Nhật đưa quân vào Đông Dương, dùng sức ép buộc Pháp phải ký một loạt các Hiệp ước bất bình đẳng, rồi lần lượt dâng Đông Dương cho Nhật.

+ Ngày 30/8/1940 Nhật buộc Pháp ký Hiệp định Tôkyô, gồm các nội dung:

- Nhật được sử dụng ba sân bay lớn ở Bắc Kỳ: Gia Lâm, Cát Bi, Phủ Lạng Thương.
- Nhật được đóng 6.000 quân ở phía bắc sông Hồng.
- Nhật được sử dụng các con đường ở Bắc Kỳ để vận chuyển binh lính, vũ khí, lương thực ...

**** Sau khi vào Đông Dương:***

+ Sau khi đổ bộ vào Đồ Sơn, đánh Hải Phòng, Lạng Sơn (22.9.1940), đến đầu tháng 7/1941, Nhật buộc Pháp ký Hiệp ước "Cam kết phòng thủ Đông Dương với Nhật". Thực tế là Nhật đã chỉ huy Pháp về mặt quân sự.

+ Tháng 12/1941, Nhật buộc Pháp ký Hiệp ước "Cam kết hợp tác toàn diện với Nhật":

- Tạo mọi sự dễ dàng cho việc hành binh của Nhật.
- Cung cấp lương thực, bố trí doanh trại cho quân Nhật.

- Bảo đảm hậu phương an toàn cho quân Nhật. Như vậy về cơ bản Nhật đã làm chủ Đông Dương. Từ đó, Pháp, Nhật cấu kết chặt chẽ với nhau trong việc bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương phải gánh chịu hai tầng xiềng xích Nhật - Pháp.

Bài tập 4: ***Các chính sách và thủ đoạn của Nhật sau ngày đảo chính về kinh tế và chính trị?***

**** Về kinh tế:***

Chúng chiếm các cơ sở kinh tế của Pháp, in giấy bạc tung ra thị trường, vơ vét nguyên liệu, hàng hóa, lương thực và trắng trợn tước đoạt tài sản của nhân dân ta, làm cho nền kinh tế của ta bị kiệt quệ, cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân điêu đứng, cùng quẫn. Tình trạng đó dẫn đến nạn đói khủng khiếp làm chết gần 2 triệu người.

**** Về chính trị***:

Phát xít Nhật bày trò trao trả "độc lập" cho chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim nhưng vẫn giữ nguyên bộ máy cai trị của Pháp, thay người Nhật vào vị trí người Pháp. Các đảng phái chính trị thân thiết của Nhật, nhân dịp này mọc ra như *"nấm gặp mưa rào"*. Phát xít Nhật sử dụng bộ máy tuyên truyền độ sồ để quảng bá cho tinh thần bài Pháp, sợ Nhật, phục Nhật. Mặt khác, chúng huy động lực lượng quân sự tấn công vào các chiến khu, cơ sở cách mạng.

Như vậy, các chính sách, thủ đoạn của Nhật làm cho đời sống của nhân dân ta điêu đứng. Bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của Nhật và tay sai bị bóc trần. Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với phát xít Nhật và tay sai ngày càng sâu sắc.

Bài tập 5: ***Căn cứ vào tình hình như thế nào mà Đảng Cộng sản Đông Dương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, và chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh?***

a. Căn cứ đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc:

* *Thế giới:*

- Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước sang năm thứ ba, sau khi chiếm phần lớn Châu Âu, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô, Nhật mở rộng địa bàn xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương.

* *Trong nước:*

- Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

- Nhân dân Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp – Nhật, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phát xít Pháp – Nhật phát triển gay gắt, vận mệnh các dân tộc Đông Dương suy vong hơn bao giờ hết.

- Nhân dân Đông Dương ngày càng cách mạng hóa, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9/1940), Nam Kỳ (11/1940) và cuộc binh biến Đô Lương (1/1941).

Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28/1/1941 Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, họp từ ngày 10 đến 19.5.1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng) chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

b. Căn cứ để thành lập Mặt trận Việt Minh:

* *Thế giới:* Tình hình đang có những biến chuyển sâu sắc, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô. Lúc đó tính chất của chiến tranh thay đổi. Trên thế giới dần dần hình thành 2 trận tuyến: một bên là lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu, một bên là khối phát xít Đức – Ý – Nhật. Cuộc đấu tranh của mỗi dân tộc Đông Dương là một bộ phận của mặt trận dân chủ chống phát xít thế giới.

* *Trong nước:*

+ Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với phát xít, đế quốc Nhật - Pháp là mâu thuẫn chủ yếu nhất, nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Đông Dương.

+ Để phát huy sức mạnh dân tộc ở mỗi nước Đông Dương, cần phải đặt vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước. Vì vậy mỗi nước cần có mặt trận dân tộc thống nhất riêng.

Đối với Việt Nam thành lập mặt trận lấy tên là *Việt Nam độc lập đồng minh* gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

Bài tập 6: *Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, tháng 5 năm 1941?*

- Ý nghĩa:

Hội nghị Trung lần thứ VIII có ý nghĩa lịch sử to lớn – đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ VI:

+ Kiên quyết giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

+ Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến.

+ Đề ra phương pháp cách mạng cụ thể: tích cực chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa.

- Tầm quan trọng của Hội nghị:

+ Động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

+ Với chủ trương của Hội nghị, Mặt trận Việt Minh ra đời, qua đó Đảng xây dựng được khối đoàn kết toàn dân vững chắc. Tiếp đó, lực lượng vũ trang lần lượt ra đời, căn cứ địa cách mạng thành lập, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Bài tập 7: ***Từ năm 1941 đến 1945 lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của cách mạng đã được xây dựng và phát triển như thế nào?***

**** Xây dựng lực lượng chính trị:***

- *Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai:* Lực lượng du kích thống nhất thành Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7/1941 đến tháng 2/1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để gây cơ sở trong quần chúng.

- *Tại Cao Bằng:* Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp 9 Châu đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

- *Ở các nơi khác:* Đảng tranh thủ tập hợp nhân dân vào Mặt trận cứu quốc, năm 1943 đưa ra "Bản đề cương văn hóa Việt Nam" và vận động thành lập "Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam". Báo chí của Đảng phát triển rất phong phú góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

- Phong trào Việt Minh đặc biệt phát triển, lực lượng chính trị của quần chúng ngày càng củng cố, khi Hội nghị thường vụ Trung ương Đảng (2.1943) chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân khác như: Học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu quốc, tăng cường vận động binh lính, tranh thủ ngoại kiều ở Đông Dương có tinh thần chống phát xít... Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng được phát triển.

- Sau chỉ thị sửa *soạn khởi nghĩa* (7/5/1944) và kêu gọi *sắm sửa vũ khí đuổi thù chung* (8/1944), phong trào trong các Hội cứu quốc phát triển mạnh, đặc biệt ở hai căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng, quần chúng đã sẵn sàng nổi dậy.

**** Xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:***

+ *Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai*: Đội du kích Bắc Sơn được duy trì và lớn dần lên, đầu năm 1941, kết hợp với đội du kích Thái Nguyên thành lập đội Cứu quốc quân. Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích chống khủng bố, bảo vệ dân.

Cứu quốc quân mở rộng hoạt động ra nhiều huyện thuộc các tỉnh: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Phú Thọ... Tháng 2 năm 1944, phát triển thêm một trung đội nữa.

Sau chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh ở Vũ Nhai (Thái Nguyên), cuộc khởi nghĩa nổ ra quá sớm, làm cho lực lượng cách mạng ở đây bị tổn thất. Trung ương quyết định chuyển thành chiến tranh du kích để bảo toàn lực lượng.

+ *Tại Cao Bằng:* Cuối năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập đội tự vệ vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan đầu não của Đảng. Tiếp đó nhiều đội tự vệ, du kích khác được thành lập.

Ngày 22/12/1944, theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập và hai ngày sau đã hạ đồn Phay Khắt và Nà Ngần.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, tiếp theo Chỉ thị *"Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* của Đảng, Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh Cao trào kháng Nhật cứu nước.

Tháng 5/1945, sáp nhập *"Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân"* với *"Cứu quốc quân"* thành *"Việt Nam giải phóng quân"*.

Đến Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã phát triển rộng khắp, và đóng vai trò quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

Bài tập 8: *Tại sao Nhật đảo chính Pháp? Và bọn Pháp ở Đông Dương thất bại nhục nhã ra sao?*

- *Tại sao Nhật đảo chính Pháp?*

+ Ngày 22/9/1940, Nhật chính thức nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đã cấu kết với Nhật để đàn áp nhân dân Đông Dương nhưng sự cấu kết này chỉ là tạm thời. Càng về sau mâu thuẫn Nhật – Pháp càng sâu sắc vì hai tên đế quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo bở.

+ Vào đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đọan kết thúc, phe phát xít liên tiếp thất bại trên các chiến trường, thủ đô Pari – Pháp được giải phóng, chính quyền Pêtanh đổ, chính phủ Đờ Gôn lên cầm quyền.

+ Ở mặt trận Thái Bình Dương, Nhật bị khốn đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp muốn nhân cơ hội đó ngóc đầu dậy. Để trừ hậu họa về sau, Nhật bất ngờ làm cuộc đảo chính vào đêm 9/3/1945.

- *Thất bại của Pháp:*

Đêm 9/3/1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt, chỉ sau vài giờ chống trả đã nhanh chóng đầu hàng, dâng toàn bộ Đông Dương cho Nhật.

Bài tập 9: *Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương và khẩu hiệu gì để lãnh đạo nhân dân ta thực hiện cao trào kháng Nhật cứu nước? (Trình bày dưới dạng biểu bảng)*

Thời gian	***Chủ trương***	***Khẩu hiệu***
Đêm 9/3/1945	Phát động một Cao trào kháng Nhật cứu nước thật mạnh mẽ trong toàn quốc, làm tiền đề cho một cuộc Tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang hình thức Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.	
12/3/1945	Chỉ thị: "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".	"Đánh đuổi Phát xít Nhật" "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương".

5/1945	Hội nghị quân sự Bắc Kì quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, thành lập Ủy ban quân sự Bắc Kì.	
6/1945	Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.	

Bài tập 10: ***Phân tích và chứng minh sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám?***

- *Cách mạng tháng Tám thành công ngoài việc chuẩn bị lâu dài còn phải biết chớp thời cơ* phát động quần chúng, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được biểu hiện:

Về phía kẻ thù: Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại, bọn Nhật và tay sai của Nhật ở Đông Dương hoang mang đến cực độ, mất hết tinh thần chiến đấu; lúc này quân Đồng minh chưa kịp nhảy vào Đông Dương; quân Pháp ở Đông Dương chưa kịp nổi dậy.

Về phía quần chúng cách mạng: đã sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng lãnh đạo quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

- *Quyết định của Đảng trong việc chớp thời cơ:*

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình, Đảng đã tiến hành Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 đến ngày 15.8.1945 (tại Tân Trào – Tuyên Quang).

- Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân nổi dậy. Hội nghị còn đề ra ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời.

- Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân Đại hội Tân Trào – Tuyên Quang trong 2 ngày 16 và 17/8/1945.

Tham dự Đại hội có 60 đại biểu đại diện cho nhân dân ba miền, Bắc – Trung – Nam, cho các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh.

Đại hội đã biểu quyết tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

Đại hội quyết định: Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca. Đặt tên nước là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cử Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đại hội đã quyết định những vấn đề hết sức quan trọng có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Chuẩn bị những công việc cuối cùng cho Tổng khởi nghĩa.

Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào đã thể hiện sự đoàn kết, nhất trí quyết tâm giành độc lập tự do của toàn Đảng, toàn dân ta.

- Lúc này Hồ Chí Minh đã gởi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên đánh Nhật: *"Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"*

- Lãnh đạo sáng tạo của Đảng trong Tổng khởi nghĩa:

* Chiều 16/8, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Tính đến ngày 18/8 đã có 4 tỉnh lỵ giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

*** Giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội:** Chiều 15.8 mệnh lệnh khởi nghĩa về tới Hà Nội, sáng 16/8 truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện khắp mọi nơi, không khí khởi nghĩa ngày thêm sôi sục.

Mờ sáng ngày 19/8, hàng chục vạn quần chúng ngoại thành, kéo qua các cửa ô, tiến vào nội thành, phối hợp với quần chúng nội thành, tiến hành cuộc mít tinh khổng lồ tại sân Nhà hát lớn. Một rừng cờ đỏ sao vàng mọc lên, quần chúng hô vang các khẩu hiệu *"Đả đảo Chính phủ bù nhìn"*, *"Ủng hộ Việt Minh"*, *"Việt Nam hoàn toàn độc lập"*.

Khoảng 11 giờ 30 cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng chia thành nhiều toán, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, toả đi đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như: Phủ Khâm Sai, Toà Thị Chính, Sở Cảnh Sát...

Trước sức mạnh của quần chúng, bọn địch chống cự yếu ớt. Chính quyền về tay nhân dân. Cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội hoàn toàn thắng lợi.

*** Giành chính quyền ở Huế:** Sáng ngày 23/8 hàng vạn quần chúng ngoại thành phối hợp với công nhân, thanh niên và các tầng lớp lao động khác ở nội thành tiến hành cuộc biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Trước khí thế vùng dậy như nước vỡ bờ của quần chúng, bọn địch ở đây không dám chống cự. Cách mạng giành thắng lợi ở Huế.

Ngày 30/8/1945, tại cửa Ngọ Môn (Huế) dưới rừng cờ đỏ sao vàng, diễn ra cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân chứng kiến vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam đọc lời thoái vị và nộp ấn kiếm cho cách mạng.

*** Tại Sài Gòn:** Mờ sáng ngày 25/8/1945 từng đoàn quân khởi nghĩa của công nhân, nông dân ngoại thành phối hợp với hàng chục vạn quần chúng nội thành có vũ trang kèm theo, tiến hành biểu tình, thị uy đánh chiếm các công sở của địch. Kẻ địch ở đây không dám chống cự. Chỉ trong ngày 25/8 khởi nghĩa ở Sài Gòn đã thành công.

Các nơi còn lại ở Nam Bộ, kể cả Côn Đảo, đến ngày 28/8 khởi nghĩa đã giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28/8/1945) cuộc Tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trọn vẹn. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cả nước về tay nhân dân.

Bài tập 11: ***Hãy nêu sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1941 và tác động của nó đối với cách mạng Việt Nam trong thời gian đó?***

- Ngày 1/9/1939, Đức xâm chiếm Ba Lan; ngày 3/9/1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đức nhanh chóng đánh chiếm các nước Tây Âu hầu như không bị tổn thất gì đáng kể. Tháng 6/1940, Đức đánh chiếm nước Pháp. Cuối năm 1940 đầu năm 1941, Đức mở rộng đánh chiếm các nước Đông và Nam Âu, vùng bán đảo Ban Căng. Tháng 6/1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô làm cho tính chất và cục diện chiến tranh thay đổi.
- Ở Viễn Đông, quân Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Tháng 9/1940 phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, từng bước biến Đông Dương thành căn cứ chiến tranh và thuộc địa của chúng.
- Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách *"kinh tế chỉ huy"*, vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

Khi Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã nhanh chóng cấu kết với Nhật đàn áp, bóc lột nhân dân Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc và phát xít Pháp – Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất. Vấn đề giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách áp bức, bóc lột của Pháp – Nhật được đặt lên hàng đầu và cấp thiết.

Bài tập 12: ***Chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất do Hội nghị lần thứ 6 (11.1939) và Hội nghị lần thứ 8 (5.1941) Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra như thế nào?***

- Để giành được độc lập, phải tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11/1939) đã chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả cá nhân yêu nước ở Đông Dương, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa đế quốc - phát xít Pháp – Nhật, giành độc lập dân tộc cho các nước Đông Dương.

- Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc, tập hợp lực lượng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất cho từng nước ở Đông Dương. Ở Việt Nam Đảng ta thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

Mặt trận Việt Minh liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

Bài tập 13: So sánh Hội nghị Trung ương lần 6 (11 - 1939) và Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 - 1941)?

Tiêu chí so sánh	***Hội nghị TW lần 6***	***Hội nghị TW lần 8***
Kẻ thù	Thực dân Pháp	Thực dân Pháp và phát xít Nhật
Nhiệm vụ cách mạng	Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng.	Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.
Khẩu hiệu	Tạm gác khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất”	Tạm gác khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất”
Mặt trận	Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.	Mặt trận Việt Minh.
Hình thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.	Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta.
Nhận xét	Là sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và phương pháp cách mạng của Đảng ta.	Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng đã đề ra trong Hội nghị trung ương lần thứ 6 (11.1939). Nó có tác dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

Bài tập 14: ***Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với Cách mạng tháng Tám:***

- Mặt trận Việt Minh đã tập hợp đông đảo quần chúng hình thành nên lực lượng chính trị đông đảo cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù.

- Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, lực lượng vũ trang cách mạng hình thành và phát triển, cùng với lực lượng quần chúng đông đảo tạo nên sức mạnh tổng hợp nổi dậy giành chính quyền.

Mặt trận Việt Minh là sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một điển hình trong công tác Mặt trận của Đảng.

Bài tập 15: ***Hãy trình bày nội dung của chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Thực hiện chỉ thị đó trong thời kì tiền khởi nghĩa như thế nào?***

- Ngày 12/3/1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: *"Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*. Nội dung của Chỉ thị là:

+ Vạch rõ nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính Nhật – Pháp.

+ Xác định kẻ thù chính, duy nhất của nhân dân ta lúc bấy giờ là Nhật cùng bọn tay sai của chúng.

+ Kêu gọi quần chúng đứng lên kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

+ Phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh dưới nhiều hình thức, kể cả hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Thay đổi mọi hình thức hoạt động, hình thức đấu tranh cho phù hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa. Thay khẩu hiệu: *"Đánh đuổi Nhật – Pháp"* bằng khẩu hiệu *"Đánh đuổi Phát xít Nhật"* và đề ra khẩu hiệu *"Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương"*.

Ngoài ra chỉ thị còn chỉ rõ: do tình hình tương quan lực lượng giữa ta và địch ở mỗi nơi không giống nhau, cách mạng có thể chín muồi ở các địa phương không đều nhau, nên so sánh thấy nơi nào lực lượng có lợi cho cách mạng thì tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, rồi tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Như vậy, chỉ thị *"Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* có giá trị, ý nghĩa như một ngọn cờ dẫn dắt toàn dân ta tiến hành Cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo điều kiện cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng.

- Thực hiện chỉ thị đó:

Dưới ánh sáng Nghị quyết Thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945) và chỉ thị *"Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* (12/3/1945) cả nước dấy lên một Cao trào kháng Nhật cứu nước sôi nổi, mạnh mẽ.

Ngày 11/3/1945 tại Ba Tơ (Quảng Ngãi) một số tù chính trị thoát khỏi nhà lao, lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa, chiếm được đồn Ba Tơ, xây dựng căn cứ cách mạng Ba Tơ. Đây là cuộc khởi nghĩa từng phần đầu tiên giành được thắng lợi.

Tại vùng căn cứ địa, các lực lượng vũ trang của ta (Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Đội cứu quốc quân) đã chặn đánh quân địch, chiếm đồn địch, tuyên truyền phát triển lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang. Nhiều nơi quần chúng đã thành lập được chính quyền cách mạng dưới hình thức UBND và Ủy ban cách mạng. Tiêu biểu nhất là sự ra đời khu giải phóng Việt Bắc (6/1945) gồm 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

Tại các đô thị lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn - Chợ Lớn, liên tục nổ ra nhiều cuộc mít tinh, biểu tình chống Nhật, lôi cuốn hàng vạn người tham gia. Nhiều khẩu hiệu đấu tranh xuất hiện: *"Bất hợp tác với giặc Nhật", "Không đi phu, đi lính cho Nhật", "Không đóng thuế cho Nhật"* ...

Tại các vùng nông thôn, *"Phong trào phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo"* đã được đông đảo quần chúng hưởng ứng, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh – nơi đang xảy ra nạn đói nghiêm trọng).

Từ những ngày đầu tháng Tám 1945, Cao trào kháng Nhật diễn ra ngày càng sôi sục. Tại các thành phố lớn, truyền đơn, biểu ngữ, khẩu hiệu chống Nhật, cờ đỏ búa liềm, cờ đỏ sao vàng bí mật xuất hiện khắp nơi, nhiều tên Việt gian bị trừ khử.

Nhìn chung quần chúng đã sẵn sàng, chỉ còn chờ đón cơ hội là sẽ đứng lên tiến hành Tổng khởi nghĩa. Cao trào kháng Nhật cứu nước là bước phát triển vượt bậc của cách mạng nước ta. Qua cao trào, quần chúng được chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức để khởi nghĩa giành chính quyền, tạo tiền đề thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

Bài tập 16: ***Vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và tổ chức lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, chủ yếu từ năm 1941 đến năm 1945?***

a. Đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Từ năm 1911 đến 1920, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác – Lênin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn. Đó là con đường cách mạng vô sản.

+ Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6/1925). Người đã mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ nòng cốt, để thông qua đó truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập chính đảng của giai cấp vô sản.

+ Khi chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước ngày càng phát triển mạnh mẽ, yêu cầu phải có đảng lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu lịch sử đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản, hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3/2/1930) đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Tại Hội nghị Nguyễn Ái Quốc đã thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh thể hiện quan điểm đúng đắn, sáng tạo trong việc vận dụng học thuyết chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện một nước thuộc địa như Việt Nam.

b. Đối với Cách mạng tháng Tám

- Sau 30 năm bôn ba ở hải ngoại, đến ngày 28.1.1941 Nguyễn Ái Quốc về nước, tại Pắc Bó – Cao Bằng, Người đã tổ chức và chủ trì Hội nghị Trung ương

Đảng lần thứ 8 (từ ngày 10 đến 19/5/1941) để hoàn thành chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6. Đó là:

+ Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, thành lập Mặt trận Việt Minh.

+ Đề ra chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền, từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên Tổng khởi nghĩa khi thời cơ thuận lợi, đặt nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là trung tâm.

- Hoạt động chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Sáng lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là mặt trận Việt Minh), một hình thức mặt trận có tổ chức khắp cả nước do Người đứng đầu, là một trung tâm đoàn kết đấu tranh chống Pháp – Nhật giành độc lập.

+ Ra chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22.12.1944), là đội quân chính quy cách mạng.

+ Tổ chức xây dựng căn cứ cách mạng: ban đầu là căn cứ địa Cao Bằng, đến tháng 6/1945 thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, bầu Ủy ban giải phóng do Người đứng đầu.

- Năm 1942 và năm 1945 Người đi Trung Quốc, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng đồng minh để chống phát xít.

- Sáng suốt, dự đoán thời cơ cách mạng và khi thời cơ đến Người triệu tập Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào để quyết định lệnh Tổng khởi nghĩa. Sau đó Người gởi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

- Thành lập chính phủ cách mạng của nước Việt Nam mới do Người đứng đầu. Soạn thảo và công bố Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2.9.1945).

Bài tập 17: ***Hãy lập bảng so sánh về tên gọi, nhiệm vụ và lực lượng tham gia các tổ chức mặt trận thống nhất của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945?***

Tên gọi	**Nhiệm vụ**	**Lực lượng tham gia**
Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3/1938 là Mặt trận dân chủ Đông Dương	Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.	Tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và dân chủ trong xã hội, kể cả địa chủ yêu nước, quan lại tiến bộ, các nho sĩ, các nhà tu hành, những người Pháp dân chủ ở Đông Dương.

Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (11/1939)	Chống thực dân Pháp, phát xít Nhật làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Tạm gác nhiệm vụ giai cấp.	Tất cả các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, đảng phái làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
Mặt trận Việt Minh (19/5/1941)	Tập hợp quần chúng, xây dựng, chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Lãnh đạo phong trào kháng Nhật cứu nước. Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám đánh đuổi phát xít Nhật, giành chính quyền.	Bao gồm nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, tôn giáo hay chủng tộc. Tập hợp lực lượng quần chúng từ thành thị đến nông thôn.

Bài tập 18: ***Hãy phân tích thời cơ chủ quan và khách quan trong Cách mạng tháng Tám? Đảng ta và Hồ Chí Minh đã chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền như thế nào?***

- Thời cơ cách mạng:

Cách mạng tháng Tám thành công, ngoài việc chuẩn bị chu đáo còn cần có thời cơ. Thời cơ là sự kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài (chủ quan và khách quan), song điều kiện chủ quan giữ vai trò quan trọng nhất.

a. Chủ quan:

Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quá trình chuẩn bị chu đáo cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám, suốt 15 năm với ba cuộc diễn tập: 1930 – 1931 ; 1936 – 1939 và 1939 – 1945. Trong cao trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân chuẩn bị đầy đủ, chu đáo về mặt đường lối, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng và bước đầu tập dượt cho quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Khi Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại, bọn Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ, mất hết tinh thần chiến đấu. Lúc này quân Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương.

Qua cao trào kháng Nhật cứu nước, quần chúng đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ chờ lệnh khởi nghĩa.

b. Khách quan:

Thời cơ *"ngàn năm có một"* đã đến. Tháng 5.1945, Phát xít Đức bị tiêu diệt, ngày 14.8.1945 Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại. Ngày 15.8.1945 Nhật chính thức đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.

Như vậy Cách mạng tháng Tám nổ ra trong điều kiện chủ quan, khách quan hoàn toàn chín muồi. Đó chính là thời cơ *"ngàn năm có một"*, vì nó rất hiếm và rất quí, nếu bỏ qua thì sẽ không bao giờ thời cơ trở lại nữa. Nhận thức rõ thời cơ có một không hai này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ *"Đây là thời cơ ngàn năm có một cho dân tộc ta vùng dậy. Lần này dù có phải thiêu cháy dãy Trường Sơn cũng quyết giành độc lập cho đất nước"*.

- Lãnh đạo của Đảng trong việc chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa:

* Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình, Đảng đã tiến hành Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945 (tại Tân Trào – Tuyên Quang).

Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân nổi dậy. Hội nghị còn đề ra ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời.

* Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân đại hội Tân Trào – Tuyên Quang, trong 2 ngày 16 và 17.8.1945.

Tham dự Đại hội có 60 đại biểu đại diện cho nhân dân ba miền, Bắc – Trung – Nam, cho các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh.

Đại hội đã biểu quyết tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

Đại hội quyết định: Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca. Đặt tên nước là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cử Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đại hội đã quyết định những vấn đề hết sức quan trọng có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Chuẩn bị những công việc cuối cùng cho Tổng khởi nghĩa.

* Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào đã thể hiện sự đoàn kết, nhất trí quyết tâm giành độc lập tự do của toàn Đảng, toàn dân ta.

* Chiều 16/8, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Tính đến ngày 18.8 đã có 4 tỉnh lỵ giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

* Giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội: Chiều 15/8 mệnh lệnh khởi nghĩa về tới Hà Nội, sáng 16/8 truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện khắp mọi nơi, không khí khởi nghĩa ngày thêm sôi sục.

Mờ sáng ngày 19/8, hàng chục vạn quần chúng ngoại thành, kéo qua các cửa ô, tiến vào nội thành, phối hợp với quần chúng nội thành, tiến hành cuộc mít tinh khổng lồ tại sân Nhà hát lớn. Một rừng cờ đỏ sao vàng mọc lên, quần chúng hô vang các khẩu hiệu *"Đả đảo Chính phủ bù nhìn"*, *"Ủng hộ Việt Minh"*, *"Việt Nam hoàn toàn độc lập"*.

Khoảng 11 giờ 30 cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng chia thành nhiều toán, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, toả đi đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như: Phủ Khâm Sai, Toà Thị Chính, Sở Cảnh Sát ...

Trước sức mạnh của quần chúng, quân địch chống cự yếu ớt. Chính quyền về tay nhân dân. Cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội hoàn toàn thắng lợi.

* Giành chính quyền ở Huế: Sáng ngày 23.8 hàng vạn quần chúng ngoại thành phối hợp với công nhân, thanh niên và các tầng lớp lao động khác ở nội thành tiến hành cuộc biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Trước khí thế vùng dậy như nước vỡ bờ của quần chúng, bọn địch ở đây không dám chống cự. Cách mạng giành thắng lợi ở Huế.

Ngày 30/8/1945, tại cửa Ngọ Môn (Huế) dưới rừng cờ đỏ sao vàng, diễn ra cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân chứng kiến vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam đọc lời thoái vị và nộp ấn kiếm cho cách mạng.

* Tại Sài Gòn: Mờ sáng ngày 25/8/1945 từng đoàn quân khởi nghĩa của công nhân, nông dân ngoại thành phối hợp với hàng chục vạn quần chúng nội thành có vũ trang kèm theo, tiến hành biểu tình, thị uy đánh chiếm các công sở của địch. Kẻ địch ở đây không dám chống cự. Chỉ trong ngày 25.8 khởi nghĩa ở Sài Gòn đã thành công.

Các nơi còn lại ở Nam Bộ, kể cả Côn Đảo đến ngày 28.8 khởi nghĩa đã giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa: Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28.8.1945) cuộc Tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trọn vẹn. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cả nước về tay nhân dân.

Bài tập19: ***Phân tích nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn độc lập (02/9/1945) của Chủ tịch Hồ Chí Minh?***

Ngày 2.9.1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân đủ các tầng lớp ở Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

Nội dung của bản: *"Tuyên ngôn độc lập"* gồm mấy điểm sau đây:

+ Nêu những quyền thiêng liêng không ai có thể xâm phạm được, đó là quyền bình đẳng giữa các dân tộc: *"Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy; có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".*

+ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta gần một thế kỷ, đồng thời tố cáo sự cấu kết, áp bức bóc lột của Pháp -- Nhật đối với nhân dân ta.

+ Khẳng định chủ quyền của nước ta trên hai phương diện; pháp lí và thực tiễn: *"Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy* *năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập !... và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập".*

+ Cuối cùng Tuyên ngôn đã khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của nhân dân ta: *"Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".*

Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử trọng đại, và ngày 2/9/1945 mãi mãi ghi vào lịch sử Việt Nam là ngày hội lớn, vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Ngày tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 113: ***Đảng ta xác định kẻ thù trong giai đoạn cách mạng 1939 - 1945 là gì?***

A. Bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

B. Bọn đế quốc và phát xít.

C. Bọn thực dân và phong kiến.

D. Bọn phát xít Nhật.

Câu 114: ***Hội nghị lần 6 (11/1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?***

A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.

C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 115: ***Đến tháng 11/1939, tên gọi của Mặt trận ở Đông Dương là gì?***

A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận phản đế, phản phong.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 116: ***Mối quan hệ giữa hai khẩu hiệu: "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất cho dân cày" được giải quyết như thế nào trong thời kỳ 1939-1945?***

A. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

B. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.

D. Cả câu a và b đều đúng.

Câu 117: ***Hội nghị Trung ương lần thứ thứ 6 vào ngày tháng năm nào? Tại đâu?***

A. Ngày 19/5/1941, tại Bà Điểm – Hóc Môn.

B. Ngày 15/9/1939, tại Pắc Bó- Cao Bằng.

C. Ngày 6/11/1939, tại Bà Điểm –Hóc Môn.

D. Ngày 10/5/1940, tại Đình Bảng.

Câu 118: ***Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng như thế nào?***

A. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.

C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.

D. Gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Câu 119: ***Việc nêu khẩu hiệu thành lập "Chính phủ Cộng hoà dân chủ" là khẩu hiệu của Nghị quyết nào trong thời kỳ cách mạng 1939 - 1945?***

A. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6.

B. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

C. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. D. Tất cả cùng sai.

Câu 120: ***Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn?***

A. Ngày 22/9/1940. B. Ngày 27/9/1940.

C. Ngày 23/11/1940. D. Ngày 20/10/1940.

Câu 121: ***Nguyên nhân khác nhau của khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kì là gì?***

A. Mâu thuẫn sâu sắc giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và phát xít Nhật

B. Binh lính người Việt trong quân đội Pháp bị bắt làm bia đỡ đạn ở mặt trận Thái Lan.

C. Pháp đầu hàng Nhật khi Nhật vào Đông Dương.

D. Câu B và câu C đúng.

Câu 122: ***Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào?***

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn. B. Khởi nghĩa Nam kỳ.

C. Khởi nghĩa Ba Tơ. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 123: ***Những người con ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Hồ Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp xử bắn sau cuộc khởi nghĩa nào?***

A. Khởi nghĩa Yên Bái. B. Khởi nghĩa Bắc Sơn.

C. Khởi nghĩa Nam kỳ. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 124: ***Lực lượng nào tham gia vào cuộc binh biến Đô Lương (13/1/1941)?***

A. Đông đảo quần chúng nhân dân.

B. Chủ yếu là công nhân và nông dân.

C. Chủ yếu là nông dân.

D. Chỉ có binh lính người Việt trong quân đội Pháp, không có quần chúng tham gia.

Câu 125: *Nguyên nhân chung làm cho ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và Binh biến Đô Lương bị thất bại ?*

A. Quần chúng chưa được tham gia vào khởi nghĩa và binh biến.

B. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.

C. Lực lượng vũ trang còn non yếu.

D. Lệnh tạm hoãng khởi nghĩa vì không kịp.

Câu 126: *Ý nghĩa chung của ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và Binh biến Đô Lương là gì?*

A. Giáng một đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật.

B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang.

C. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Câu A và B đúng.

Câu 127: *Với "Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương" giữa Pháp và Nhật ký vào ngày 23.7.1941, Pháp đã thừa nhận cho Nhật có quyền gì ở Đông Dương?*

A. Có quyền chỉ huy kinh tế.

B. Có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Có quyền độc chiếm ba sân bay Cát Bi, Gia Lâm, Phủ Lạng Thương.

D. Có quyền đưa 6000 quân đóng ở phía Bắc sông Hồng.

Câu 128: *Nguyên nhân dẫn đến hậu quả làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945 là gì?*

A. Thực dân Pháp bắt nhân dân ta bán thóc theo diện tích cày cấy.

B. Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

C. Ngăn chặn không cho vận chuyển lương thực từ miền Nam ra miền Bắc.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 129: *Việc thực hiện chính sách hai mặt: Một mặt chúng vẫn tiếp tục đàn áp, bóc lột nhân dân ta. Mặt khác đưa ra nhiều thủ đoạn lừa bịp, hòng làm cho nhân dân ta tưởng chúng là "bạn" chứ không phải là "thù". Đó là chính sách của:*

A. Bọn thực dân Pháp. B. Bọn phát xít Nhật.

C. Bọn tay sai phong kiến. D. Bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Câu 130: *Sách giáo khoa lịch sử lớp 12, tập II trang 52 có viết: "Cuộc sống của người nông dân thời đó thật sự khốn quẫn. Bị tước đoạt hết gạo mà họ năm nắng, mười sương mới kiếm được, hay mảnh vải mà họ phải thức khuya dậy sớm để dệt thành, họ sống cầm hơi với hớp cháo cám nhạt, và trần mình chịu rét lúc đêm đông". Đó là tình cảnh của người nông dân Việt Nam được mô tả trong thời kỳ nào?*

A. Trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

B. Trong thời kỳ 1930-1931.

C. Trong thời kỳ 1936-1939.

D. Không phải cac thời kỳ trên.

Câu 131: ***Nhà thơ Tố Hữu Viết:***

"Ba mươi năm chân không mỏi
Mà đến bây giờ mới tới nơi."

Đó là hai câu thơ nói về quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và đến khi Người quay về Tổ quốc. Vậy, Nguyễn Ái Quốc về nước vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 25/1/1941, tại Pắc Bó – Cao Bằng.

B. Ngày 28/1/1941, tại Tân Trào – Tuyên Quang.

C. Ngày 28/1/1941, tại Pắc Bó – Cao Bằng.

D. Ngày 28/2/1941, tại Hà Nội.

Câu 132: ***Từ ngày 10 đến 19/5/1941 ở Việt Nam diễn ra sự kiện lịch sử gì quan trọng có liên quan đến Cách mạng tháng Tám?***

A. Đức mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Liên Xô.

B. Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân về Tổ quốc.

C. Quá trình diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

D. Câu A và C đúng.

Câu 133: ***Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày lúc nào? "Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được".***

A. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11/1939).

B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941).

C. Trong thư gửi đồng bào toàn quốc sau Hội nghị TW lần thứ 8.

D. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 134: ***Tại Hội nghị TW Đảng lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?***

A. Mặt trận Liên Việt. B. Mặt trận Đồng minh.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 135: ***Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?***

A. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.

C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

D. Củng cố được khối đoàn kết toàn dân.

Câu 136: ***Trình bày xuất xứ của đoạn văn sau đây: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta hãy đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian,đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi, lửa nóng".***

A. Trong thư của Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước.

B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

C. Trong lời Hịch của Mặt trận Việt Minh.

D. Trong Quân lệnh số 1 của Mặt trận Việt Minh.

Câu 137: ***Đội Cứu quốc quân ra đời đó là sự hợp nhất giữa hai tổ chức vũ trang nào***?

A. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.

B. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

C. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.

D. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

Câu 138: ***Việc xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức nào?***

A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Đội Cứu quốc quân.

C. Đội du kích Thái Nguyên.

D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 139: ***Năm 1942, tỉnh nào được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh?***

A. Cao Bằng. B. Bắc Cạn. C. Lạng Sơn. D. Tuyên Quang.

Câu 140: ***Đảng dân chủ Việt Nam đứng trong mặt trận Việt Minh vào thời gian nào?***

A. Tháng 5/1941. B. Tháng 6/1942.

C. Tháng 7/1942. D. Tháng 6/1944.

Câu 141: ***Những sách báo nào của Đảng trong thời kỳ 1939-1945, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng?***

A. "Tiếng Dân", "Tin Tức", "Thời Mới".

B. "Giải phóng", "Cờ giải phóng", "Chặt xiềng", "Cứu quốc", "Việt Nam độc lập", "Kèn gọi lính".

C. "Tin tức", "Thời mới", "Nhành lúa".

D. Câu A và C đúng.

Câu 142: ***Tổng bộ Việt Minh đã chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân "sắm vũ khí đuổi thù chung" vào thời gian nào?***

A. 5/7/1944. B. 16/8/1945. C. 7/5/1944. D. 13/8/1945.

Câu 143: ***Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người?***

A. Do đồng chí Võ Nguyên Giáp - Có 36 người.

B. Do đồng chí Trường Chinh – Có 34 người.

C. Do đồng chí Phạm Hùng- Có 35 người.

D. Do đồng chí Hoàng Sâm – Có 34 người.

Câu 144: ***Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của của các tổ chức nào?***

A. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.

B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.

C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.

D. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 145: ***Ngay trong đêm 9/3/1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?***

A. Cuộc đảo chính Nhật – Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.

B. "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

C. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 146: ***Khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật – Pháp" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" được nêu ra trong:***

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng(9.3.1945).

B. Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15/8/1945).

D. Đại hội quốc dân Tân Trào.

Câu 147: ***Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung thể hiện trong Nghị quyết nào của Đảng?***

A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (13 đến 15/8/1945).

C. Nghị quyết của Đại hội Quốc dân Tân Trào.

D. Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ngay trong đêm 9/3/1945.

Câu 148: ***Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?***

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh bạo lực.

C. Đấu tranh chính trị.

D. Đấu tranh ngoại giao.

CHƯƠNG III

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946)

BÀI 8

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Tại sao nói Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước của dân, do dân và vì dân?***

- Nêu những đóng góp của nhân dân đối với chính quyền Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

+ Tham gia tổng tuyển cử bầu Quốc hội vào ngày 6/1/1946, với hơn 90% cử tri trong cả nước tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo thể lệ phổ thông đầu phiếu.

+ Tham gia giải quyết nạn đói bằng việc thực hiện "hũ gạo tiết kiệm", "ngày đồng tâm"; đặc biệt tham gia lao động sản xuất, thực hiện khẩu hiệu: "Không một tấc đất bỏ hoang !" "Tấc đất tấc vàng !"

+ Tham gia xóa nạn mù chữ bằng phong trào bình dân học vụ; tham gia ủng hộ Chính phủ với khẩu hiệu "Tuần lễ vàng", "Quĩ độc lập".

Từ những sự kiện trên, hướng dẫn học sinh rút ra kết luận:

- Chính quyền Nhà nước do dân bầu ra.
- Chính quyền phục vụ cho nhân dân.
- Nhân dân có ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chính quyền của mình.

Bài tập 2: ***Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt, và khó khăn về tài chính?***

+ Nạn đói: Sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được khôi phục, năng suất lao động tăng lên. Nạn đói được đẩy lùi.

+ Nạn dốt: Đầu tháng 3/1946, Bắc bộ và Bắc Trung Bộ có 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên. Trường tiểu học, trung học phát triển mạnh. Nội dung giáo dục đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

+ Khó khăn tài chính: Đồng bào cả nước đã quyên góp được 20 triệu bạc và 370 kg vàng. Đến tháng 11/1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

Trên cơ sở trình bày các sự kiện trên, hướng dẫn học sinh rút ra ý nghĩa:

+ Thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

+ Thể hiện tính ưu việt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Tạo ra sức mạnh tổng hợp để đấu tranh chống kẻ thù.

+ Làm cho nhân dân tin tưởng vào chính quyền mới của cách mạng.

Bài tập 3: ***Vì sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trước tiên nổ ra tại Nam Bộ?***

+ Ngày 2/9/1945, Pháp đã xả súng bắn vào nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn.

+ Đặc biệt, đêm 22 rạng ngày 23.9.1945, được sự giúp sức của Anh, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy Ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Những hành động của thực dân Pháp đã trắng trợn chà đạp lên độc lập, chủ quyền của dân tộc ta mà trước hết là đụng đến đồng bào Nam Bộ. Nhân dân Nam Bộ đã kiên quyết đứng lên chống trả những hành động xâm lược của thực dân Pháp. Vì vậy, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xảy ra trước tiên ở Nam Bộ.

Bài tập 4: ***Sách lược của Đảng và Chính phủ đối với Pháp và Tưởng trong hai thời kỳ trước và sau 6/3/1946 có gì khác nhau? Tại sao lại có sự khác nhau như vậy?***

- Đứng trước tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta đã sử dụng sách lược mềm dẻo để phân hóa kẻ thù. Sách lược đó thể hiện sự khác nhau, đó là:

+ Trước 6/3/1946, hòa với Tưởng ở miền Bắc, tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ.

+ Sau 6/3/1946, hòa với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

- Sở dĩ có sự khác nhau đó vì:

+ Trước ngày 6/3/1946, ta nhân nhượng với Tưởng để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong lúc lực lượng của ta còn non yếu.

+ Sau khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ thì Pháp, Tưởng ký hiệp ước với Hoa - Pháp vào ngày 28/2/1946, theo đó Pháp nhượng cho Tưởng một số quyền lợi ở Trung Quốc và chấp nhận cho Tưởng vận chuyển hàng hóa từ Hải Phòng sang Hoa Nam, không phải đóng thuế; còn Tưởng chấp nhận cho Pháp đưa quân ra Bắc để cùng với Tưởng giải giáp phát xít Nhật.

+ Tình hình đó, đặt nhân dân ta trước hai con đường phải lựa chọn: hoặc cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Tưởng; hoặc hòa với một kẻ thù để đánh một kẻ thù. Ta đã lựa chọn con đường hòa với Pháp để dùng bàn tay của Pháp đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

Bài tập 5: ***Vì sao Chính phủ ta kí Hiệp định sơ bộ với Pháp? Tác dụng của việc ký Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9)1946?***

-. Đầu tiên ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ, nhưng sau đó hai kẻ thù của dân tộc ta xích lại gần nhau, cấu kết với nhau, đặt nhân dân ta trước hai sự lựa chọn (xem phần trên), ta đã chọn giải pháp có lợi nhất cho cách mạng, đó là hòa với Pháp bằng cách ký Hiệp định sơ bộ (6/3/1946).

- Tác dụng của việc ký Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước (19/4)1946:

+ Dùng bàn tay của Pháp đẩy 20 vạn quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi miền Bắc mà không tốn viên đạn nào.

+ Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi, vì cùng một lúc phải chống nhiều kẻ thù.

+ Tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp mà ta đã biết trước, thế nào cũng xảy ra.

Bài tập 6: ***Vì sao thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược cả nước ngay khi đánh chiếm Nam Bộ?***

- Ngay sau khi Pháp xâm lược Nam Bộ, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời chuẩn bị đối phó với âm mưu mới của Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước.

- Thực hiện chủ trương đó, nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã ủng hộ sức người và sức của cho đồng bào Nam Bộ kháng chiến chống Pháp.

- Tại Nam Bộ và ngay trong thành phố Sài Gòn, quân dân ta tiến hành chiến tranh du kích, kìm chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn xâm lược ra cả nước.

- Vấp phải tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân dân ta, quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi như: Nha Trang, Tuy Hòa, Buôn Mê Thuột và như vậy chúng không mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước được.

Bài tập 7: ***Chúng ta đã đạt được những thắng lợi gì qua việc ký với Pháp Hiệp định sơ bộ (6/3/1946). Nguyên nhân của những thắng lợi đó?***

- Những thắng lợi đạt được:

+ Pháp phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

+ Pháp chấp nhận ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để ta có thời gian hòa bình củng cố lại lực lượng.

+ Ta dùng bàn tay Pháp gạt Tưởng ra khỏi miền Bắc.

+ Ngăn chặn được cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ trên phạm vi cả nước.

- Nguyên nhân của thắng lợi đó.

+ Toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm giữ vững thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Đảng, Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị vô cùng sáng suốt: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, phân hóa cô lập kẻ thù, đã đưa nước nhà vượt qua thời khắc nguy hiểm, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

Bài tập 8: ***Chủ trương "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược" được Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng trong thời gian từ 9/1945 đến trước ngày 19/12/1946 như thế nào? Thắng lợi của chủ trương đó?***

- Chủ trương "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược".

+ Từ tháng 9/1945 đến trước ngày 6/3/1946, thực hiện việc nhân nhượng với Tưởng: Nhận cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc, chấp nhận của bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong Chính phủ, nhận tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" mất giá trị của Tưởng, Đảng phải lãnh đạo chính quyền, Hồ Chí Minh phải đứng đầu Chính phủ, độc lập, chủ quyền của đất nước phải được tôn trọng. Kiên quyết trừng trị bọn tay sai phản cách mạng.

+ Từ 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1946, thực hiện việc hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Ngày 28/02/1946, Pháp - Tưởng ký hòa ước Hoa - Pháp, theo hòa ước này Pháp nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, còn Tưởng chấp nhận cho Pháp đưa quân ra miền Bắc cùng Tưởng giải giáp phát xít Nhật, nhưng thực tế mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, ta chủ động hòa hoãn với Pháp để gạt 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng đối phó với cuộc chiến tranh với Pháp sau này. Việc hòa với Pháp bằng ký Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9/1946).

- Thắng lợi của chủ trương đó:

+ Chủ trương của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự sáng suốt, tài tình, khôn khéo, đưa nhân dân ta vượt qua những thử thách to lớn lúc đó và sẵn sàng tiến vào cuộc đấu tranh mà ta chắc chắn không thể tránh khỏi.

+ Tránh được cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, trong khi lực lượng của ta còn yếu.

Bài tập 9: ***Từ sau ngày 2/91945, đến trước ngày 19/12/1946, có những sự kiện•lịch sử đáng nhớ. Em hãy chọn 3 sự kiện nhỏ và ghi rõ nội dung của bảng sau đây: 6/9/1945, 5/10/1945, 23/9/1945, 6/1/1946, 6/3/1946, 22/5/1946.***

TT	Thời gian	Nội dung
1	23/9/1945	- Thực dân Pháp định áp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.
2	6/1/1946	- Tổng tuyên cử bầu quốc hội trong cả nước với 90% cử tri đi bầu và bầu được 333 đại biểu.
3	6/3/1946	- Chính phủ ta ký với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ.

Bài tập 10: ***Hãy nêu những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đưa Cách mạng Việt Nam vượt qua cơn hiểm nghèo sau Cách mạng tháng Tám 1945?***

- Cùng với Trung ương Đảng, Chính phủ đề ra biện pháp để giải quyết khó khăn về nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. Cùng với Trung ương Đảng, Chính phủ phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời kêu gọi nhân dân tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của Pháp, mở rộng chiến tranh ra cả nước.

- Chủ trương thực hiện sách lược mềm dẻo để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cứng rắn.

+ Vào ngày 6/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Pháp là Xanhtơni bản Hiệp định sơ bộ để kéo dài thời gian hòa hoãn nhằm chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Tranh thủ thời gian hòa bình, tháng 5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Hội liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) nhằm đoàn kết rộng rãi các tổ chức, các đảng phái và cá nhân chưa tham gia mặt trận Việt Minh.

+ Sau khi ký Hiệp định sơ bộ (6/3), thực dân Pháp tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ. Hơn nữa, cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ ta và chính phủ Pháp ở Phôngtennơblô không thành. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp Tạm ước 14.9.1946 tại Pari, tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa, đây là giới hạn cuối cùng của sự nhượng bộ.

Bằng việc ký Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9/1946), thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhờ đó chúng ta đập tan âm mưu của Pháp cấu kết với Tưởng để chống lại ta. Ta đã loại 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Làm cho bọn tay sai của Tưởng mất chỗ dựa. Đặc biệt nhân dân ta có thời gian hòa bình để xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bài tập 11: ***Hãy chọn ở cột B những câu trả lời thích hợp cho cột A***

A	B
1. Giải quyết khó khăn về kinh tế. 2. Giải quyết khó khăn về tài chính.	A. "Tuần lễ vàng", "Quỹ độc lập". B. "Ngày đồng tâm". C. "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất nhanh! Tăng gia sản xuất nữa!". D. Phát hành tiền giấy bạc Việt Nam (31/1/1946). E. Nhận tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" của Tưởng. G. Thực hiện giảm tô 25%. H. Khoán ruộng đất cho nông dân cày cấy. I. Lập ngân hàng quốc gia Việt Nam.

* **Giải đáp** : 1 - B, C, G 2 - A, D

Bài tập 12: ***Ý nghĩa thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền thời kì từ tháng 9/1945 đến tháng 12 năm 1946?***

- Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời kì từ tháng 9.1945 đến 12.1946 là thắng lợi to lớn và có ý nghĩa cực kì quan trọng:

+ Trên lĩnh vực xây dựng đất nước, những kết quả trong năm đầu của chế độ dân chủ cộng hoà về kinh tế, tài chính, văn hóa, góp phần tăng thêm sức mạnh cho Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh nhằm đánh bại âm mưu của Tưởng, chi viện tích cực cho Nam Bộ đánh thực dân Pháp và chuẩn bị thế lực cho nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

+ Trên lĩnh vực bảo vệ chính quyền cách mạng giữ vững nền độc lập dân tộc, những thắng lợi của toàn Đảng, toàn dân ta lại càng có ý nghĩa lớn lao. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã vượt qua những khó khăn thử thách hiểm nghèo nhất. Thắng lợi này còn chứng tỏ rằng, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đủ khả năng giữ vững chính quyền cách mạng.

+ Thắng lợi này có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, góp phần tăng thêm sức mạnh của các lực lượng cách mạng thế giới trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

- Những bài học kinh nghiệm:

+ Bài học về việc biết dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, biết phát huy cao độ sức mạnh sáng tạo của quần chúng nhân dân.

+ Bài học về biết lợi dụng và khai thác triệt để mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, xác định đúng kẻ thù chủ yếu, trước mắt, cô lập và tập trung lực lượng đánh đúng kẻ thù.

+ Bài học về biết tranh thủ khả năng hòa bình và phương pháp đàm phán thương lượng để giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng, đồng thời phải luôn chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan rộng quyết liệt và kéo dài.

+ Bài học về việc kết hợp giữa nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, xây dựng đi đôi với bảo vệ Tổ quốc.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 149: ***Khó khăn nào lớn nhất đưa chính quyền cách mạng nước ta sau ngày 2/9/1945 vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?***

A. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.

B. Nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng.

C. Âm mưu của Tưởng và Pháp.

D. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 150: ***Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu?***

A. Ngày 1/6/1946 Hà Nội.

B. Ngày 2/3/1946 Hà Nội.

C. Ngày 12/11/1946 Tân Trào - Tuyên Quang.

D. Ngày 20/10/1946 Hà Nội.

Câu 151: ***Câu nào dưới đây thuộc lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đó?***

A. "Không một tất đất bỏ hoang".

B. "Tất đất, tất vàng".

C. "Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!".

D. Tất cả các câu trên.

Câu 152: ***Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?***

A. "Ngày đồng tâm"

B. "Tuần lễ vàng".

C. "Quỹ độc lập".

D. Câu A và B đúng.

Câu 153: ***Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau đây:***

A. Đến đầu tháng 3/1946, riêng Bắc Bộ có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

B. Đến đầu tháng 3/1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

C. Đến đầu tháng 3/1946, riêng Bắc Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

D. Đến đầu tháng 3/1946, riêng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

Câu 154: ***Cao uỷ Pháp ở Đông Dương trong thời kỳ từ cuối năm 1945 đến 1947 là gì?***

A. Lơcơléc B. Bôlaéc C. Đácgiăngliơ D. Rơve.

Câu 155: ***Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?***

A. Ngày 2/9/1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết, và nhiều người bị thương.

B. Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.

C. Ngày 17/11/1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

D. Ngày 18/12/1946, thực dân Pháp gởi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.

Câu 156 ***Trước ngày 6/3/1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?***

A. Hòa với Tưởng để đánh Pháp.

B. Hòa với Pháp để đuổi Tưởng.

C. Hòa với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

D. Câu A và B đúng.

Câu 157: ***Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ ngày 6.3.1946 mà Chính phủ ta ký với Pháp là gì?***

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong Liên hiệp Pháp.

B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 158: ***Tạm ước 14/9/1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi nào?***

A. Một số quyền lợi về Kinh tế và Văn hóa.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc.

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Câu A và C đúng.

Câu 159: ***Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Tạm ước 14.9.1946 với Chính phủ Pháp tại đâu?***

A. Thành phố Đà Lạt. B. Phôngtennơblô.

C. Pari. D. Thủ đô Hà Nội.

Câu 160. Hãy điền các từ đúng vào câu sau đây: " Bằng việc ký Hiệp định Sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9/1946, chúng ta đã đập tan âm mưu của...............để chống lại ta".

A. Đế quốc Mỹ cấu kết với Tưởng. B. Đế quốc Pháp cấu kết với Tưởng.

C. Tưởng cấu kết với Pháp. D. Đế quốc Pháp cấu kết với Anh.

BÀI 9

NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946 –1950)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập1: ***Vì sao ta phải kháng chiến lâu dài? Quân dân ta đã làm gì để tổ chức kháng chiến lâu dài?***

- Giải thích theo các ý sau:

+ Địch thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, để phá sản âm mưu đó, ta phải đánh lâu dài.

+ So sánh lực lượng giữa ta và địch lúc đầu chênh lệch: địch mạnh hơn ta cả về quân sự, kinh tế.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh.

- Quân và dân ta đã làm gì:

+ Di chuyển cơ quan, kho tàng, máy móc, tổ chức nhân dân tản cư và ổn định đời sống của nhân dân... Các cơ quan Trung ương rút khỏi Hà Nội để đi lên chiến khu Việt Bắc.

+ Thực hiện tiêu thổ kháng chiến như phá cầu cống, phá đường sá, đặt các chướng ngại vật ra đường phố...

+ Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (chia cả nước thành 14 khu hành chính, Ủy ban hành chính chuyển thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

+ Đấu tranh kinh tế với địch bảo vệ sản xuất, xây dựng kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và tiến hành bồi dưỡng sức dân.

+ Duy trì phong trào bình dân học vụ, xây dựng trường lớp, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Bài tập 2: ***Thực dân Pháp mở rộng cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm thực hiện những mưu đồ gì? Chúng đã bị quân dân ta đánh trả và đã thất bại như thế nào?***

- Nêu rõ các âm mưu của thực dân Pháp đánh lên căn cứ địa Việt Bắc:

+ Tháng 3/1947, Pháp cử Bôlaec sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương thay cho Đácgiăngliơ, Bôlaec đã cho mở cuộc hành quân với qui mô lớn lên Việt Bắc nhằm:

+ Đánh phá căn cứ cách mạng, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.

+ Khóa chặt biên giới Việt - Trung ngăn chặn liên lạc giữa ta với thế giới bên ngoài.

+ Giành thắng lợi quyết định về quân sự để kết thúc nhanh chiến tranh ở Đông Dương.

- Mưu đồ của thực dân Pháp bị quân dân ta đánh bại hoàn toàn:

+ Ngày 15/10/1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp". Trên các mặt trận, quân dân ta đánh anh dũng chiến đấu phá tan cuộc hành quân của địch. Tại Bắc Cạn, quân địch nhảy dù xuống thị xã bị quân ta bao vây truy kích; trên sông Lô quân dân ta phục kích đánh địch ở Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau; trên đường số 14, quân ra tiêu diệt địch ở đèo Bông Lau.

+ Đến ngày 19/12/1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, ta loại khỏi vùng chiến hơn 6.000 tên địch. Căn cứ địa Việt Bắc được bảo đảm an toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành trong chiến đấu.

+ Với chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, quân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta. Thắng lợi này nói lên sự trưởng thành vượt bậc của ta, khả năng của quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công quân sự lớn của địch.

Bài tập 3: ***Chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch đã thu được kết quả ra sao? Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch?***

- Nêu kết quả của chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch:

+ Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, quân dân ta đã đẩy mạnh các hoạt động trừ gian, diệt ác, vận động ngụy binh, bao vây đồn địch.

+ Dân quân du kích còn ra sức chống càn, bảo vệ làng mạc. Quần chúng nhân dân phát huy nhiều sáng kiến đánh địch. Nhiều đội du kích dựa vào làng chiến đấu đã chống những trận càng lớn của địch như làng Cự Nẫm, Cảnh Dương (Quảng Bình), làng Việt Lại (Sơn Tây), đội du kích Lê Hồng Phong (Bình - Trị - Thiên)...

+ Cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích, bội đội chủ lực tích cực tập đánh vận động thu được nhiều thắng lợi lớn như: trận Nghĩa Lộ (18/3/1948), trận Yên Bình (1/6/1948)...

+ Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh của quần chúng ở các thành phố và khu công nghiệp cũng phát triển như ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn, v.v...

- Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch:

+ Duy trì, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến của ta.

+ Tiếp tục xây dựng và bảo vệ hậu phương kháng chiến của ta.

+ Làm rối loạn hậu phương của địch, góp phần làm phá sản chính sách "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp.

Bài tập 4: ***Các thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục trong những năm 1948 - 1949 và tác dụng của nó đối với sự nghiệp kháng chiến ra sao?***

- Những thành tựu:

* *Về chính trị:*

+ Đảng và Chính phủ đặc biệt chú trọng tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

+ Củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ quan trọng được Đảng hết sức quan tâm. Đến năm 1948, cả hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt đều thu hút đông đảo quần chúng.

+ Công tác vận động đồng bào miền núi, đồng bào công giáo, bà con người Hoa, quần chúng trong vùng địch tạm chiếm, công tác vận động ngụy binh... được coi trọng.

* *Về kinh tế:*

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng; kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm; ra sức xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc.

+ Tăng cường bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân bằng cách giảm tô 25%, cấp ruộng đất của thực dân Pháp, Việt gian và ruộng đất vắng chủ cho nông dân. Năm 1950, có sắc lệnh giảm tức, xóa nợ, hoãn nợ của nông dân vay địa chủ.

+ Cơ sở công nghiệp quốc phòng được xây dựng khá nhiều, với qui mô vừa là nhỏ ở khắp các vùng tự do và chiến khu. Đến 1949, cả nước có 130 xưởng sản xuất vũ khí, 21 cơ sở quân dược, 20 cơ sở sản xuất quân nhu...

* *Về văn hóa, giáo dục:*

+ Xây dựng nền văn hóa mới theo phương châm: dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Năm 1948, Hội nghị văn hóa toàn quốc được triệu tập, Hội nghị đã thông qua báo cáo của đồng chí Trường Chinh: "Chủ nghĩa Mác - Lênin và vấn đề văn hóa Việt Nam".

+ Phong trào chống mù chữ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Chương trình giáo dục phổ thông bắt đầu được cải tiến.

+ Công tác phát triển y tế, thực hiện vệ sinh phòng bệnh và chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng được chú trọng.

- Tác dụng:

+ Bộ máy chính quyền của ta ở các cấp được củng cố và xây dựng góp phần to lớn trong việc tổ chức, lãnh đạo kháng chiến thắng lợi và làm phá sản hệ thống chính quyền bù nhìn tay sai của địch.

+ Chính sách kinh tế đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhu cầu cho kháng chiến lâu dài.

+ Các chính sách văn hóa, giáo dục, y tế có tác dụng xây dựng cơ sở văn hóa của chế độ dân chủ nhân dân.

+ Tất cả các thành tựu đó có tác dụng củng cố và tăng cường hậu phương kháng chiến, là nhân tố quyết định thường xuyên đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Bài tập 5: ***Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra trước tiên ở các đô thị? Tác dụng của các cuộc chiến đấu trong các đô thị?***

- Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra trước tiên ở đô thị vì:

+ Sau khi Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9) được ký kết, thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, để thực hiện âm mưu đó, Pháp đã mở các cuộc tấn công trước tiên vào các đô thị nhằm đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta tại Hà Nội, tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đô thị.

+ Ta thực hiện cuộc chiến đấu ở các đô thị để tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

+ Đô thị là trung tâm kinh tế và chính trị, ta chiến đấu ở các đô thị chủ yếu là giam chân địch, thực hiện "vườn không nhà trống"

- Tác dụng:

+ Kìm chân địch lại, không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng.

+ Chặn đứng âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.

+ Tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào thời kỳ kháng chiến lâu dài.

Bài tập 6: ***Tại sao lại khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, đến chiến thắng Biên giới thu - đông 1950 là một bước phát triển của cuộc kháng chiến?***

- Trước hết, chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là chiến dịch mà:

+ Địch chủ động tấn công lên Việt Bắc để tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta nhằm giành thắng lợi quyết định về quân sự đi đến kết thúc nhanh chiến tranh. Còn ta chủ động phản công địch để *"phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc"*.

+ Trong chiến dịch này ta thực hiện kiểu chiến tranh du kích ngắn ngày, bao vây cô lập và chặn đánh các cuộc hành quân của địch.

+ Qua chiến dịch Việt Bắc, ta đã đánh bại chiến lược *"đánh nhanh, thắng nhanh"* của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Tiếp đến, chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, là chiến dịch:

+ Ta chủ động tấn công địch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thuận lợi mới, thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

+ Trong chiến dịch Biên giới, ta thực hiện cách đánh công kiên kết hợp với vận động dài ngày.

+ Qua chiến dịch Biên giới ta giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ), địch bị đẩy vào thế bị động đối phó.

Từ đó có thể khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc (1947) đến chiến thắng Biên giới (1950) là một bước phát triển của cuộc kháng chiến.

Bài tập 7: ***Đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh được thể hiện trong các văn kiện nào của Đảng ?***

- *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946),* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh cách mạng tiến công.

- *Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng ra ngày 22/12/1946) đã nêu rõ mục tiêu, tính chất, phương châm, cơ bản, chương trình của cuộc kháng chiến.

- Cuốn sách *"Kháng chiến nhất định thắng lợi"* của đồng chí Trường Chinh được xuất bản vào năm 1947, nhằm giải thích rõ hơn đường lối kháng chiến.

Bài tập 8: ***Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn viết: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa".***

Hãy nêu những sự kiện lịch sử thể hiện thiện chí của ta và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp trước ngày 19/12/1946.

- Thiện chí của ta là muốn hòa bình :

+ Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp Tạm ước 14/9/1946.

- Dã tâm xâm lược của thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước:

+ 27/11/1946, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

+ 17/12/1946, thực dân Pháp gây ra vụ thảm sát đồng bào ta ở phố Hàng Bún - Hà Nội.

+ 18/12/1946, chúng láo xược gởi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Bài tập 9: ***Kể tên các thành phố và đô thị diễn ra cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến? Thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?***

- Các thành phố, đô thị diễn ra cuộc chiến đấu:

Thị xã Hải Dương, Thành phố Hải Phòng, Thị xã Bắc Giang, Bắc Ninh, Thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng và thủ đô Hà Nội.

- Thành phố kìm chân địch lâu nhất: Hà Nội.

Bài tập 10: ***Ghi các sự kiện vào niên đại đã cho sau đây:***

1. 7/10/1947 : ....
2. 9/10/1947 : ....
3. 15/10/1947 : ....
4. 19/12/1947 : ....

Trả lời :

1. Thực dân Pháp huy động 12.000 quân, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc.
2. Binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, Sông Lô đánh lên Tuyên Quang bao vây Việt Bắc.
3. Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp".
4. Đại bộ phận quân pháp rút khỏi Việt Bắc.

Bài tập 11: ***Điền mệnh đề còn lại vào các câu sau đây:***

1. Theo kế hoạch của Pháp, Bắc Cạn là điểm gặp nhau giữa .... để tạo nên gọng kìm toàn bộ mặt sau Việt Bắc.
2. Theo kế hoạch của Pháp, Đại Thi là điểm gặp nhau giữa ....
3. Thu - đông 1947, quân Pháp bị tiêu hao nhiều sinh lực ở ....

Trả lời:

1. Giữa binh đoàn bộ binh hành quân theo đường số 4 và nhảy xuống Bắc Cạn.
2. Giữa binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy từ Hà Nội theo đường sông Hồng lên và binh đoàn bộ binh theo số đường 4.
3. Ở Bắc Cạn, Đoan Hùng, Bông Lau.

Bài tập 12: ***Trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, trận đánh nào diễn ra ác liệt nhất? Diễn biến của trận đánh đó?***

- Trận đánh ác liệt nhất là trận Đông Khê.

- Diễn biến của trận đánh: Mờ sáng ngày 16/9/1950, quân ta nổ súng tấn công vào cứ điểm ở Đông Khê, mở màn cho chiến dịch. Sau 54 giờ chiến đấu, sáng ngày 18/9, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, đẩy quân địch vào thế nguy khốn: Thất Khê bị uy hiếp, thị xã Cao Bằng bị cô lập; thế phòng thủ đường số 4 bị lung lay. Đến ngày 20.10.1950, địch phải rút khỏi các vị trí phòng ngự trên đường số 4.

Bài tập 13: ***So sánh chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, theo các tiêu chí sau:***

Tiêu chí so sánh	Chiến dịch Việt Bắc	Chiến dịch Biên giới
1) Chủ động tấn công địch.	Ta đánh bại và tấn công lên Việt Bắc của địch.	- Ta chủ động tấn công địch.
2) Quân địch bị loại khỏi vùng chiến.	6000 tên địch.	- 8.300 địch ở biên giới Việt – Trung. - 12.000 địch trong cả nước.
3) Giải phóng đất đai.	Ta bảo vệ được Việt Bắc.	Giải phóng biên giới Việt - Trung dài 750 km.
4) Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi.	- Bảo vệ được Việt Bắc, căn cứ đầu não của kháng chiến. - Làm phá sản âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch.	- Khai thông biên giới Việt – Trung. - Giành thế chủ động về chiến lược trên chiến trường chính.

Bài tập 14: ***Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đến chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 ?***

- Viết và đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào đêm 19/12/1946, để kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

- Kêu gọi nhân dân phá hoại đường sá, cầu cống để gây khó khăn cho Pháp ở các đô thị: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho Pháp không thể lợi dụng được".

- Cùng với Trung ương Đảng phát động phong trào thi đua Ái quốc (1948).

- Cùng với Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp" lên Việt Bắc.

- Trực tiếp nghiên cứu, phê chuẩn kế hoạch tác chiến, chỉ đạo các ngành ở Trung ương và địa phương đem hết sức mình phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

Bài tập 15: ***Hãy nêu những tấm gương chiến đấu dũng cảm trong trận đánh Đông Khê của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 của quân dân ta ? Hành động cụ thể của họ ?***

- Những tấm gương chiến đấu dũng cảm:

La Văn Cầu, Trần Cừ, Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi.

- Hành động cụ thể của họ:

+ La Văn Cầu: Nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi xông lên phá lô cốt địch.

+ Trần Cừ: Lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên diệt địch.

+ Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi: Nhiều lần lăn mình vào lửa đạn, cứu thương binh, tiếp đạn cho bộ đội.

Bài tập 16: ***Ngoài việc chiến đấu tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong các đô thị, quân dân ta còn làm gì để thực hiện kháng chiến lâu dài ?***

- Khẩn trương vận chuyển hàng vạn tấn máy móc, nguyên liệu, gạo, muối, vải từ những vùng địch có thể đánh chiếm về các khu an toàn để xây dựng cơ sở vật chất kháng chiến.

- Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, Đảng và Chính phủ đã chủ trương phá hoại để kháng chiến lâu dài, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được".

Bài tập 17: ***Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, đến chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta đã giành thắng lợi trên mặt trận kinh tế và văn hóa như thế nào? (trả lời theo bảng kê sau).***

Lĩnh vực	**Chủ trương của Đảng và Chính phủ**	**Ý nghĩa**
Kinh tế	- 3/1948: Phát động thi đua ái quốc đẩy mạnh sản xuất. - Xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự cấp, tự túc.	- Đảm bảo phục vụ nhu cầu kháng chiến. - Đảm bảo được kháng chiến lâu dài.
Văn hóa - giáo dục	- Hội nghị văn hóa toàn quốc (1948). - Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục hoạt động. - Giáo dục phổ thông ngày càng mở rộng.	- Đảm bảo kháng chiến lâu dài. - Văn hóa, văn nghệ cũng là mặt trận kháng chiến.

Bài tập 18: ***Những thắng lợi quan trọng của quân dân ta từ tháng 12 năm 1946 đến chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?***

- Từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện giành được những thắng lợi ngày càng to lớn trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa.

- Từ năm 1946 đến 1947, là giai đoạn cuộc kháng chiến bắt đầu được triển khai và mở rộng trên quy mô toàn quốc. Giai đoạn này chúng ta giành được những thắng lợi đầu tiên rất quan trọng: Chiến thắng ở Hà Nội và các thành phố lớn trong cuộc chiến đấu kìm chân địch, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về chiến khu Việt Bắc an toàn. Phát động chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, chống chính sách “Dùng người Việt đánh người Việt”, “Lấy chiến tranh, nuôi chiến tranh". Đập tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc, đánh bại âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Từ năm 1948 đến 1950, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện tiếp tục phát triển mạnh mẽ, vững chắc: Đảng chủ trương xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang với ba thứ quân, thực hiện từng bước từ chỗ phân tán bộ đội chủ lực với ba thứ quân, từng bước phân tán bộ đội chủ lực toả về các vùng sau lưng địch làm nòng cốt phát triển chiến tranh du kích. Tăng cường xây dựng cơ sở đảng, cơ sở quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, phá hoại kinh tế địch trong các thành phố tạm bị chiếm. Xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá kháng chiến nhằm bồi dưỡng sức dân và đáp ứng nhu cầu cấp thiết cho đời sống, sản xuất và chiến đấu. Đẩy mạnh hoạt động quân sự, bẻ gãy các cuộc càn quét của địch vào vùng tự do, chủ động mở chiến dịch Biên giới thu   đông 1950, tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới để nối liền cách mạng nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng dân chủ hoà bình thế giới.

- Những thắng lợi toàn diện của quân dân ta trong hơn bốn năm đầu của cuộc kháng chiến đã làm thay đổi từng bước so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo thế lực mới để đưa cuộc kháng chiến tiến lên.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 161: ***Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?***

A. Hội nghị ở Phôngtennơblô không thành công.

B. Pháp đánh chiếm Hải phòng (27/11/1946); Pháp gây ra sự thảm sát ở Hà Nội (17/12/1946); Pháp gởi tối hậu thư (18/12/1946).

C. Pháp đã kiểm soát thủ đô Hà Nội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 162: ***Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ lúc nào?***

A. Ngày 18/12/1946.   B. Đêm 19/12/1946.

C. Đêm 20/12/1946.   D. Ngày 22/12/1946.

Câu 163: ***Hiệu lệnh kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nổ ra đầu tiên ở đâu?***

A. Thái Bình.   B. Hải Phòng.

C. Hà Nội.   D. Tất cả các địa danh trên.

Câu 164: ***Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào?***

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946).

B. Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của ban thường vụ TW Đảng (22/12/1946).

C. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

D. Tất cả các văn kiện trên.

Câu 165: ***Trong cuộc chiến đấu ở các đô thị, thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?***

A. Hải phòng, Đà Nẵng. B. Hải phòng, Huế, Nam Định.

C. Hà Nội. D. Vinh.

Câu 166: ***Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra trong khoảng thời gian nào?***

A. Từ 19/12/1946 đến 2/1947. B. Từ 19/12/1946 đến 10/1947.

C. Từ 19/12/1946 đến 12/1947. D. Từ 19/12/1946 đến 8/1950.

Câu 167: ***Vì sao ta phải thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?***

A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng.

B. Từ đầu của cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

C. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 168: ***Chiến dịch Việt Bắc diễn ra trong thời gian nào?***

A. Từ 7/11 đến 19/12/1947. B. Từ 7/10 đến 19/12/1947.

C. Từ 7/10 đến 20/12/1947. D. Từ 16/8 đến 19/12/1947.

Câu 169: ***Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc là cánh quân nào?***

A. Một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn.

B. Một binh đoàn lính thủy từ Hà Nội dọc theo sông Hồng, sông Lô lên Thái Nguyên rồi vòng về Bắc Cạn.

C. Một bộ phận từ Lạng Sơn đến Cao Bằng rồi vòng về Bắc Cạn.

D. Một bộ phận từ Thái Nguyên đánh lên Bắc cạn.

Câu 170: ***Điền các địa danh trong chiến dịch Việt Bắc vào chỗ trống trong câu sau đây: "Trên sông Lô, quân và dân ta phục kích tại..........".***

A. Khoan Bộ, Bông Lau. B. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Bông Lau

C. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau. D. Đoan Hùng, Bông Lau, Khe Lau.

Câu 171: ***Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 là chiến dịch ta chủ động tấn công địch, đúng hay sai?***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 172. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì?

A. "Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước'.

B. "Phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ".

C. "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

D. "Tập trung quân Âu - Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai".

Câu 173: ***Trong những năm 1947-1948, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì?***

A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm.

C. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật.

D. Câu B và C đúng.

Câu 174: ***Cuộc biểu tình khổng lồ của 300.000 đồng bào ở Sài Gòn diễn ra vào thời gian nào?***

A. 9/1/1950. B. 15/2/1950. C. 19/3/1950. D. 16/8/1950.

Câu 175: ***Việc hoàn thành cơ bản thống nhất hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt vào thời gian nào?***

A. 1948. B. 1949. C. 1950. D. 1951.

Câu 176: ***Chủ trương cơ bản nhất của Đảng và Chính phủ trong những năm 1948 - 1950 trên lĩnh vực kinh tế là gì?***

A. Phát động phong trào thi đua ái quốc, đẩy mạnh sản xuất (3/1948).

B. Xây dựng kinh tế kháng chiến, tự cấp tự túc.

C. Bảo vệ mùa màng.

D. Câu A và B đúng.

Câu 177: ***Hãy điền những niên đại vào chỗ trống sau đây cho thích hợp:***

A. .... Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

B. .... Các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

C. .... Uỷ ban dân tộc giải phóng Campuchia thành lập.

D. .... Chính phủ kháng chiến Lào ra đời.

Câu 178: ***Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là:***

A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và thiết lập "hành lang Đông Tây" (Hải Phòng, Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La).

B. Xây dựng hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung du.

C. Lập phòng tuyến "boong ke" và "vành đai trắng" xung quanh Trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

D. Tất cả đều sai.

Câu 179: ***- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.***

- Khai thông biên giới Việt - Trung.

- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt - Bắc.

Đó là 3 mục đích chiến dịch nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình - Tây Bắc - Thượng Lào.

D. Câu A và B đúng.

Câu 180: ***Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là chiến dịch thực dân Pháp chủ động đánh ta để thực hiện âm mưu đánh lên Việt Bắc lần hai, đúng hay sai?***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 181: ***Khẩu hiệu nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là khẩu hiệu nào?***

A. "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc"

B. "Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược".

C. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!"

D. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".

Câu 182: ***Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 kéo dài trong thời gian nào dưới đây?***

A. 16/9/1950 đến 22/10/1950. B. 16/8/1950 đến 20/10/1950.

C. 16/8/1950 đến 22/10/1950. D. 18/9/1950 đến 20/10/1950.

Câu 183: ***Mở màn cho chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, ta đánh vào cứ điểm nào trên đường số 4?***

A. Cao Bằng. B. Đông Khê. C. Thất Khê. D. Đình Lập.

Câu 184: ***Thắng lợi lớn nhất trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là:***

A. Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. Tiêu diệt và bắt 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

C. Giải phóng dải biên giới Việt - Trung với chiều dài 750 km từ Cao Bằng đến Đình Lập.

D. Bộ đội ta đã phát triển với ba thứ quân.

BÀI 10

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1951 – 1953

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Trong kháng chiến chống Pháp, hậu phương kháng chiến được quan tâm xây dựng như thế nào? Tác dụng của hậu phương đối với cuộc kháng chiến?***

- Quá trình xây dựng hậu phương trong kháng chiến được thể hiện:

* *Về chính trị:*

+ Ngày 3/3/1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

+ Chính quyền dân chủ nhân dân các cấp được kiện toàn, trở thành công cụ động viên toàn dân tham gia kháng chiến, kiến quốc.

* *Về kinh tế:*

+ Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, xây dựng kinh tế trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp...

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng.

** Về bồi dưỡng sức dân:*

+ Chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức cải cách ruộng đất.

+ Ngày 1/5/1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I họp đã biểu dương những thành tích rực rỡ của phong trào thi đua ái quốc, cổ vũ tinh thần lao động sáng tạo của nhân dân.

** Về văn hóa giáo dục:*

+ Thực hiện cải cách giáo dục năm 1950.

+ Phong trào Bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tiếp tục phát triển.

+ Công tác vận động phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan... ngày càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

- Tác dụng của hậu phương:

+ "Hậu phương" là nhân tố thường xuyên quyết định đến thắng lợi của chiến trường trực tiếp góp phần vào thắng lợi trên mặt trận quân sự trong những năm 1951 - 1953 ; Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

+ Đáp ứng nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, đẩy mạnh sự nghiệp quốc phòng, tạo tiền đề (chính quyền, cơ sở kinh tế, văn hóa xã hội) để tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.

Bài tập 2: ***Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân ta luôn giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính như thế nào?***

- Từ cuối 1950 đến giữa 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phòng tuyến địch ở trung du và đồng bắc Bắc Bộ:

+ Chiến dịch trung du (Trần Hưng Đạo) từ 25/12/1950 đến 17/1/1951, quân ta đánh vào hệ thống phòng ngự của địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên.

+ Chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) từ 20.3 đến 7/4/1951, quân ta tấn công địch từ Phả Lại đến Uông Bí, tiêu diệt 14 vị trí địch.

+ Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung), từ 28.5 đến 20/6/1951, quân ta tấn công địch ở các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

+ Chiến dịch Hòa Bình: Từ ngày 9 đến 14/11/1951, Đờ Lát tập trung 20 tiểu đoàn mở chiến dịch đánh Hòa Bình. Địch dùng một bộ phận nhảy dù xuống Chợ Bến, Xuân Mai. Đồng thời cho hai cánh quân bộ thủy theo đường số 6 và sông Đà tiến ra thị xã Hòa Bình.

Ta xác định, địch đánh Hòa Bình là cơ hội để ta tiêu diệt chúng, vì thế ta quyết định mở chiến dịch Hòa Bình. Toàn bộ lực lượng địch đến Hòa Bình bị ta bao vây trong "vành đai lửa".

Sau ba tháng chiến đấu, quân ta đã giành được thắng lợi to lớn. Đến 23/2/1952, địch phải rút khỏi Hòa Bình.

+ Chiến dịch Tây Bắc: Vào 14/10/1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch ở Nghĩa Lộ, giải phóng Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu. Cuối 12/1952, chiến dịch Tây Bắc thắng lợi.

+ Chiến dịch Thượng Lào: Tháng 4.1953, bộ đội ta phối hợp với bộ đội Pa thét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phong Xa Lì.

- Nhìn chung từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950:

+ Ta giành, giữ và phát triển quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

+ Ta tiêu hao thêm nhiều sinh lực dịch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

+ Lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân.

Bài tập 3: ***Vì sao nói giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội tốt để cho ta tiêu diệt địch? Kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hòa Bình?***

- Giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội để ta tiêu diệt địch vì:

+ Sau một năm ra sức củng cố thế phòng ngự, tích cực bình định, tăng cường lực lượng và thu được một số kết quả, thực dân Pháp cho rằng đến lúc có thể phản công ta để giành lại quyền chủ động về chiến lược. Chúng đã đánh chiếm Hòa Bình.

+ Để đánh ra Hòa Bình, địch phải rút bớt quân ở vùng đồng bằng là cơ hội tốt để ta đánh địch. Ta vừa cho quân vây hãm, truy kích tiêu diệt địch trên mặt trận Hòa Bình, vừa đẩy mạnh hoạt động chống phá kế hoạch bình định đồng bằng Bắc Bộ của chúng, thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch.

- Kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Hòa Bình:

+ Kết quả: Tính chung cả mặt trận (chính diện và sau lưng địch), ta đã tiêu diệt 22.000 tên địch; tiêu diệt, bức hàng và bức rút hơn 1.000 đồn bốt, tháp canh. Các căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền với nhau thành thế liên hoàn vững chắc.

+ Ý nghĩa: Đây là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo phối hợp chiến đấu giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch, chiến trường chính với các chiến trường phối hợp, kết hợp giữa vận động chiến với du kích chiến, giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Bài tập 4: ***Hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của ta sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950? Để tiếp tục đưa cuộc kháng chiến tiến lên cần phải làm gì?***

- *Những thuận lợi:*

+ Sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, ta đã giành thế chủ động chiến trường chính (Bắc Bộ).

+ Bộ đội của ta ngày càng trưởng thành và lớn mạnh.

+ Các nước tiếp tục ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.

- *Những khó khăn:*

+ Thực dân Pháp dựa vào sự viện trợ của Mỹ, ra sức mở các cuộc càn quét gây cho ta những khó khăn nhất định.

+ Những tư tưởng sai lầm của ta nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

- *Để tiếp tục đưa kháng chiến trên lên cần:*

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Phê phán những sai lầm nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

+ Xác định nhiệm vụ cụ thể của cách mạng lúc bấy giờ.

Bài tập 5: ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951), có quyết định gì mới về Đảng so với các thời kỳ trước?***

- Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.
- Đưa Đảng ra hoạt động công khai.
- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một Đảng riêng của mình.

Bài tập 6: ***So với kế hoạch Rơve, kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi là một bước tiến hay một bước lùi trong cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương? Vì sao?***

- Kế hoạch Rơve thực hiện trong hoàn cảnh thực dân Pháp bị thất bại trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, kế hoạch mà chúng chủ động tấn công ta. Hệ thống phòng ngự trong kế hoạch Rơve được xây dựng trên đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng, gần chiến khu Việt Bắc của ta. Dự kiến của Pháp, sau khi xây dựng hệ thống phòng ngự trên đường số 4 sẽ tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai để giành thắng lợi quyết định về quân sự.

- Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi thực hiện trong hoàn cảnh Pháp bị thất bại trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, chiến dịch mà ta chủ động đánh Pháp. Hệ thống phòng ngự của Pháp trong kế hoạch Đờ Lát chủ yếu xây dựng ở trung du và đồng bằng, xa căn cứ của ta.

Như vậy, so với kế hoạch Rơve, kế hoạch Đờ Lát đơ Tát xi nhi là một bước thụt lùi trong quá trình thực hiện các kế hoạch chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. Vì đây là kế hoạch xây dựng trong thế yếu và thế thua của thực dân Pháp.

Bài tập 7: ***Hãy cho biết tên của Đảng ta qua các thời kỳ cách mạng theo bảng kê sau đây. Lúc nào Đảng ta hoạt động công khai, lúc nào hoạt động bí mật?***

Thời gian	Tên Đảng ta
2/3/1930	
10/1930	
2/1951	

Hướng dẫn trả lời :

- 3/2/1930 : Đảng Cộng sản Việt Nam. Hoạt động bí mật.
- 10/1930 : Đảng Cộng sản Đông Dương. Hoạt động bí mật.
- 2/1951 : Đảng Lao động Việt Nam. Hoạt động công khai.

Bài tập 8: ***Hãy nêu ba sự kiện chính trị lớn trong thời kỳ 1951 - 1953? sự kiện nào có tính chất quyết định nhất để đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tiến lên giành thắng lợi mới?***

- Ba sự kiện chính trị lớn nhất:
  + Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951).
  + Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt (3/1951).
  + Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc (5/1952).
- Sự kiện có tính chất quyết định nhất là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

Bài tập 9: ***Sau khi chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta giành những thắng lợi trên mặt trận quân sự. Hãy kể tên các chiến dịch đó và xác định chiến dịch nào là thắng lợi lớn nhất? Vì sao?***

- Nêu các chiến dịch trong những năm 1951 - 1953:
  + Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo), từ 25/12/1950 đến 17/1/1951
  + Chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám), từ 30/3 đến 7/4/1951.
  + Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung), từ 20/5 đến 20/6/1951.
  + Chiến dịch Hòa Bình, từ 10/11/1951 đến 23/2/1952.
  + Chiến dịch Tây Bắc, từ tháng 10/1952 đến 12/1952.
  + Chiến dịch Thượng Lào vào tháng 4/1953.
- Trong các chiến dịch trên, chiến dịch Hòa Bình là những thắng lợi lớn nhất của quân dân ta. Vì, với chiến dịch Hoà Bình thắng lợi, ta đã phá tan âm mưu của địch trong việc cố gắng giành lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương. Ta đã buộc địch phải co cụm về phòng ngự ở Bắc Bộ. Thắng lợi này đưa cuộc kháng chiến của ta tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ để tiến lên giành thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, kết thúc chiến tranh xâm lược của chúng ở Đông Dương.

Bài tập 10: ***Những người được biểu dương ở Đại hội anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc?***

1. Ai là anh hùng lực lượng vũ trang ?
2. Ai là anh hùng công nhân ?
3. Ai là anh hùng nông dân ?
4. Ai là anh hùng trí thức ?

Trả lời :

1. Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên
2. Ngô Gia Khảm
3. Hoàng Hoanh
4. Trần Đại Nghĩa .

Bài tập 11: ***Hãy trình bày những thắng lợi tiêu biểu của quân dân ta trong những năm 1951 – 1953?***

Sau chiến dịch Biên giới thu – đông 1950, đặc biệt là sau Đại hội lần thứ hai của Đảng, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn, đưa cuộc kháng chiến tiến lên. Những thắng lợi đó là:

- *Trên mặt trận chính trị:*

+ Tăng cường hiệu lực và vai trò của chính quyền cách mạng, phát huy sức mạnh chính trị của toàn Đảng, toàn dân.

+ Mặt trận Việt Minh và Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt.

+ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương được triệu tập, đánh dấu bước phát triển mới của khối liên minh chiến lược của ba nước Đông Dương.

- *Trên mặt trận kinh tế, văn hoá:*

+ Công cuộc xây dựng kinh tế, văn hoá tiếp tục được đẩy mạnh. Cùng với tăng cường phát triển nông nghiệp, công nghiệp quốc phòng, tiểu thủ công nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có những biện pháp thiết thực đẩy mạnh các hoạt động tài chính, thương nghiệp phục vụ chiến đấu.

+ Đến cuối năm 1953, Đảng ta chủ trương cải cách ruộng đất. Thắng lợi bước đầu của cải cách ruộng đất đã có ý nghĩa rất lớn đối với việc củng cố và phát huy sức mạnh toàn diện của hậu phương và động viên tinh thần chiến đấu, sản xuất của quân dân ta.

- *Trên mặt trận quân sự:*

+ Lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân đã triển khai thế phản công cục bộ trên chiến trường chính và chiến trường sau lưng giành được những thắng lợi quan trọng.

+ Từ cuối tháng 12/1950 đến tháng 4/1953 quân dân ta chủ động mở các chiến dịch đánh địch ở trung du, đồng bằng và miền núi: Chiến dịch Trung du (9/12/1950 đến 1/1951); Đường số 18 (3 đến 4/1951); Hà – Nam – Ninh (5 đến 6/1951); chiến dịch Hoà Bình (11/1951 đến 2/1952); Tây Bắc (10 đến 12/1952); Thượng Lào (4/1953).

+ Qua các chiến dịch trên đã tạo điều kiện cho quân dân ta giữ gìn và phát triển thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ. Vùng giải phóng được mở rộng. Bộ đội của ta phát triển với ba thứ quân.

+ Những thắng lợi to lớn và toàn diện của quân dân ta trong những năm 1951-1953 đã làm cho thế và lực của ta hơn hẳn địch, tạo điều kiện để đến chiến dịch Đông – Xuân 1953 – 1954 ta chủ động tiến hành cuộc tiến công chiến lược, đưa sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 185: ***"Gấp rút tập trung quân Âu, Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển ngụy quân". Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?***

A. Rơ ve.　　　　B. Na va.

C. Đờ Lat đơ - Tát xi nhi. D. Đờ cát.

Câu 186: ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp vào thời gian nào? Ở đâu?***

A. Từ 09 đến 19/2/1951. Tại Bắc Pó (Cao Bằng).

B. Từ 10 đến 20/2/1951. Tại Hà Nội.

C. Từ 10 đến 19/5/1951. Tại Tân Trào (Tuyên Quang).

D. Từ 11 đến 19/2/1951. Tại chiêm Hóa (Tuyên Quang).

Câu 187: ***"Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới". Đó là nhiệm vụ được nêu ra trong văn kiện nào?***

A. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.

B. Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.

C. Tuyên ngôn của Đảng.

D. Chính cương và Điều lệ mới của Đảng.

Câu 188: ***Đại hội lần thứ II của Đảng đã nêu rõ lực lượng của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gồm các thành phần nào?***

A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.

B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

C. Công nhân, nông dân.

D. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tiểu tư sản dân tộc và địa chủ.

Câu 189: ***Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ II quyết định đổi tên Đảng thành:***

A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 190: ***Vì sao Đại hội lần thứ II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?***

A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng.

B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến.

C. Đảng ta đã hoạt động công khai.

D. Đưa Đảng ta hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 191: ***Mặt trận Liên Việt ra đời vào thời gian nào?***

A. 19/2/1950. B. 5/6/1951. C. 3/3/1951. D. 3/6/1951.

Câu 192: ***Trong 7 anh hùng được chọn để biểu dương trong phong trào thi đua ái quốc (1/5/1952), có anh hùng nào tham gia trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?***

A. Cù Chính Lan, Trần Đại Nghĩa.

B. La Văn Cầu.

C. Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị.

D. Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh.

Câu 193: ***Để thực hiện bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, năm 1953, Đảng và Chính phủ có chủ trương gì?***

A. Triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất .

B. Thực hiện khai hoang với khẩu hiệu "Tấc đất tấc vàng".

C. Thực hành tiết kiệm.

D. Tất cả các chủ trương trên.

Câu 194: ***Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh địch ở Trung du và đồng bằng. Đó là những chiến dịch nào?***

A. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hoà Bình.

B. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Đường số 18.

C. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18, và chiến dịch Hà – Nam – Ninh.

D. Chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Hà – Nam – Ninh.

Câu 195: ***Chiến dịch Hòa Bình diễn ra và kết thúc trong thời gian nào?***

A. Từ tháng 11/1950 đến tháng 2/1951.

B. Từ tháng 11/1951 đến tháng 2/1952.

C. Từ tháng 11/1951 đến tháng 2/1953.

D. Từ tháng 11/1951 đến tháng 10/1952.

Câu 196: ***Trong chiến dịch Tây Bắc, quân ta đã giải phóng được các tỉnh nào?***

A. Toàn bộ tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.

B. Gần hết tỉnh Nghĩa Lộ, toàn bộ tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châ

C. Gần hết tỉnh Lai Châu, một phần tỉnh Nghĩa Lộ và Sơn La.

D. Gần hết các tỉnh Nghĩa Lộ, Sơn La, Lai Châu.

Câu 197: ***Trong chiến dịch Thượng Lào, quân dân Việt - Lào đã giải phóng:***

A. Toàn bộ tỉnh Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa và Phong xa lì.

B. Toàn bộ tỉnh Phong xa lì, gần hết tỉnh Sầm Nưa và Xiêng Khoảng.

C. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phong xa lì.

D. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, gần hết tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Phong xa lì.

Câu 198. Điền các niên đại vào các chiến dịch sau:

A. .... Chiến dịch Trung du.

B. .... Chiến dịch Đường số 18.

C. .... Chiến dịch Hà – Nam – Ninh.

D. .... Chiến dịch Hòa Bình.

E. .... Chiến dịch Tây Bắc.

F. .... Chiến dịch Thượng Lào.

Câu 199: ***Người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo được đặt tên cho chiến dịch nào?***

A. Chiến dịch Đường số 18 B. Chiến dịch Hà – Nam – Ninh.
C. Chiến dịch Hòa Bình. D. Chiến dịch Trung du.

Câu 200: ***Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, trong thời gian nào?***

A. Từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 đến 1951 – 1953.
B. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 đến 1953.
C. Từ những năm 1953 – 1954.
D. Câu A và B đúng.

BÀI 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Tại sao ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi như thế nào?***

- *Tại sao?*

+ Trước sự phá sản bước đầu trong kế hoạch quân sự Nava, địch quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một *"pháo đài không thể công phá"*, *"một vecđoong"* của thế kỷ XX *"một con nhím khổng lồ"* ở rừng núi Tây Bắc. Và biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

+ Vào ngày 6/12/1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh, nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không.

+ Quân đội ta đã trưởng thành và có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm.

+ Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn đảm bảo chi viện cho chiến trường.

Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm "Quyết chiến, chiến lược giữa ta và địch".

- Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi như thế nào ?

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt:

Đợt 1 (từ 13 đến 17/3/1954): Quân ta tấn công vào Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc (Độc Lập, Bản Kéo).

Đợt 2 (từ 30/3 đến 26/4/1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào các cao điểm phía đông khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là đồn A_1, C_1. Vùng vây khép chặt, dần dần đường tiếp tế bằng hàng không bị cắt đứt.

Đợt 3 (từ 1/5 đến 7/5/1954) : Quân ta đồng loạt tấn công vào khu trung tâm Mường Thanh và phân khu phía Nam, chiều ngày 7.5 quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch. Đến 17 giờ 30 phút ngày 7/5 lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" bay lên nóc hầm Đờ Caxtơri. Chiến dịch toàn thắng.

+ Kết quả của chiến dịch: Sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ: 16/200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất kỹ thuật. Đập tan kế hoạch Nava và mọi mưu đồ của đế quốc Pháp - Mỹ.

Bài tập 2: ***Âm mưu của Pháp - Mỹ trong việc chiếm đóng, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ?***

- Ngày 20/11/1953, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, khi đến Điện Biên Phủ các Tướng tá Pháp - Mỹ thấy rằng, Điện Biên Phủ là một địa bàn rất quan trọng nằm giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh có núi bao bọc.

- Với vị trí địa lý của Điện Biên Phủ, về lâu dài chúng muốn biến nơi đây thành một căn cứ lục quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu xâm lược Đông Nam Á.

- Để thực hiện ý đồ đó, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh gồm 49 cụm cứ điểm được chia thành 3 phân khu : Phân khu phía Bắc, phân khu trung tâm Mường Thanh và phân khu Hồng Cúm với phía Nam.

- Với cách bố trí phòng ngự như vậy, các tướng tá của Pháp - Mỹ đều chủ quan cho rằng Điện Biên Phủ là một *"pháo đài không thể công phá"*, một *"vecđoong"* của thế kỷ XX, một *"con nhím khổng lồ"* của núi rừng Tây Bắc và từ đó chúng ngạo mạn tuyên bố rằng: Nếu bộ đội ta đánh lên Điện Biên Phủ sẽ không tránh khỏi bị nghiền nát.

Bài tập 3: ***Trước những âm mưu và hành động mới của Pháp - Mỹ, Đảng ta đề ra chủ trương như thế nào trong Đông - Xuân 1953 - 1954?***

- *Phương hướng chiến lược:*

Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai. Buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó với ta ở những vùng xung yếu mà chúng không thể bỏ. Tạo cho ta có những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch.

- *Phương châm tác chiến*: Tích cực chủ động, cơ động linh hoạt, đánh chắc, tiến chắc.

Bài tập 4: ***Những sự kiện nào chứng tỏ chủ trương chiến lược của Đảng ta trong Đông - Xuân 1953 -1954 là đúng đắn?***

- Những thắng lợi đầu tiên: Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng 2 thị xã, 2 tỉnh, buộc địch phải phân tán thành 5 nơi tập trung quân, kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

- Khi địch biến Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch Nava, ta quyết định tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ, chiến dịch thắng lợi rực rỡ.

- Tất cả điều đó chứng tỏ sự đúng đắn của phương hướng chiến lược trong Đông - Xuân 1953- 1954 của Đảng ta.

Bài tập 5: ***Điền những từ trong câu về mục tiêu và các bước của kế hoạch Nava?***

A. Với kế hoạch Nava, Pháp hy vọng trong vòng 18 tháng sẽ........................

B. Bước 1 của kế hoạch Nava từ thu - đông 1953 - xuân 1954 sẽ..............

C. Bước 2 của kế hoạch Nava là trong thời gian.............................sẽ đưa quân ra Bắc thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quyết định.

Trả lời: **A.** chuyển bại thành thắng.

B. giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược miền Nam

C. từ mùa thu 1954.

Bài tập 6: ***Nội dung nào phù hợp với các mục A, B?***

A. Kế hoạch quân sự Nava bước đầu bị phá sản.

B. Kế hoạch Nava bị phá sản hoàn toàn.

1. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ.
2. Địch điều quân từ Bắc Bộ sang Trung Lào ứng chiến cho Sênô.
3. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
4. Địch điều quân từ Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên.
5. Địch tăng cường lực lượng cho Luông Phabăng và Mường Sài.

Trả lời: A: 1 , 2 , 4 , 5. B: 3

Bài tập 7: ***Dựa vào các câu thơ sau đây của Tố Hữu, phân tích vai trò của chiến thắng Điện Biên Phủ với Hội nghị ngoại giao ở Giơnevơ:***

"Anh Phạm Văn Đồng!
Ở đó chắc đêm nay không ngủ
Tin đây anh, Điện Biên Phủ hoàn thành".

+ Ngày 26/4/1954, khi ta giành thắng lợi trong đợt tấn công thứ hai, ở Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương được khai mạc.

+ Ngày 8/5/1954, phái đoàn của ta do phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị. Cuộc đấu tranh trong Hội nghị diễn ra căng thẳng, quyết liệt, ta kiên quyết giữ vững lập trường: độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Với thắng lợi quyết định của ta ở Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải chấp nhận ký kết Hiệp định Giơnevơ vào 21/7/1954, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương.

Bài tập 8: ***Nêu điểm khác nhau cơ bản giữa Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) với Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) để thấy bước tiến của ta trong đấu tranh ngoại giao?***

+ Điểm khác nhau cơ bản: Hiệp định sơ bộ (6/3/1946), chính phủ Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do, nằm trong Liên hiệp Pháp và trong liên bang Đông Dương. Còn trong Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954), Pháp và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương.

+ Trong lúc ký Hiệp định sơ bộ do ta còn yếu hơn địch nên ta phải chấp nhận các điều khoản đó. Đây là sách lược mềm dẻo để phân hoá kẻ thù. Còn trong khi ký Hiệp định Giơnevơ ta đã giành được thắng lợi quyết định ở Điện Biên Phủ, quyết định sự thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương.

+ So với Hiệp định sơ bộ, Hiệp định Giơnevơ là một bước tiến vượt bậc trong đấu tranh ngoại giao của ta.

Bài tập 9: ***Hãy nêu vắn tắt chiến công của anh hùng Tô Vĩnh Diện và Phan Đình Giót trong chiến dịch Điện Biên Phủ?***

+ Tấm gương hy sinh của anh hùng Tô Vĩnh Diện:

"*Khi quân ta kéo pháo vào trận địa, pháo đang kéo lên dốc, bỗng nhiên dây cáp đứt, khẩu pháo đang trên đà lăn xuống vực, làm thế nào để ngăn khẩu pháo lại? Trong phút nguy nan ấy, Tô Vĩnh Diện đã lao mình vào bánh pháo...*".

+ Tấm gương hy sinh của anh hùng Phan Đình Giót: "*Ngày 13/3, quân ta tấn công Him Lam. Sau một đợt pháo bắn yểm hộ, bộ binh ta tiến lên chiếm các cứ điểm. Đại đội bộc phá của anh hùng Phan Đình Giót được lệnh tiến lên trước. Địch bắn ráo riết, tuy bị thương vong nhiều nhưng các chiến sĩ bộc phá vẫn tiến và phá được 4 hàng rào, một mảng lô cốt số 1. Anh Giót đã bị thương song lô cốt 3 vẫn phụt lửa như mưa, ngăn bước tiến của đồng đội. Anh quyết định bò lên dưới làn mưa đạn, đến tận chân tường lô cốt 3, rồi nhổm lên áp chặt lưng vào lỗ châu mai. Hoả lực của địch tắt hẳn, xung kích của ta ào ạt xông lên. Nửa giờ sau lá cờ chiến thắng của ta phất cao trên cứ điểm Him Lam.*

Bài tập 10: ***Những thắng lợi cơ bản trên các mặt trận của quân dân ta từ năm 1946 đến 1954?***

- Do sự phản bội của thực dân Pháp, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đây là cuộc kháng chiến toàn dân, được tiến hành trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hoá và thắng lợi của cuộc kháng chiến mang tính toàn diện.

+ *Trên mặt trận chính trị – ngoại giao*, ngay từ sau Cách mạng tháng Tám, Đảng và Chính phủ vừa kiên quyết đấu tranh chống bọn thực dân đế quốc, vừa chủ trương mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Từ đầu năm 1950, Chính phủ ta lần lượt được chính phủ các nước công nhận, đặt quan hệ ngoại giao, đồng tình ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta kháng chiến, tiếp sau

Trung Quốc (18/1/1950) và Liên Xô(31/1/1950) và các nước dân chủ nhân dân khác.

Nhân dân ba nước trên bán đảo Đông Dương thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung. Hội nghị cấp cao ba nước họp ngày 13/3/1951, thành lập liên minh Việt - Miên - Lào. Chúng ta tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới, đặc biệt nhân dân Pháp, nhân dân các nước thuộc địa phụ thuộc và các nước xã hội chủ nghĩa.

+ *Trên mặt trận quân sự,* quân dân ta càng đánh càng thắng, địch càng đánh càng thua.

Mở đầu kháng chiến toàn quốc chống Pháp (19/12/1946) quân dân ta chủ động tiến công quân Pháp ở thủ đô Hà Nội và các đô thị khác ở phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra Bắc) nhằm tiêu hao, kìm chân địch, phá tan âm mưu *"đánh úp"* của chúng, chuyển đất nước sang thời chiến, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện.

Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, là chiến dịch phản công đầu tiên của ta giành thắng lợi. Trong những năm 1948-1949, ta phân tán phần lớn bộ đội chủ lực chính quy thành những *"đại đội độc lập"* đi sâu vào vùng địch tạm chiếm, giúp địa phương xây dựng cơ sở kháng chiến, tổ chức lực lượng vũ trang với ba thứ quân, phát động chiến tranh du kích, biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta.

Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên mà quân dân ta đã giành được thắng lợi.

Sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta mở liên tiếp những chiến dịch, tiến công vào quân địch ở chiến trường rừng núi, cả các chiến trường trung du và đồng bằng, nhằm phá tan âm mưu đẩy mạnh chiến tranh của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, giữ vững thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

Thắng lợi lớn nhất là chiến cuộc đông - xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (từ 13/3/1954 đến 7/5/1954) đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Chiến thắng quyết định này đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

+ *Trên mặt trận kinh tế - tài chính, văn hóa, giáo dục*, thực hiện nhiệm vụ *"kháng chiến - kiến quốc"*, nhân dân ta đã xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Về kinh tế, trong kháng chiến nhân dân ta vừa ra sức phá hoại kinh tế địch, đánh bại âm mưu *"lấy chiến tranh nuôi chiến tranh"* của chúng, vừa đẩy mạnh xây dựng kinh tế của ta, làm cho nền kinh tế của ta có khả năng tự cấp, tự túc.

Chính phủ đã đề ra nhiều chính sách về kinh tế - tài chính nhằm phát triển sản xuất, huy động sự đóng góp của nhân dân cho kháng chiến, phục vụ đời sống. Đồng thời Chính phủ lo bồi dưỡng sức dân như: phát triển kinh tế nông nghiệp, giảm tô, giảm tức đi đến cải cách ruộng đất, phát triển công nghiệp vừa phục vụ dân sinh vừa phục vụ quốc phòng.

Về văn hoá giáo dục, tiếp tục mở rộng phong trào *"Bình dân học vụ"*, xoá mù chữ, mở rộng phong trào *"Bổ túc văn hoá"* nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và nhân dân. Mở trường phổ thông các cấp ở vùng tự do, các căn cứ kháng chiến cho con em lao động. Tiến hành cải cách giáo dục (1950) để đào tạo thế hệ trẻ theo đúng quan điểm đường lối giáo dục của Đảng.

+ Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, cùng với sự ủng hộ của nhân dân thế giới, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Bài tập 11: ***Từ thực tế trên chiến trường Đông Dương, hãy cho biết:***

- Nava có thực hiện điểm then chốt trong kế hoạch của mình không? Vì sao?

- Việc xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có nằm trong kế hoạch ngay từ đầu của Nava không?

** Nava có thực hiện điểm then chốt trong kế hoạch của mình không?*

Ngay từ đầu trong kế hoạch của mình, Nava cho tập trung lực lượng phòng ngự ở Bắc Bộ, nhưng ta đã phân tán lực lượng địch buộc chúng phải đối phó với ta ở những vùng xung yếu mà chúng không thể bỏ. Trước âm mưu và hành động của địch, tháng 9/1953, Bộ chính trị, TW Đảng đã thông qua chủ trương chiến lược của ta trong đông - xuân 1953 – 1954:

Tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta trên những điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ. Do phải phân tán binh lực, mà tạo điều kiện thuận lợi mới cho ta tiêu diệt thêm từng bộ phận của chúng. Phương châm chiến lược của ta là: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kỳ thắng, không chắc thì kiên quyết không đánh.

** Các cuộc tiến công quân sự (kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản).*

- Tháng 11/1953, quân ta tấn công lên thị xã Lai Châu, bao vây Điện Biên Phủ. Sau 10 ngày, quân ta giải phóng toàn bộ thị xã Lai Châu, tiêu diệt 24 đại đội địch. Nava buộc phải điều 6 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành nơi *tập trung quân thứ hai* của địch (sau đồng bằng Bắc Bộ).

- Đầu tháng 12/1953, cùng với quân dân Pathét Lào, ta tiến công Trung Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộn uy hiếp Sênô. Địch phải điều quân từ Bắc Bộ xuống Sênô biến Sênô thành nơi *tập trung quân thứ ba* của địch.

- Đầu tháng 2/1954, ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên giải phóng Kon Tum, uy hiếp Plâycu, buộc địch phải điều quân lên Nam Tây Nguyên, biến Playcu trở thành nơi *tập trung quân thứ tư* của địch.

Cùng thời gian này, ta tấn công sang Thượng Lào. Quân đội nhân dân Việt Nam và quân Pathét Lào đã tấn công quân địch ở lưu vực sông Nậm Hu, giải phóng Phongxalì, uy hiếp Luông Phabang, địch phải tăng cường cho Luông Phabang và Mường Sài, biến nơi này thành nơi *tập trung quân thứ năm* của địch.

Ngoài ra, ta còn đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, phá đường giao thông, sân bay, kho tàng của địch, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta.

Như vậy, kế hoạch tập trung quân cơ động lớn của Nava không thực hiện được do ta tấn công nhiều hướng chiến lược khác nhau, địch buộc phải phân tán lực lượng đối phó với ta ở những vùng xung yếu mà chúng ta không thể bỏ. *Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.*

Trước tình thế bị động, Nava quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương, gồm: 49 cứ điểm, 2 sân bay được bố trí thành 3 phân khu:

- Phân khu phía Bắc gồm: Độc lập, Bản Kéo, Him Lam.
- Phân khu trung tâm: Ở giữa cánh đồng Mường Thanh, nơi đặt cơ quan chỉ huy, có trận địa pháo binh, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2.3 lực lượng địch.
- Phân khu phía Nam: Gồm một cụm cứ điểm có trận địa pháo binh và sân bay Hồng Cúm.

Tổng số quân địch ở Điện Biên Phủ lên đến 16.200 tên, phần lớn là quân tinh nhuệ ở Đông Dương. Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava. Với cách bố phòng như vậy các tướng tá Pháp, Mĩ đều nhận xét rằng: *"Điện Biên Phủ là một pháo đài không thể công phá", "Một con nhím khổng lồ"* giữa núi rừng Tây Bắc *"một Vécđoong không thể công phá"*.

* *Chủ trương của ta:*

- Khi Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava. Vào tháng 6/12/1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ có thể tiếp tế bằng đường không.

+ Quân đội ta ngày càng trưởng thành và đã có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm.

+ Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn đảm bảo chi viện cho chiến trường.

- Trên cơ sở phân tích tình hình, TW Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Biến Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và địch. Với khẩu hiệu *"Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ"*. Đến ngày 25/1/1954, mọi việc chuẩn bị xong, bộ đội ta đã đến vị trí xuất phát tiến công với phương châm lúc đầu: *"Đánh nhanh, giải quyết nhanh"*.

Nhưng sau khi kiểm tra cân nhắc kỹ các mặt, đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi phương châm tác chiến: Từ *"đánh nhanh, thắng nhanh"*, sang *"đánh chắc, tiến chắc"* nhằm đảm bảo yêu cầu thắng lợi.

** Diễn biến của chiến dịch: Chiến dịch trải qua 3 đợt.*

Đợt 1: (Từ 13/3 đến 17/3/1954): Quân ta tấn công vào Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc (Độc lập, Bản kéo) tiêu diệt và bắt sống gần 2000 tên địch, phá huỷ 26 máy bay. Đợt tấn công này đã làm cho tinh thần của binh lính Pháp ở Điện Biên Phủ suy sụp nhanh chóng.

Đợt 2: (Từ 30/3 – 26/4/1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào các cao điểm phía Đông khu trung tâm Mường Thanh, như đồi : E_1, C_1, C_2, A_1 .. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là ở đồn A_1, C_1. Vòng vây khép chặt, dần dần đường tiếp tế bằng hàng không đã bị cắt đứt. Quân địch ở Điện Biên Phủ rơi vào tình thế khốn quẫn.

Đợt 3: (Từ ngày 1/5 đến 7/5/1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào khu trung tâm Mường Thanh và phân khu phía Nam, lần lượt tiêu diệt các căn cứ đề kháng của của địch. Chiều ngày 7/5 quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch, đến 17h30 ngày 7/5 tướng Đờ Cáxtơri cùng toàn bộ ban tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống. Lá cờ *"Quyết chiến quyết thắng"* của quân dân ta phất phới tung bay trên nóc hầm Đờ Caxtơri. Chiến dịch toàn thắng.

** Kết quả:*

- Sau 56 ngày đêm chiến đấu quân ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Gồm 16.200 tên trong đó có 1 thiếu tướng, 16 đại tá và trung tá.
- Hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật của địch.
- Đập tan kế hoạch quân sự Nava và mọi mưu đồ chiến lược của đế quốc Pháp – Mĩ.

Như vậy, cuộc tấn công của ta trong đông – xuân 1953 –1954, đã làm cho Nava không thực hiện được điểm then chốt trong kế hoạch của mình. Việc xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh không nằm trong dự kiến từ đầu, đó là nguyên nhân làm cho sự thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ là tất yếu.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 201: ***Nava là một tên tướng tài của Mỹ được cử sang Đông Dương để làm cố vấn kiêm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, đúng hay sai?***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 202: ***Hội đồng chính phủ và Hội đồng quốc phòng Pháp thông qua kế hoạch quân sự Nava vào thời gian nào?***

A. 5/1953. B. 6/1953. C. 7/1953. D. 8/1953.

Câu 203: ***Trong bước I của kế hoạch quân sự Nava, chủ yếu làm gì?***

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

B. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 204: ***Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong đông - xuân 1953 - 1954?***

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông - xuân 1953-1954.

Câu 205: ***Việc tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh có nằm trong kế hoạch ngay từ đầu của Nava không?***

A. Có. B. Không.

Câu 206: ***Từ cuối 1953 đến đầu 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?***

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sènô, Luông phabang.

B. Điện Biên Phủ, Sènô, Plâycu, Luông phabang.

C. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâycu, Luông phabang.

D. Điện Biên Phủ, Sênô, Plâycu, Sầm Nưa.

Câu 207: ***Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì***

A. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

B. "Thà hy sinh tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ".

C. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!"

D. Câu B và C đúng.

Câu 208: ***Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biện phủ?***

A. 30/3 đến 26/4/1954. B. 30/3 đến 24/4/1954.

C. 015 đến 5/7/1954. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 209: ***Vì sao kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ ta thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật?***

A. Vì địch không vận chuyển kịp. B. Vì cách xa hậu cứ của địch.

C. Vì địch bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 210. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như:.............................. của thế kỷ XX".

A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm - Xoài Mút, một Đống Đa.

D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

Câu 211: ***Từ lúc Hội nghị Giơnevơ khai mạc đến lúc những văn bản của Hội nghị được ký kết mất khoảng thời gian bao lâu?***

A. 90 ngày. B. 75 ngày. C. 85 ngày. D. 95 ngày.

Câu 212: ***Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơnevơ?***

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7/1956.

D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người ký Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

Câu 213: ***Trong các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946-1954) nguyên nhân nào quyết định nhất?***

A. Có một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng.

B. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng.

C. Có hậu phương vững chắc.

D. Có tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 214: ***"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh....". Đó là câu nói của ai?***

A. Võ Nguyên Giáp. B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Trường Chinh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 215: ***Hãy điền niên đại cho sẵn vào các sự kiện lịch sử sau:***

1. 2/1947	A. ....Quân ta tấn công thị xã Lai Châu.
2. 19/12/1947	B. ....Chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc".
3. 15/10/1947	C. ....Đội tự vệ của ta rút khỏi các đô thị.
4. 16/9/1950	D. ....Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Hội quốc dân Việt Nam
5. 3/3/1951	E. ....Hiệp định Giơnevơ được ký kết.
6. 1/5/1952	G. ....Khai mạc hội nghị Giơnevơ.
7. 10/12/1953	H. ....Quân ta nổ súng đánh cụm cứ điểm Đông Khê
8. 3/12/1953	I............Đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc
9. 26/4/1954	K. ....Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất.
10. 21/7/1954	L. ....Nava quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm.

CHƯƠNG V

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 –1975)

BÀI 12

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI (1954 –1975)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Cách mạng từng miền Bắc – Nam có yêu cầu, nhiệm vụ gì? Giữa hai miền có mối quan hệ như thế nào?***

* ***Miền Bắc:*** Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm cải tạo về căn bản cơ cấu kinh tế – xã hội, xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa, đủ sức làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam.

* ***Miền Nam:*** Tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ ách thống trị của bè lũ đế quốc Mĩ và tay sai để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Tuy thực hiện hai nhiệm vụ khác nhau, nhưng nhiệm vụ cách mạng của hai nước có mối quan hệ khăng khít và tác động thường xuyên lẫn nhau. Miền Bắc là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam, miền Nam tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc để đi đến thống nhất đất nước. Hai miền có mối quan hệ khăng khít với nhau vì:

+ Đều thực hiện mục tiêu chung là: tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

+ Đều đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

+ Đều được tiến hành bằng sức mạnh của quần chúng, cách mạng đã được cấu kết trong đấu tranh lâu dài chống ngoại xâm của dân tộc và quyết tâm theo Đảng mấy chục năm qua.

Trong mối quan hệ đó, cách mạng mỗi miền có một vị trí quan trọng của mình

+ Miền Bắc đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước.

+ Miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với việc đánh bại đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai, góp phần bảo vệ miền Bắc tiến tới hòa bình thống nhất đất nước.

Như vậy "Một Đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm thời bị chia cắt làm đôi, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau đó là đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta".

Nhận thức đúng đặc điểm này, Đảng ta đã đề ra và lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối: Kết hợp, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta tới thắng lợi vẻ vang.

Bài tập 2: ***Tại sao Đảng chủ trương tiến hành đồng thời ở hai miền Bắc – Nam hai chiến lược cách mạng khác nhau trong thời kì 1954 – 1975? Nội dung và ý nghĩa của chủ trương đó?***

- Xuất phát từ đặc điểm cách mạng tình hình đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, cách mạng ở mỗi miền có yêu cầu riêng, vì vậy Đảng đề ra chủ trương trên.

- Nội dung của chủ trương đó là: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Mỗi chiến lược có những nhiệm vụ cụ thể:

  + Xây dựng đất nước trở thành nước mạnh, dân giàu, bảo vệ Tổ quốc trong thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

  + Chống đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc, giành tự do cho nhân dân trong thời kì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam.

- *Ý nghĩa của những chủ trương đó*: Chủ trương sát hợp và đúng đắn với hoàn cảnh từng miền, vì vậy có tác dụng thúc đẩy cách mạng mỗi miền phát triển. Chủ trương đó đã phát huy được khả năng cách mạng ở mỗi miền và sức mạnh tổng hợp của cách mạng hai miền trong cuộc đấu tranh chung.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 216: ***Ghi sự kiện phù hợp vào niên đại các câu sau:***

A. 10/10/1954....................
B. 01/01/1955 ....
C. 16/5/1955....................
D. 22/5/1955....................

Câu 217: ***Ngô Đình Diệm được Mĩ dựng lên làm thủ tướng bù nhìn ở miền Nam Việt Nam để thay cho ai? Vào thời gian nào?***

A.Thay cho Bảo Đại – 21/7/1954.
B. Thay cho Bửu Lộc – 7/7/1954.
C. Thay cho Đồng Khánh – 7/7/1954.
D. Thay cho Dương Văn Minh – 12/7/1954.

Câu 218: ***Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, tập II, trang 113 có ghi rõ nội dung của Hiệp định Gienevơ gồm 4 điểm a, b, c, d. Vậy Ngô Đình Diệm trắng trợn từ chối và phá hoại việc thống nhất Việt Nam đã vi phạm điểm thứ mấy?***

A. Điểm a. B. Điểm b. C. Điểm c. D. Điểm d.

Câu 219: ***Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau 1954?***

A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ.

B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Đấu tranh chống Mĩ, Diệm.

D. Câu A và C đúng.

Câu 220: ***Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?***

A. Tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ, Diệm.

B. Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

C. Cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 221: ***Điền vào chỗ trống các câu sau đây: "Cách mạng miền Bắc.......... đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước, đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.***

Câu 222: ***Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?***

A. Có vai trò quan trọng nhất. B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp. D. Có vai trò quyết định nhất.

BÀI 13

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM

(1954 –1965)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có mặt tích cực và hạn chế gì? Nguyên nhân của những hạn chế?***

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh. Khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

Khắp miền Bắc sôi nổi vận động xây dựng hợp tác xã. Đến cuối năm 1960, có hơn 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất vào hợp tác xã nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công, 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã, hơn 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh, một bộ phận người buôn bán nhỏ chuyển sang sản xuất hoặc trở thành mậu dịch viên.

- Những mặt tích cực của cải tạo xã hội chủ nghĩa: Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, bảo đảm được những điều kiện vật chất, tinh thần, chính trị cho bộ phận tham gia chiến đấu, phục vụ cho chiến đấu.

- Những mặt hạn chế: Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đã phạm một số sai lầm: Đồng nhất cải tạo với xoá bỏ, xoá bỏ vội vàng nhanh chóng. Không thực hiện đầy đủ nguyên tắc tự nguyện nên không phát huy được tính chủ động sáng tạo của quần chúng, không tạo được động lực mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển năng động của nền kinh tế, xã hội.

- Nguyên nhân của những hạn chế:

+ Do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn thực hiện dứt điểm theo kiểu "chiến dịch".

+ Không phát huy được tính năng động, sáng tạo của quần chúng, còn nặng về "tả khuynh".

Bài tập 2: ***Những thay đổi cơ bản trong việc thực hiện kế hoạch 3 năm (1954 – 1960) ở miền Bắc?***

- Cơ cấu kinh tế miền Bắc đã đã thay đổi căn bản. Thành phần kinh tế công hữu và sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất được xác lập một cách phổ biến và ngày càng phát triển. Đến cuối năm 1960, có hơn 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất vào hợp tác xã nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công, 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã, hơn 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh, một bộ phận người buôn bán nhỏ chuyển sang sản xuất hoặc trở thành mậu dịch viên.

- Cơ cấu xã hội cũng thay đổi căn bản. Chế độ người bóc lột người và các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, giai cấp nông dân được tổ chức lại theo hình thức tập thể. Giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa phát triển.

- Đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân cũng được cải thiện. Đến cuối 1960, miền Bắc căn bản xóa xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Số học sinh phổ thông tăng 80% so với năm 1957. Miền Bắc có 9 trường Đại học với 11.000 sinh viên. Đời sống văn hóa của nhân dân lao động được nâng lên, công tác vệ sinh phòng dịch có tiến bộ.

Bài tập 3: ***Vì sao diễn ra phong trào Đồng khởi 1959 – 1960? Tác dụng của phong trào Đồng khởi đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam?***

**** Vì sao?***

- Đế quốc Mĩ xâm lược miền Nam, chà đạp trắng trợn lên nguyện vọng hoà bình thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta, xâm phạm thô bạo độc lập tự do của Tổ quốc ta làm cho xã hội miền Nam xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn toàn thể nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ và tay sai. Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam (nhất là nông dân) với bọn địa chủ phong kiến.

Trước phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân miền Nam, Mĩ – Diệm ngày càng mở rộng chiến dịch "Tố cộng", "Diệt cộng", tăng cường đàn áp khủng bố thông qua luật 10 – 59, lê, máy chém khắp miền Nam, giết hại hàng loạt người vô tội với khẩu hiệu: "Thà bắn nhầm hơn bỏ sót".

- Chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề, nhiều cơ sở cách mạng bị tan vỡ, nhiều cán bộ Đảng viên bị bắt, bị giam cầm và giết hại. Tình hình đó càng làm cho phong trào đấu tranh ngày càng lên cao, trở thành một cơn bão táp cách mạng.

- Đáp ứng yêu cầu của phong trào quần chúng, Hội nghị TW Đảng lần thứ 15 (tháng 1/1959) đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là: Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

Hệ quả của những nguyên nhân sâu xa và trực tiếp nói trên là sự bùng nổ phong trào Đồng Khởi 1959 – 1960.

**** Tác dụng:***

"Đồng khởi" thắng lợi tạo nên tiền đề hết sức quan trọng trong sự phát triển của cách mạng trong những giai đoạn tiếp theo trong thế tiến công liên tục và ngày càng mở rộng.

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" làm cho Mĩ không thực hiện được âm mưu mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" làm phá sản chiến tranh điển hình của Mĩ, đưa cách mạng miền Nam tiến lên một bước phát triển nhảy vọt.

Bài tập 4: *Tại sao nói từ sau phong trào "Đồng khởi", chế độ Mĩ – Diệm lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy yếu, kế hoạch bình định hoàn toàn miền Nam và tiến công xâm lược miền Bắc của chúng không thực hiện được?*

- "Đồng khởi" đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở các thôn xã: 600 xã ở Nam Bộ; 904 thôn ở Trung Bộ; 3200 thôn ở Tây Nguyên. Làm lung lay tận gốc chính quyền Mĩ - Diệm, đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ. Chứng tỏ thời kì ổn định của chính quyền địch đã chấm dứt, chúng chuyển sang thời kì khủng hoảng triền miên.

- "Đồng khởi" đã giáng một đòn bất ngờ vào chiến lược Aixenhao, đập tan mưu đồ bình định miền Nam, lấp sông Bến Hải, tiến quân ra Bắc của Mĩ - Diệm. Những năm 1957-1959, Mĩ – Diệm có lúc cho rằng, chúng đã căn bản bình định xong miền Nam Việt Nam, chuẩn bị tiến công ra Bắc. Nhưng phong trào "Đồng khởi" đã kìm chân chúng lại. Chúng phải dồn sức chủ yếu vào việc ngăn chặn những bước tiến mới của cách mạng, không thể thực hiện được âm mưu "Bắc tiến".

Bài tập 5: Vì sao Mĩ thực hiện "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam? "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ bị thất bại như thế nào?

**** Vì sao Mĩ thực hiện "Chiến tranh đặc biệt":***

- Phong trào "Đồng khởi" giành được thắng lợi đã làm phá sản chiến lược chiến tranh điển hình của đế quốc Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

- "Chiến tranh đặc biệt" là một hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ được tiến hành bằng quân đội ngụy dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị và phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Chỗ dựa của "Chiến tranh đặc biệt" là ngụy quân, ngụy quyền và Ấp chiến lược.

- Để thực hiện chiến tranh đặc biệt đế quốc Mĩ đã:

+ Đề ra kế hoạch Xtalây – Taylo với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng một loạt các biện pháp:

Tăng cường lực lượng và khả năng cơ động của quân ngụy trong các cuộc hành quân tiêu diệt quân giải phóng, tiến hành dồn dân lập "Ấp chiến lược".

+ Đầu 1964, Mĩ dùng kế hoạch Giônxơn - Mác Namara thay thế cho kế hoạch Xtalây – Taylo, đẩy mạnh chiến tranh đặc biệt nhằm bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm.

- Thực hiện các kế hoạch nói trên, Mĩ tăng cường viện trợ cho quân Diệm, đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại. Áp dụng những chiến thuật mới "Trực thăng vận", "Thiết xa vận". Xây dựng hệ thống "Ấp chiến lược" và coi đây là quốc sách trong "chiến tranh đặc biệt" hòng biến miền Nam thành một trại tập trung khổng lồ, thực hiện cái gọi là "tát nước bắt cá" để đàn áp tiêu diệt phong trào cách mạng.

Như vậy, Mĩ đã dấn thêm một bước trong quá trình phiêu lưu quân sự xâm lược miền Nam. Tiến hành chiến tranh Đông Dương Mĩ áp dụng những thủ đoạn mới, nguy hiểm và dã man hơn hòng đạt được mục tiêu chiến lược của chúng ở miền Nam Việt Nam. Song đó đều là những thủ đoạn phi nghĩa nên không thể tránh khỏi sự thất bại đau đớn.

**** Sự thất bại của "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ:***

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam đã đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược: miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, từng bước làm thất bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

** Trên Mặt trận quân sự*: Quân ta đã giành thắng lợi mở đầu vang dội tại Ấp Bắc (Mĩ Tho) vào ngày 2.1.1963. Ta đánh bại cuộc hành quân của 2000 quân ngụy có cố vấn Mĩ chỉ huy, có sự hỗ trợ của pháo binh, xe tăng máy bay.

Với trận này, ta loại khỏi vùng chiến đấu 450 tên địch, bắn rơi 8 máy bay, bắn cháy 3 xe bọc thép. Từ đó dấy lên một phong trào "thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

Với chiến thắng Ấp Bắc quân dân ta đã đánh bại chiến thuật "Trực thăng vận" của Mĩ – ngụy. Nó chứng minh rằng quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và ngày càng đánh lớn. Cuối 1964, quân dân Nam Bộ mở chiến dịch tấn công đông – xuân (1964 – 1965) với trận mở màn vào Ấp Bình Giã (Bà Rịa) vào tháng 12/1964. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1700 tên địch trong đó có 60 cố vấn Mĩ, thu và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

- Thừa thắng xông lên, quân dân miền Nam đã liên tiếp tấn công và giành được nhiều thắng lợi mới: Chiến thắng An Lão (Bình Định) (12/1964) Ba Gia (Quảng Ngãi) (6/1965) Đồng Xoài (Biên Hoà) (8/1965).

* *Trên mặt trận chống "bình định":* Cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra dai dẳng, quyết liệt giữa lập và phá Ấp chiến lược của địch, nhiều Ấp chiến lược trở thành làng chiến đấu của ta.

* *Trên mặt trận chính trị:* Ở các đô thị và nhiều vùng nông thôn phong trào nổ ra mạnh mẽ. Đặc biệt là tại các thành phố như: Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia nhất là thanh niên, học sinh và phật tử.

Chính phong trào này đã góp phần làm lung lay ngụy quyền Sài Gòn, buộc Mĩ phải đi đến đảo chính Ngô Đình Diệm vào ngày 1.11.1963.

Tất cả những thắng lợi trên làm phá sản "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 223: ***Vì sao miền Bắc tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất?***

A. Nông nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp.

B. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến vẫn còn phổ biến.

C. Để làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 224: ***Miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế trong thời gian nào?***

A. 1954-1957. B. 1954-1958. C. 1955-1958. D. 1955-1960.

Câu 225: ***Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?***

A. "Tấc đất, tấc vàng".

B. "Tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất nữa".

C. "Người cày có ruộng".

D. "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày".

Câu 226: ***Thắng lợi quan trọng trong công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc là gì?***

A. Đã đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Giải phóng hoàn toàn nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến.

C. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 227: ***Bác Hồ đã đến thăm công trường xây dựng cầu Việt Trì vào thời gian nào?***

A. 1955. B. 1956. C. 1957. D. 1958.

Câu 228: ***Đến năm 1960, ở miền Bắc có 85% hộ nông dân, 68% diện tích đất đai vào hợp tác xã nông nghiệp.......... Đó là kết quả của:***

A. Cải cách ruộng đất. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Câu A và B đúng.

Câu 229: ***Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp do nhà nước quản lý, hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương ...... Đó là kết quả của:***

A. Bước đầu phát triển kinh tế. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 230: ***Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?***

A. "Tố cộng", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

B. "Đả thực", "Bài phong" "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

C. "Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc" trên toàn miền Nam.

D. "Thà bắn nhầm hơn bỏ sót" trên toàn miền Nam.

Câu 231: ***Vụ tàn sát nào của Mĩ - Diệm diễn ra vào ngày 1/12/1958 làm chết hơn 1000 người dân?***

A. Chợ Được (Quảng Nam). B. Hương Điền (Quảng Trị).

C. Vĩnh Trinh (Duy xuyên, Quảng Nam). D. Phú Lợi (Sài Gòn).

Câu 232: ***Chính sách nào của Mĩ - Diệm thể hiện chiến lược chiến tranh một phía ở miền Nam?***

A. Phế truất Bảo Đại điều Ngô Đình Diệm làm Tổng thống.

B. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.

C. Mở chiến dịch "Tố cộng", "Diệt cộng" thi hành "Luật 10-59", lê máy chém khắp miền Nam.

D. Thực hiện chính sách "Đả thực", "Bài phong", "Diệt cộng".

Câu 233: ***Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954, chủ yếu là gì?***

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh chính trị, hòa bình.

C. Khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ.

D. Dùng bạo lực cách mạng.

Câu 234: ***Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào "Đồng khởi" 1959-1960 là gì?***

A. Mĩ - Diệm phá Hiệp định Giơnevơ, thực hiện chính sách "Tố cộng", "Diệt cộng'.

B. Có nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam.

C. Do chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

D. Câu A và B đúng.

Câu 235: ***Điền vào chỗ trống câu sau: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng***.................. "

A. Lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp với lực lượng chính trị.

B. Lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

C. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 236: ***Tháng 2/1959, diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào miền Nam ở đâu?***

A. Trà Bồng (Quảng Ngãi).
B. Phước Hiệp (Bến Tre).
C. Bắc Ái (Ninh Thuận).
D. Chợ Được (Quảng Nam).

Câu 237: ***Ghi các niên đại vào các sự kiện sau đây cho phù hợp:***

A. Nổi dậy ở Bắc Ái (Ninh Thuận)...........

B. Khởi nghĩa ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) ....

C. Đồng khởi ở Bến Tre.....................

Câu 238: ***Kết quả lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?***

A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.

C. Uỷ ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960).

Câu 239: ***Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?***

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công địch.

D. Câu B và C đúng.

Câu 240: ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng họp ở đâu? Vào thời gian nào?***

A. Ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) - Từ 11 đến 19/2/1955.

B. Ở Tân Trào (Tuyên Quang) - Từ 10 đến 19/5/1960.

C. Ở Hà Nội - Từ 5 đến 12/9/1960.

D. Ở Hà Nội - Từ 6 đến 10/10/1960.

Câu 241: ***Đại hội lần III của Đảng đã bầu ai làm chủ tịch Đảng và Bí thư thứ nhất?***

A. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Trường Chinh làm bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

B. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

C. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Võ Nguyên Giáp làm bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

D. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Đỗ Mười làm bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 242: ***Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định vấn đề gì?***

A. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

B. "Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc".

C. "Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam".

D. "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam".

Câu 243: ***Miền Bắc đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất vào thời gian nào?***

A. 1960 - 1965. B. 1961 - 1965. C. 1965 - 1968. D. 1960 - 1964.

Câu 244: ***"Ba nhất" và "Đại phong" là tên phong trào thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm lần I ở miền Bắc trong các ngành:***

A. "Ba nhất": Nông nghiệp; "Đại phong": Quân đội.

B. "Ba nhất" : Quân đội ; "Đại phong" : Nông nghiệp.

C. "Ba nhất" : Công nghiệp; " Đại phong" : Thủ công nghiệp.

D. "Ba nhất" : Giáo dục ; "Đại phong" : Nông nghiệp.

Câu 245: ***Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Nhà nước đầu tư vốn cho xây dựng kinh tế chiếm tỷ lệ bao nhiêu so với thời kì khôi phục kinh tế?***

A. 60% so với thời kì khôi phục kinh tế.

B. 61,2% so với thời kì khôi phục kinh tế.

C. 65,5% so với thời kì khôi phục kinh tế.

D. 67% so với thời kì khôi phục kinh tế.

Câu 246: ***Với phương châm: Tiến lên chủ nghĩa xã hội nhanh, mạnh, vững chắc. Đó là thành tựu hay hạn chế của kế hoạnh 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc?***

A. Thành tựu. B. Hạn chế.

Câu 247: ***Tổng thống nào của Mĩ đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam ?***

A. Aixenhao B. Ken nơ đi C .Giôn xơn D. Ru dơ ven

Câu 248: ***"Chiến tranh đặc biệt" nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu mà Mĩ đề ra?***

A. "Phản ứng linh hoạt". B. "Ngăn đe thực tế".

C. "Bên miệng hố chiến tranh". D. "Chính sách thực lực".

Câu 249: ***Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?***

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam Viêt Nam.

B. "Dùng người Việt đánh người Việt".

C. Đưa quân Mĩ ào ạt vào miền Nam.

D. Đưa cố vấn Mĩ ào ạt vào miền Nam.

Câu 250: ***Lực lượng cố vấn Mĩ đưa vào miền Nam đến năm 1964 bao nhiêu tên?***

A. 1.100 tên. B. 11.000 tên. C. 26.000 tên. D. 30.000 tên.

Câu 251: ***Chỗ dựa của "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam là gì?***

A. Ấp chiến lược. B. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền.

C. Lực lượng cố vấn Mĩ. D. Ấp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền.

Câu 252: ***Mĩ – ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt" trọng tâm là "bình định" trong vòng 18 tháng. Mục tiêu đó nằm trong kế hoạch nào?***

A. Dồn dân lập ấp chiến lược. B. Stalây Taylo.

C. Giôn xơn Mác Namra. D.Câu B và C đúng.

Câu 253: ***Ghi các sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:***

A. 15/2/1961......................................

B. 1/1961..

C. 2/1/1963..

D. 8/5/1963..

E. 11/6/1963......................................

G. 16/6/1963.......................................

H. 1/11/1963.......................................

I. 2/12/1964...

Câu 254: ***Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn cho việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?***

A. Bình Giã (Bà Rịa). B. Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Đồng Xoài (Biên Hoà). d. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 255: ***Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?***

A. Ấp Bắc. B. Bình Giã. C. Đồng Xoài. D. Ba Gia.

Câu 256: ***Cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu nhất trong năm 1963 của đồng bào miền Nam?***

A. Cuộc biểu tình của 2 vạn tăng ni Phật tử Huế (8/5/1963).

B. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm ở Sài Gòn(11/6/1963).

C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn (16/6/1963).

D. Cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (01/11/1963).

Câu 257: ***Số lượng Ấp chiến lược mà Mĩ – ngụy đã xây dựng ở miền Nam năm 1963 là bao nhiêu và đến năm 1965 còn lại bao nhiêu ?***

A.1963: 7.512 đến 1965 còn: 3.250. B.1963: 7.612 đến 1965 còn: 2.000.

C.1963: 7.512 đến 1965 còn: 2.200. D. 1963: 7.515 đến 1965 còn: 3.300.

BÀI 14

NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965 –1973)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Những điểm giống và khác nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ trong hai thời kì chiến tranh ở miền Nam?***

a. Điểm giống nhau:

+ Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mĩ, nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

+ Đều thực hiện âm mưu chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

b. Điểm khác nhau:

+ Về quy mô chiến tranh: "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, còn "Chiến tranh cục bộ" mở rộng cả hai miền Nam – Bắc.

+ Về tính chất ác liệt: "Chiến tranh cục bộ" ác liệt hơn, thể hiện ở mục tiêu, lực lượng tham chiến, vũ khí, hoả lực, phương tiện chiến tranh.

+ "Chiến lược, chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm thực hiện mưu đồ cơ bản là "Dùng người Việt đánh người Việt", "Thay màu da cho xác chết". Chúng mở rộng nhiều cuộc hành quân càn quét, mục tiêu là chống phá cách mạng và bình định miền Nam. Chúng coi "Ấp chiến lược" là "quốc sách" nhằm tách cách mạng ra khỏi dân để thực hiện cái gọi là "Tát nước bắt cá".

+ Chiến lược "Chiến tranh cục bộ", mục tiêu là vừa diệt quân chủ lực vừa bình định miền Nam, phá hoại miền Bắc. Lực lượng tham chiến đông, gồm cả Mĩ, chư hầu, ngụy, trong đó Mĩ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị. Chúng sử dụng vũ khí hiện đại, hoả lực mạnh cả trên bộ, trên không, trên biển, tốc độ nhanh và mở liên tục nhiều chiến dịch nhằm: "tìm diệt" và "bình định" vào "Đất thánh Việt cộng".

Bài tập 2: ***Ý nghĩa to lớn của chiến thắng Vạn Tường (8.1965) và mùa khô 1965 –1966 ; 1966 –1967 của quân dân ta?***

**** Chiến thắng Vạn Tường:***

Với chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ lực lượng vũ trang miền Nam hoàn toàn đủ sức mạnh đương đầu và đánh bại đội quân viễn chinh Mĩ.

Chứng tỏ rằng cách mạng miền Nam hoàn toàn có đủ khả năng đánh thắng đế quốc Mĩ về quân sự trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" vốn là chiến lược của Mĩ hy vọng giành thắng lợi bằng sức mạnh quân sự.

Từ đó, khắp niềm Nam dấy lên phong trào "tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

**** Chiến thắng hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ:***

Với chiến thắng trong hai mùa khô làm cho gọng kìm tìm diệt của địch bị bẻ gãy hoàn toàn, buộc địch phải lùi vào thế phòng ngự.

Chiến thắng này góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, là điều kiện để quân dân miền Nam tiến lên Tổng công kích, tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Bài tập 3: ***Sau kết thúc cuộc Tổng công kích và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) của quân dân ta, Mĩ bắt đầu xuống thang chiến tranh ở Việt Nam như thế nào?***

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) của quân dân ta đã làm phá sản chiến lược chiến "tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam và đã buộc Mĩ phải xuống thang chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Hành động xuống thang chiến tranh của Mĩ được thể hiện: Mĩ tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược, tháng 3/1968, tuyên bố ném bom hạn chế miền Bắc và đến tháng 11/1968, tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom đánh phá miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pari.

Bài tập 4: ***Chiến đấu và sản xuất của quân dân ta ở miền Bắc nhằm mục đích gì và đáp ứng những yêu cầu gì của cách mạng cả nước?***

- Mục đích:

  + Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc nhằm bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần cùng miền Nam đánh bại chiến tranh cục bộ của Mĩ – ngụy.

  + Sản xuất ở miền Bắc nhằm tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, bảo đảm đời sống nhân dân, làm nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Đáp ứng yêu cầu của cách mạng:

  + Chiến đấu và sản xuất ở miền Bắc là một bộ phận của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước nhằm cùng miền Nam đánh bại âm mưu xâm lược của đế quốc Mĩ.

  + Miền Bắc được bảo vệ và ngày càng vững mạnh sẽ không ngừng phát huy tác dụng quyết định nhất đối với cuộc cách mạng cả nước – chi viện ngày càng nhiều sức người, sức của cho chiến trường miền Nam.

Bài tập 5: Hậu phương ở miền Bắc đã chi viện những gì và bằng cách nào cho tiền tuyến miền Nam đánh Mĩ?

Ngay từ khi đế quốc Mĩ có hành động leo thang mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước. Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 (Tháng 3.1965) và lần thứ 12 (12/1965) đã xác định rõ: Chống Mĩ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của dân tộc ta, miền Bắc là hậu phương lớn, còn miền Nam là tiền tuyến lớn.

Với vai trò hậu phương lớn, trong những năm chống Mĩ, ngay cả trong điều kiện chiến tranh ác liệt, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, miền Bắc luôn hướng về miền Nam, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của tiền tuyến lớn: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" và hai miền ruột thịt, miền Bắc thi đua phấn đấu "mỗi người làm việc bằng hai".

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc theo phía Tây dãy Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển Việt Nam) bắt đầu được khai hoang từ tháng 5.1959 ngày càng vươn dài và mở rộng.

Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược ấy, trong 4 năm (1965 – 1968) miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tham gia xây dựng kinh tế, văn hóa tại các vùng giải phóng cùng với hàng chục vạn tấn vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men.... Tính chung trong 4 năm, số lượng người và vật chất chuyển vào miền Nam tăng gấp 10 lần so với thời kỳ trước.

Sự chi viện to lớn của miền Bắc là một trong những nhân tố có tính chất quyết định thắng lợi của quân và dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ – Ngụy.

Bài tập 6: ***Nêu những thủ đoạn của Mĩ thông qua "Học thuyết Níchxơn" để thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh?***

- Để thực hiện thủ đoạn của học thuyết Ních xơn, Mĩ đã vạch ra một kế hoạch toàn diện.

**** Về quân sự và chính trị:***

- Rút dần quân Mĩ và quân chư hầu, tăng quân ngụy lên 1 triệu, tăng cường huấn luyện và trang bị cho quân ngụy.
- Tăng cường viện trợ cho Nguyễn Văn Thiệu, giúp Thiệu củng cố chính quyền.
- Tìm mọi cách ngăn cản các nguồn tiếp tế miền Bắc vào miền Nam, mở rộng chiến tranh sang chiến trường Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hóa" chiến tranh, gây chia rẽ giữa 3 nước Đông Dương.

**** Về kinh tế:***

Tăng cường viện trợ kinh tế, đưa lương thực, thực phẩm vào miền Nam.

Dồn tất cả 14 triệu đồng bào miền Nam vào vùng chúng kiểm soát thực hiện cái gọi là "viện trợ" cho đồng bào miền Nam.

**** Về văn hóa:***

Dùng báo chí, phim ảnh để tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng, làm cho thanh niên miền Nam quên đi nổi nhục mất nước, sẵn sàng đi lính cho Mĩ.

**** Về ngoại giao:***

Lợi dụng mâu thuẫn trong các nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt là mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc để gây sức ép với ta, cô lập ta.

"Việt Nam hóa" chiến tranh là một kế hoạch chiến tranh toàn diện nhưng kế hoạch này cũng chỉ là sản phẩm của thế thua, thế thất bại nên ngay từ đầu nó đã chứa đựng nhiều mâu thuẫn và mang nhiều mầm mống của sự thất bại.

Bài tập 7: ***Nêu những thắng lợi chung trên các mặt trận chính trị, quân sự của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia đoàn kết chống Mĩ?***

**** Trên mặt trận chính trị:***

+ Trong 2 ngày 24 và 25/4/1970, đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành Hội nghị cấp cao khẳng định quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước.

**** Trên mặt trận quân sự:***

+ Cũng trong thời gian trên phối hợp chiến đấu, quân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mĩ ngụy, đập tan cuộc hành quân lấn chiếm cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng (Lào).

+ Từ 12 đến 23/3/1971, quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào đã đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của 4,5 vạn quân Mĩ ngụy tại đường 9 Nam Lào.

Bài tập 8: ***Thắng lợi có tính chất quyết định làm phá sản chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ?***

Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị trong hai năm 1970 – 1971 quân dân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu từ 30.03.1972. Mở đầu đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, từ Quảng Trị phát triển khắp chiến trường miền Nam. Đây là một cuộc tiến công với quy mô lớn và cường độ mạnh.

Sau đòn bất ngờ, quân ngụy với sự yểm trợ của hỏa lực, không quân, hải quân Mĩ, đã phản công lại gây cho ta một số thiệt hại. Lúc đó Mĩ trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc trong 12 ngày đêm.

Sau gần 3 tháng chiến đấu (6/1972) quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, loại khỏi vùng chiến đấu hơn 20 vạn quân Mĩ – ngụy, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với hơn một triệu dân.

Cuộc tiến công chiến lược (1972) đã tạo một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã giáng một đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) vào quốc sách "bình định" (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh làm cho chiến lược "Việt Nam hóa" bị thất bại.

Bài tập 9: ***Quân dân miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mĩ, tạo nên một "Điện Biên Phủ" trên không như thế nào?***

Cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mĩ ở miền Bắc diễn ra 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ 18/12/1972 đến 29/12/1972. Trong 12 ngày đêm Mĩ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn) với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945.

Nhờ đoán được âm mưu của địch, từ đó có sự chuẩn bị tốt về tư tưởng và tổ chức, lực lượng và phương tiện quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược làm nên trận "Điện Biên Phủ" trên không.

Ngày 30/12/1972, Chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15/1/1973 thì tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để ký với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Quân dân miền Bắc đã bắn rơi 735 máy bay các loại, cùng với hàng trăm giặc lái bị loại khỏi vòng chiến đấu. Riêng trận "Điện Biên Phủ" trên không miền Bắc bắn rơi 81 máy bay trong đó có 34 chiếc B52 (Hà Nội bắn rơi 30 chiếc, trong đó có 23 B52).

+ Trận "Điện Biên Phủ" trên không đã đập tan ý đồ của Mĩ muốn dùng sức mạnh giành thắng lợi quân sự quyết định trên chiến trường để có thắng lợi trên bàn đàm phán.

+ Buộc Mĩ – ngụy phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Bài tập 10: ***Mĩ xuống thang chiến tranh để đến bàn thương lượng ở Pari như thế nào? Các quan điểm mấu chốt giữa ta và Mĩ nêu ra trong cuộc thương lượng ở Pari?***

**** Mĩ xuống thang chiến tranh:***

- Vào năm 1965, sau khi Mĩ ào ạt đưa Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam, Mĩ bắt đầu nói đến thương lượng để giải quết vấn đề Việt Nam bằng con đường hoà bình nhưng ta không chấp nhận.

- Sau khi quân dân ta giành thắng lợi trong chiến thắng Vạn Tường (8/1965); trong hai mùa khô (1965 - 1966; 1966 - 1967). Đặc biệt sau đòn đánh bất ngờ của cuộc Tổng công kích và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Mĩ buộc phải xuống thang chiến tranh tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

- Ngày 13/5/1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên đã diễn ra, giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với đại diện Chính phủ Hoa Kì họp phiên đầu tiên.

- Ta kiên quyết đấu tranh đòi Mĩ phải chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom bắn phá miền Bắc. Vì vậy ngày 1/11/1968 Mĩ phải ngừng tất cả các cuộc ném bom miền Bắc. Hội nghị bốn bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên và 25/1/1969.

*** Các quan điểm mấu chốt của ta:***

- Tập trung vào hai vấn đề mấu chốt và thể hiện tính chất chính nghĩa của ta là đòi Mĩ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu khỏi miền Nam, đòi Mĩ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 258: ***Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong "Chiến tranh cục bộ" là lực lượng nào?***

A. Lực lượng quân ngụy. B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

C. Lực lượng quân chư hầu. D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 259: ***"Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam (1965-1968) là loại chiến tranh xâm lược theo kiểu thực dân cũ?***

A. Sai. B. Đúng.

Câu 260: ***Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?***

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

D. Tất cả các điểm trên.

Câu 261: ***Cuộc hành quân mang tên "Ánh sáng sao" nhằm thí điểm cho "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ diễn ra ở đâu?***

A. Núi Thành. B. Chu Lai. C. Vạn Tường. D. Ba Gia.

Câu 262: ***Trận đọ sức giữa bộ đội chủ lực của ta và quân viễn chinh Mĩ ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) diễn ra vào thời gian nào?***

A. 16/8/1965. B. 18/8/1965. C. 18/6/1965. D. 16/5/1965.

Câu 263: ***Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18/8/1968, chứng tỏ điều gì?***

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

C. Quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Câu 264: ***Cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966) của Mĩ kéo dài trong bao lâu, với bao nhiêu cuộc hành quân lớn nhỏ?***

A. 5 tháng, với 540 cuộc hành quân.

B. 6 tháng, với 450 cuộc hành quân.

C. 7 tháng, với 550 cuộc hành quân.

D. 4 tháng, với 450 cuộc hành quân.

Câu 265: ***Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966) của Mĩ đã bị quân dân miền Nam loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?***

A. 68.000 tên dịch. B. 67.000 tên địch.

C. 86.000 tên dịch. D. 76.000 tên địch.

Câu 266: ***Trong mùa khô lần thứ hai, Mĩ đã mở các cuộc hành quân then chốt đánh vào miền Đông Nam Bộ. Hãy cho biết cuộc hành quân nào lớn nhất?***

A. Attơnbôrơ. B. Xêđanphôn.

C. Gian Xơn xi ty. D. Tất cả các cuộc hành quân trên.

Câu 267: ***Trong mùa khô lần hai (1966-1967), quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?***

A. 140.000 tên. B. 150.000 tên.

C. 160.000 tên. D. 175.000 tên.

Câu 268: ***Vì sao vào Xuân 1968, ta chủ trương mở cuộc "Tổng công kích, tổng khởi nghĩa" trên toàn miền Nam ?***

A. Tình hình kinh tế, tài chính của Mĩ đang khủng hoảng trầm trọng.

B. Địch bị thất bại nặng nề trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô.

C. Tinh thần ý chí xâm lược của Mĩ giảm sút, mâu thuẫn trong nội bộ Mĩ trong năm bầu cử tổng thống.

Câu 269: ***Ghi thời gian ba đợt tấn công và nổi dậy của quân dân ta trong Tết Mậu Thân (1968)***

A. Đợt I: ....

B. Đợt II: ....

C. Đợt III: ....

Câu 270: ***Trong đợt I của cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mật Thân 1968, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?***

A. 175.000 tên dịch. B. 150.000 tên địch.

C. 43.000 tên địch. D. 67.000 tên địch.

Câu 271: ***Hạn chế lớn nhất làm mục tiêu của cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 không đạt được là gì?***

A. Ta chủ quan trong việc đánh giá cao lực lượng của mình, đánh giá thấp lực lượng địch.

B. Do tư tưởng nóng vội, muốn giành thắng lợi lớn, kết thúc nhanh chiến tranh.

C. Chỉ đạo không chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch rút khỏi thành phố sau đợt I.

D. Lực lượng của địch còn đông, cơ sở ở thành thị còn mạnh.

Câu 272: ***Cuộc tổng tiến công kích và tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là thắng lợi và là bước nhảy vọt thứ mấy của cách mạng miền Nam?***

A. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ hai.

B. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ nhất.

C. Thắng lợi thứ tư và là bước nhảy vọt thứ hai.

D. Thắng lợi thứ năm và là bước nhảy vọt thứ hai.

Câu 273: ***Ý nghĩa lớn nhất của cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là gì?***

A. Đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố "phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược.

B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Mĩ phải đến Hội nghị Pari để đàm phán với ta.

D. Đây là đòn đánh bất ngờ, làm cho Mĩ không dám đưa quân Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam.

Câu 274: ***Mĩ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?***

A. 5/8/1964. B. 7/2/1965. C. 8/5/1965. D. 2/7/1965.

Câu 275: ***Âm mưu nào dưới đây không nằm trong âm mưu chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?***

A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Câu 276: ***Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ kéo dài trong thời gian nào?***

A. 5/8/1964 đến 1/11/1968. B. 7/2/1965 đến 1/12/1968.

C. 8/5/1964 đến 1/11/1968. D. 2/7/1964 đến 11/1/1968.

Câu 277: ***Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, miền Bắc đã bắn rơi bao nhiêu máy bay Mĩ?***

A. 2.343 máy bay. B. 3.234 máy bay.

C. 2.334 máy bay. D. 3.243 máy bay.

Câu 278: ***Các khẩu hiệu trong phong trào thi đua yêu nước, chống Mĩ cứu nước của lực lượng vũ trang, của giai cấp công nhân, của nông dân tập thể:***

A. Của lực lượng vũ trang..............................

B. Của công nhân..............................

C. Của nông dân..............................

Câu 279: ***Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc?***

A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

D. Bị thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam – Bắc cuối năm 1968.

Câu 280: ***Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ đã thể hiện điều gì?***

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

B. Góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

C. Buộc Mĩ phải rút quân về nước.

D. Câu A và B đúng.

Câu 281: ***Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Nguồn lực chi viện cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc trong những năm 1965 - 1968 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh ....của Mĩ - ngụy.***

A. Chiến tranh đơn phương
B. Chiến tranh đặc biệt.
C. Chiến tranh cục bộ.
D. Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 282: ***Chiến lược toàn cầu mà Nichxơn đề ra đầu năm 1969 là gì?***

A. "Bên miệng hố chiến tranh".
B. "Phản ứng linh hoạt".
C. "Học thuyết Níchxơn".
D. "Ngăn đe thực tế".

Câu 283: ***Điểm khác nhau giữa "Chiến tranh đặc biệt" và "Việt Nam hoá chiến tranh" là gì?***

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

B. Có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.

C. Dưới sự chỉ huy của một hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

D. Câu A và B đúng.

Câu 284: ***Để quân ngụy có thể tự đứng vững, tự gánh vác lấy chiến tranh, Mĩ đã làm gì?***

A. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh chính sách "bình định".

B. Tăng đầu tư vốn, kỹ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.

C. Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội tay sai tăng số lượng và trang bị hiện đại.

D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.

Câu 285: ***Ngày 6/6/1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?***

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến Hội nghị Pari.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 286: ***Đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên tinh thần chiến đấu của quân dân ta như thế nào?***

A. "Hễ còn một thằng Mĩ thì ta phải chiến đấu quét sạch nó đi".

B. "Vì độc lập tự do, đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào".

C. "Năm mới thắng lợi mới".

D. "Tiến lên ! toàn thắng ắt về ta".

Câu 287: ***Hãy điền niên đại vào các sự kiện sau cho phù hợp:***

TT	Niên đại	Sự kiện
1.	24 và 25/4/1970	A. ....Đập tan cuộc hành quân lấn chiếm cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng (Lào).
2.	Đông – Xuân 1969-1970	B. ....Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
3.	12/2 đến 21/3/1971	C. ....Đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại đường 9 Nam Lào.

Câu 288: ***Thắng lợi của quân dân ta phối hợp với quân dân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam sơn 719 tại đường 9 Nam Lào đã:***

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ - ngụy, quét sạch quân Mĩ – ngụy còn lại ở đường 9 Nam Lào, giữ hành lang chiến lược của cách mạng ở Đông Dương.

B. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mĩ - ngụy.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên Mĩ - ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.

D. Câu B và C đúng.

Câu 289: ***Phong trào đấu tranh chính trị trong thời kỳ chống chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ ở miền Nam diễn ra khắp Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng... trong đó vai trò quan trọng nhất thuộc về giai cấp nào?***

A. Công nhân, nông dân.
B. Dân nghèo thành thị.
C. Tuổi trẻ, học sinh, sinh viên.
D. Các tổ chức Phật tử.

Câu 290: ***Đến đầu 1971, cách mạng đã giành được quyền làm chủ thêm bao nhiêu ấp chiến lược? Với bao nhiêu dân?***

A. 36.000 ấp với 6 triệu dân.
B. 3.600 ấp với 3 triệu dân.
C. 6.300 ấp với 4 triệu dân.
D.3.400 ấp với 3 triệu dân.

Câu 291: ***Mở đầu cuộc tổng tiến công chiến lược 1972, quân ta tấn công vào:***

A. Tây Nguyên.
B. Đông Nam Bộ.
C. Nam Trung Bộ.
D. Quảng Trị.

Câu 292: ***Cuộc tiến công chiến lược 1972, diễn ra trong thời gian nào?***

A. Từ 3/1972 đến cuối 5/1972. B. Từ 3/1972 đến cuối 6/1972.

C. Từ 5/1972 đến cuối 6/1972. D. Từ 4/1972 đến cuối 6/1972.

Câu 293: ***Ý nghĩa nào dưới đây không nằm trong thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược 1972?***

A. Mở ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân ngụy và quốc sách "bình định" của "Việt Nam hoá" chiến tranh.

C. Buộc Mĩ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 294: ***Níchxơn đã tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai vào thời gian nào?***

A. 6/4/1972. B. 30/3/1972. C. 9/5/1972. D. 16/4/1972.

Câu 295: ***Tập đoàn Níchxơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ gì?***

A. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.

B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Câu 296: ***Quân dân ta đã bắn rơi 651 máy bay, bắn cháy và bị thương 80 tàu chiến Mĩ, bắt sống hàng trăm tên giặc lái . Đó là kết quả của sự kiện lịch sử nào?***

A. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.

B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ra miền Bắc.

D. Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

Câu 297: ***Cuộc tập kích bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?***

A. Từ 12/8/1972 đến 29/12/1972. B. Từ 18/12/1972 đến 20/12/1972.

C.Từ 20/12/1972 đến 20/12/1972. D.Từ 18/12/1972 đến 29/12/1972.

Câu 298: ***Điền sự kiện vào niên đại sau:***

A. 14/12/1972..

B. 30/12/1972..

C. 15/1/1973..

Câu 299: ***Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pari?***

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

B. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào tết Mậu Thân 1968.

C. Bị thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 300: ***Cuộc thương lượng chính thức hai bên giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện chính phủ Hoa Kì ở Pari diễn ra vào thời gian nào?***

A. 31/3/1968. B. 15/5/1968. C. 13/3/1968. D. 15/3/1968.

Câu 301. Cuộc đàm phán giữa Chính phủ ta với chính phủ Hoa Kì bị gián đoạn trong thời gian nào?

A. Từ 3 đến 9/1972. B. Từ 3 đến 11/1972.

C. Câu A và B đúng. D. Không hề bị gián đoạn.

Câu 302: ***Để đi đến dự thảo Hiệp định Pari về Việt Nam (10/1972), Hội nghị bốn bên ở Pari đã trải qua bao nhiêu phiên họp chung và bao nhiêu cuộc tiếp xúc riêng?***

A. 120 cuộc họp chung và 20 cuộc tiếp xúc riêng.

B. 202 cuộc họp chung và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

C. 150 cuộc họp chung và 15 cuộc tiếp xúc riêng.

D. 180 cuộc họp chung và 26 cuộc tiếp xúc riêng.

Câu 303. Sắp xếp lại các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian:

A. Hội nghị bốn bên chính thức họp phiên đầu tiên tại Pari.

B. Níchxơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

C. Hội nghị Pari đưa ra dự thảo về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.

D. Văn bản Hiệp định được hoàn tất và hai bên thỏa thuận ngày kí chính thức hiệp định Pari.

E. Tập đoàn Níchxơn trở mặt, đòi xét lại văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận.

G. Hiệp định Pari được ký chính thức.

H. Hiệp định Pari được ký tắt giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa kì.

I. Hiệp định Pari có hiệu lực thi hành.

Câu 304: ***Hãy xác định nội dung cơ bản của Hiệp định Pari:***

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.

C. Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 305: ***Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:***

"Hiệp định Pari về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của.."

A. Quân dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ.

B. Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.

C. Quân dân ta trên cả hai miền đất nước.

D. Quân dân miền Nam trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

Câu 306: ***Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pari đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước như thế nào?***

A. Đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

BÀI 15

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN

(1973 -1975)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Những thắng lợi của quân dân miền Nam sau khi Hiệp định Pari ký kết? Tác dụng của thắng lợi đó đối với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975?***

- Những thắng lợi của quân dân miền Nam:

+ Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) của Đảng về sự cần thiết phải tiếp tục cách mạng bạo lực, nắm vững chiến lược tiến công, quân dân ta ở miền Nam từ cuối năm 1973 kiên quyết đánh trả những cuộc hành quân "bình định, lấn chiếm" của địch, bảo vệ vùng giải phóng bị địch xâm phạm, và ở nhiều nơi còn chủ động mở những cuộc tấn công vào căn cứ xuất phát các cuộc hành quân của chúng, mở rộng vùng giải phóng.

+ Cuối năm 1974, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông – Xuân vào hướng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đường 14 – Phước Long (từ 12/12/1974 đến 6/1/1975), giải phóng thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân.

+ Trong lúc đó, các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược.

+ Trên mặt trận chính trị và ngoại giao ngày càng được phát triển tạo thế áp đảo toàn diện đối với địch.

- ***Tác động:***

+ Những thắng lợi về quân sự, chính trị, ngoại giao đã làm cho thế và lực giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta: Lực lượng ta ngày càng mạnh, lực lượng địch về cả chính trị, tinh thần và quân sự đã suy yếu. Điều đó làm cho thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam nhanh chóng chín muồi.

+ Vùng giải phóng được xây dựng vững mạnh đã bảo đảm yêu cầu hậu cần tại chỗ phục vụ cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Bài tập 2: ***Sau Hiệp định Pari, cách mạng hai miền Nam – Bắc có thêm những điều kiện thuận lợi và khó khăn gì?***

* *Đối với miền Bắc:*

- Thuận lợi: Sau cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ, miền Bắc bước vào thời kỳ hoà bình, có điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, ra sức chi viện cho miền Nam. Nhân dân miền Bắc phấn khởi trước thắng lợi, càng hăng hái sản xuất, công tác để xứng đáng với hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Khó khăn: Do hậu quả của hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ để lại quá nặng nề, làm cho cở sở vật chất của miền Bắc bị tàn phá. Nhân dân miền Bắc phải bắt tay xây dựng lại để vừa tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc tiến lên vừa kịp thời chi viện cho chiến trường miền Nam.

* *Đối với miền Nam:*

- Thuận lợi: Sau khi Hiệp định Pari kí kết, ta buộc Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, làm cho tương quan lực lượng giữa ta và ngụy thay đổi có lợi cho ta, tạo điều kiện cho cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đồng thời sau Hiệp định Pari, cách mạng miền Nam có cơ sở pháp lí để tiếp tục đấu tranh giành thắng lợi cuối cùng.

- Khó khăn: Ta đã đánh cho Mĩ cút nhưng ngụy chưa nhào, do đó Mĩ có cơ sở để duy trì chính quyền tay sai ở miền Nam. Trên thực tế, chúng vẫn để lại 2 vạn cố vấn quân sự lập ra bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho ngụy. Mĩ vẫn muốn tiếp tục kéo dài chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta dưới hình thức chiến tranh thực dân mới. Hơn nữa sau Hiệp định Pari, lực lượng ngụy đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định bằng cách mở các cuộc hành quân "tràn ngập lãnh thổ", đánh vào các hậu phương của ta ở miền Nam.

Bài tập 3: ***Phân tích thời cơ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975? Việc chớp thời cơ của Đảng ta như thế nào?***

**** Thời cơ cách mạng xuất hiện:***

- Với Hiệp định Pari ta đã đánh cho Mĩ cút, buộc Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân chư hầu về nước. Chính quyền ngụy mặc dầu bị suy yếu vẫn ngang nhiên phá hoại Hiệp định. Chúng huy động lực lượng "tràn ngập lãnh thổ" ra sức bình định lấn chiếm vùng giải phóng.

- Mặc dầu vậy, địch ngày càng suy yếu (Mĩ đã cắt bỏ viện trợ cho ngụy, Tổng thống Níchxơn bị lật đổ, Tổng thống Pho lên thay chưa kịp củng cố địa vị của mình).

- Về phía cách mạng, do hành động phá hoại Hiệp định của địch buộc ta phải cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ thành quả của cách mạng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng đã khẳng định "Con đường tiếp tục của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, ngoài ra không còn con đường nào khác"

- Trong 2 năm 1973 – 1974, ta liên tiếp giành nhiều thắng lợi trên hầu khắp các mặt trận. Vùng giải phóng ngày được mở rộng. Ta đã xây dựng được những binh đoàn cơ động mạnh, có sức chiến đấu hợp đồng binh chủng. Ta đã mạnh hơn địch cả về thế và lực. Ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện sâu sắc.

- Với chiến thắng Phước Long (6/1/1975) chứng tỏ quân chủ lực ngụy đã đến lúc không còn khả năng giải toả với quy mô lớn để chiếm lại vùng căn cứ, thị xã quan trọng mà ta đã chiếm trên địa bàn rừng núi, giáp ranh. Mặt khác chứng minh khả năng mới của quân dân ta có thể giành thắng lợi lớn trong một thời gian ngắn với tốc độ nhanh.

Những điều kiện bên trong và bên ngoài ấy hợp với nhau tạo thành thời cơ chiến lược mới để ta tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

**** Việc chớp thời cơ của Đảng:***

- Trước thời cơ chiến lược mới, Đảng đã chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng miền Nam. Chủ trương của Đảng được thể hiện bằng một kế hoạch cụ thể để giải phóng miền Nam trong hai năm: 1975-1976 được thông qua tại Hội nghị Bộ chính trị từ 18/12/1974 đến 8/1/1975.

- Trong khi Hội nghị Bộ chính trị mở rộng đang họp, quân dân miền Nam đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (6.1.1975). Chiến thắng Phước Long đã chứng tỏ ngụy quyền Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.

Do đó, Bộ chính trị quyết định: *"Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam năm 1975"*. Chủ trương đó của Đảng là đúng đắn, sáng suốt, linh hoạt và kịp thời, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Bài tập 4: ***Những thắng lợi có tính chất quyết định của quân dân ta ở hai miền đất nước trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975)?***

+ Mở đầu là phong trào "Đồng khởi" cuối 1959 đầu 1960 mà đỉnh cao là cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre vào 17/1/1960. "Đồng khởi" đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công liên tục cả về chính trị, và vũ trang. "Đồng khởi" là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa chiến lược của cách mạng miền Nam, là thất bại đầu tiên của Mĩ – Diệm.

+ Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ: Thất bại trong chiến lược chiến tranh điển hình, Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Đây là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy và trang bị của Mĩ nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam. Để thực hiện "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ - ngụy tiến hành dồn dân lập Ấp chiến lược nhằm thực hiện chính sách "bình định" ở miền Nam, coi đó là quốc sách của "Chiến tranh đặc biệt".

+ Quân dân miền Nam liên tiếp đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy. Đó là thắng lợi trên mặt trận chính trị diễn ra khắp nông thôn và thành thị. Đó còn là thắng lợi của phong trào chống chính sách "bình định" của kẻ thù. Đặc biệt trên mặt trận quân sự, vào ngày 2/1/1963, quân dân ta giành được thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho) mà đỉnh cao là chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa) và tháng 12/1964, với chiến thắng Bình Giã đã góp phần quyết định trong việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ – ngụy.

+ Quân dân hai miền Nam - Bắc đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc (1965 -1968).

Mở đầu là chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18.8.1965. Tại đây, quân dân ta đã tiêu diệt 900 tên địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay địch.

Chiến thắng Vạn Tường mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam. Với chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân dân miền Nam đủ khả năng đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Tiếp đó quân dân miền Nam tiến lên đánh bại cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô (1965 - 1966; 1966 - 1967) của Mĩ – ngụy. Thắng lợi trong hai mùa khô, thế và lực của ta mạnh lên, so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho ta.

Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương mở cuộc Tổng công kích, Tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 vào đêm giao thừa ngày 30/1/1968 đánh vào các đô thị và tỉnh thành ở miền Nam.

Qua cuộc Tổng công kích và Tổng nổi dậy, ta đã loại khỏi vòng chiến 147.000 tên địch, giải phóng 100 xã, 600 ấp chiến lược với 1,6 triệu dân. Làm cho địch bất ngờ, choáng váng.

Cuộc Tổng công kích, Tổng nổi dậy làm lung lay ý chí quân viễn chinh Mĩ, buộc Mĩ phải chấp nhận đến Hội nghị Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Thắng lợi này là thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ hai làm phá sản "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Quân dân miền Bắc đã đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ (1965 - 1968). Trong hơn 4 năm (5/8/1964 đến 1/11/1968) chống chiến tranh phá hoại của Mĩ, quân dân miền Bắc đã bắn rơi, phá huỷ 3234 máy bay, diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái. Bị thất bại cả hai miền Nam –

Bắc, đến ngày 1/11/1968, Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom bắn phá miền Bắc.

+ Quân dân miền Bắc đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ.

- Mở đầu là ngày 6/6/1969 chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam dược thành lập.

- Trong 2 ngày 24 và 25/4/1970, đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành Hội nghị cấp cao khẳng định quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước.

- Cũng trong thời gian trên phối hợp chiến đấu, quân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mĩ - ngụy, đập tan cuộc hành quân lấn chiếm cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng (Lào).

- Từ 12 đến 23/3/1971, quân dân ta có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào đã đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của 4,5 vạn quân Mĩ ngụy tại đường 9 Nam Lào.

- Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị trong hai năm 1970 – 1971, quân dân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu từ 30/03/1972. Mở đầu đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, từ Quảng Trị phát triển khắp chiến trường miền Nam. Đây là một cuộc tiến công với quy mô lớn và cường độ mạnh.

Sau gần 3 tháng chiến đấu (6/1972) quân dân ta đã giành thắng lợi to lớn, loại khỏi vùng chiến đấu 10 vạn quân Mĩ – ngụy, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với hơn một triệu dân.

Cuộc tiến công chiến lược (1972) đã tạo một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã giáng một đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) vào quốc sách bình định (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" làm cho chiến lược Việt Nam hóa bị thất bại.

+ Quân dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai cuả Mĩ. Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ 18/12/1972 đến 29.12.1972. Nhờ đoán được âm mưu của địch, từ đó có sự chuẩn bị tốt về tư tưởng và tổ chức, lực lượng và phương tiện quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược làm nên trận *"Điện Biên Phủ trên không"*.

Ngày 30/12/1972, Chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15/1/1973 thì tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để ký với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, mở đầu bằng trận đánh Buôn Ma Thuột (10/3/1975). Qua ba chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử quân dân ta đã đập tan ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn, đánh sập chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 307: ***Bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng là con đường bạo lực, ngoài ra không có con đường nào khác.***

Hãy nêu xuất xứ câu nói trên.

A. Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1/1959).

B. Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7/1973).

C .Trong Hội nghị Bộ Chính trị (30/9 đến7/10/1973).

D. Trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (18/12/1974 đến 8/1/1975).

Câu 308: ***Chiến dịch đường 14 - Phước Long nổ ra trước ngày khai mạc Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng 6 ngày và kết thúc thắng lợi trước khi bế mạc hội nghị 2 ngày.***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 309: ***Với thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long, đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?***

A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

B. Tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm 1976.

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (1975 - 1976), nhưng nhận định kể cả năm 1975 là thời cơ và chỉ thị rõ: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Câu 310: ***Vì sao Hội nghị Bộ Chính trị 10/1974, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?***

A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung dày đặc ở đây để bảo vệ miền Nam.

B. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung ở đây mỏng, phòng thủ có nhiều sơ hở.

C. Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - ngụy ở miền Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 311: ***Ghi sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:***

A. 4/3/1975:..

B. 10/3/1975..

C. 12/3/1975..

D. 14/3/1975..

E. 16/3/1975..

G. 24/3/1975..

Câu 312: ***Kết quả nào dưới đây thuộc kết quả của chiến dịch Tây Nguyên?***

A. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 2, trấn giữ Tây Nguyên, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

B. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 4, trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Buôn Mê Thuột.

C. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 3, trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Playcu, Kontum.

D. Tiêu diệt phần lớn quân đoàn 2, trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng ½ diện tích Tây Nguyên với 4 vạn dân.

Câu 313: ***Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên:***

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. Làm cho tinh thần địch hốt hoảng, mất khả năng chiến đấu.

C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: Từ tiến công, chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Đó là thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

Câu 314: ***Tính từ lúc quân ta giải phóng Quảng Trị đến lúc giải phóng Đà Nẵng là bao nhiêu ngày?***

A. 15 ngày. B. 20 ngày. C. 8 ngày. D. 10 ngày

Câu 315: ***Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử dưới đây cho phù hợp:***

A. ....Giải phóng Quảng Trị.

B. ....Giải phóng Thừa Thiên-Huế.

C. ....Giải phóng Đà Nẵng.

D. ....Giải phóng Quảng Ngãi.

E. .... Giải phóng Tam Kỳ.

Câu 316: ***Sau khi thất thủ ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch phải lùi về phòng thủ ở đâu?***

A. Ở Cam Ranh. B. Ở Nha Trang.

C. Ở Phan Rang. D. Ở Xuân Lộc.

Câu 317: ***"Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam...". Đó là Nghị quyết nào của Đảng ta?***

A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng vào tháng 7/1973.

B. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30/9 đến 7/10/1974.

C. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, họp từ 18/12/1974 đến 8/1/1975.

D. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25/3/1975.

Câu 318: ***Tinh thần "Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và khí thế "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc ta trong:***

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. D. Tất cả các chiến dịch trên.

Câu 319: ***Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào thời gian nào?***

A. 9/4/1975. B. 21/4/1975. C. 16/4/1975. D. 17/4/1975.

Câu 320: ***Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức tổng thống sau ngày tổng thống Pho của Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn.***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 321: ***Từ lúc quân ta được lệnh nổ súng mở đầu cho chiến dịch Hồ Chí Minh đến khi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là bao nhiêu ngày?***

A. 5 ngày. B. 22 ngày. C. 15 ngày. D. 10 ngày.

Câu 322: ***Lúc 10 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, diễn ra sự kiện cơ bản nào ở Sài Gòn?***

A. Dương Văn Minh kêu gọi “ngừng bắn để điều đình giao chính quyền”.

B. Xe tăng ta tiến vào dinh “Độc lập” ngụy.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên Phủ tổng thống ngụy.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 323: ***Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: mốc mở đầu và kết thúc?***

A. Mở đầu 9/4/1975, kết thúc 30/4/1975.

B. Mở đầu 4/3/1975, kết thúc 30/4/1975.

C. Mở đầu 19/3/1975, kết thúc 2/5/1975.

D. Mở đầu 4/3/1975, kết thúc 2/5/1975.

Câu 324: ***Năm đời tổng thống Mĩ nối chân nhau điều hành qua 4 kế hoạch chiến lược thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mĩ. Vậy tổng thống nào chịu sự thất bại cuối cùng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?***

A. Níchxơn. B. Giônxơn. C. Pho. D. Kennơđi.

Câu 325: ***Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là gì?***

A. Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, rửa sạch nỗi nhục và nỗi đau mất nước hơn một thế kỷ.

B. Mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử Việt Nam: cả nước độc lập thống nhất cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới.

D. Câu A và B là ý nghĩa lớn nhất.

Câu 326: ***Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?***

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

CHƯƠNG VI

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 – 1991)

BÀI 16

HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 – 1979)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI đã quyết định những công việc gì?***

- Ngày 25/4/1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức trong cả nước. Đây là lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước sau lần đầu tiên tổ chức ngày 6/1/1946. Đây là Quốc hội khoá VI.

- Cuối tháng 6 đầu tháng 7/1976 Quốc hội khóa VI họp kỳ đầu tiên, với 5 quyết định:

+ Quốc hội thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất, quyết định chuyển cách mạng Việt Nam sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ...

+ Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2/7/1976) quyết định Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài "Tiến quân ca", quyết định Quốc huy, quyết định Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, thành phố Sài Gòn đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quốc hội bầu các cơ quan, các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gồm: Chủ tịch nước, Phó chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng viện kiểm sát nhận dân tối cao.

+ Ở địa phương tổ chức thành ba cấp chính quyền: Cấp tỉnh và cấp thành phố trực thuộc Trung ương, cấp huyện và cấp tương đương, cấp xã và cấp tương đương. Ở mỗi cấp chính quyền đều có Hội đồng nhân dân được bầu ra theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

+ Quốc hội bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp và quyết định khi chưa có Hiến pháp mới thì nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chính thức được Quốc hội thông qua ngày 18.12.1980. Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Bài tập 2: ***Ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.***

- Hoàn thành thống nhất nước nhà, về mặt Nhà nước là yêu cầu tất yếu khách quan của sự phát triển của dân tộc, là ý chí thống nhất Tổ quốc, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất.

- Hoàn thành thống nhất nước nhà, về mặt Nhà nước để thể chế hóa thống nhất lãnh thổ và tạo cơ sở pháp lý để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực khác, tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện đất nước và để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 327: ***Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?***

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị – xã hội ở miền Nam.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 328: ***Điền sự kiện vào các niên đại đã cho sau đây:***

TT	Niên đại	Sự kiện
1.	11/1975	A. .... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thành lập.
2.	4/1976	B. ....Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được Quốc hội thông qua.
3.	7/1976	C. ....Hội nghị hiệp thương đại biểu hai miền Bắc, Nam tại Sài Gòn.
4.	1/1977	D. ....Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cho cả nước.
5.	12/1980	E. ....Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp tại Hà Nội.

Câu 329: ***Từ năm 1946 đến 1980, đã ba lần Quốc hội thông qua Hiến pháp, đó là những Hiến Pháp nào?***

A. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1959 ; Hiến pháp 1980.

B. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1960 ; Hiến pháp 1980.

C. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1975 ; Hiến pháp 1980.

D. Hiến pháp 1946 ; Hiến pháp 1976 ; Hiến pháp 1980.

Câu 330: ***Đến ngày 20/9/1977, nước ta trở thành hội viên thứ mấy của Liên hiệp quốc?***

A. 110. B. 150. C. 149. D. 160.

Câu 331: ***Quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp các lực lượng cách mạng Campuchia giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào thời gian nào?***

A. 22/12/1978. B. 7/1/1979. C. 17/2/1979. D. 18/3/1979.

BÀI 17

VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 – 1991)

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1976 - 1980), nước ta đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì?***

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng từ ngày 14 đến ngày 20.12.1976 là Đại hội mở đầu giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội nêu sự tất yếu và tầm quan trọng trong việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; vạch ra đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ; nêu ba đặc điểm lớn của tình hình mà đặc điểm lớn nhất là "nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa", đặc điểm này qui định tính chất cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá trình của cuộc cách mạng đó ở nước ta; định hướng nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980).

+ Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980), mở đầu giai đoạn mới, có vị trí hết sức quan trọng, vì "nó vừa giải quyết những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới, vừa phải tổ chức lại nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một bước nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đặt nền móng cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà".

+ Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trong khôi phục và phát triển kinh tế. Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta có không ít những yếu kém nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Đó là nền kinh tế của ta còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực.

Bài tập 2: ***Trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1981 - 1985), nước ta đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì?***

+ Đại hội lần thứ V của Đảng từ ngày 27 đến ngày 31.3.1982 khẳng định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ đã vạch ra từ Đại hội IV. Tuy nhiên, đến Đại hội V, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hóa cho từng chặng đường, từng bước đi phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Đại hội cũng nhấn mạnh cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hai nhiệm vụ chiến lược đó tiến hành đồng thời và quan hệ mật thiết với nhau, trong đó xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu.

+ Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985) có nhiệm vụ đẩy mạnh cải tạo kinh tế, phát triển thêm một số bước và sắp xếp lại cơ cấu kinh tế quốc dân, nhằm đem lại sự ổn định về cơ bản tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ những chỗ mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.

Trong 5 năm thực hiện kế hoạch (1981 - 1985), đã đạt được những thành tựu và tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên khó khăn yếu kém vẫn còn nhiều, vẫn là những khó khăn, yếu kém của thời kỳ trước chưa hạn chế và khắc phục, thậm chí còn có mặt trầm trọng thêm. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch là "Cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân" vẫn chưa được thực hiện.

Bài tập 3: ***Từ Đại hội VI (12/1986), Đảng và Nhà nước ta có chủ trương và quan điểm đổi mới về kinh tế và chính trị như thế nào?***

Đổi mới là để khắc phục khó khăn, vượt qua cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ VI (12/1986) đề ra đường lối đổi mới. Đổi mới về kinh tế đi đôi với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

Đổi mới về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đồng thời đặt ra yêu cầu cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo đi đôi với sử dụng và phải nhằm làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã hội khoa học, trước tiên về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa ở nước ta là cả một thời kỳ lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng, mà xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội cho chặng đường đầu tiên (phải trong nhiều kế hoạch 5 năm).
- Nhiệm vụ, mục tiêu của chặng đường đầu tiên là "ổn định tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo". Trước mắt, trong 5 năm (1986 – 1990) phải tập trung sức người, sức của thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế: Lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.*

Đổi mới về chính trị: Dân chủ hóa xã hội với quan điểm "Lấy dân làm gốc"; đổi mới nội dung phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", coi đó là nề nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý lấy Nhà nước của mình.

Bài tập 4: ***Những thành tựu và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1991)?***

**** Thành tựu:***

Thành tựu đầu tiên là trên lĩnh vực kinh tế, đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu *Ba chương trình kinh tế.*

- *Về lương thực – thực phẩm:* Từ chỗ thiếu ăn triền miên, đến năm 1990, đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất nhập khẩu. Sản xuất lương thực năm 1988 đạt 19,50 triệu tấn vượt năm 1987 hơn 2 triệu tấn, năm 1989 đạt 21,40 triệu tấn.
- Hàng hoá trên thị trường nhất là hàng tiêu dùng dồi dào đa dạng, có nhiều tiến bộ về mẫu mã, chất lượng và lưu thông tương đối thuận lợi.
- Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về qui mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội. Từ 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu tăng gần 3 lần (từ 439 triệu rúp và 384 triệu đôla lên 1019 triệu rúp và 1170 triệu đôla). Từ năm 1989 tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu như gạo, dầu thô... Năm 1989, ta xuất 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức công bằng giữa xuất và nhập.
- Kiềm chế được đà lạm phát: Chỉ số tăng giá bình quân trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1987 là 10% năm 1988 là 14%, năm 1989 là 2,5% năm 1990 là 4,4%.

Những thành tựu và ưu điểm trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1990) là rất quan trọng, chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

**** Hạn chế:***

Đất nước vẫn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, công cuộc đổi mới còn nhiều mặt hạn chế, nhiều vấn đề về kinh tế – xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 332: ***Đại hội Đảng toàn quốc lần IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào lúc nào?***

A. Từ 12 đến 18/12/1976. B. Từ 14 đến 20/12/1976.
C. Từ 10 đến 20/12/1976. D. Từ 15 đến 20/12/1976.

Câu 333: ***"Nước ta đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Đó là đặc điểm lớn nhất được nêu ra trong Đại hội lần thứ mấy của Đảng?***

A. Đại hội III. B. Đại hội IV. C. Đại hội V. D. Đại hội VI.

Câu 334: ***Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?***

A. 27 đến 31/3/1980.
B. 27 đến 31/3/1981.
C. 27 đến 31/3/1982.
D. 27 đến 31/3/1985.

Câu 335: ***Đại hội lần thứ V của Đảng đã khẳng định điều gì?***

A. Tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội lần thứ IV.

B. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

C. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 336: ***Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?:***

A. 15 đến 18/12/1985.
B. 10 đến 18/12/1986.
C. 15 đến 18.12.1986
D. 20 đến 25/12/1986.

Câu 337: ***Mục tiêu của ba chương trình kinh tế: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào của Đảng?***

A. Đại hội IV.
B. Đại hội V.
C. Đại hội VI.
D.Đại hội VII.

Câu 338: ***Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?***

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 339: ***Điền những từ thích hợp vào câu sau đây: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là***..

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 340: ***Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?***

A. Thực hiện được ba chương trình kinh tế.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Kiềm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội.

PHẦN II

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Những nét chính của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991?***

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế của người chiến thắng, uy tín chính trị và địa vị quốc tế của Liên Xô được nâng cao.

- Từ năm 1950, Liên Xô thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và đã thu được nhiều thành tựu to lớn.

- *Về công nghiệp:* Đến giữa những năm 1970, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.

- *Về nông nghiệp:* Riêng 1970, Liên Xô đạt được sản lượng và năng suất ngũ cốc chưa từng có với 186 triệu tấn ngũ cốc và năng suất trung bình 15,6 tạ.hecta.

- *Về khoa học - kỹ thuật:* Liên Xô đạt nhiều đỉnh cao ở các lĩnh vực Vật lý, hóa học, điện tử, điều khiển học, khoa học vũ trụ .... Năm 1957, là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất, mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. Năm 1960, đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.

- Liên Xô đứng đầu thế giới về trình độ học vấn của nhân dân với $\frac{3}{4}$ dân số có trình độ Đại học và Trung học, trên 30 triệu người làm việc trí óc, công nhân chiếm hơn $\frac{1}{2}$ số người lao động trong cả nước.

- Đầu năm 1970, bằng việc kí kết với Mĩ các Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa và về một số biện pháp nhằm hạn chế vũ khí tiến công chiến lược, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh lực lượng hạt nhân nói riêng với các nước phương Tây.

Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng đã nổ ra, khởi đầu cuộc khủng hoảng chung của toàn thế giới trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, tài chính... đặt ra cho nhân loại nhiều vấn đề cấp thiết cần giải quyết. Song những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô chủ quan cho rằng: quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng toàn thế giới, do đó chậm thích ứng, chậm sửa đổi. Mặt khác, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là tình trạng thiếu dân chủ, thiếu công bằng, vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhiều tệ nạn khác đã gây nên sự bất mãn trong nhân dân, đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" kéo dài, lương thực thực phẩm phải nhập từ các nước phương Tây. Đời sống nhân dân càng giảm sút.

Đầu 1985, Goocbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã tiến hành công cuộc cải tổ.

- Cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt chính trị, xã hội như: Thiết lập chế độ tổng thống tập trung nắm mọi quyền lực, thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị, đề cao dân chủ và công khai về kinh tế: Chính phủ Liên Xô đưa ra nhiều phương án nhằm chuyển biến nền kinh tế Xô viết sang cơ chế thị trường nhưng chưa thực hiện được gì, trong khi đó quan hệ kinh tế cũ bị phá vỡ mà các quan hệ kinh tế mới chưa hình thành.

- Trong gần 6 tháng tiến hành, công cuộc cải tổ ngày càng lún sâu vào bế tắc do vấp phải nhiều khó khăn, trở ngại: Sự suy sụp về kinh tế kéo theo những khó khăn về chính trị và những tệ nạn xã hội, mâu thuẫn và xung đột giữa các dân tộc dẫn đến hiện tượng li khai của một số nước cộng hòa ra khỏi Liên bang Xô viết: Litva, Estônia, Latvia; sự chia rẽ và hình thành các phe phái trong nội bộ Đảng cộng sản Liên Xô cùng sự xuất hiện một loạt đảng phái với nhiều xu hướng chính trị khác nhau trong xã hội; sự ngóc đầu dậy của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

Tất cả đã đặt đất nước Xô viết trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng, đặc biệt vào đầu thập niên 90.

- Ngày 19/8/1991, một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Xô viết đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Goocbachốp. Cuộc đảo chính thất bại nhanh chóng (21/8). Sau đó Goocbachốp từ chức Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên Xô.

Đảng cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động trong toàn liên bang ; chính quyền Xô viết bị giải thể. Mười một nước Cộng hoà tuyên bố độc lập.

Một làn sóng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội dấy lên trong nước.

- Ngày 21/12/1991, tại thủ đô AnmaAta (Cadacxtin) những người lãnh đạo 11 nước cộng hoà ký Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- Ngày 25/12/1991, tổng thống Goocbachốp phải tuyên bố từ chức và cùng ngày lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Kremli bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự tan vỡ của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Bài tập 2: ***Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B***

A	B
1. 1949	A. Hội đồng tương trợ kinh tế giải thể.
2. 1957	B. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu.
3. 1991	C. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
4. 1985	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1955	E. Thành lập tổ chức hiệp ước phòng thủ Vacxava.

Trả lời: 1. D 2. C 3. A 4. B 5. E

Bài tập 3: ***Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:***

A. Juri Gagarin là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.

B. Sau chiến tranh thế giới các nước Đông Âu xây dựng chế độ TBCN.

C. Tổ chức hiệp ước phòng thủ Vacxava là tổ chức đối lập với khối Bắc Đại Tây Dương (NATO)

D. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết tồn tại trong 73 năm.

E. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất (1957).

G. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) thành lập để hợp tác với các nước TBCN.

Trả lời: A: đúng. B: sai. C: đúng. D: sai. E: đúng. G: sai.

Bài tập 4: ***Nguyên nhân dẫn đến sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu? Nêu nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp?***

**** Nguyên nhân:***

- Mô hình chủ nghĩa xã hội đã xây dựng có nhiều khuyết tật và sai sót.
- Chậm sửa chữa thay đổi trước những biến đổi của tình hình thế giới.
- Những sai lầm về sự tha hoá biến chất của một số nhà lãnh đạo.
- Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

Đây là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, chưa nhân văn và là một bước thụt lùi của chủ nghĩa xã hội.

**** Nguyên nhân sâu xa:***

- Mô hình chủ nghĩa xã hội có nhiều khuyết tật và sai sót.

**** Nguyên nhân trực tiếp:***

- Chậm sửa chữa thay đổi trước những biến đổi của tình hình thế giới.
- Những sai lầm về sự tha hoá biến chất của một số nhà lãnh đạo.
- Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: ***Hãy xác định khó khăn lớn nhất ở Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai để lại?***

A. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá. B. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy.

C. Hơn 1710 thành phố bị đổ nát. D. Hơn 27 triệu người chết.

Câu 2: ***Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước ?***

A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.

B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

C. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày chiến thắng.

D. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

Câu 3: ***Thành tựu nào quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau hiến tranh?***

A. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân ạo của Trái Đất.

C. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

D. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).

Câu 4: ***Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?***

A. 1945. B. 1947. C. 1949. D. 1951.

Câu 5: ***Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mĩ?***

A. Mở rộng lãnh thổ.

B. Duy trì nền hòa bình thế giới.

C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

D. Khống chế các nước khác.

Câu 6: ***Trong quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX), số liệu nào sau đây có ý nghĩa nhất?***

A. Nếu năm 1950, Liên Xô sản xuất được 27,3 triệu tấn thép thì đến năm 1970 sản xuất được 115,9 triệu tấn.

B. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.

C. Từ năm 1951 đến 1975, mức tăng trưởng của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%.

D. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Câu 7: ***Nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới được xây dựng tại đâu?***

A. Mĩ B. Đức. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

Câu 8: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?***

A. Phát triển nền công nghiệp nhẹ.

B. Phát triển nền công nghiệp truyền thống.

C. Phát triển kinh tế công – nông – thương nghiệp.

D. Phát triển công nghiệp nặng.

Câu 9: ***Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất vào năm nào ?***

A. 1955. B. 1957. C. 1960. D. 1961.

Câu 10: ***Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?***

A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

B. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.

C. Đưa con người lên mặt trăng.

D. Đưa con người lên sao hoả.

Câu 11: ***Gagarin đã làm gì trong việc thực hiện chinh phục vũ trụ?***

A. Người đầu tiên bay lên sao Hỏa.

B. Người đầu tiên thử thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Người đầu tiên bay vào vũ trụ.

D. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng.

Câu 12: ***Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì thể hiện sự cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu?***

A. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.

B. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh về hạt nhân nói riêng.

C. Thế cân bằng về sức mạnh quốc phòng.

D. Thế cân bằng về chinh phục vũ trụ.

Câu 13: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế nông nghiệp của Liên Xô được tiến hành trên cơ sở nào?***

A. Sự quan tâm đến lợi ích vật chất đối với người dân.

B. Những thành tựu của công nghiệp.

C. Các biện pháp hành chính.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 14: ***Sắp xếp các sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A theo yêu cầu sau đây:***

A	B
1. Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai.	a. Hơn 27 triệu người chết.
	b. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
2. Thành tựu Liên Xô đạt được trên lĩnh vực khoa học kĩ thuật	c. Đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.
	d. Bị các nước đế quốc yêu cầu chia lại lãnh thổ.
	e. Đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.
	g. Giàu có nhờ thu lợi nhuận sau chiến tranh.

Câu 15: ***Hiểu các nước ở Đông Âu theo nghĩa lịch sử như thế nào cho đúng?***

A. Vị trí địa lý phía Đông Châu Âu.

B. Các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

C. Các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa ở phía Tây Liên Xô.

D. Cả A và B đều đúng

Câu 16: ***Trong tiến trình Chiến tranh thế giới thứ hai, Hồng quân Liên Xô tiến vào các nước Đông Âu nhằm mục đích gì?***

A. Xâm lược các nước này.

B. Tiêu diệt phát xít Đức, trả thù món nợ ở Liên Xô.

C. Giúp nhân dân các nước này tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

B. Giúp nhân dân các nước này nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chế độ dân chủ nhân dân.

Câu 17: ***Chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70, thế kỉ XX là gì ?***

A. Muốn làm bạn với tất cả các nước.

B. Chỉ quan hệ với các nước lớn.

C. Hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

D. Chỉ làm bạn với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 18: ***Sự kiện nào dưới đây gắn với các nước nước Đông Âu trong những năm 1947-1948?***

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Tiến lên chủ nghĩa tư bản.

C. Hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.

D. Đang chống chủ nghĩa phát xít Đức.

Câu 19: ***Nhiệm vụ chính trị của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu là gì?***

A. Tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

C. Quốc hữu hóa những xí nghiệp lớn của tư bản.

D. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ban hành các quyền tự do dân chủ.

Câu 20: ***Nguyên nhân nào dưới đây không gắn với sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu?***

A. Do sự thỏa thuận của các nước đồng minh chống phát xít.

B. Do nghị quyết của hội nghị Ianta (2/1945).

C. Do thành quả đấu tranh của các lực lượng yêu nước chống phát xít ở Đông Âu và do Hồng quân Liên Xô truy kích thắng lợi quân phát xít Đức.

D. Do nhân dân các nước Đông Âu bị chiến tranh tàn phá.

Câu 21: ***Cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu đã làm gì để xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân?***

A. Triệt phá âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động.

B. Cải cách ruộng đất.

C. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản.

D. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Câu 22: ***Lý do nào là chủ yếu nhất để chứng minh sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu có ý nghĩa quốc tế?***

A. Cải thiện một bước đời sống nhân dân.

B. Thực hiện một số quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

C. Tạo điều kiện để Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Tăng cường sức mạnh bảo vệ hòa bình thế giới và góp phần hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa từ năm 1949.

Câu 23: ***Sau khi hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu xây dựng đất nước theo con đường nào?***

A. Tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.

B. Tiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

C. Một số nước tiến lên xã hội chủ nghĩa, một số nước tiến lên tư bản chủ nghĩa.

D. Một số nước thực hiện chế độ trung lập.

Câu 24: ***Năm nào các nước xã hội chủ nghĩa trở thành hệ thống thế giới để chống lại các nước tư bản chủ nghĩa?***

A. 1917. B. 1945. C. 1949. D. 1950.

Câu 25: ***Các nước Đông Âu tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở nào?***

A. Là những nước tư bản phát triển.

B. Là những nước tư bản kém phát triển.

C. Là những nước phong kiến.

D. Là nước thuộc địa nửa phong kiến.

Câu 26: ***Nước nào ở Đông Âu được mệnh danh là "Đất nước của triệu người khất thực" trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

A. Cộng hòa dân chủ Đức. B. Tiệp Khắc.

C. Ru-ma-ni. D. Hung-ga-ri.

Câu 27: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Âu phải trải qua khó khăn và thách thức lâu dài nhất?***

A. Tàn dư lạc hậu của chế độ cũ.

B. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu so với các nước Tây Âu.

D. Sự bao vây của các nước đế quốc và sự phá hoại của các lực lượng phản động quốc tế.

Câu 28: ***Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho các nước Đông Âu vững in bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?***

A. Thành quả của cách mạng dân chủ nhân dân (1946 -1949) và nhiệt ình của nhân dân.

B. Sự hoạt động và hợp tác của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

D. Sự hợp tác giữa các nước Đông Âu.

Câu 29: ***Ngành kinh tế nào mà các nước Đông Âu quan tâm nhất trong công cuộc xây dựng chủ xã hội?***

A. Phát triển công nghiệp nhẹ.

B. Phát triển công nghiệp nặng.

C. Phát triển kinh tế đối ngoại.

D. Phát triển kinh tế thương nghiệp.

Câu 30: ***Mục dích nào dưới dây không nằm trong thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ ghĩa?***

A. Cần có sự hợp tác nhiều bên.

B. Sự phân công và chuyên môn hóa trong sản xuất giữa các nước XHCN nhằm nâng cao năng suất lao động và xóa bỏ tình trạng chênh lệch về trình độ.

C. Tăng thêm sức mạnh trong việc đối phó với chính sách bao vây kinh tế của các nước Phương Tây.

D. Chạy đua vũ trang với Mĩ và Tây Âu.

Câu 31: ***Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vacsava thành lập năm nào ?***

A. 1955. B. 1956. C. 1957. D. 1958.

Câu 32: ***Đến thập niên 70 của thế kỉ XX, nước nào ở Đông Âu được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới ?***

A. An-ba-ni. B. Bun-ga-ri.

C. Tiệp Khắc. D. Ru-ma-ni.

Câu 33: ***Mục đích chính của sự ra đời liên minh phòng thủ Vácsava (14/5/1955) là gì?***

A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.

B. Để tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.

C. Để đối phó với việc vũ trang lại Tây Đức của các nước thành viên khối NATO.

D. Để đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Câu 34: ***Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vácsava mang tính chất gì?***

A. Một tổ chức kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu.

B. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

C. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCN ở châu Âu .

D. Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

Câu 35: ***Đâu là mặt hạn chế trong hoạt động của khối SEV?***

A. Thực hiện quan hệ hợp tác, quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.

C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế khoa học trong sản xuất.

D. "Khép kín cửa" không hòa nhập với nền kinh tế thế giới.

Câu 36: ***Trong quá trình xây dựng CNXH, nước nào ở Đông Âu trở thành nước công - nông nghiệp?***

A. Hung-ga-ri. B. Ru-ma-ni.

C. Tiệp Khắc. D. A, B đúng.

Câu 37: ***Bước sang những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế của Liên Xô như thế nào?***

A. Phát triển tương đối ổn định.

B. Sản xuất công nghiệp kém phát triển.

C. Mức sống của nhân dân giảm sút.

D. Sản xuất trì trệ, lương thực, thực phẩm phải nhập từ phương Tây.

Câu 38: ***Vì sao Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX?***

A. Đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" khủng hoảng.

B. Đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Tây Âu và Mĩ.

C. Phải cải tổ để sớm áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật đang phát triển của thế giới.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 39: ***Công cuộc cải tổ của M. Goocbachốp bắt đầu từ năm nào?***

A. 1985. B. 1986. C. 1987. D. 1988.

Câu 40: ***Thời gian tiến hành công cuộc "cải tổ" của Liên Xô kéo dài trong bao lâu?***

A. 4 năm (1985-1989). B. 5 năm (1985-1990).

C. 6 năm (1985-1991). D. 7 năm (1985-1992).

Câu 41: ***Nội dung cơ bản của công cuộc "cải tổ" của Liên Xô là gì?***

A. Cải tổ kinh tế triệt để, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế

B. Cải tổ hệ thống chính trị.

C. Cải tổ xã hội.

D. Cải tổ kinh tế và xã hội.

Câu 42: ***Trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung trên toàn thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã làm gì ?***

A. Tiến hành cải cách kinh tế, chịnh trị, xã hội cho phù hợp.

B. Kịp thời thay đổi để thích ứng với tình hình thế giới.

C. Không tiến hành những cải cách cần thiết về kinh tế và xã hội.

D. Có sửa đổi nhưng chưa triệt để.

Câu 43: ***Chế độ tổng thống được thực hiện ở Liên Xô năm nào ?***

A. 1985. B. 1988. C. 1990. D. 1991.

Câu 44: ***Liên bang cộng hòa XHCN Xô viết được tồn tại trong khoảng thời gian nào?***

A. 1917-1991. B. 1918-1991. C. 1920-1991. D. 1922-1991.

Câu 45: ***Chế độ XHCN ở Liên Xô tồn tại bao nhiêu năm?***

A. 71 năm. B. 72 năm. C. 73 năm. D. 74 năm.

Câu 46: ***Đâu là trở ngại chủ quan ảnh hưởng đến thắng lợi của XHCN ở Đông Âu?***

A. Sự phá hoại của các thế lực phản động.

B. Rập khuôn, giáo điều theo mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô.

C. Chưa đảm bảo đầy đủ sự công bằng xã hội và quyền dân chủ của nhân dân.

D. Sự trì trệ, thiếu năng động trước những biến động của tình hình thế giới.

Câu 47: ***Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô v Đông Âu sụp đổ?***

A. Các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước chống phá.

B. Chậm sửa chữa những sai lầm.

C. Nhà nước, nhân dân Xô viết nhận thấy CNXH không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.

D. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

Câu 48: ***Nguyên nhân nào mang tính chất giáo điều đưa đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu?***

A. Xây dựng một mô hình về CNXH không phù hợp với sự biến đổi của thế giới và thực tế khách quan.

B. Sự tha hóa về phẩm chất chính trị và đạo đức của nhiều người lãnh đạo.

C. Rời bỏ những nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

D. Sự chống phá của các thế lực thù địch với CNXH.

Câu 49: ***Nước xóa bỏ thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Âu là:***

A. Ba Lan. B. Hung-ga-ri.

C. Tiệp Khắc. D. Cộng hòa dân chủ Đức.

Câu 50: ***Quốc hội Cộng hòa dân chủ Đức quyết định gia nhập Cộng hòa Liên bang Đức vào năm nào?***

A. 1989. B. 1990. C. 1991. D. 1992.

Câu 51: ***Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là:***

A. Sự sụp đổ của chế độ XHCN.

B. Sự sụp đổ của mô hình XHCN chưa khoa học.

C. Sự sụp đổ của một đường lối sai lầm.

D. Sự sụp đổ của tư tưởng chủ quan, nóng vội.

Câu 52: ***Công cuộc xây dựng XHCN của các nước Đông Âu đã mắc phải một số thiếu sót và sai lầm là:***

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

B. Tập thể hóa nông nghiệp.

C. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.

D. Rập khuôn, cứng nhắc mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô trong khi hoàn cảnh và điều kiện đất nước mình khác biệt.

Câu 53: ***Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) giải thể vào năm nào?***

A. 1989. B. 1990. C. 1991. D. 1992.

Câu 54: ***Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vacxava giải thể năm nào?***

A. 1989. B. 1990. C. 1991. D. 1992.

Câu 55: ***Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) bị giải thể do nguyên nhân nào ?***

A. Do "khép kín" cửa trong hoạt động.

B. Do không đủ sức cạnh tranh với Mỹ và Tây Âu.

C. Do sự lạc hậu về phương thức sản xuất.

D. Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 56: ***Hãy nối các niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B***

A	B
1. 1949	a. Hội đồng tương trợ kinh tế giải thể.
2. 1957	b. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu.
3. 1991	c. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
4. 1985	d. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1955	e. Thành lập tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vacxava

Câu 57: ***Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:***

A. Ju-ri Gagarin là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.

B. Sau Chiến tranh thế giới các nước Đông Âu xây dựng chế độ TBCN.

C. Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vacxava là tổ chức đối lập với khối Bắc Đại Tây Dương (NATO).

D. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết tồn tại trong 73 năm.

E. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất (1957).

G. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) thành lập để hợp tác với các nước TBCN.

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ, LA TINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

A. TRUNG QUỐC

Bài tập 1: ***Các giai đoạn phát triển của cách mạng Trung Quốc (1946 – 1987)?***

a. Giai đoạn 1946 đến 1949: Cuộc nội chiến ở Trung Quốc.

+ Giai đoạn phòng ngự tích cực: (7.1946 – 6.1947). Do tương quan lực lượng chênh lệch, quân cách mạng chủ trương lấy tiêu diệt địch và phát triển lực lượng cách mạng làm mục tiêu chủ yếu.

Kết quả: Trong vòng 1 năm đã tiêu diệt của khoảng 1.920.000 quân Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, buộc Tưởng phải chuyển từ thế tấn công sang phòng ngự.

+ Giai đoạn phản công (7.1947 đến 10.1949) quân cách mạng tăng cường tiêu diệt quân chủ lực của đối phương, giải phóng các vùng do Quốc dân Đảng thống trị.

- Tháng 4/1949, quân cách mạng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh (23/4) nền thống trị của Tưởng Giới Thạch bị sụp đổ.

Kết quả: Quân giải phóng đã tiêu diệt được 1 triệu 54 vạn quân chủ lực của Tưởng.

- Ngày 1/10/1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc được thành lập, cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc đã hoàn thành.

Ý nghĩa: Với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc 1949.

- Kết thúc 100 năm bị đế quốc, phong kiến, tư sản mại bản nô dịch thống trị và mở ra một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội trong lịch sử Trung Quốc.
- Đã tăng cường lực lượng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.
- Có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á.

b. Giai đoạn (1949 – 1959) mười năm xây dựng chế độ mới:

Từ 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội... Nhờ sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm lần thứ I (1953 – 1957) đã hoàn thành thắng lợi đưa nền kinh tế, văn hóa, giáo dục Trung Quốc đạt được những tiến bộ vượt bậc.

c. Giai đoạn từ 1959 – 1978:

Từ năm 1959 – 1978, tình hình kinh tế, chính trị và xã hội Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định. Việc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng", "đại nhảy vọt" và xây dựng "công xã nhân dân" đã đẩy nền kinh tế Trung Quốc vào tình trạng hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Trong bối cảnh đó, tháng 12/1959, Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc đã họp, cử Lưu Thiếu Kỳ làm chủ tịch nước (thay thế Mao Trạch Đông) và thành lập tổ sửa sai để sửa chữa những sai lầm, khắc phục hậu quả do đường lối "ba ngọn cờ hồng" gây nên. Trong nội bộ Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc đã diễn ra những bất đồng về đường lối và tranh chấp về quyền lực rất quyết liệt, phức tạp giữa các phe phái, đỉnh cao là cuộc: "đại cách mạng vô sản" diễn ra trong những năm 1966 – 1968.
- Những năm 1968 – 1978, trong nội bộ giới lãnh đạo Trung Quốc vẫn liên tục diễn ra nhiều cuộc thanh trừng, lật đổ lẫn nhau.

d. Giai đoạn 1978 đến nay:

- Tháng 12/1978, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp, vạch ra đường lối đổi mới, mở đầu cho cuộc cải cách kinh tế xã hội ở Trung Quốc hiện nay. Đến cuối năm 1987, tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIII, đường lối này được nâng lên thành đường lối chung của Đảng và Nhà nước Trung Quốc: trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội sẽ xây dựng mang màu sắc Trung Quốc, lấy xây dựng kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản (Con đường xã hội chủ nghĩa, Chuyên chính dân chủ nhân dân; Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc, Chủ nghĩa Mác – Lênin – Tư tưởng Mao Trạch Đông) thực hiện cải cách mở cửa phấn đấu xây dựng Trung Quốc thành nước xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa, giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Từ sau khi thực hiện có cải cách, Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, ổn định tình hình chính trị và xã hội, địa vị trên trường quốc tế được nâng cao.

Bài tập 2: ***So sánh chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong các thời kỳ 1949-1959; 1959-1978; 1978 đến nay?***

1949-1959	*1959-1978*	*1978 đến nay*
Trung Quốc thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, góp phần củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của cách mạng thế giới. Nhờ đó địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.	Trung Quốc thực hiện chính sách đối ngoại bất lợi cho cách mạng và nhân dân Trung Quốc: chống lại Liên Xô và các nước XHCN. Gây căng thẳng với các nước láng giềng như Việt Nam, Lào, Campuchia...	Trung Quốc đề ra nhiều chính sách đối ngoại tiến bộ, bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, Inđônêxia, Việt Nam... mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

B. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Bài tập1: ***Các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào từ 1945 -1975? Quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và Lào?***

a. Các giai đoạn phát triển:

- Tháng 3/1946, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, nhân dân Lào đứng lên kháng chiến chống Pháp. Được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào phát triển mạnh mẽ: Ngày 20/1/1949 quân giải phóng nhân dân Lào chính thức được thành lập do Cayxỏn Phômvihản chỉ huy. Ngày 13/8/1950, Mặt trận Lào tự do và Chính phủ kháng chiến Lào thành lập do Hoàng thân Xuphanuvông đứng đầu.

- Từ 1953 - 1954, quân dân Lào cùng với tình nguyện Việt Nam mở nhiều chiến dịch và giành thắng lợi to lớn (chiến dịch Thượng Lào, Hạ Lào 1953).

- Thắng lợi của nhân dân Lào, Camphuchia cùng với chiến thắng to lớn của nhân dân Việt Nam (Đông Xuân 1953 – 1954) buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Lào.

Sau khi Pháp thất bại, đế quốc Mĩ phát động chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ trên đất nước Lào.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào (thành lập vào 3/1955) quân Lào đứng lên kháng chiến chống Mĩ. Đến đầu những năm 1960 vùng giải phóng chiếm 2/3 diện tích, 1/3 dân số trong cả nước. Từ 1964 – 1973 nhân dân Lào đã đánh bại cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ, buộc Mĩ và tay sai ký Hiệp định Viêng Chăn (21/3/1973) lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam (30/4/1975) đã cổ vũ và tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào từ tháng 5 đến tháng 12/1975, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 2/12/1975, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào chính thức thành lập. Cách mạng Lào bước sang thời kỳ phát triển mới, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân rồi tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b. Mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào:

- Cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào có mối quan hệ mật thiết với nhau:

+ Thời kỳ chống Pháp: 3/1951, Liên minh Việt – Miên – Lào được thành lập nêu cao tinh thần đoàn kết chiến đấu chống Pháp của nhân dân ba nước đông Dương. Những năm 1953-1954, quân dân Việt Nam phối hợp với quân dân Lào mở các chiến dịch ở Trung Lào, Thượng Lào để phá sản bước đầu kế hoạch Nava. Khi Pháp bị thất bại trong chiến dịch Điện Biên Phủ buộc chúng phải ký kết Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, trong đó có Lào.

+ Thời kỳ chống Mĩ: Tháng 3/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương thể hiện tinh thần đoàn kết chống Mĩ cứu nước. Những thắng lợi của quân dân Việt Nam và Lào trong những năm 1972-1973 làm thất bại Việt Nam hóa và Đông Dương hóa chiến tranh của Mĩ. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975 ở Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Lào giành thắng lợi trong sự nghiệp chống Mĩ cứu nước.

Bài tập 2: ***Hãy điền sự kiện của cách mạng Lào vào các niên đại đã cho sau đây:***

Niên đại	*Sự kiện*
1. 3/1946	
2. 1/1949	
3. 8/1950	
4. 3/1953	
5. 7/1954	
6. 3/1955	
7. 3/1973	
8. 12/1975	

Trả lời: 1. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào, nhân dân Lào kháng chiến chống Pháp.

2. Quân giải phóng nhân dân Lào thành lập.

3. Mặt trận Lào tự do và chính phủ kháng chiến Lào thành lập.

4. Quân dân Lào phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam mở chiến dịch Thượng Lào.

5. Hiệp định Giơnevơ ký kết, Pháp phải công nhận độc lập chủ quyền của Lào.

6. Đảng nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

7. Mĩ và tay sai ký Hiệp định Viêng Chăn, lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

8. Nhân dân Lào giành chính quyền và thành lập nước Cộng hoà dân chủ nhân dân.

Bài tập 3: ***Hãy nêu những biến đổi của các nước Đông Nam Á? Biến đổi nào lớn nhất?***

+ Biến đổi to lớn thứ nhất: Cho đến nay, các nước Đông Nam Á đều giành độc lập. Đây là biến đổi to lớn nhất vì:

- Là biến đổi thân phận từ các nước thuộc địa, nửa thuộc địa và lệ thuộc trở thành những nước độc lập.
- Nhờ có biến đổi đó, các nước Đông Nam Á mới có những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển nền kinh tế, xã hội của mình ngày càng phồn vinh.

+ Biến đổi to lớn thứ hai: Từ khi giành độc lập dân tộc, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng nền kinh tế – xã hội và đạt nhiều thành tích to lớn (đặc biệt Xinggapo là nước có nền kinh tế phát triển nhất trong các nước Đông Nam Á và được xếp vào hàng các nước đang phát triển trên thế giới).

+ Biến đổi to lớn thứ ba: Đến tháng 7.1997, các nước Đông Nam Á đều gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN. Đó là một tổ chức Liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á nhằm mục đích xây dựng những mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.

Bài tập 4: ***Hãy trình bày sự thành lập Tổ chức ASEAN và quan hệ Việt Nam - ASEAN?***

a. Sự thành lập ASEAN:

Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á có dự định thành lập một tổ chức khu vực nhằm tạo nên sự hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học, kỹ thuật và văn hóa, hạn chế ảnh hưởng của các nước lớn đang tìm mọi cách nhằm biến Đông Nam Á thành "sân sau" của họ.

Tháng 8/1967, tại Băng Cốc (Thái Lan) Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập gồm 5 nước : Inđônêxia, Malaixia, Xinggapo, Thái Lan và Philippin; tháng 1/1984 thêm Brunây.

Cơ quan lãnh đạo của ASEAN là Hội nghị ngoại trưởng được tổ chức lần lượt hàng năm ở thủ đô các nước thành viên. Uỷ ban thường trực của ASEAN đảm nhiệm các công việc giữa hai kỳ họp của Hội nghị ngoại trưởng; ngoài ra còn có các uỷ ban thường trực, phụ trách những ngành cụ thể với sự tham gia của các chuyên gia các nước thành viên.

Hoạt động của ASEAN trải qua hai giai đoạn chính:

+ Từ 1967 đến 1975: ASEAN còn là tổ chức khu vực non yếu, chương trình hợp tác giữa các nước thành viên còn rời rạc.

+ Từ 1976 đến nay: Được bắt đầu bằng Hội nghị cấp cao lần thứ nhất (họp ở Bali (Inđônêxia), tháng 2.1976) mở ra thời kỳ phát triển mới trong lịch sử các nước ASEAN.

Những năm 1976 – 1978, ASEAN nhấn mạnh hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên và hình thành cơ cấu tổ chức chặt chẽ hơn.

Từ năm 1979, do vấn đề Campuchia, quan hệ giữa ASEAN với ba nước Đông Dương là "đối đầu". Từ cuối thập niên 1980, khi "vấn đề Campuchia" được giải quyết, mối quan hệ đó chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại", mở ra khả năng mới trong quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực ở khu vực Đông Nam Á. Giữa các nước ASEAN với Việt Nam, Lào, Campuchia đã diễn ra nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi và hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học... Đây cũng là thời kỳ kinh tế ASEAN tăng trưởng mạnh.

Ngày 28/7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.

Ngày 23/7/1997, ASEAN kết nạp thêm Lào và Mianma.

Từ 30/4/1999, Campuchia là thành viên thứ 10 của tổ chức này. ASEAN đã đạt được những thành tựu to lớn và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, tạo nên những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế – xã hội các nước thành viên. Mặc dầu có những bước thăng trầm, vai trò quốc tế ASEAN ngày càng tăng.

"Hiệp ước hữu nghị và hợp tác" được ký kết tại Hội nghị cấp cao họp ở Bali (Inđônêxia, tháng 2.1976) đã nêu mục tiêu của ASEAN là: "Xây dựng những mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hoà bình, tự do trung lập ở Đông Nam Á. Như thế, ASEAN là một tổ chức liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

b. Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN.

Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN diễn ra phức tạp, có lúc hòa dịu, có lúc căng thẳng tuỳ theo sự biến động của quốc tế và khu vực, nhất là tình hình phức tạp ở Campuchia.

Từ cuối những năm 1980, ASEAN đã chuyển từ chính sách "đối đầu" sang "đối thoại", hợp tác với ba nước Đông Dương. Từ khi vấn đề Campuchia được giải quyết, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại "Muốn là bạn với tất cả các nước", quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN được cải thiện.

Tháng 7/1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong sự tăng cường hợp tác ở khu vực vì một "Đông Nam Á hòa bình, ổn định và phát triển".

Sau khi gia nhập ASEAN (28/7/1995) mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật ngày càng được đẩy mạnh.

Bài tập 5: ***Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của Ấn Độ (1945 – 1950) do giai cấp nào lãnh đạo? Nêu các mốc lịch sử cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ?***

* Phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ do giai cấp tư sản mà đại diện là Đảng Quốc đại do M. Ganđi lãnh đạo.

* Các mốc lịch sử cơ bản:

- Ngày 19.2.1946, hai vạn thủy binh trên chiến hạm khởi nghĩa hạ cờ Anh, tổ chức biểu tình, tuần hành với các khẩu hiệu: *"Đả đảo đế quốc Anh", "Cách mạng muôn năm!"*. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của thuỷ binh, hai mươi vạn công nhân, học sinh, sinh viên và đông đảo nhân dân Bombay đã bãi công, bãi thị, bãi khóa. Cuộc bãi công sau đó đã trở thành khởi nghĩa vũ trang của nhân dân, kéo dài trong ba ngày liền (từ 21/2 đến 23/2/1946) mới bị dập tắt. Ở nhiều thành phố khác như Cancutta, Carasi, Mađơvát, đông đảo công nhân đã bãi công hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Bombay. Ở nông thôn, phong trào "Têphaga" đã nổ ra ở nhiều địa phương có nơi nông dân nổi dậy cướp tài sản của các địa chủ.

- Đầu năm 1947, cao trào bãi công của công nhân đã nổ ra ở nhiều thành phố lớn, như cuộc bãi công của hơn 40 vạn công nhân ở thành phố Cancutta (tháng 2/1947). Đế quốc Anh không thể thống trị theo hình thức thực dân cũ được nữa phải thương lượng với hai đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo chia Ấn Độ thành hai quốc gia trên cơ sở tôn giáo: Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakixtan của những người theo Hồi giáo. Hai miền Ấn Độ và Pakistan được hưởng qui chế tự trị và được thành lập Chính phủ dân tộc riêng của mình. Trên cơ sở thoả thuận theo kế hoạch này (Kế hoạch Maobattơn) ngày 15/8/1947, Ấn Độ tách ra thành hai quốc gia Ấn Độ và Pakixtan đã nổi dậy đấu tranh vũ trang tách khỏi Pakittan và thành lập nước Cộng hoà Bănglađet.

- Không thoả mãn với qui chế tự trị, Đảng Quốc đại đã lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh đòi thực dân Anh phải trả độc lập hoàn toàn cho Ấn Độ. Trước sức ép đấu tranh mạnh mẽ của phong trào quần chúng, thực dân Anh buộc phải công nhận hoàn toàn nền độc lập của Ấn Độ. Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và nước Cộng hoà Ấn Độ chính thức được thành lập.

Bài tập 6: ***So sánh tình hình Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai theo yêu cầu sau?***

Tiêu chí so sánh	***Bắc Triều Tiên***	***Nam Triều Tiên***
Chế độ chính trị	Xây dựng đất nước theo con đường XHCN.	Xây dựng đất nước theo con đường TBCN.
Lãnh đạo	Lý Thừa Vãn.	Kim Nhật Thành.
Sự phát triển kinh tế	Đạt được nhiều thành tựu to lớn: Điện khí hóa cả nước, phát triển phương tiện giao thông, sản xuất, nông cụ, văn hóa, giáo dục.ngày càng đi lên.	Sau 30 năm phát triển, Hàn Quốc trở thành một "nước công nghiệp mới". Sau 6 kế hoạch 5 năm (1962 – 1991), tổng sản phẩm quốc dân tăng gần 130 lần. Cơ cấu kinh tế thay đổi căn bản, nông nghiệp chiếm 36,6% tổng thu nhập quốc dân (1962), chỉ kèm 7,6% (1992), công nghiệp từ 14,4% tăng lên 33,6% ...

Bài tập 7: ***Nêu những nét cơ bản của Palextin sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Palextin, nhờ Mĩ giúp sức bọn phục quốc Do Thái lập ra Nhà nước Ixraen (1948) liên tiếp gây chiến tranh để thôn tính lãnh thổ của người Arập, đó là nguồn gốc của cuộc xung đột kéo dài, dẫn đến tình trạng bất ổn định ở Trung Đông.

Từ năm 1948 đến nay, dưới sự lãnh đạo của tổ chức giải phóng Palextin (PLO), được sự ủng hộ của các nước Arập và lực lượng tiến bộ thế giới, nhân dân Arập Palextin đã kiên cường đấu tranh chống Ixraen.

Tháng 12/1987, Nhà nước Palextin thành lập (đứng đầu là Yatxe Araphát – Chủ tịch PLO) được Liên Hợp Quốc công nhận là đại diện của nhân dân Palextin tại Liên Hợp Quốc (1988).

Ngày 4.5.1994, Chủ tịch PLO, Yátxe Araphát và thủ tướng Ixraen. Ixac Rabin đã kí kết Hiệp định về quyền tự trị của người Palextin ở Gada và Gieriô.

C. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

Bài tập 1: ***Hãy trình bày quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi?***

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tiếp theo châu Á, châu Phi là một trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc thế giới. Châu Phi trở thành "lục địa mới trỗi dậy" trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc.

Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, trải qua 4 giai đoạn:

+ *Từ 1945 đến 1954:* Phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi, với thắng lợi mở đầu là cuộc chính biến cách mạng của binh lính, sĩ quan Ai Cập (1952) lật đổ vương triều Pharúc và nền thống trị của thực dân Anh. Nước Cộng hòa Ai Cập được thành lập. Năm 1952, nhân dân Libi cũng giành được độc lập.

+ *Từ 1954 đến 1960:* Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của Pháp. Phong trào giải phóng dân tộc lên cao, mạnh mẽ ở vùng Bắc Phi, Tây Phi và Châu Phi xích đạo, mở đầu bằng cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Angiêri (11.1954). Sau đó, nhiều quốc gia giành được độc lập dân tộc: Tuynidi (1956), Marốc (1956), Xuđăng (1956), Gana (1957), Ghinê (1958).

+ *Từ 1960 đến 1975*: Phong trào giải phóng dân tộc phát triển rộng khắp. Năm 1960, 17 nước ở Tây Phi, Đông Phi và Trung Phi đã giành được độc lập dân tộc, được lịch sử ghi nhận là "Năm châu Phi", mở đầu giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Những thắng lợi có ý nghĩa to lớn trong giai đoạn này là: Kháng chiến chống Pháp thắng lợi của nhân dân Angiêri (3.1962), cách mạng Êtiôpi (1974), cách mạng Môdămbích (1975) cách mạng Ănggôla (1975) đã đánh dấu sự sụp đổ về căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi.

+ *Từ 1975 đến nay:* Là giai đoạn hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc. Mốc đánh dấu là sự kiện Namibia (Tây Nam Phi) tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hòa Namibia (3/1991).

Tiếp đó là cuộc bầu cử đa chủng tộc ở Nam Phi (4/1994) với thắng lợi của các lực lượng yêu nước tiến bộ mà đại diện là Đại hội dân tộc Phi (ANC). Sự kiện này chấm dứt ách thống trị trong vòng ba thế kỷ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai ở lục địa này.

Bài tập 2: ***So sánh đặc điểm phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á theo yêu cầu sau đây?***

- ***Tổ chức lãnh đạo phong trào.***
- ***Hình thức đấu tranh.***
- ***Mức độ giành độc lập.***
- ***Sự phát triển kinh tế sau khi giành độc lập.***

Tiêu chí so sánh	**Châu Phi**	**Châu Á**
Tổ chức lãnh đạo	- Thông qua tổ chức thống nhất châu Phi. - Lãnh đạo phong trào hầu hết thuộc về chính đảng hoặc tổ chức chính trị của giai cấp tư sản.	- Thông qua chính đảng của giai cấp tư sản hoặc vô sản ở từng nước. - Lãnh đạo phong trào hầu hết thuộc về chính đảng của giai cấp tư sản hoặc vô sản.
Hình thức đấu tranh	- Chủ yếu là đấu tranh chính trị hợp pháp.	- Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
Mức độ giành độc lập	- Các nước giành được độc lập ở mức độ khác nhau.	- Các nước giành độc lập ở mức độ đồng đều.
Sự phát triển kinh tế sau khi giành độc lập	- Không đồng đều sau khi giành độc lập. Hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn.	- Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế sau khi giành độc lập.

Bài tập 3: ***Lập niên biểu và ghi sự kiện lịch sử cơ bản thể hiện sự phát triển phong trào dấu tranh giành độc lập ở Angiêri sau Chiến tranh thế giới thứ hai? (Chọn 8 sự kiện: Năm 1954: 02; 1956: 01; 1958: 02; 1960: 01; 1962:02)***

Niên biểu	***Sự kiện lịch sử***
1.	
2.	
3.	
4.	
5.	
6.	

Trả lời:

- Năm 1954, Mặt trận dân tộc giải phóng Angiêri được thành lập và lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập.

- Ngày 1/11/1954, Mặt trận phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang lan rộng khắp các thành phố và nhiều vùng nông thôn.

- Năm 1956, quân đội giải phóng dân tộc Angiêri đã hình thành và phát triển ngày càng mạnh lên.

- Năm 1958, Pháp đã tăng cường lực lượng quân đội viễn chinh trên đất nước Angiêri (80 vạn), tiến hành đàn áp cuộc khởi nghĩa.

- Tháng 1/1958, Chính phủ lâm thời Cộng hòa Angiêri thành lập, đánh dấu bước trưởng thành của phong trào giải phóng dân tộc.

- Từ cuối năm 1960, phong trào bước vào giai đoạn phát triển mới có sự phối hợp giữa các cuộc tấn công quân sự với cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng.

- Ngày 18/3/1962, Pháp buộc phải ký Hiệp định Êviăng, công nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Angiêri.

- Tháng 9/1962, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Angiêri thành lập.

Bài tập 3: ***Đặc điểm tình hình xã hội ở Nam Phi? Nét chính về cuộc đấu tranh ở Nam Phi diễn ra như thế nào?***

**** Đặc điểm tình hình:***

- Vốn là nước thuộc địa của Anh, từ sau năm 1961, khi nước Cộng hòa Nam Phi thành lập, những người da đen, da màu chiếm 80% dân số vẫn phải sống cơ cực, tủi nhục dưới ách thống trị của chế độ phân biệt chủng tộc và kỳ thị chủng tộc kéo dài (chủ nghĩa Apácthai) của người da trắng. Do đó, phong trào đấu tranh của người da đen, da màu diễn ra mạnh mẽ.

**** Nét chính về cuộc đấu tranh:***

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi đã phát triển thành một cao trào cách mạng rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đại hội dân tộc Phi (ANC), liên minh với Đảng Cộng sản Nam Phi và các tổ chức dân chủ.

Từ cuối những năm 1980, được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, cuộc đấu tranh chống chế độ Apácthai của người Châu Phi đã giành được những thắng lợi to lớn. Năm 1990, Tổng thống cộng hòa Nam Phi, Đơ Cléc tuyên bố từ bỏ chính sách Apácthai, đồng thời các đảng phái chính trị ở Nam Phi được hoạt động hợp pháp. Chủ tịch (ANC), ông Nenxơn Manđêla được tự do sau 27 năm bị cầm tù.

Tháng 11.1993, 21 đảng phái ở Nam Phi thông qua Hiến pháp mới, chấm dứt sự tồn tại trên ba thế kỷ của chế đô Apácthai ở Nam Phi. Sau cuộc bầu cử đa chủng tộc lần đầu tiên (1994), Chủ tịch (ANC) Nenxơn Manđêla tuyên thệ nhậm chức Tổng thống. Cộng hòa Nam phi bước sang thời kỳ phát triển mới: Nam Phi dân chủ không phân biệt chủng tộc.

D. CÁC NƯỚC CHÂU MĨ LA TINH

Bài tập1: ***Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh?***

- Từ 1945 đến thắng lợi của cách mạng Cuba (1959), cao trào đấu tranh bùng nổ ở hầu khắp các nước Mĩ latinh dưới hình thức bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, khởi nghĩa vũ trang của nhân dân chống lại giới cầm quyền và cuộc đấu tranh nghị trường để lập các Chính phủ tiến bộ. Các Chính phủ dân tộc dân chủ tiến bộ được thành lập ở Goatêmala, Achentina, Vênêxuêla ....

- Từ năm 1959 đến cuối những năm 1980, giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh, mở đầu bằng những thắng lợi của cách mạng Cuba (1959). Từ đó cơn bão táp cách mạng với hình thức chủ yếu là đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở Mĩ Latinh và trở thành "Lục địa bùng cháy". Đấu tranh vũ trang bùng nổ ở nhiều nước như: Bôlivia, Vênêxuêla, Goatêmala, Côlômbia, Pêru... Với những hình thức đấu tranh khác nhau, các nước Mĩ latinh đã lần lượt lật đổ các chính quyền độc tài phản động, thành lập Chính phủ dân tộc, dân chủ, giành lại chủ quyền dân tộc của mình.

- Từ cuối những 1980 đến nay, do tình hình thế giới đặc biệt là sự tan rã của Liên Xô và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Mĩ đã tiến hành hàng loạt các hoạt động chống lại phong trào cách mạng ở Mĩ latinh (can thiệp vào Panama – 1990 ...). Phong trào cách mạng ở Mĩ latinh đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách.

Sau khi khôi phục được nền độc lập chủ quyền, các nước Mĩ latinh bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế xã hội. Chính phủ các nước đã tiến hành một số cải cách kinh tế, xã hội để cải thiện tình hình đất nước. Bước vào thập niên 1990, một số nước Mĩ latinh đã trở thành những "nước công nghiệp mới" (Achentian, Braxin, Mêhicô). Bộ mặt các nước Mĩ latinh, đặc biệt là những trung tâm kinh tế, thương mại đã thay đổi về căn bản.

Bài tập 2: ***Ghi sự kiện vào các ô đã cho sau đây thể hiện sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Cuba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?***

10/3/1952 ***(1)***	***26/7/1953*** ***(2)***	***25/11/1956*** ***(3)***
12/1958 ***(4)***	***31/12/1958*** ***(5)***	***01/1/1959*** ***(6)***

1. Ngày 10/3/1952, tướng Batixta lên cầm quyền ở Cuba.

2. Ngày 26/7/1953, 135 thanh niên yêu nước do luật sư Phiđen Caxtơrô lãnh đạo tấn công vào pháo đài Môncađa.

3. Ngày 25/11/1956, Phiđen cùng 81 chiến sĩ đáp tàu Granma vượt biển trở về Tổ quốc.

4. Giữa 1958, sau khi đập tan cuộc vây quét của quân đội Batixta, nghĩa quân đã chuyển sang tổng tiến công trên hầu khắp các mặt trận, giải phóng được nhiều thành phố và nhiều vùng nông thôn rộng lớn.

5. Cuối 12/1958, nghĩa quân chiếm được pháo đài Xanta Cơlava, án ngữ thủ đô La Habana. Ngày 30/12/1958, tên độc tài Batixta chạy trốn ra nước ngoài.

6. Ngày 01/01/1959 phối hợp với cuộc tổng bãi công chính trị của công nhân, nhân dân La Habana, nghĩa quân tiến vào chiếm lĩnh thủ đô, chế độ phản động Batixta bị lật đổ.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: ***Quá trình tan rã của hệ thống thuộc địa thế giới vào khoảng thời gian nào?***

A. Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 2: ***Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, ở châu Á phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?***

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Xing-ga-po, Thái Lan.

D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 3: ***Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B.***

A	B
1. 17/8/1945	a. Lào tuyên bố độc lập.
2. 2/9/1945	b. In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập.
3. 12/10/1945	c. Việt Nam tuyên bố độc lập.
4. 1950	d. Ai Cập tuyên bố độc lập.
5. 1962	đ. Ấn Độ tuyên bố độc lập.
6. 1952	e. An-giê-ri tuyên bố độc lập.
7. 1/1/1959	g. Irắc tuyên bố độc lập.
8. 1958	h. Cuba tuyên bố độc lập.

Câu 4: ***Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi", vì sao?***

A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

B. Châu Phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

D. Châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

Câu 5: ***Phong trào đấu tranh giành độc lập của Ăng-gô-la, Mô-dăm-bich, Ghi-nê Bit-Xao nhằm đánh đổ ách thống trị của bọn nào?***

A. Phát xít Nhật B. Phát xít I-ta-li-a

C. Thực dân Tây Ban Nha D. Thực dân Bồ Đào Nha

Câu 6: ***Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?***

A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

C. Chế độ phân biệt chủng tộc. D. Chế độ thực dân.

Câu 7: ***Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Á là thuộc địa của những nước nào?***

A. Anh, Pháp, Mĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

B. I-ta-li-a, Nhật, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Hà Lan.

D. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Tây Ban Nha.

Câu 8: ***Biến đổi lớn nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?***

A. Các nước châu Á đã giành độc lập.

B. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.

C. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.

D. Tất cả các câu trên.

Câu 9: ***Vì sao bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh"?***

A. Vì phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

B. Vì nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến.

C. Vì tất cả các nước châu Á giành được độc lập.

D. Vì ở châu Á có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

Câu 10: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tập đoàn Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc nhằm mục đích gì?***

A. Tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc.

B. Tiêu diệt phong trào Cách mạng Trung Quốc.

C. Xóa bỏ ảnh hưởng của Liên Xô ở Trung Quốc.

D. Cả A và B đều đúng.

E. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 11: ***Nhân vật chủ mưu gây nội chiến ở Trung Quốc từ 20.7.1946 là ai ?***

A. Mao Trạch Đông B. Chu Đức

C. Tưởng Giới Thạch D. Chu Ân Lai

Câu 12: ***Cuộc nội chiến lần thứ 4 (1946-1949) ở Trung Quốc nổ ra là do:***

A. Đảng Cộng sản phát động.

B. Tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch phát động, có sự giúp đỡ của đế quốc Mĩ.

C. Đế quốc Mĩ giúp đỡ Quốc dân đảng.

D. Quốc dân đảng cấu kết với bọn phản động quốc tế.

Câu 13: ***Sau khi thất bại, Tưởng Giới Thạch đã chạy đi đâu?***

A. Nam Kinh. B. Đài Loan.

C. Hồng Công. D. Thượng Hải.

Câu 14: ***Ngày ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ?***

A. 30/10/1949 B. 23/4/1949 C. 1/10/1949 D. 1/11/1979

Câu 15: ***Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc mang tính chất gì ?***

A. Một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

B. Một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Một cuộc nội chiến.

Câu 16: ***Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời (1949) đánh dấu Trung Quốc đã:***

A. Hoàn thành công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. Hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Chuẩn bị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 17: ***Ý nghĩa quốc tế về sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là gì?***

A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.

B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến tư bản trên đất Trung Hoa.

C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội thế giới và tăng cường sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc.

D. Đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 18: ***Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1949).***

A. Kết thúc hơn 100 năm ách nô dịch của địa chủ và phong kiến.

B. Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được nối liền từ châu Âu sang châu Á.

D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 19: ***Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập (1949) do ai đứng đầu?***

A. Chu Ân Lai. B. Mao Trạch Đông.

C. Lưu Thiếu Kỳ. D. Tưởng Giới Thạch.

Câu 20: ***Trung Quốc bước vào thời kì xây dựng CNXH trên cơ sở tình hình đất nước như thế nào?***

A. Quan hệ sản xuất TBCN tương đối phát triển.

B. Quan hệ sản xuất TBCN kém phát triển.

C. Có một nền nông nghiệp phát triển.

D. Có một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

Câu 21: ***Năm 1950, Trung Quốc đã bắt tay vào khôi phục kinh tế với nhiệm vụ gì?***

A. Tiến hành cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp.

B. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, xây dựng nền công nghiệp.

C. Phát triển văn hóa, giáo dục.

D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 22: ***Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc tiến hành trong khoảng thời gian nào?***

A. 1949-1953. B. 1953-1957. C. 1957-1961. D. 1961-1965.

Câu 23: ***Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của nhân dân Trung Quốc hoàn thành nhờ vào yếu tố nào?***

A. Sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc.

B. Sự giúp đỡ của các nước chủ nghĩa xã hội.

C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

D. Sự lao động quên mình của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô.

Câu 24: ***Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu gì?***

A. 246 công trình được xây dựng và đưa vào sản xuất.

B. Sản lượng công nghiệp tăng 140%.

C. Sản lượng nông nghiệp tăng 25%.

D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 25: ***Mười năm đầu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (1949 - 1950), Trung Quốc đã thi hành chính sách đối ngoại như thế nào?***

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Chống Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.

C. Thi hành một chính sách đối ngoại tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

D. Quan hệ thân thiện với Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Câu 26: ***Chủ trương nào của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau 1959 đã gây nên tình trạng khủng hoảng và trì trệ của xã hội Trung Quốc?***

A. Xây dựng "Công xã nhân dân".

B. Thực hiện đường lối "Đại nhảy vọt".

C. Thực hiện cuộc "Đại cách mạng hóa vô sản".

D. Tất cả đều đúng.

Câu 27: ***Thực chất của "Đại cách mạng văn hóa vô sản" (1966 - 1968) là gì?***

A. Để sửa chữa sai lầm.
B. Để xây dựng tư tưởng XHCN.
C. Để tranh chấp quyền lực.
D. Để xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước.

Câu 28: ***Đường lối "Ba ngọn cờ hồng" do ai đề xướng?***

A. Mao Trạch Đông.
B. Lưu Thiếu Kỳ.
C. Lâm Bưu.
D. Chu Ân Lai.

Câu 29: ***Đường lối "Ba ngọn cờ hồng" tập trung phát triển kinh tế theo phương châm nào?***

A. Nhanh, nhiều, tốt, rẻ.
B. Nhiều, tốt, rẻ.
C. Nhanh, tốt, rẻ.
D. Nhanh, nhiều, tốt.

Câu 30: ***Thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng" Trung Quốc đạt được những gì?***

A. Nền kinh tế Trung Quốc có một bước phát triển nhảy vọt.
B. Đời sống nhân dân Trung Quốc được cải thiện.
C. Kinh tế phát triển nhưng đời sống nhân dân Trung Quốc khó khăn.
D. Nền kinh tế hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân điêu đứng.

Câu 31: ***Đường lối "Ba ngọn cờ hồng", đã làm cho nội bộ Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc như thế nào?***

A. Đảng và Nhà nước được củng cố và vững mạnh.
B. Nội bộ đoàn kết, nhất trí.
C. Bất đồng về đường lối và tranh giành quyền lực gay gắt.
D. Nội bộ mâu thuẫn.

Câu 32: ***Cuộc "Đại cách mạng vô sản" ở Trung Quốc diễn ra vào thời gian nào***?

A. 1966 - 1969.   B. 1966 - 1971.   C. 1967 - 1969.   D. 1967 - 1970.

Câu 33: ***Vào thời điểm nào những người lãnh đạo Trung Quốc có chủ trương sửa chữa sai lầm?***

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 12.1978.
B. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XII (9.1982).
C. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIII (10.1987).
D. Bình thường hóa quan hệ Xô - Trung (1989).

Câu 34: ***Đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc được thực hiện vào năm nào?***

A. 1976.   B. 1977.   C. 1978.   D. 1985.

Câu 35: ***Đường lối đổi mới trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc có đặc điểm gì?***

A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.

D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 36: ***Từ 1978, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện theo nguyên tắc nào?***

A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Cả B, C đều đúng.

Câu 37: ***Từ sau 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với trước?***

A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dân.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 38: ***Thời kỳ cải cách mở cửa của nền kinh tế Trung Quốc bắt đầu từ khi nào?***

A. 1979-1997. B. 1979-1998. C. 1979-1999. D. 1979-2000.

Câu 39: ***Sau 20 năm cải cách mở cửa (1979 - 1998) nền kinh tế Trung Quốc đã như thế nào?***

A. Ổn định và phát triển mạnh.

B. Phát triển nhanh chóng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.

C. Không ổn định và bị chững lại.

D. Bị cạnh tranh gay gắt.

Câu 40: ***Hãy nối các sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A.***

A	B
1. 1/10/1949	a. Bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc.
2. 1979-1998	b. Đại Cách mạng văn hóa vô sản.
3. 12/1978	c. Nội chiến lần thứ 4 ở Trung Quốc.
4. 1946-1949	d. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.
5. 1953-1957	e. Thời kỳ cải cách mở cửa ở Trung Quốc.
6. 5/1966	g. TW Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới.

Câu 41: ***Hãy điền vào dấu .... những sự kiện, số lượng cần thiết để hoàn thành đoạn viết sau đây:***

Sau 20 năm cải cách mở cửa (1979 - 1998), nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng đạt ..(a)..... tổng sản lượng trong nước (GDP) trung bình hàng năm tăng (b)........., đạt (c)........ đứng hàng thứ 7 trên thế giới. Với chính sách mở cửa, tổng giá trị xuất khẩu năm 1997 lên tới (d)........ (gấp hơn

15 lần so với 1978 là 20,6 tỷ USD). Đời sống của nhân dân Trung Quốc được nâng cao rõ rệt: Từ (e) .... đến 1997, thu nhập bình quân dầu người ở nông thôn từ 133,6 lên (j).......... nhân dân tệ, ở thành phố từ (g) .... lên 5160,3 nhân dân tệ.

Câu 42: ***Từ sau 1978, đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc có điều gì mới ?***

A. Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế.

B. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

C. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với hầu hết các nước.

D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 43: ***Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau:***

A. Trung Quốc chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949.

B. Trung Quốc cải cách mở cửa bắt đầu từ năm 1978.

C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản kéo dài từ 1968 đến 1978.

D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc từ 1953-1957.

E. Đặc điểm của chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc là lấy kinh tế làm trọng tâm.

F. Từ 1965 đến 1975 Trung Quốc đã có chính sách đối ngoại sai lầm.

G. Sau 20 năm cải cách mở cửa nền kinh tế Trung Quốc không phát triển được.

Câu 44: ***Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian:***

A. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.

B. Bắt đầu đường lối "Ba ngọn cờ hồng".

C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản.

D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc.

E. Mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

J. Bắt đầu đường lối mở cửa.

G. Hai mươi năm biến động.

Câu 45: ***Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của các nước nào?***

A. Thuộc địa của Mĩ, Nhật.

B. Thuộc địa của Pháp, Nhật.

C. Thuộc địa của Anh, Pháp, Mĩ.

D. Thuộc địa của các thực dân phương Tây.

Câu 46: ***Tháng 8/1945, khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, nước nào sau đây đã giành chính quyền?***

A. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin.		B. Việt Nam, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.		D. Việt Nam, Camphuchia.

Câu 47: ***Giữa những năm 50 của thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á diễn ra như thế nào ?***

A. Ổn định.		B. Ngày càng phát triển phồn thịnh.

C. Ngày càng trở nên căng thẳng. D. Ổn định và phát triển.

Câu 48: ***Từ những năm 50 của thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á càng trở nên căng thẳng khi:***

A. Mĩ, Anh, Nhật thành lập khối quân sự Đông Nam Á (SEAN).

B. Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu.

C. Mĩ chiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào, Cam-pu-chia.

D. Mĩ biến Thái Lan thành căn cứ quân sự.

Câu 49: ***Từ những năm 50 của thế kỉ XX các nước Đông Nam Á đã có sự phân hóa trong đường lối đối ngoại như thế nào?***

A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia kháng chiến chống Mĩ.

B. Thái Lan, Phi-líp-pin tham gia khối quân sự Đông Nam Á (SEAN).

C. In-đô-nê-xi-a, Miến Điện thi hành chính sách hòa bình trung lập.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 50: ***Đế quốc nào là lực lượng thù địch lớn nhất của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

A. Đế quốc Hà Lan. B. Đế quốc Pháp.

C. Đế quốc Mĩ. D. Đế quốc Anh.

Câu 51: ***Vì sao Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-la-ixi-a, Xing-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma không tham gia "Tổ chức Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á" (SEANTO) ra đời ngày 8/9/1954?***

A. Vì SEANTO là công cụ xâm lược do Mĩ lập ra.

B. Vì SEANTO chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

C. Vì một số nước Đông Nam Á (như Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, ...) có chính sách đối ngoại hòa bình trung lập.

D. Vì tất cả lí do nói trên.

Câu 52: ***Lí do cụ thể nào liên quan trực tiếp với việc giải thể khối SEANTO (9/1975)?***

A. Các nước thành viên luôn xảy ra xung đột.

B. Nhân dân Đông Nam Á không đồng tình với sự tồn tại của SEANTO.

C. SEANTO không phù hợp với xu thế phát triển của Đông Nam Á.

D. Thất bại của đế quốc Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975).

Câu 53: ***Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?***

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh.

C. Sự ra đời của khối ASEAN.

D. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 54: ***Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập với sự tham gia của 5 nước nào ?***

A. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xing-ga-po, Thái Lan.

B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Phi-líp-pin, Xing-ga-po.

C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

D. In-đô-nê-xi-a, Xing-ga-po, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

Câu 55: ***Hãy nối các sự kiện ở cột B với các niên đại phù hợp ở cột A***

A	B
1. 8/8/1967	a. Kháng chiến chống Mĩ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia thắng lợi.
2. 2/1976	b. Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào Cam-pu-chia.
3. 12/1978	c. Hiệp ước các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập.
4. 1975	d. Hiệp ước thành lập và hợp tác của các nước ASEAN.
5. 10/1991	e. Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia.

Câu 56: ***ASEAN là một tổ chức ra đời nhằm cùng nhau hợp tác trên lĩnh vực nào ?***

A. Kinh tế - chính trị.

B. Quân sự - chính trị.

C. Kinh tế - quân sự.

D. Kinh tế.

Câu 57: ***Tuyên bố Băng cốc (8/1967) nhằm mục đích gì?***

A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội khu vực Đông Nam Á.

B. Hòa bình, ổn định khu vực Đông Nam Á.

C. Nhằm giúp đỡ lẫn nhau trên mọi lĩnh vực.

D. Các lí do trên đều đúng.

Câu 58: ***Hiệp ước Bali (2/1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN là gì?***

A. Cùng nhau tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Hợp tác phát triển có kết quả.

E. Cả bốn nguyên tắc nói trên.

Câu 59: ***Từ 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?***

A. Quan hệ hợp tác song phương.

B. Quan hệ đối thoại.

C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.

D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 60: ***Từ cuối năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa ba nước Đông Dương với các nước ASEAN ngày càng được cải thiện do:***

A. Cam-pu-chia đạt được các giải pháp hòa giải và hòa hiệp dân tộc, quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Cam-pu-chia.

B. Chính sách đối ngoại của Việt Nam là muốn là bạn của tất cả các nước.

C. Cả A, B đều đúng.

D. Cả A, B đều sai.

Câu 61: ***Tháng 10.1991, Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia nhằm mục đích gì?***

A. Xây dựng Cam-pu-chia thành một nước trung lập.

B. Xây dựng Cam-pu-chia thành một nước xã hội chủ nghĩa.

C. Xây dựng một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, trung lập, không liên kết, phồn vinh và có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.

D. Xây dựng Cam-pu-chia thành một nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 62: ***Việt Nam gia nhập ASEAN vào khoảng thời gian nào?***

A. Tháng 7/1994. B. Tháng 7/1996.

C. Tháng 4/1994. D. Tháng 8/1995.

Câu 63: ***Thành viên thứ 6 của ASEAN là nước nào?***

A. Việt Nam. B. Mi-an-ma. C. Lào. D. Brunây.

Câu 64: ***Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên nào?***

A. Lào, Việt Nam. B. Cam-pu-chia, Lào.

C. Lào, Mi-an-ma. D. Mi-an-ma, Việt Nam.

Câu 65: ***Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN vào năm nào ?***

A. Năm 2000. B. Năm 2001. C. Năm 2002. D. Năm 2003.

Câu 66: ***Đất nước có thu nhập bình quân quốc dân lớn nhất khu vực Đông Nam Á là :***

A. Xing-ga-po. B. Brunây. C. Thái Lan. D. Phi-líp-pin.

Câu 67: ***Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?***

A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch. B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.

C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự. D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 68: ***Năm 1992, ASEAN quyết định biến Đông Nam Á thành:***

A. Một khu vực phồn thịnh. B. Một khu vực ổn định và phát triển.

C. Một khu vực mậu dịch tự do. D. Một khu vực hòa bình.

Câu 69: ***Năm 1994, ASEAN thành Diễn dàn khu vực (ARF) nhằm mục đích gì ?***

A. Hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

B. Hợp tác với tất cả các nước ở châu Á.

C. Tạo nên một môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của Đông Nam Á.

D. Hợp tác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 70: ***Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc nào thống trị đông đảo dân cư châu Phi nhất?***

A. Anh. B. Pháp. C. Tây Ban Nha. D. Bồ Đào Nha.

Câu 71: ***Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở nước nào?***

A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Đông Phi. D. Tây Phi.

Câu 72: ***Ai Cập tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Ai Cập vào năm nào ?***

A. 1951. B. 1952. C. 1953. D. 1954.

Câu 73: ***Trong những năm 1954 - 1960 có những sự kiện nổi bật nào ?***

A. Hầu hết các nước Bắc Phi đã giành được độc lập dân tộc.

B. Hầu hết các nước Tây Phi đã giành được độc lập dân tộc.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 74: ***Lịch sử ghi nhận năm 1960 là năm của châu Phi vì sao?***

A. Tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập.

B. Cả 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.

C. Chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

D. Hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.

Câu 75: ***Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc của các nước nào ở châu Phi?***

A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. Ăng-gô-la. D. An-giê-ri.

Câu 76: ***Cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân cũ diễn ra trên biển và quyết liệt nhất ở nước nào của châu Phi?***

A. Tuy-ni-di. B. Ma rốc. C. An-giê-ri. D. Ghi-nê.

Câu 77: ***Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa cũ nó ở châu Phi?***

A. 1960 : "Nam châu Phi".

B. 1962 : An-giê-ri được công nhận độc lập.

C. 1994 : Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.

D. 11/1975 : Nước cộng hòa nhân dân Ăn – gô – la ra đời.

Câu 78: ***Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, các nước châu Phi vẫn còn gặp nhiều khó khăn do đâu?***

A. Các cuộc xung đột nội chiến đẫm máu giữa các bộ tộc, sắc tộc.

B. Sự bùng nổ dân số, đói nghèo, bệnh tật, nợ nần chồng chất.

C. Sự xâm nhập, bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới.

D. Cả ba lý do trên.

Câu 79: ***Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc củ người dân da đen ở Nam Phi là ai?***

A. Chủ nghĩa thực dân cũ. B. Chủ nghĩa thực dân mới

C. Chủ nghĩa A-pát-thai. D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 80. Tội ác lớn nhất của chủ nghĩa A-pát-thai ở châu Phi là gì?

A. Bóc lột tàn bạo người da đen.

B. Gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi.

C. Tước quyền tự do của người da đen.

D. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 81: ***Sự kiện nào dưới đây gắn với tên tuổi của Nen-xơn Man-đê-la?***

A. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân.

B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.

C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.

D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 82: ***Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi đánh dấu sự kiện lịch sử gì?***

A. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

B. Đánh dấu sự bình đẳng giữa các dân tộc, màu da trên thế giới.

C. Sự chấm dứt chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi kéo dài ba thế kỷ.

D. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

Câu 83: ***Chiến lược "kinh tế vĩ mô" (6.1996) ở Nam Phi ra đời với tên gọi là gì?***

A. Giải quyết việc làm cho người lao động da đen.

B. Vì sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước.

C. Hội nhập, cùng phát triển.

D. Tăng trưởng, việc làm và phân phối lại.

Câu 84: ***Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc châu Phi được mệnh danh là "Đại lục mới trỗi dậy"?***

A. Châu Phi thường xuyên bị động đất.

B. Châu Phi đánh thắng 17 kẻ thù đế quốc.

C. Châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

D. Lý do nào cũng đúng.

Câu 85: ***Các nước Mĩ latinh là chỉ khu vực địa lý nào?***

A. Vùng Bắc Mĩ.
B. Vùng Nam Mĩ.
C. Châu Mĩ.
D. Vùng Trung và Nam Mĩ.

Câu 86: ***Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ la-tinh ở trong tình trạng như thế nào?***

A. Thuộc địa của Anh, Pháp.

B. Thuộc địa của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

C. Những nước hoàn toàn độc lập.

D. Những nước cộng hòa, những nước trên thực tế là thuộc địa kiểu mới ủa Mĩ.

Câu 87. Từ những thập niên đầu của thế kỉ XX nhiều nước Mĩ latinh đã thoát khỏi sự lệ thuộc của Tây Ban Nha nhưng lại rơi vào vòng lệ huộc của nước nào?

A. Thực dân Anh.
B. Đế quốc Mĩ.
C. Thực dân Pháp.
D. Đế quốc Nhật.

Câu 88: ***Phong trào Giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai được mệnh danh là gì?***

A. "Đại lục mới trỗi dậy". B. "Đại lục bùng cháy".

C. Đại lục có phong trào giải phóng dân tộc phát triển nhất.

D. "Đại lục bùng cháy" và "Đại lục mới trỗi dậy".

Câu 89: ***Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ latinh là ai?***

A. Chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Chủ nghĩa thực dân cũ.

C. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới.

D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 90: ***Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Mĩ latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đòi hỏi giải quyết nhiệm vụ chính là gì?***

A. Dân tộc. B. Dân chủ.

C. Dân tộc - dân chủ. D. Chống phân biệt chủng tộc.

Câu 91: ***Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ latinh diễn ra dưới hình thức nào?***

A. Bãi công của công nhân. B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh vũ trang. D. Sự nổi dậy của người dân.

Câu 92: ***Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh có thể chia ra các giai đoạn nào sau đây?***

A. 1945 - 1954, 1954 - 1975, 1975 đến nay.

B. 1945 - 1959, 1959 - 1975, 1975 đến nay.

C. 1945 - 1954, 1954 - 1959, 1959 -1980, 1980 đến nay.

D. 1945 - 1959, 1959 đến cuối những năm 80, cuối những năm 80 đến nay

Câu 93: ***Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ latinh được mệnh danh là "Đại lục bùng cháy" ?***

A. Ở đây thường xuyên xảy ra cháy rừng.

B. Ở đây nhân dân đã đứng lên đấu tranh chống đế quốc Mĩ.

C. Ở đây có cuộc cách mạng nổi tiếng Cuba bùng nổ.

D. Ở đây các nước đế quốc tấn công vào nước Mĩ.

Câu 94: ***Ai là lãnh tụ phong trào 26.7.1953 của cách mạng Cuba ?***

A. Chê Ghê-va-na. B. Phi-đen Cax-tơ-rô.

C. Raun Cax-tơ-rô. D. A-gien-đê.

Câu 95: ***Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho cách mạng Cu Ba ?***

A. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cuba (1956).

B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa (26/7/1953).

C. Nghĩa quân Cuba mở cuộc tấn công (1958).

D. Nghĩa quân Cuba chiếm lĩnh thủ đô La-ha-ba-na (1/1/1959).

Câu 96: ***Nội dung nào dưới đây không thuộc cải cách dân chủ ở Cuba?***

A. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản nước ngoài.

B. Xây dựng chính quyền cách mạng các cấp.

C. Thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực.

Câu 97: ***Phi-đen Cax-tơ-rô tuyên bố: Cuba tiến lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nào?***

A. Đất nước đã lật đổ chế độ độc tài Batixta.

B. Trong giờ phút quyết liệt của cuộc chiến đấu tiêu diệt đội quân đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn.

C. Mĩ bao vây cấm vận.

D. Mất nguồn viện trợ to lớn từ khi Liên Xô tan rã.

Câu 98: ***Từ những năm 60 của thế kỉ XX đến nay, Mĩ đã thực hiện chính sách cấm vận kinh tế đối với nước nào?***

A. Mê-hi-cô. B. Cuba. C. Chi-lê. D. Vê-nê-duyê-la.

Câu 99: ***Nước được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ latinh"?***

A. Ac-hen-ti-na. B. Braxin. C. Cuba. D. Mê-hi-cô.

Câu 100: ***Lập niên biểu so sánh nét khác nhau của phong trào giải phóng dân tộc Mĩ latinh với phong trào giải phóng dân tộc châu Á?***

MĨ – NHẬT BẢN – TÂY ÂU
SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Điền các sử liệu vào các ô sau đây để thấy được Mĩ phát triển mạnh sau chiến tranh thế giới thứ hai? Nguyên nhân của sự phát triển đó?***

Công nghiệp	*Nông nghiệp*	*Tài chính*	*Quân sự*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*

Trả lời:

**** Sử liệu:***

1. Công nghiệp: Sản lượng công nghiệp tăng 14% mỗi năm. Trong những năm 1945 – 1949, sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,1% năm 1948).

2. Nông nghiệp: Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh. Sản lượng nông nghiệp gấp 2 lần sản lượng của Anh + Pháp + Tây Đức + Italia + Nhật.

3. Tài chính: Nắm 3/4 trữ lượng vàng trên toàn thế giới. Là nước chủ nợ thế giới.

+ Hơn 50% tàu bè đi lại trên biển.

Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất của thế giới.

4. Quân sự: Đứng đầu thế giới về hải quân, không quân. Độc quyền về bom nguyên tử, hệ thống quân sự khắp thế giới.

**** Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế Mĩ:***

Sở dĩ Mĩ có bước phát triển kinh tế nhanh chóng như vậy là do:

+ Dựa vào thành tựu cách mạng khoa học – kỹ thuật (Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai, đi đầu trong sản xuất máy tính, năng lượng nguyên tử, sản xuất vật liệu mới, và giao thông liên lạc... Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã sang Mĩ), Mĩ đã điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm...

+ Nhờ trình độ quản lý trong sản xuất và tập trung tư bản rất cao.

+ Nhờ quân sự hóa nền kinh tế để buôn bán vũ khí thu nhiều lợi nhuận trong chiến tranh thế giới thứ hai. Nền công nghiệp chiến tranh của Mĩ thu hơn 50% tổng lợi nhuận hàng năm.

+ Ngoài ra các điều kiện về: Tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào, đất nước không bị chiến tranh tàn phá cũng là những nguyên nhân làm cho nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng và thuận lợi hơn các nước khác.

Bài tập 2: ***Điều gì chứng tỏ rằng từ những năm 60 của thế kỷ XX trở đi kinh tế Nhật Bản phát triển thần kỳ? Nguyên nhân của sự phát triển đó?***

**** Sự phát triển kinh tế Nhật Bản:***

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, là nước chiến bại, kinh tế Nhật bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Nhật Bản bị mất hết thuộc địa, lại bị quân đội Mĩ chiếm đóng. Do vậy, từ 1945 - 1950, kinh tế Nhật bản phát triển chậm chạp và phụ thuộc vào nền kinh tế Mĩ.

- Từ 1950, kinh tế Nhật bản bắt đầu phát triển, sang những năm 1960 phát triển một cách "thần kỳ", đuổi kịp và vượt các nước Tây Âu, vươn lên đứng hàng thứ hai sau Mĩ trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

- Từ những năm 1970 trở đi, Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới. Dự trữ vàng và ngoại tệ của Nhật đã vượt qua Mĩ. Hàng hoá Nhật Bản len lỏi, cạnh tranh khắp các thị trường thế giới (ô tô, điện tử ...).

1950 tổng sản phẩm quốc dân = 20 tỉ đôla = 1/3 của Anh
1950 tổng sản phẩm quốc dân = 402 tỉ đôla = 1/2 của Pháp

1950 tổng sản phẩm quốc dân = 2.828,3 tỉ đôla = 1/17 của Mĩ

1990 Thu nhập bình quân tính theo đầu người = 23.796 đôla, đứng thứ hai trên thế giới sau Thụy Sĩ (29.850 đôla).

Như vậy, từ một nước chiến bại, bị chiến tranh tàn phá, dân số đông, lương thực, thực phẩm rất thiếu thốn, nhưng chỉ sau vài ba thập kỉ, Nhật Bản đã vươn lên thành một nước siêu cường kinh tế và được gọi là "Thần kỳ Nhật Bản".

*** Nguyên nhân của sự phát triển đó:**

Kinh tế Nhật Bản có bước phát triển "Nhảy vọt" là nhờ:

- Nhật Bản lợi dụng vốn của nước ngoài để tập trung vào những ngành công nghiệp then chốt nhất: Cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử... Ngoài ra Nhật ít phải chi tiêu về quân sự, biên chế nhà nước gọn nhẹ, nên có điều kiện tập trung vốn vào kinh tế.
- Nhận biết lợi dụng những thành tựu về khoa học – kỹ thuật để tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật, hạ giá thành sản phẩm.
- Nhật biết cách xâm nhập vào thị trường các nước khác, qua đó không ngừng mở rộng thị trường trên toàn thế giới. Nhật đã tiến hành nhiều cải cách dân chủ như: Cải cách ruộng đất, xoá bỏ những tàn tích phong kiến, điều đó tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển.
- Nhật phát huy truyền thống "Tự lực, tự cường" vươn lên xây dựng đất nước trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn, hết sức coi trọng việc phát triển khoa học – kỹ thuật và cải cách nền giáo dục quốc dân.

Bài tập3: *Từ những năm 80 của thế kỷ XX trở đi, kinh tế nước Pháp phát triển như thế nào? Nguyên nhân của sự phát triển đó?*

- Kinh tế Pháp phát triển:

- Từ 1982 đến nay, nhờ cải cách cơ cấu kinh tế và đi sâu vào cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế tiếp tục phát triển tuy không bằng thời kỳ 1950 – 1973.

+ *Công nghiệp:* Chiếm vị trí thứ 5 trên thế giới sau: Mĩ, Nhật, Đức và Liên Xô; các ngành công nghiệp mũi nhọn của Pháp gồm công nghiệp sản xuất các mặt hàng cao cấp (đồ trang sức, nước hoa, thời trang, đồ sứ cao cấp), công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp hàng không và vũ trụ, công nghiệp chế tạo vũ khí.

+ *Nông nghiệp được công nghiệp hóa:* Pháp được coi như vựa lúa của khối thị trường chung châu Âu, hàng năm cung cấp tới 55 triệu tấn lương thực.

- Nguyên nhân:

+ Sử dụng thành tựu cách mạng khoa học - kỹ thuật, tăng năng suất lao động.

+ Giá nhập nguyên liệu từ thế giới thứ ba rẻ.

+ Chính sách mở cửa của nhà nước ra thị trường châu Âu và thế giới.

+ Vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước có hiệu quả.

Bài tập 4: ***Tình hình chính trị nước Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

- Từ 09/1946, Pháp thành lập nền Cộng hòa thứ 4 với chế độ tổng thống. Do những chính sách đối nội, đối ngoại phản động của giới cầm quyền, tình hình Pháp trở nên không ổn định, cao trào đấu tranh của công nhân, nông dân bùng nổ.

+ *Đối nội:* Thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ những cải cách tiến bộ, tăng thuế, giảm trợ cấp xã hội.

+ *Đối ngoại:* Gây chiến tranh xâm lược Đông Dương, Angiêri, tán thành tái vũ trang lại cho Tây Đức ...

- Từ 06/1958, thành lập nền Cộng hòa thứ 5. Nhà cầm quyền đã thực hiện nhiều chính sách đối nội, đối ngoại tích cực nhằm tăng cường nền độc lập của nước Pháp và ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. Nền Cộng hòa thứ 5 tồn tại cho đến ngày nay.

Bài tập 5: ***Kể tên các nước trong khối thị trường chung châu Âu theo thời gian cho sẵn sau đây?***

1. Năm 1957: ....

2. Năm 1973:...

3. Năm 1981: ....

4. Năm 1986:...

5. Năm 1994:...

Trả lời:

1. *Năm 1957:* gồm 6 nước: Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà lan, Lucxămbua.

2. Năm 1973: gồm 9 nước: Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà lan, Lucxămbua, Anh, Ailen, Đan mạch.

3. Năm 1981: gồm 10 nước: Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà lan, Lucxămbua, Anh, Ailen, Đan mạch, Hylạp.

4. Năm 1986: gồm 12 nước: Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà lan, Lucxămbua, Anh, Ailen, Đan mạch, Hylạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

5. Năm 1995: gồm 15 nước: Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà lan, Lucxămbua, Anh, Ailen, Đan mạch, Hylạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Áo, Phần lan, Thụy Điển.

Bài tập 6: ***Hãy trình bày các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại?***

**** Các giai đoạn phát triển:*** Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay hệ thống tư bản chủ nghĩa đã phát triển qua các giai đoạn:

- **Từ 1945 – 1950:** Mĩ phát triển mạnh mẽ về kinh tế, các nước khác lo lắng khắc phục hậu quả chiến tranh. Thông qua viện trợ kinh tế, quân sự cùng với việc thành lập các khối quân sự. Mĩ đã khống chế chặt chẽ các nước tư bản Tây Âu, Nhật Bản về kinh tế, chính trị, quân sự.

- **Từ 1950 – 1973:** Sau khi khôi phục nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh, các nước Tây Âu và Nhật Bản đã vươn lên mạnh mẽ về kinh tế, trở thành đối thủ cạnh tranh không thể coi thường của Mĩ. Từ đây trên thế giới hình thành 3 trung tâm kinh tế – tài chính là Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản.

- **Từ 1973 – 1991:** Để đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính chất quốc tế diễn ra trong những năm đầu của thập niên 70, các nước tư bản chủ nghĩa đã sớm đi vào cải tổ cơ cấu kinh tế, đi sâu vào cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Đặc biệt là cuộc cách mạng công nghệ, tìm cách thích nghi về chính trị – xã hội, nhờ đó vượt qua cuộc khủng hoảng vào những năm đầu của thập niên 80. Sau đó tiếp tục phát triển về kinh tế, ổn định về chính trị và nâng cao mức sống của nhân dân.

Ngoài ra, có một số nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc, sau khi giành lại độc lập đã phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa nhanh chóng và trở thành những nước công nghiệp mới (NIC).

Bài tập 7: ***Những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại?***

- Chuyển sang tư bản chủ nghĩa lũng đoạn nhà nước (tức là sự dung hợp giữa các tập đoàn tư bản lũng đoạn với Nhà nước thành một thế lực thống nhất, có quyền lực vô hạn, phục vụ tối đa lợi ích của tập đoàn tư bản lũng đoạn). Những thập niên gần đây còn phát triển thành tư bản chủ nghĩa độc quyền siêu quốc gia.

- Xu hướng liên hiệp quốc tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước còn gọi là : “Nhất thể hóa quốc tế” tiêu biểu như khối EEC.

- Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ở các nước tư bản phát triển làm cho đời sống vật chất và tinh thần của con người không ngừng được nâng cao. Ở các nước đó đều có sự phát triển đáng kể về các mặt văn hóa, giáo dục và văn học nghệ thuật.

- Vẫn tồn tại những mâu thuẫn và những tệ nạn xã hội không thể khắc phục được. (Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và công nhân ; giữa các nước tư bản với nhau ; sự phân hóa ngày càng cao giữa giàu, nghèo... và tệ nạn xã hội).

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: ***Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất trong thời gian nào?***

A. Từ 1945 đến 1975.
B. Từ 1918 đến 1945.
C. Từ 1950 đến 1980.
D. Từ 1945 đến 1950.

Câu 2: ***Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?***

A. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật.
D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 3: ***Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?***

A. Những năm 60 (thế kỉ XX). B. Những năm 70 (thế kỉ XX).

C. Những năm 80 (thế kỉ XX). D. Những năm 90 (thế kỉ XX).

Câu 4: ***Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 5: ***Từ sau Chiến tranh thế giới hai đến nay, Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất của thế giới đúng hay sai ?***

A. Đúng B. Sai

Câu 6: ***Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ?***

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

B. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

C. Do đeo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

E. Cả bốn nguyên nhân trên.

Câu 7: ***Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai ?***

A. Anh. B. Pháp. C. Mĩ. D. Nhật.

Câu 8: ***Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?***

A. Những năm đầu thế kỉ XX.

B. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

C. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918).

D. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

Câu 9: ***Nước nào đưa con người lên Mặt Trăng đầu tiên (7/1969)?***

A. Mĩ. B. Nhật. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

Câu 10: ***Những thành tựu chủ yếu về khoa học - kĩ thuật của Mĩ là gì?***

A. Chế ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

B. Thực hiện "Cuộc cách mạng Xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông, thông tin liên lạc, chinh phục vũ trụ, ...

C. Sản xuất được những vũ khí hiện đại.

D. A, B, C đúng.

Câu 11: ***Mĩ đã ban hành hàng loạt đạo luật phản động trong đó có đạo luật Táp-Hác-Lây nhằm mục đích gì?***

A. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Mỹ hoạt động.

C. Chống sự nổi loạn của thế hệ trẻ.

D. Đối phó với phong trào đấu tranh của người da đen.

Câu 12: ***Điểm giống nhau trong chính đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là gì?***

A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

B. "Chiến lược toàn cầu hóa".

C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

D. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 13: ***Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào ?***

A. Ngăn chặn, đẩy lùy rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Mĩ.

C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

D. A, B, C đúng.

Câu 14: ***"Chính sách thực lực" của Mĩ là gì?***

A. Chính sách xâm lược thuộc địa.

B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô.

C. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ.

D. Thành lập các khối quân sự.

Câu 15: ***"Chiến lược toàn cầu" do Tổng thống nào của Mĩ đưa ra?***

A. Tơ-ru-man. B. Ken-nơ-di. C. Ai-xen-hao. D. Giôn-sơn.

Câu 16: ***Liên minh quân sự nào không phải do Mĩ lập nên?***

A. Khối NATO. B. Khối VACXAVA.

C. Khối SEATO. D. A, B, C đúng.

Câu 17: ***Khối NATO còn gọi là khối gì?***

A. Khối Nam Đại Tây Dương. B. Khối Bắc Đại Tây Dương.

C. Khối Đông Đại Tây Dương. D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương.

Câu 18: ***"Chính sách thực lực" và "Chiến lược toàn cầu" của đế quốc Mĩ bị thất bại nặng nề nhất ở đâu?***

A. Triều Tiên. B. Việt Nam. C. Cuba. D. Lào.

Câu 19: ***Hãy sắp xếp các đời Tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian:***

A. Tơ-ru-man. B. Ri-gân. C. Nich-son. D. Ai-xen-hao.

E. Ken-nơ-di. G. Giôn-sơn. F. Bu-sơ. B. Clin-tơn.

Câu 20: ***Thành công của Mĩ trong chính sách đối ngoại là gì ?***

A. Thực hiện nhiều chiến lược qua các đời Tổng thống.

B. Lập được nhiều khối quân sự (NATO, SEATO, CENTO, ...).

C. Thực hiện được một số mưu đồ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

D. A, B, C đúng.

Câu 21: ***Tổng thống Mĩ sang thăm Việt Nam đầu tiên vào năm nào ?***

A. 1990. B. 1991. C. 1992. D. 1993.

Câu 22: ***Nhật Hoàng tuyên bố chấp nhận đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào thời gian nào?***

A. 14/8/1945. B. 15/8/1945. C. 16/8/1945. D. 17/8/1945.

Câu 23: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?***

A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

C. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 24: ***Sau chiến tranh, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản đồng minh chống phát xít không có?***

A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.

B. Là nước bại trận, nước Nhật mất hết thuộc địa.

C. Thiếu thốn gay gắt lương thực, thực phẩm.

D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

Câu 25: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?***

A. Cải cách hiến pháp. B. Cải cách ruộng đất.

C. Cải cách giáo dục. D. Cải cách văn hóa.

Câu 26: ***Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?***

A. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.

B. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuât.

C. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.

D. "Luồn lách" xâm nhập thị trường các nước.

Câu 27: ***Sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng thời gian nào?***

A. Những năm 50 của thế kỉ XX. B. Những năm 60 của thế kỉ XX.

C. Những năm 70 của thế kỉ XX. D. Những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 28: ***Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật đạt:***

A. 180 tỉ USD. B. 181 tỉ USD. C. 182 tỉ USD. D. 183 tỉ USD.

Câu 29: ***Năm 1961 - 1970, tốc độ tăng trưởng bình quân về công nghiệp của Nhật hằng năm là bao nhiêu?***

A. 12,5% B. 13,5% C. 14,5%. D. 15,5%.

Câu 30: ***Những năm 1967-1969, sản lượng lương thực của Nhật cung cấp:***

A. 80% nhu cầu trong nước. B. 70% nhu cầu trong nước.

C. 60% nhu cầu trong nước. D. 50% nhu cầu trong nước.

Câu 31: ***Sự phát triển "Thần kì của Nhật Bản" được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?***

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ 2 trên thế giới sau Mĩ. (Nhật 183 tỉ USD, Mĩ 830 tỉ USD).

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản. (Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành một nước siêu cường về kinh tế.

Câu 32: ***Trong sự phát triển "Thần kì của Nhật Bản" có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?***

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học – kĩ thuật.

C. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

D. Phát huy truyền thống tự lực, tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 33: ***Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển?***

A. Truyền thống văn hóa tốt đẹp, con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động

B. Nhờ cải cách ruộng đất.

C. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti.

D. Biết tận dụng thành tựu khoa học kĩ thuật thế giới.

Câu 34: ***Để phát triển khoa học kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?***

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kĩ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

D. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 35: ***Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?***

A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.

C. Lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

D. Nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 36: ***Hiệp ước An ninh Mĩ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì ?***

A. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

B. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ.

C. Hình thành một liên minh Mĩ - Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn đông.

D. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

Câu 37: ***Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

B. Kí hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật (08/09/1951).

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 38: ***Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoai giao với các nước ASEAN vào năm nào?***

A. 1976. B. 1977. C. 1978. D. 1979.

Câu 39: ***Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1950, Nhật Bản đã vươn lên đứng đầu thế giới?***

A. Đúng B. Sai

Câu 40: ***"Kế hoạch Mác-san" (1948) còn được gọi là:***

A. Kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu.

C. Kế hoạch phục hưng châu Âu.

D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 41: ***Để nhận được viện trợ của Mĩ sau Chiến tranh thế giới lần hai, các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mĩ đặt ra?***

A. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp tư bản, hạ thuế quan đối với hàng hóa của Mĩ.

B. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với hàng hóa Mĩ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.

C. Để hàng hóa Mĩ tràn ngập thị trường Tây Âu.

D. Đảm bảo các quyền tự do cho người lao động.

Câu 42: ***Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra 04/1949 nhằm:***

A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 43: ***Sau khi phát xít Đức đầu hàng, 4 nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành 4 khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?***

A. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật.

B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản.

D. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh.

Câu 44: ***Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 04/1949, tình hình châu Âu như thế nào?***

A. Ổn định và có điều kiện để phát triển.

B. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.

C. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

D. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

Câu 45: ***Lí do nào là chủ yếu khiến Mĩ và các nước phương Tây dồn sức "viện trợ" cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?***

A. Để thúc đẩy quá trình hòa bình hóa nước Đức.

B. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức.

C. Để biến Tây Đức thành một "Lực lượng xung kích" của khối NATO, chống Liên Xô và các nước XHCN.

D. A, B, C đúng.

Câu 46: ***Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập NATO năm nào?***

A. 1954. B. 1955. C. 1956. D.1957.

Câu 47: ***Cộng hòa dân chủ Đức sát nhập vào CHLB Đức vào thời gian nào?***

A. 03/09/1990. B. 03/10/1990. C. 03/11/1990. D. 03/12/1990.

Câu 48: ***Khối thị trường chung châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?***

A. 1954 B. 1955 C. 1956 D. 1957

Câu 49: ***Các thành viên đầu tiên của khối thị trường chung châu Âu (EEC) gồm:***

A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan.

B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha.

C. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Luc-xăm-bua.

D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

Câu 50: ***Tên gọi khác của khối thị trường chung châu Âu (EEC) là gì?***

A. Cộng đồng kinh tế châu Âu. B. Liên minh châu Âu.

C. A, B đúng. D. A, B sai.

Câu 51: ***Hãy điền vào ô trống những từ, cụm từ ở đoạn văn sau để nói lên nguyên nhân đưa tới những liên kết kinh tế giữa các nước EEC:***

Các nước Tây Âu đều có chung một nền an ninh, có một nền kinh tế ....Sự hợp tác phát triển là.......... nhằm mở rộng thị trường. Sự hợp tác phát triển còn giúp các nước Tây Âu tin cậy nhau hơn về ...., khắc phục những nghi kỵ, chia rẽ xảy ra nhiều lần trong lịch sử. Các nước Tây Âu ngày càng muốn ....

Các nước Tây Âu đứng riêng lẻ không thể đọ sức với ...., họ cần liên kết cùng nhau trong cuộc.............

Câu 52: ***Thời gian nào sau đây đánh dấu mốc mang tính đột biến, của quá trình liên kết quốc tế ở châu Âu?***

A. Tháng 12/1991. B. Tháng 12/1992.

C. Tháng 12/1993. D. Tháng 12/1994.

Câu 53: ***Đồng tiền chung châu Âu với tên gọi EURO phát hành từ ngày tháng năm nào?***

A. 01/01/1999. B. 01/02/1999.

C. 01/03/1999. D. 01/04/1999.

Câu 54: ***Với những bước tiến của quá trình liên kết, từ năm 1993, Cộng đồng châu Âu mang tên mới là Liên minh châu Âu viết tắt là:***

A. EEC. B. EC. C. EU. D. A, B, C sai.

Câu 55: ***Đến năm 1999, số nước thành viên của Liên minh châu Âu là bao nhiêu?***

A. 14 nước. B. 15 nước. C. 16 nước. D. 17 nước.

QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Trình bày dưới dạng thống kê Hội nghị Ianta theo các yêu cầu sau đây:***

- Mục đích của Hội nghị.

- Thời gian.

- Các nước thành viên.

- Những quyết nghị của Hội nghị.

Trả lời:

Mục đích	+ Kết thúc nhanh chiến tranh ở châu Âu, Châu Á – Thái Bình Dương. + Tổ chức lại trật tự thế giới mới sau chiến tranh. + Phân chia khu vực đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng.
Thời gian, Thành viên	+ Từ ngày 04 đến 12/02/1945. + Liên Xô, Mĩ, Anh.
Quyết nghị	- Hội nghị thống nhất là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh đã kết thúc ở châu Âu. - Phân chia khu vực đóng quân để giải giáp quân phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.
Kết quả	Hình thành một trật tự thế giới mới, được gọi là: "trật tự hai cực Ianta".

Bài tập 2: ***Ghi các yêu cầu vào bảng thống kê về Liên hiệp quốc theo yêu cầu sau đây:***

Mục đích	***1.***
Các cơ quan chính	***2.***
Vai trò	***3.***
Các tổ chức của LHQ tại Việt Nam	***4.***

Trả lời:

1. - Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- Thúc đẩy quan hệ, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc tự quyết và quyền bình đẳng giữa các quốc gia.

- Quyền bình đẳng giữa quốc gia và các quyền dân tộc tự quyết.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

- Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

2. - Đại hội đồng: Hội nghị của tất cả các nước thành viên, mỗi năm họp 01 lần.

- Hội đồng bảo an:

+ Là cơ quan chính trị quan trọng nhất và hoạt động thường xuyên của Liên Hợp Quốc, chịu trách nhiệm chính về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

+ Mọi nghị quyết của Hội đồng bảo an chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của 05 uỷ viên thường trực là: Liên Xô (Nga), Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

- Ban thư ký: Là cơ quan hành chính của Liên Hợp Quốc, đứng đầu có tổng thư ký do Đại hội đồng bầu ra, nhiệm kỳ 05 năm (hiện nay Tổng thư kí là Kofi Annan – Gana). Ngoài ra Liên Hợp Quốc còn có hàng trăm tổ chức chuyên môn khác như : Hội đồng kinh tế và xã hội, Toà án quốc tế ...

3. + Gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới.

+ Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

+ Phát triển các mối quan hệ giao lưu, hợp tác về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa giữa các nước thành viên.

4. Chương trình lương thực: PAM; tổ chức và lương thực: FAO; quỹ nhi đồng Quốc tế: UNICEF; tổ chức văn hóa, giáo dục và khoa học: UNESCO; tổ chức y tế thế giới: WHO).

Bài tập 2: *Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ thực hiện chiến tranh lạnh? Cuộc chiến tranh lạnh diễn ra như thế nào?*

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào cách mạng ở các nước chiến bại và các nước chiến thắng đều phát triển mạnh mẽ.

Các nước Đông Âu và Liên Xô hợp thành hệ thống XHCN ngày càng hùng mạnh, ảnh hưởng của CNXH ngày càng to lớn.

Phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai phát triển mạnh mẽ.

Vào tháng 3/1947, Tổng thống Mỹ Tơruman chính thức phát động "Chiến tranh lạnh" nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN, chống phong trào giải phóng dân tộc nhằm đi đến thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ.

Mỹ cho xây dựng khối quân sự và căn cứ quân sự khắp nơi trên thế giới nhằm bao vây Liên Xô và các nước XHCN: NATO (ở châu Âu), SEATO (Đông Nam Á), ANJUS (Nam Thái Bình Dương), CENTO (Trung Cận Đông)...

Mỹ và phương Tây chạy đua vũ trang với khoản chi tiêu quân sự khổng lồ, chuẩn bị phát động "Chiến tranh tổng lực" chống Liên Xô và các nước XHCN: phát động hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm chống lại cách mạng thế giới (chống các nước Đông Dương-1954-1975; can thiệp vũ trang vào Grênađa - 1983, Panama - 1990; sử dụng Ixraen trong việc gây chiến tranh Trung Đông - 1948.

Bao vây kinh tế, cô lập chính trị, đảo chính, lật đổ... chống các nước XHCN.

Cuộc "Chiến tranh lạnh" đã dẫn tới chạy đua vũ trang, gây ra tình trạng đối đầu giữa hai khối quân sự NATO và VACSAVA làm cho quan hệ quốc tế luôn căng thẳng.

Bài tập 3: ***Vì sao Mĩ chấm dứt "Chiến tranh lạnh"? Những biểu hiện của việc chấm dứt chiến tranh lạnh?***

Hai nước Xô - Mỹ đều suy giảm thế mạnh về nhiều mặt so với các cường quốc khác do chạy đua vũ trang suốt 40 năm qua, nhất là kinh tế hai nước đều giảm sút so với Nhật Bản và Tây Âu.

Xô - Mĩ muốn thoát khỏi thế đối đầu và có cục diện để vươn lên đối phó với Đức, Nhật Bản và khối thị trường chung châu Âu.

Hai nước Xô - Mĩ cần hợp tác để góp phần quyết định những vấn đề bức thiết của toàn cầu.

Từ những lý do đó, nên Xô - Mỹ đã chấm dứt "chiến tranh lạnh". Biểu hiện:

+ Quan hệ đối đầu giữa Xô - Mỹ chuyển sang quan hệ đối thoại qua những hội nghị cấp cao giữa những người đứng đầu hai nước.

+ Cuối năm 1989, tại đảo Manta (Inđônêxia), tổng thống Bush (Mỹ) và tổng thống Goocbachop (Liên Xô) tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" giữa hai nước. Quan hệ quốc tế bước vào thời kỳ mới - thời kỳ sau "Chiến tranh lạnh".

+ Việc chấm dứt "Chiến tranh lạnh" đã dẫn đến những chuyển biến quan trọng trong quan hệ quốc tế và cục diện chính trị thế giới. Đó là:

- Năm nước lớn như: Liên Xô, Anh, Mỹ, Pháp, Trung Quốc có chuyển biến trong đường lối đối ngoại của mình.
- Sự hợp tác Xô - Mỹ dẫn tới sự giải thể của khối VACSAVA tháng 7.1991, trong khi đó khối NATO vẫn duy trì.
- Liên Xô thực hiện chính sách "không can thiệp" vào Đông Âu, chấm dứt những cam kết của mình với các nước Đồng minh trước đây.
- Sự hợp tác Xô - Mỹ góp phần giải quyết những vấn đề khu vực như: Xung đột ở vùng Nam Phi có liên quan đến Namibia và nội chiến ở Ăngôla, Ápganixtan, vấn đề Campuchia, Nicaragoa, Trung Đông...

Bài tập 4: ***Hai cực Ianta bị sụp đổ như thế nào? Sự hình thành trật tự thế giới mới sau khi hai cực Ianta sụp đổ?***

**** Sự sụp đổ trật tự 2 cực Ianta:***

- Trải qua hơn 40 năm "Trật tự 2 cực Ianta" từng bước bị xói mòn bởi:

+ Sự phát triển và thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới làm thay đổi phạm vi ảnh hưởng của Mĩ.

+ Sự phát triển "thần kỳ" về kinh tế của Nhật Bản, sự vươn lên của các nước Tây Âu làm cho thế giới tư bản chủ nghĩa xuất hiện thêm hai trung tâm kinh tế – tài chính cạnh tranh với Mĩ.

- Những biến động to lớn ở Liên Xô, Đông Âu trong những năm 1988 – 1991 đã làm cho "Trật tự 2 cực Ianta" thật sự bị phá vỡ, thể hiện trên các mặt:

+ Khối Đông Âu, phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô bị tan vỡ, kéo theo sự chấm dứt hoạt động của liên minh chính trị – quân sự (VACSAVA), liên minh kinh tế (SEV).

+ Do sự suy giảm về vị trí kinh tế của Mĩ và Liên Xô, thế 2 cực của 2 siêu cường Mĩ và Liên Xô trong trật tự thế giới cũ bị phá vỡ.

+ Liên Xô và Mĩ rút dần "sự có mặt" của mình ở nhiều khu vực quan trọng trên thế giới.

+ Sự vươn lên về kinh tế và chính trị của Đức và Nhật Bản đang trở thành mối lo ngại cho Mĩ, Nga, Anh, Pháp.

*** Sự hình thành dần một trật tự thế giới mới:**

- Từ đầu những năm 1990, một trật tự thế giới đang dần dần hình thành, và tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố:

+ Sự phát triển về kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mĩ, Nga, Trung Quốc, Nhật, Pháp, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp.

Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự lớn mạnh của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh, sự phát triển của phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, sự thành bại của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa).

+ Sự phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật sẽ còn tạo ra những đột phá, biến chuyển trong cục diện thế giới.

- Tuy nhiên, trong quan hệ quốc tế đã xuất hiện một số đặc điểm và xu thế phát triển sau:

+ Xu thế đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hòa bình.

+ Năm cường quốc thoả hiệp, hợp tác với nhau duy trì trật tự thế giới mới.

+ Mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ Quốc tế.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: ***Hội nghị cấp cao ba cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh họp tại đâu?***

A. Liên Xô. B. Pháp. C. Mĩ. D. Anh.

Câu 2: ***Hội nghị Ianta lịch sử đã diễn ra trong thời gian nào?***

A. Từ ngày 04 đến 12 tháng 02 năm 1945.

B. Từ ngày 04 đến 12 tháng 03 năm 1945.

C. Từ ngày 04 đến 12 tháng 04 năm 1945.

D. Từ ngày 04 đến 12 tháng 05 năm 1945.

Câu 3: ***Đầu năm 1945, những vấn đề cần giải quyết trong phe Đồng minh là gì?***

A. Tổ chức trật tự thế giới sau chiến tranh.

B. Phân chia khu vực chiếm đóng, phạm vi ảnh hưởng của các nước.

C. Thực hiện chế độ quân quản ở các nước phát xít bại trận.

D. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 4: ***Nhân vật nào không có mặt tại hội nghị Ianta ?***

A. Ru-dơ-ven. B. Đờ-Gôn. C. X-ta-lin. D. Sớc-sin.

Câu 5: ***Nội dung nào sau đây không có trong "Trật tự hai cực Ianta"?***

A. Trật tự thế giới mới hình thành sau chiến tranh.

B. Trật tự thế giới được hình thành sau hội nghị Ianta (04/1945).

C. Sự phân chia ảnh hưởng giữa Mĩ và Liên Xô trong quan hệ quốc tế.

D. Mĩ và Liên Xô chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác.

Câu 6: ***Tại sao gọi là "trật tự hai cực Ianta" ?***

A. Đại diện hai nước Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng.

B. Tại hội nghị Ianta, Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng và đại diện cho hai phe.

C. Thế giới đã xảy ra nhiều cuộc xung đột ở Ianta.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 7: ***Theo sự thỏa thuận của Hội nghị cấp cao Anh, Mĩ, Liên Xô tại Ianta (từ 4-12/4/1945), Việt Nam thuộc phạm vi ảnh hưởng của nước nào ?***

A. Các nước phương Tây. B. Pháp.

C. Liên Xô. D. Mĩ.

Câu 8: ***Theo quy định của Hội nghị Ianta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, Nam Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

A. Liên Xô. B. Anh. C. Mĩ. D. Pháp.

Câu 9: ***Theo quy định của Hội nghị Ianta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Âu, Đông Bắc Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

A. Liên Xô. B. Anh. C. Mĩ. D. Pháp.

Câu 10: ***Hiến chương Liên Hợp Quốc và quyết định chính thức thành lập Liên Hợp Quốc được thông qua tại Hội nghị nào?***

A. Hội nghị Ianta (Liên Xô): 9/2/1945.

B. Hội nghị Xan-phran-xi-xcô (Mỹ): 4/1945.

C. Hội nghị Pôt-xơ-đam (Đức): 7/1945.

D. A, B đúng

Câu 11: ***Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiêm vụ chính của:***

A. Liên minh châu Âu. B. Hội nghị Ianta.
C. ASEAN. D. Liên Hợp Quốc.

Câu 12. Dựa vào sơ đồ sau, xác định cơ quan nào của LHQ là cơ quan chính trị quan trọng nhất và hoạt động thường xuyên nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

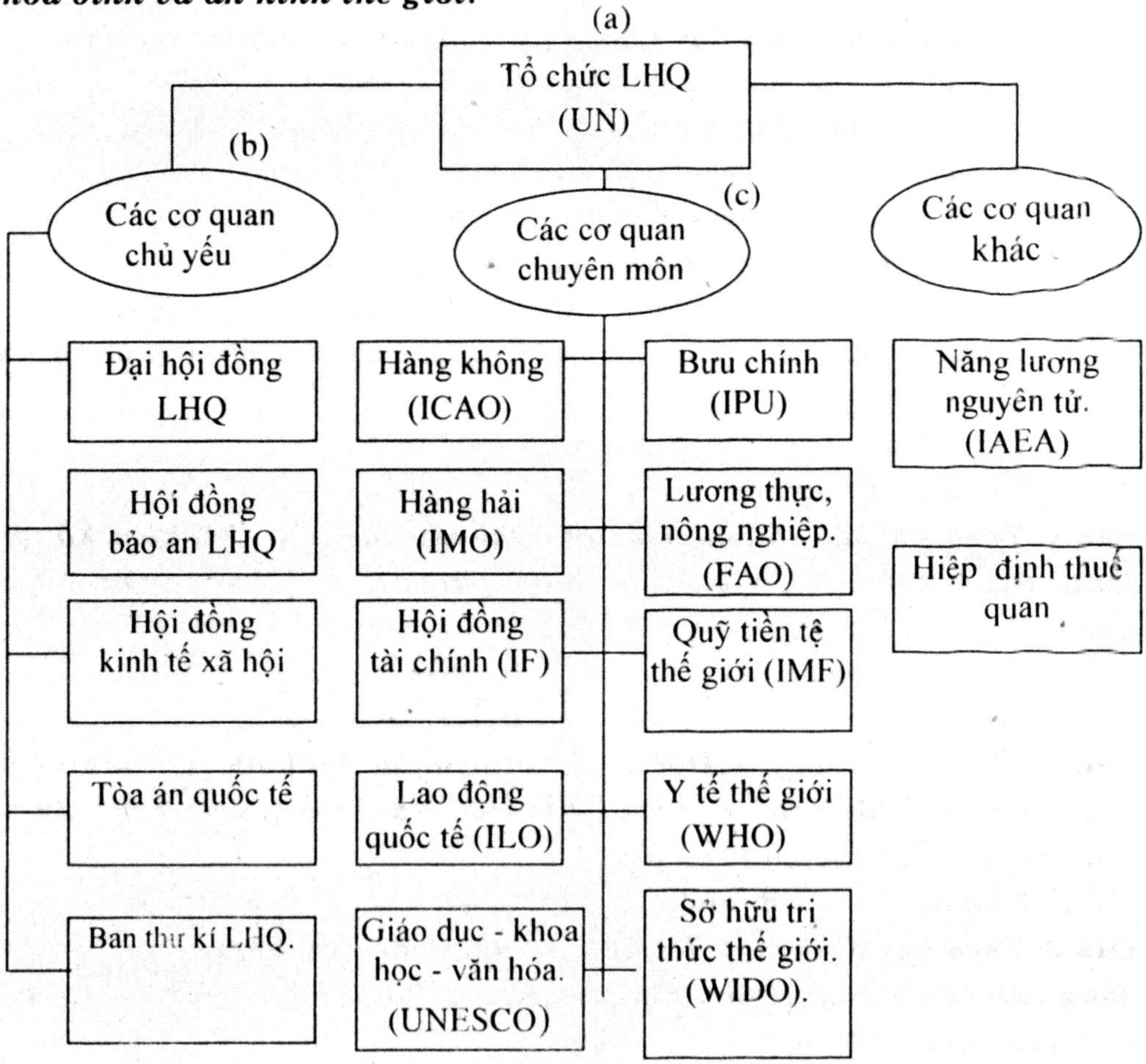
(a)
Tổ chức LHQ (UN)
(b)
Các cơ quan chủ yếu
(c)
Các cơ quan chuyên môn
Các cơ quan khác
Đại hội đồng LHQ
Hội đồng bảo an LHQ
Hội đồng kinh tế xã hội
Tòa án quốc tế
Ban thư kí LHQ.
Hàng không (ICAO)
Hàng hải (IMO)
Hội đồng tài chính (IF)
Lao động quốc tế (ILO)
Giáo dục - khoa học - văn hóa. (UNESCO)
Bưu chính (IPU)
Lương thực, nông nghiệp. (FAO)
Quỹ tiền tệ thế giới (IMF)
Y tế thế giới (WHO)
Sở hữu tri thức thế giới. (WIDO).
Năng lương nguyên tử. (IAEA)
Hiệp định thuế quan

Câu 13: ***Việt Nam gia nhập tổ chức Liên Hợp Quốc vào thời gian nào ?***

A. 8/1997. B. 9/1997. C. 1/1987. D. 11/1987.

Câu 14: ***Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mĩ.***

A. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "Chiến tranh lạnh" (3/1947).
C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).
D. Sự ra đời của khối NATO.

Câu 15: ***Thế nào là "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động theo phương thức đầy đủ nhất?***

A. Chuẩn bị gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.

B. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.

C. Thực tế chưa gây chiến tranh, nhưng chạy đua vũ trang làm cho nhân loại "luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh" thực hiện "chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh".

D. Chưa gây chiến tranh nhưng dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

Câu 16: ***Mục tiêu của "Chiến tranh lạnh" là gì ?***

A. Mĩ và các nước đế quốc thực hiện chính sách thù địch,chống Liên Xô và các nước XHCN.

B. Mĩ lôi kéo các nước Đồng minh của mình chống Liên Xô.

C. Chống lại sự ảnh hưởng của Liên Xô.

D. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

Câu 17: ***Mục dích bao quát nhất của "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động là gì?***

A. Bắt các nước Đồng minh lệ thuộc Mĩ.

B. Ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt các nước XHCN.

C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng thế giới

D. thực hiện "Chiến lược toàn cầu" làm bá chủ thế giới của đế quốc Mĩ.

Câu 18: ***Hậu quả lớn nhất về kinh tế do cuộc "Chiến tranh lạnh" mang lại là gì ?***

A. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.

B. Các cường quốc phải chi một khoản tiền khổng lồ để chế tạo và sản xuất vũ khí.

C. Nhân dân các nước châu Á, châu Phi chịu bao khó khăn, đói nghèo và bệnh tật.

D. A, B, C dúng.

Câu 19: ***Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" vào năm nào?***

A. 1988. B. 1989. C. 1990. D. 1991.

Câu 20: ***Vì sao "trật tư hai cực Ianta" bị sụp đổ?***

A. Xô - Mĩ mất dần vai trò của mình đối với các nước.

B. Xô - Mĩ quá chán ngán trong chạy đua vũ trang.

C. Các nước Tây Âu, Nhật Bản đã vượt xa Xô - Mỹ về khoa học kĩ thuật.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 21: ***Quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu sang đối thoại vào thời gian nào ?***

A. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX.

B. Từ nửa đầu những năm 80 của thế kỉ XX.

C. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Từ nửa đầu những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 22: ***Chủ trương của Mĩ sau khi thế "hai cực Ianta" bị phá vỡ là gì ?***

A. Thiết lập một trật tự thế giới mới đa cực.

B. Biến Liên Xô thành đồng minh đắc lực của mình.

C. Liên kết chặt chẽ với các nước phương Tây, Nhật Bản.

D. Thiết lập "Thế giới đơn cực" để dễ bề chi phối thống trị.

Câu 23: ***Sau "Chiến tranh lạnh", dưới tác động của cách mạng khoa học kĩ thuật các nước ra sức điều chỉnh chiến lược với việc:***

A. Lấy quân sự làm trọng điểm. B. Lấy chính trị làm trọng điểm

C. Lấy kinh tế làm trọng điểm. D. Lấy văn hóa, giáo dục làm trọng điểm.

Câu 24: ***Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nhiều khu vực trên thế giới lại xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến do đâu?***

A. Mâu thuẫn về dân tộc. B. Mâu thuẫn về tôn giáo.

C. Tranh chấp về biên giới, lãnh thổ. D. A, B, C đúng.

Câu 25: ***Bước vào thế kỉ XXI xu thế chung của thế giới ngày nay là gì?***

A. Hòa bình ổn định và hợp tác phát triển.

B. Xu thế hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

C. Cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.

D. Hòa nhập nhưng không hòa tan.

Câu 26: ***Hãy nối những sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A:***

A	**B**
1. 04 đến 12/04/1945.	A. Việt Nam tham gia LHQ.
2. Tháng 09/1997.	B. Thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng dầu mỏ.
3. 1973.	C. Hội nghị Ianta.
4. Tháng 12/1989.	D. Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN.
5. 1995.	E. Tổng thống Mĩ phát động chiến tranh lạnh.
6. Tháng 10/1945.	F. Chấm dứt chiến tranh lạnh.
7. Tháng 3/1947.	G. Thành lập LHQ.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC KỸ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: ***Hãy điền các kiến thức cơ bản về nguồn gốc, nội dung, đặc điểm của cách mạng khoa học kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai vào bảng sau:***

Nguồn gốc	***Nội dung***	***Đặc điểm***
1.	***2.***	***3.***

1. Nguồn gốc:

- Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai đang diễn ra từ những năm 1940 trở lại đây.

- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay diễn ra là do những đòi hỏi của cuộc sống con người, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người .

- Do nhu cầu phục vụ chiến tranh, cần có sự ứng dụng khoa học - kỹ thuật do nhu cầu vật chất ngày càng cao của con người, nhất là trong tình hình bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên đang cạn kiệt.

2. Nội dung:

- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay diễn ra trên mọi ngành, mọi lĩnh vực.

  + Khoa học cơ bản: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học.

  + Nhiều ngành khoa học mới: Khoa học vũ trụ, khoa học du hành vũ trụ.

  + Những ngành khoa học mới kết hợp khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật như: Điều khiển học, sinh vật học, phân tử.

  + Hiện nay các nhà khoa học đang nghiên cứu giải quyết những vấn đề cấp bách về khoa học và kỹ thuật phục vụ cuộc sống con người như vấn đề năng lượng, công cụ sản xuất, vật liệu mới, chống ô nhiễm môi trường, lương thực – thực phẩm.

3. Đặc điểm:

- Được gọi là cách mạng khoa học kỹ thuật bởi vì mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kỹ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kỹ thuật... Vì vậy, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn.

- Hiệu quả kinh tế của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao. Đầu tư vào khoa học cho lãi cao hơn so với đầu tư vào các lĩnh vực khác.

Bài tập 2: ***Lập bảng thống kê thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

Lĩnh vực	*Thành tựu đạt được*
Khoa học cơ bản.	Toán, Lý, Hóa, Sinh... đã đạt những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu bước nhảy vọt chưa từng thấy.
Các phát minh lớn.	Công cụ sản xuất mới, máy tính điện tử, máy tự động, người máy (Rôbốt) và hàng loạt những công cụ mới với chức năng hết sức hiện đại.
Nguồn năng lượng mới.	Năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió ...

Sáng chế ra những vật liệu mới.	Chất Polime đang giữ vị trí rất quan trọng trong đời sống hằng ngày của con người cũng như trong công nghiệp.
Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp.	Là thành quả tổng hợp của nhiều ngành khoa học, đặc biệt là sinh học, hóa học, nhờ "Cách mạng xanh" nhiều nước đã tự túc, khắc phục nạn thiếu lương thực, đói ăn ...
Giao thông vận tải, thông tin liên lạc.	Máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả cao tốc, vệ tinh nhân tạo.
Những thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.	Phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957), con người bay vào vũ trụ (1961), đặt chân lên Mặt Trăng (1969), tàu con thoi ...

Bài tập 3: ***Những mặt tích cực và hạn chế của cách mạng khoa học kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?***

- ***Tích cực:***

+ Trong cách mạng khoa học - kỹ thuật đã làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động, sản xuất ra khối lượng hàng hoá đồ sộ, tiện nghi, hiện đại. Vì vậy, đời sống con người không ngừng được cải thiện, mức sống ngày càng được nâng cao.

+ Đưa tới những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với xu hướng dân số lao động trong nông nghiệp giảm đi, dân số trong các ngành dịch vụ tăng lên.

+ Đưa loài người chuyển sang một nền văn minh mới: sau văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp đó là "Văn minh trí tuệ" lấy vi tính, điện tử thông tin và khoa sinh hóa làm cơ sở.

+ Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật ngày càng được quốc tế hóa cao. Một thị trường thế giới đang hình thành, bao gồm tất cả các nước có chế độ xã hội khác nhau, vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau, cùng chung sống hòa bình.

- ***Hạn chế:*** Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật do con người làm chủ, nên được sử dụng theo những mục đích khác nhau. Nếu được sử dụng đúng hướng sẽ mang lại nguồn lực và sức mạnh to lớn. Ngược lại, nếu bị sử dụng với mục đích trái với lợi ích phát triển của nhân loại, có thể dẫn tới những sự tàn phá không lường hết được:

+ Đã tạo ra nhiều loại vũ khí huỷ diệt có số lượng rất lớn mà chỉ cần một phần rất nhỏ trong số đó đã đe doạ sự sống của cả hành tinh.

+ Tài nguyên ngày càng kiệt quệ, Trái Đất đang kêu cứu.

+ Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, đe doạ sự sống của loài người.

+ Sinh ra nhiều bệnh tật, tai nạn gắn liền với kỹ thuật hiện đại.

+ Đặt ra nhiều vấn đề xã hội gắn liền với kỹ thuật hiện đại.

Những hậu quả nói trên đang đặt ra trước nhân loại nhiều vấn đề cấp bách :

- Phải bảo vệ tài nguyên – môi trường.
- Phải sử dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào mục đích hòa bình.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: ***Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là nước nào trong hệ thống tư bản chủ nghĩa?***

A. Anh. B. Nhật. C. Mĩ. D. Liên Xô.

Câu 2. Hai cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật mà nhân loại đã trải qua, đó là những cuộc cách mạng nào, vào thời gian nào?

A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.

B. Cuộc cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX

C. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay.

D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng công nghệ thế kỉ XX.

Câu 3: ***Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật là gì?***

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).

C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

D. Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 4: ***Điểm khác nhau cơ bản của khoa học khác với kĩ thuật là gì?***

A. Khoa học cơ bản đi trước kĩ thuật.

B. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các lĩnh vực Toán, Lý, Hóa, Sinh.

C. Khoa học tạo điều kiện để kĩ thuật phát triển.

D. A, B, C đúng.

Câu 5: ***Nguồn gốc sâu xa chung của hai cuộc cách mạng: cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?***

A. Do sự bùng nổ dân số.

B. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.

C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.

D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 6: ***Điểm nào dưới đây không có trong cuộc khoa học kĩ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng của cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai?***

A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều biết dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 7: ***Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào?***

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng văn minh Tin học.

D. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 8: ***Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra theo những phương hướng nào?***

A. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.

B. Đẩy mạnh tự động hóa công cụ lao động, chế tạo công cụ mới.

C. Tìm những nguồn năng lượng mới.

D. A, B, C đúng. E. A, C đúng ; B sai

Câu 9: ***Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục ?***

A. "Người máy" (Rô-bốt) B. Máy tính điện tử.

C. Hệ thống máy tự động. D. Máy tự động.

Câu 10: ***Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?***

A. Toán học. B. Vật lí học. C. Hóa học. D. Sinh học.

Câu 11: ***Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?***

A. Phát minh sinh học. B. Phát minh hóa học.

C. "Cách mạng xanh". D. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 12: ***Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở nước nào?***

A. Mĩ. B. Nhật. C. Liên Xô. D. Anh.

Câu 13: ***Người máy rô-bốt lần đầu tiên ra đời ở nước nào?***

A. Mĩ. B. Nhật. C. Anh. D. Đức.

Câu 14: ***Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp bắt nguồn từ nước nào?***

A. Mĩ. B. Ấn Độ. C. Nhật. D. Mê-hi-cô.

Câu 15: ***Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ ?***

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Nhật. D. Trung Quốc.

Câu 16: ***Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến một hiện tượng gì ?***

A. Sự đầu tư vào khoa học cho lãi cao. B. Sự bùng nổ thông tin.

C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.

D. Chảy máu chất xám.

Câu 17: ***Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?***

A. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.

B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 18: ***Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn chỉnh trích đoạn dưới đây về ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.***

"Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cột mốc...(a)... của loài người, đã mang lại những tiến bộ...(b)...,...(c)...và những thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật đã cho phép con người thực hiện ...(d)...và năng suất lao động, nâng cao...(e)...và chất lượng cuộc sống con người với những hàng hóa mới và tiện nghi sinh hoạt mới,...(f)... đã đưa tới những thay đổi lớn về...(g)...với xu hướng dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp...(h)...dần, dân cư lao động trong các ngành dịch vụ ngày càng...(i)...

Câu 19: ***Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai ?***

A. Cách mạng khoa học kĩ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại trước một cuộc chiến tranh mới.

B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.

D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Câu 20: ***Hãy nối sự kiện ở cột B phù hợp với niên đại ở cột A.***

A	B
1. 1949.	A. Đặt chân lên Mặt Trăng.
2. 1945.	B. Máy tính điện tử ra đời.
3. 1969.	C. Con người bay vào vũ trụ.
4. 1946.	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1961.	E. Bom nguyên tử ra đời.
6. 1957.	F. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.
7. 04.2003.	G. "Máy tính mô phỏng thế giới".
8. 03.2002.	H. "Bản đồ gen người" được giải hoàn chỉnh.

BÀI TẬP LỊCH SỬ TỔNG HỢP THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

I. GIAI ĐOẠN 1919-1930

Bài tập 1: ***Sắp xếp các sự kiện lịch sử sau đây cho đúng với thứ tự thời gian?***

1. Khởi nghĩa Yên Bái.

2. Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méc lanh.

3. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxây.

4. Phong trào công nhân Ba Son.

5. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Tua ở Pháp.

6. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu – Trung Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

7. Đông Dương cộng sản đảng thành lập.

8. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản ở Matxcơva.

9. Việt Nam quốc dân đảng thành lập.

10. Đại hội của Hội VNCMTN ở Bắc Kỳ tại 5D – Hàm Long – Hà Nội.

Trả lời:

Sự kiện	Thứ tự thời gian
1. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai.	18/6/1919
2. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Tua ở Pháp.	12/1920
3. Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méc lanh.	6/1924
4. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản ở Matxcơva.	7/1924
5. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu – Trung Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.	6/1925
6. Phong trào công nhân Ba Son.	8/1925
7. Việt Nam quốc dân đảng thành lập.	25/12/1927
8. Đại hội của Hội VNCMTN ở Bắc Kỳ tại 5D – Hàm Long – Hà Nội.	3/1929
9. Đông Dương cộng sản đảng thành lập.	6/1929
10. Khởi nghĩa Yên Bái.	9/2/1930

Bài tập 2: ***Điền tên các nhân vật và các sự kiện lịch sử gắn với thời gian cho sẵn sau đây:*** **18/6/1919; 7/1920; 12/1920; 6/1924; 6/1925; 25/12/1927; 3/1929; 3/2/1930; 9/2/1930; 10/1930?**

Trả lời:

Thời gian	Tên nhân vật	Sự kiện
18/6/1919	Nguyễn Ái Quốc	Đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai
7/1920	Nguyễn Ái Quốc	Đọc sơ thảo luận cương của Lênin

12/1920	Nguyễn Ái Quốc	Dự Đại hội Tua, bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.
6/1924	Phạm Hồng Thái	Mưu sát toàn quyền Méc lanh tại Sa Diện - Quảng Châu – Trung Quốc.
6/1925	Nguyễn Ái Quốc	Thành lập Hội VNCMTN tại Quảng Châu – Trung Quốc.
25/12/1927	Nguyễn Thái Học	Thành lập Việt Nam quốc dân đảng.
3/1929	Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh	Thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên tại 5D – Hàm Long – Hà Nội.
3/2/1930	Nguyễn Ái Quốc	Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng – Trung Quốc.
9/2/1930	Nguyễn Thái Học	Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng.
10/1930	Trần Phú	Hội nghị Ban chấp hành TW lần thứ nhất, Luận cương chính trị 10/9/1930 tại Hương Cảng – Trung Quốc.

Bài tập 3: ***Lập biểu đồ các tổ chức chính trị được thành lập từ năm 1919 đến 1930. Ghi rõ thời gian ra đời, quá trình tồn tại và xu hướng phát triển?***

Trả lời:

Tên tổ chức	Thời gian ra đời	Quá trình tồn tại	Xu hướng
Hội Việt Nam cách mạng thanh niên	6/1925	1925-1929	Tiến tới chuẩn bị cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Việt Nam quốc dân đảng	25/12/1927	1927-1930	Bị tan rã sau khởi nghĩa Yên Bái.
Tân Việt cách mạng đảng	7/1928	1928-1929	Một bộ phận chạy sang Hội VNCMTN; một bộ phận thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.
Đông Dương cộng sản đảng	6/1929	1929-1930	Gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
An Nam cộng sản đảng	7/1929	1929-1930	Gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Đông Dương cộng sản liên đoàn	9/1929	1929-1930	Gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Đảng Cộng sản Việt Nam	3/2/1930	1930 đến nay	Lãnh đạo nhân dân ta giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Bài tập 4: ***Chọn những sự kiện tiêu biểu từ năm 1919 - 1930 gắn với Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.***

Trả lời:

1. Nguyễn Ái Quốc

- 18/6/1919: Đưa yêu sách đến Hội nghị Vexai đòi các quyền tự do dân chủ, bình đẳng và dân tộc tự quyết.
- 7/1920: Đọc sơ thảo luận cương Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- 12/1920: Tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.
- 1921: Sáng lập "Hội liên hiệp thuộc địa".
- 7/1924: Dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản Ở Matxcơva.
- 6/1925: Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- Cuối năm 1925: Xuất bản tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp".
- Đầu 1927: Xuất bản tác phẩm "Đường cách mệnh".
- 3/2/1930: Triệu tập Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Phan Bội Châu

1925: Phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.

3. Phan Châu Trinh

- 1926: Phong trào để tang Phan Châu Trinh diễn ra trong cả nước.

II. GIAI ĐOẠN 1930-1945

Bài tập 1: ***Sắp xếp các sự kiện sau đây cho đúng với thứ tự thời gian?***

Hội nghi TW Đảng lần thứ nhất tại Hương Cảng – Trung Quốc; Hội nghị thành lập Đảng tại Hương Cảng - Trung Quốc; Đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao – Trung Quốc; Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn; Ở Hà Nội, ở Huế; Hội nghị Trung ương Đảng tại Bắc Pó – Cao Bằng; Đại hội Quốc dân Tân Trào; Hội nghị toàn quốc của Đảng; Khởi Nghĩa Ba Tơ, Binh Biến Đô Lương, Khởi nghĩa Bắc Sơn; Cuộc mít tinh ở Nhà Đấu Xảo Hà Nội; Khởi nghĩa Nam Kỳ, Cuộc nổi dậy của 2 vạn nông dân Hưng Nguyên – Nam Đàn – Nghệ An.

Trả lời:

Sự kiện	Thứ tự thời gian
1. Hội nghị thành lập Đảng tại Hương Cảng - Trung Quốc.	3/2/1930
2. Cuộc nổi dậy của 2 vạn nông dân Hưng Nguyên. Nam Đàn - Nghệ An.	12/9/1930
3. Đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao – Trung Quốc.	3/1935
4. Cuộc mít tinh ở Nhà Đấu Xảo Hà Nội.	3/1938
5. Khởi nghĩa Bắc Sơn.	27/9/1940
6. Khởi nghĩa Nam Kỳ.	23/11/1940

7. Binh Biến Đô Lương.	13/1/1941
8. Hội nghị Trung ương Đảng tại Bắc Pó – Cao Bằng.	5/1941
9. Khởi Nghĩa Ba Tơ.	11/3/1945
10. Hội nghị toàn quốc của Đảng.	13/8/1945
11. Đại hội Quốc dân Tân Trào.	16/8/1945
12. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.	19/8/1945
13. Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế.	23/8/1945
14. Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.	25/8/1945

Bài tập 2: ***Nêu những nét nổi bật của thời kỳ cách mạng 1930-1931; 1932-1935; 1936-1939?***

Trả lời:

- Thời kỳ 1930-1931: Vai trò của liên minh công – nông, xây dựng nhà nước của dân, do dân vì dân dưới hình thức Xô viết Nghệ - Tĩnh.

- Thời kỳ 1932-1935: Sự vững vàng của Đảng trước sự đàn áp, khủng bố của thực dân Pháp.

- Thời kỳ 1936-1939: Xây dựng đội quân chính trị của đông đảo quần chúng, sử dụng hình thức và phương pháp cách mạng phong phú.

Bài tập 3: ***Lập bảng thống kê những sự kiện có tính chất bước ngoặt từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến khi Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập?***

Trả lời:

1/9/1939	Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
11/1939	Hội nghị TW Đảng lần thứ VI tại Bà Điểm – Hóc Môn
10/5/1941	Hội nghị TW Đảng lần thứ VIII tại Bắc Pó – Cao Bằng.
9/3/1945	Nhật đảo chính Pháp.
13.8.1945	Hội nghị toàn quốc của Đảng.
2.9.1945	Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập.

Bài tập 4: ***Từ năm 1930 đến 1945, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam trải qua các thời kì nào? Tóm tắt nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của các thời kì cách mạng đó?***

*** Từ năm 1930 đến 1945 cách mạng Việt Nam trải qua 4 thời kì:**

- Thời kì 1930 - 1931:

+ Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng nước ta. Cách mạng Việt Nam từ đây bước vào thời kì phát triển mới.

+ Đảng ra đời đã đề ra khẩu hiệu *"Độc lập dân tộc"* và *"Ruộng đất dân cày"*. Với khẩu hiệu này đã tập hợp được đông đảo quần chúng, nhất là nông dân, từ đó dấy lên phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân và phong kiến. Đặc biệt từ tháng 9 đến tháng 10/1930, phong trào đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ – Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng theo kiểu Xô viết Nga. Qua phong trào khẳng định vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng; thể hiện sức mạnh to lớn của khối liên minh công nông.

Đây là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

- *Thời kì 1932 –1935:*

+ Đây là thời kì đấu tranh để hồi phục phong trào. Mặc dầu bị thực dân Pháp dàn áp, khủng bố nhưng Đảng ta vẫn kiên trì đấu tranh, vẫn giữ vững lập trường cách mạng, vẫn duy trì cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng. Đến tháng 3/1935 tại Ma Cao (Trung Quốc), Đảng ta tiến hành Đại hội lần thứ I nhằm chuẩn bị đường lối cho thời kì cách mạng tiếp theo.

- *Thời kì 1936 –1939:*

+ Trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, đặc biệt khi Mặt trận nhân dân Pháp lên nắm chính quyền, đề ra các chính sách về tự do, dân chủ và ân xá tù chính trị ở các nước thuộc địa. Lợi dụng tình hình này, Đảng ta thực hiện cuộc vận động dân chủ rộng khắp. Qua cuộc vận động này Đảng ta đã sử dụng hình thức đấu tranh phong phú nhằm đòi các quyền *"Tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình"*. Đảng đã động viên, giáo dục và xây dựng được đội quân chính trị của quần chúng hàng triệu người, tập hợp trong mặt trận nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương. Đồng thời Đảng đã bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ cách mạng đông đảo.

Đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

- *Thời kì 1939 –1945:*

+ Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp tăng cường đàn, bóc lột nhân dân Đông Dương, chúng thi hành chính sách " thời chiến" ở Đông Dương. Đến tháng 9/1940, Nhật nhảy vào Đông Dương cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân ta phải chịu cảnh *"một cổ hai tròng"*. Vận mệnh của các dân tộc Đông Dương bị đe dọa nghiêm trọng.

+ Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Chủ trương đó được thể hiện trong Hội nghị Trung ương lần 6 (11/1939) và được hoàn chỉnh trong Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941). Đảng đã chuẩn bị về mọi mặt để lãnh đạo nhân dân ta đánh Pháp đuổi Nhật.

+ Khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), Đảng ta phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Qua Cao trào kháng Nhật cứu nước, quần chúng đã chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, chỉ chờ lệnh Tổng khởi nghĩa.

+ Vào ngày 14/8/1945, khi Nhật bị Đồng minh đánh bại, Đảng ta và Tổng bộ Việt Minh kịp thời phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám nổ ra và giành được thắng lợi trong 15 ngày (14 đến 28/8/1945).

+ Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc ta. Mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc: Kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Bài tập 5: ***Nêu những điểm chung và những nét khác nhau của các thời kì cách mạng từ 1930 đến 1945?***

a. Những điểm chung:

+ Đều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn đấu tranh cách mạng.

+ Đều tập hợp và tôi luyện quần chúng đấu tranh, nhất là quần chúng công - nông.

+ Đều là những cuộc diễn tập trên con đường đi tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Đều để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho thời kì cách mạng sau.

b. Những điểm riêng:

+ Thời kì 1930 – 1931: Nổi bật về vai trò của liên minh công nông; hình thức nhà nước của dân, do dân, vì dân đó là Xô viết Nghệ – Tĩnh theo kiểu Nga.

+ Thời kì 1932 - 1935: Nổi bật về sự vững vàng của Đảng trước chính sách khủng bố dã man của đế quốc.

+ Thời kì 1936 – 1939: Nổi bật với việc kết hợp các phương pháp đấu tranh, tập hợp và xây dựng đội quân chính trị hùng hậu của quần chúng.

+ Thời kì 1939 –1945: Nổi bật với việc giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc; tập hợp lực lượng quần chúng rộng rãi trong mặt trận dân tộc thống nhất đấu tranh đánh đuổi quân xâm lược; tổ chức lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng chính trị nổi dậy giành chính quyền.

Trong những điểm chung và điểm riêng đó thì điểm chung là rất quan trọng vì dù trong thời kì nào cũng đều chịu sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Sở dĩ có những điểm riêng là do hoàn cảnh lịch sử của mỗi thời kỳ khác nhau.

III. GIAI ĐOẠN 1945-1954

Bài tập 1: ***Sắp xếp lại các địa danh và các sự kiện lịch sử theo thứ tự thời gian?***

Chiến dịch Điện Biên Phủ; Hiệp định Giơnevơ; Chiến dịch Hòa Bình; Chiến thắng Đông Khê;

Chiến dịch Tây Bắc; Chiến dịch Thượng Lào; Chiến dịch Việt Bắc; Chiến thắng ở Đoan Hùng; Chiến thắng ở đèo Bông Lau.

Trả lời:

Sự kiện	**Thời gian**
1. Chiến dịch Việt Bắc.	10/1947
2. Chiến thắng ở Đoan Hùng.	10/1947
3. Chiến thắng ở đèo Bông Lau.	30/10/1947
4. Chiến thắng Đông Khê.	9/1950
5. Chiến dịch Hòa Bình.	2/1952
6. Chiến dịch Tây Bắc.	12/1952
7. Chiến dịch Thượng Lào.	4/1953
8. Chiến dịch Điện Biên Phủ.	7/5/1954
9. Hiệp định Giơnevơ.	21/7/1954

Bài tập 2: ***Hãy nêu những chiến thắng quan trọng của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1946 - 1954 theo bảng kê sau đây:***

Âm mưu của địch và chủ trương của ta	**Kết quả**	**Ý nghĩa**
1. Chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947 - Âm mưu của địch: + Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta. + Khóa chặt biên giới Việt – Trung. + Kết thúc nhanh chiến tranh. - Chủ trương của ta: + 15.10.1947, TW Đảng ra chỉ thị: “Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp”.	- Loại khỏi vòng chiến 6.000 tên, tiêu diệt 3.300 tên. Bắn rơi 16 máy bay, đánh chìm 11 tàu chiến và ca nô. - Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững và mở rộng, cơ quan của Đảng được bảo vệ an toàn.	- Đánh bại âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp. - Chứng minh đường lối kháng chiến lâu dài của ta là đúng, sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc. - Làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta.
2. Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950. - Âm mưu của địch: + Khóa chặt biên giới Việt – Trung. + Thiết lập hành lang Đông – Tây.	+ Loại khỏi vòng chiến 8.300 tên địch, thu 3.000 tấn vũ khí. + Khai thông 750 km đường biên giới. + Chọc thủng hành lang Đông – Tây.	- Quân ta giành thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). - Bộ đội chủ lực ta liên tiếp mở các cuộc tiến công lớn

+ Tấn công Việt Bắc lần hai. - Chủ trương của ta: + Tiêu diệt sinh lực địch; khai thông biên giới; mở rộng căn cứ địa Việt Bắc; đưa kháng chiến tiến lên. + “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng”	+ Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững và mở rộng, nối liền với các địa phương trong cả nước.	địch và liên tiếp giành thắng lợi - Đây là thất bại về chính trị và quân sự của Pháp.
3. Chiến dịch Điện Biên Phủ. - Âm mưu của địch: + Điện Biên Phủ thành trung tâm kế hoạch Nava. + Nghiền nát bộ đội chủ lực ta khi tấn công lên Điện Biên Phủ. - Chủ trương của ta: + Quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Biến Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến, chiến lược giữa ta và địch.	+ Tiêu diệt và bắt sống 16.200 tên địch, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch. + Đập tan kế hoạch Nava và mọi mưu đồ của Pháp – Mĩ.	- Đây là chiến thắng lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp. - Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava. - Buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, rút quân về nước.

Bài tập 3: Những thắng lợi cơ bản trên các mặt trận của quân dân ta từ năm 1946 đến 1954?

- Do sự phản bội của thực dân Pháp, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đây là cuộc kháng chiến toàn dân, được tiến hành trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hoá và thắng lợi của cuộc kháng chiến mang tính toàn diện.

+ *Trên mặt trận chính trị – ngoại giao*, ngay từ sau Cách mạng tháng Tám, Đảng và Chính phủ vừa kiên quyết đấu tranh chống bọn thực dân đế quốc, vừa chủ trương mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Từ đầu năm 1950, Chính phủ ta lần lượt được chính phủ các nước công nhận, đặt quan hệ ngoại giao, đồng tình ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta kháng chiến, tiếp sau Trung Quốc (18/1/1950) và Liên Xô (31/1/1950) là các nước dân chủ nhân dân khác.

Nhân dân ba nước trên bán đảo Đông Dương thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung. Hội nghị cấp cao ba nước họp ngày 13/3/1951, thành lập Liên minh Việt – Miên – Lào. Chúng ta tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới, đặc biệt nhân dân Pháp, nhân dân các nước thuộc địa phụ thuộc và các nước xã hội chủ nghĩa.

+ *Trên mặt trận quân sự,* quân dân ta càng đánh càng thắng, địch càng đánh càng thua.

Mở đầu kháng chiến toàn quốc chống Pháp (19/12/1946) quân dân ta chủ động tiến công quân Pháp ở thủ đô Hà Nội và các đô thị khác ở phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra Bắc) nhằm tiêu hao, giam chân địch, phá tan âm mưu *"đánh úp"* của chúng, chuyển đất nước sang thời chiến, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện.

Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, là chiến dịch phản công đầu tiên của ta giành thắng lợi. Trong những năm 1948-1949, ta phân tán phần lớn bộ đội chủ lực chính quy thành những *"đại đội độc lập"* đi sâu vào vùng địch tạm chiếm, giúp địa phương xây dựng cơ sở kháng chiến, tổ chức lực lượng vũ trang với ba thứ quân, phát động chiến tranh du kích, biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta.

Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950, là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên mà quân dân ta đã giành được thắng lợi.

Sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta mở liên tiếp những chiến dịch tiến công vào quân địch ở chiến trường rừng núi, cả các chiến trường trung du và đồng bằng, nhằm phá tan âm mưu đẩy mạnh chiến tranh của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, giữ vững thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

Thắng lợi lớn nhất là chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (từ 13/3/1954 đến 7/5/1954) đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Chiến thắng quyết định này đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

+ *Trên mặt trận kinh tế - tài chính, văn hóa, giáo dục,* thực hiện nhiệm vụ *"kháng chiến – kiến quốc"*, nhân dân ta đã xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Về kinh tế, trong kháng chiến nhân dân ta vừa ra sức phá hoại kinh tế địch, đánh bại âm mưu *"lấy chiến tranh nuôi chiến tranh"* của chúng, vừa đẩy mạnh xây dựng kinh tế của ta, làm cho nền kinh tế của ta có khả năng tự cấp, tự túc.

Chính phủ đã đề ra nhiều chính sách về kinh tế – tài chính nhằm phát triển sản xuất, huy động sự đóng góp của nhân dân cho kháng chiến, phục vụ đời sống. Đồng thời Chính phủ lo bồi dưỡng sức dân như: phát triển kinh tế nông nghiệp, giảm tô, giảm tức đi đến cải cách ruộng đất, phát triển công nghiệp vừa phục vụ dân sinh vừa phục vụ quốc phòng.

Về văn hoá giáo dục, tiếp tục mở rộng phong trào *"Bình dân học vụ"*, xoá mù chữ, mở rộng phong trào *"Bổ túc văn hoá"* nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và nhân dân. Mở trường phổ thông các cấp ở vùng tự do, các căn cứ kháng chiến cho con em lao động. Tiến hành cải cách giáo dục (1950) để đào tạo thế hệ trẻ theo đúng quan điểm đường lối giáo dục của Đảng.

+ Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, cùng với sự ủng hộ của nhân dân thế giới buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương.

IV. GIAI ĐOẠN 1954-1975

Bài tập 1: ***Sắp xếp lại các địa danh gắn liền với các sự kiện lịch sử theo thứ tự thời gian sau đây:***

Chiến thắng Bình Giã, Đường 9 Nam Lào; Đồng Xoài; Ba Gia; Ấp Bắc , An Lão; Vạn Tường; Trà Bồng, Bến Tre; Phước Long; Quảng Trị; Xuân Lộc; Huế; Tây Nguyên; Sài Gòn; Đà Nẵng.

Các chiến thắng	Thứ tự thời gian
1. Trà Bồng	8/1959
2. Bến Tre	17/1/1960
3. Ấp Bắc	2/1/1963
4. Bình Giã	2/12/1964
5. Ba Gia	5/1965
6. An Lão	6/1965
7. Đồng Xoài	8/1965
8. Vạn Tường	18/8/1965
9. Đường 9 Nam Lào	3/1971
10. Quảng Trị	30/3/1972
11. Phước Long	6/1/1975
12. Tây Nguyên	3/1975
13. Huế	26/3/1975
14. Đà Nẵng	29/3/1975
15. Xuân Lộc	21/4/1975
16. Sài Gòn	30/4/1975

Bài tập 2: ***Hãy nêu các giai đoạn phát triển của cách mạng miền Nam từ 1954 đến 1975?***

- Từ 7/1954 đến hết 1960: Mỹ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam thông qua chế độ độc tài phát xít của bọn tay sai Ngô Đình Diệm. Nhân dân miền Nam tiến hành đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đồng thời ra sức tìm phương pháp đấu tranh thích hợp để vừa đẩy mạnh cách mạng miền Nam, hạn chế tổn thất, vừa bảo vệ miền Bắc. Vào cuối giai đoạn này miền Nam từ thế thoái thủ và giữ gìn lực lượng chuyển hẳn sang thế tiến công, từ đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa từng phần mở đầu bằng cao trào “Đồng khởi” đánh sụp ngụy quyền ở nhiều cơ sở ở nông thôn làm thất bại chính sách cai trị thực dân điển hình của Mĩ ở miền Nam.
- Từ 1961 đến giữa 1965: Đế quốc Mĩ thi hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Cuộc chiến tranh bằng quân đội ngụy tay sai với tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mĩ, định đè bẹp và tiêu diệt cách mạng miền

Nam. Cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần, tiến lên thành chiến tranh cách mạng, kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược, phát huy sức mạnh to lớn của chiến tranh nhân dân ở miền Nam để đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và tay sai.

- Từ 1965 đến hết 1968: Đế quốc Mĩ thi hành "Chiến tranh cục bộ", đưa quân viễn chinh vào tham chiến trên quy mô lớn ở miền Nam, đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc. Cả nước ta trực tiếp đánh Mĩ, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao trên cả hai miền, đánh thắng "Chiến tranh cục bộ" tạo bước ngoặt quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

- Từ 1969 đến 1/1973: Đế quốc Mĩ thi hành chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh, xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mĩ về nước nhưng kéo dài và mở rộng chiến tranh sang Lào - Campuchia. Quân dân ta phối hợp với quân dân Lào - Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh và "Đông Dương hoá" chiến tranh.

- Từ 1973 đến1975: Sau Hiệp định Pari, Mĩ tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh, chỉ huy ngụy quân, ngụy quyền tiến hành chiến tranh lấn chiếm và bình định. Ta tạo lực, tạo thế, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Bài tập 3: ***Hãy trình bày nội dung và ý nghĩa của các Nghị quyết của Đảng ta trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước theo yêu cầu sau:***

Thời gian, tên nghị quyết	Nội dung chủ yếu	Ý nghĩa

Trả lời:

Thời gian, tên nghị quyết	**Nội dung chủ yếu**	**Ý nghĩa**
1/1959, Nghị quyết Hội nghị TW lần thứ 15.	Xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.	Đưa đến phong trào "Đồng khởi" 1959-1960. Đánh bại chiến tranh một phía của Mĩ

2. 1960, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III	Quyết định đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.	Tạo điều kiện cho nhân dân hai miền đấu tranh chống Mĩ cứu nước
3. 1973, Hội nghị TW lần thứ 21.	Khẳng định con đường bạo lực của cách mạng miền Nam. Kiên quyết đấu tranh với địch trên cả ba mặt trận: Quân sự, chính trị, ngoại giao.	Đánh bại hành động lấn chiếm vùng giải phóng của địch, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam phát triển.
4. 1974-1975, Hội nghị Bộ Chính trị.	Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm. Nếu thời cơ đến, giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975	Đưa đến thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP THEO TỪNG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

I. GIAI ĐOẠN 1919 –1930

Câu 1: ***Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?***

A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.

B. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam với thực dân Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa công nhân Việt Nam với đế quốc Pháp.

Câu 2: ***So với phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919-1925 thì phong trào công nhân trong những năm 1926-1929 có những điểm nào tiến bộ?***

A. Đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm.

B. Đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.

C. Đấu tranh đòi tất cả các quyền lợi về kinh tế.

D. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế kết hợp với đòi quyền lợi về chính trị.

Câu 3: ***Trong những năm 1919-1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?***

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến cách mạng tháng Mười Nga.

B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác –Lênin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxây.

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

Câu 4: ***Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng ra đời từ các tổ chức chính trị nào?***

A. Việt Nam quốc dân đảng. B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Cả ba tổ chức trên.

Câu 5: ***Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?***

A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

D. Viết “Bản án chế độ thực dân Pháp”.

Câu 6: ***Khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Ái Quốc lần lượt đi đến các nước nào trong thời gian 1917-1927?***

A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc. B. Pháp, Liên Xô, Việt Nam.

C. Pháp, Trung Quốc, Việt Nam. D. Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.

Câu 7: ***Công lao đầu tiên, to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911-1930 là gì?***

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 8: ***Từ năm 1925 đến 1930, sự kiện nào có tác dụng trực tiếp đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?***

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

B. Ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam.

C. Nguyễn Ái Quốc về nước truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin.

D. Sự chấm dứt hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 9: ***Chọn câu đúng để điền vào chỗ trống câu sau đây: “Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác...............”***

A. Con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Con đường cách mạng dân chủ tư sản.

C. Con đường cách mạng vô sản.

D. Con đường cách mạng thuộc địa.

Câu 10: ***Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:***

A	B
1. Phan Bội Châu	A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
2. Phan Châu Trinh	B. Mưu sát tên toàn quyền Méc lanh.
3. Phạm Hồng Thái	C. Khởi xướng phong trào Đông Du.

4. Nguyễn Ái Quốc	D. Thực hiện chủ trương cải cách dân chủ. E. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái. G. Tìm con đường cứu nước sang phương Tây. H. Bị bắt ở Trung Quốc.

Câu 11: ***Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào có liên hệ trực tiếp đến việc Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam?***

A. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.

B. Nguyễn Ái Quốc viết Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

C. Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị ba tổ chức cộng sản.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 12: ***Chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam bằng con đường nào là cơ bản nhất?***

A. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

B. Hoạt động của các thủy thủ trên tàu viễn dương.

C. Thông qua sách báo từ nước ngoài gởi về.

D. Hoạt động của các tổ chức cộng sản.

Câu 13: ***Nội dung nào dưới đây không thuộc Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?***

A. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của Cách mạng thế giới.

B. Cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và Cách mạng XHCN.

C. Lực lượng Cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của Cách mạng Việt Nam.

Câu 14: ***Vấn đề khác nhau giữa Cương lĩnh Chính trị và Luận cương chính trị tháng 10/1930 là gì?***

A. Về con đường Cách mạng Việt Nam.

B. Về nhiệm vụ và lực lượng Cách mạng Việt Nam.

C. Về vị trí của Cách mạng Việt Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 15: ***Xác dịnh mối quan hệ cặp đôi giữa các niên đại và sự kiện sau đây:***

Niêm đại	**Sự kiện**
1. 5/6/1911	A. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
2. 7/1920	B. Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
	C. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
3. 6/1925	D. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
4. 3/2/1930	

Câu 16: ***Các tổ chức chính trị sau đây, tổ chức nào của giai cấp vô sản?***

A. Tân Việt cách mạng đảng. B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Đảng Lập hiến. D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 17: ***Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời gian nào?***

A. 3/1930. B. 8/1930. C. 10/1930. D. 3/1935.

Câu 18: ***Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?***

A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam.

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

C. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

D. Là bước chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

Câu 19: ***Vì sao cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản?***

A. Con đường phong kiến và tư sản đã lỗi thời, lạc hậu.

B. Giai cấp vô sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiến tiến.

C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

D. Câu A và B đúng.

Câu 20: ***Tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc?***

A. "Người cùng khổ". B. "Bản án chế độ thực dân Pháp".

C. "Đường cách mệnh". D. Tất cả các tác phẩm trên

II. GIAI ĐOẠN 1930-1945

Câu 1: ***Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?***

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công – nông.

B. Tập hợp dông đảo quần chúng thành lập đội quân chính trị.

C. Đảng kiên định trong đấu tranh.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 2: ***Hai khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày" được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ cách mạng nào?***

A. 1930-1931. B. 1932-1935. C. 1936-1939. D. 1939-1945.

Câu 3: ***Hạn chế về lực lượng cách mạng mà Luận cương chính trị tháng 10/1930 đã nêu ra được sửa chữa trong thời kỳ cách mạng nào?***

A. 1930-1931. B. 1932-1935. C. 1936-1939. D. 1939-1945.

Câu 4: ***Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?***

A. Phong trào thực hiện sự liên minh công – nông vững chắc.

B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.

C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 5: ***Phong trào cách mạng 1930-1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?***

A. Từ tháng 2 đến tháng 4.1930. B. Từ tháng 5 đến tháng 8.1930.

C. Từ tháng 9 đến tháng 10.1930. D. Từ tháng 1 đến tháng 5.1931.

Câu 6: ***Điểm hạn chế về nhiệm vụ cách mạng của Luận cương chính trị tháng 10/1930 được sửa chữa trong thờii kỳ nào?***

A. 1930-1931. B. 1936-1939. C. 1939-1941. D. 1941-1945.

Câu 7: ***Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã ảnh hưởng nặng nề nhất đối với thời kỳ cách mạng nào ở Việt Nam?***

A. 1930-1931 và 1936-1939. B. 1930-1931 và 1932-1935.

B. 1936-1939 và 1939-1941. D. 1939-1945.

Câu 8: ***So với thời kỳ 1930-1931, kẻ thù trong thời kỳ cách mạng 1936-1939 chủ yếu, trước mắt là bọn nào?***

A. Dân Pháp và phong kiến tay sai.

B. Dân Pháp và phát xít Nhật.

C. Thực dân Pháp là kẻ thù chủ yếu, trước mắt.

D. Bọn phản dộng thuộc địa Pháp và bọn tay sai của chúng.

Câu 9: ***Công tác mặt trận được xây dựng trong thời kỳ cách mạng 1930-1931 gọi tên là gì?***

A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Hội phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 10: ***Trong các mặt trận sau đây, mặt trận nào thực hiện vai trò tập hợp quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ?***

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

D. Tất cả các mặt trận trên.

Câu 11: ***Mục tiêu đấu tranh trong thời kỳ cách mạng 1930-1931 là gì?***

A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

C. Chống đế quốc và phát xít Pháp - Nhật đòi độc lập cho dân tộc.

D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Câu 12: ***Mục tiêu đấu tranh trong thời kỳ cách mạng 1936-1939 là gì?***

A. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

B. Đòi các quyền tự do dân chủ.

C. Giải phóng dân tộc là mục tiêu hàng đầu.

D. Tất cả các mục tiêu trên.

Câu 13: ***Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách hơn bao giờ hết. Đó là nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ nào?***

A. 1930-1931. B. 1936-1939. C. 1939-1941. D. 1941-1945.

Câu 14: ***Chọn sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:***

A	B
1. 1930-1931	a. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.
2. 1932-1935	b. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
3. 1936-1939	c. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".
4.1939-1945	d. Đấu tranh bí mật để củng cố lực lượng cách mạng.

Câu 15: ***Chọn các niên đại sau đây thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với Cách mạng tháng Tám 1945?***

A. 10 đến 19/5/1941; 22/12/1944; 16 đến 18/8/1945.

B. 28/1/1941; 10/5/1941; 16/5/1945.

C. 13 đến 18/8/1945; 16/5/1945; 19/8/1945.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 16: ***Mặt trận Việt Minh ra đời trong sự kiện lịch sử nào dưới đây?***

A. Hội nghị lần thứ VI của Đảng (11/1939).

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13 đến 15/8/1945).

C. Đại hội quốc dân Tân Trào – Tuyên Quang (16 đến 18/8/1945).

D. Hội nghị lần thứ VIII của Đảng (10 đến 19/5/1941).

Câu 17: ***Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương ra đời vào thời gian nào?***

A. 1936-1939. B. 1939-1941. C. 1941-1945. D. 1930-1931.

Câu 18: ***Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử sau đây:***

A. 12/9/1930..

B. 3/1935...

C. 1/5/1938...

D. 28/1/1941...

Câu 19: ***Thời kỳ tiền khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám được tính trong thời gian nào dưới đây?***

A. Từ 5/1941 đến 9/3/1945. B. Từ 9/3/1945 đến trước tháng 8/1945.

C. Từ 13/8 đến 19/8/1945. D. Từ 9/3 đến 19/8/1945.

Câu 20: ***Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được Đảng ta đề ra trong thời điểm lịch sử nào?***

A. Đêm 09/3/1945. B. Ngày 12/3/1945.

C. Ngày 14/8/1945. D. Ngày 19/8/1945.

Câu 21: ***Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được xác định vào thời điểm lịch sử nào?***

A. 09/3/1945. B. 12/8/1945. C. 14/8/1945. D. 16/8/1945.

Câu 22: ***Khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội, Bác Hồ đang ở đâu?***

A. Bắc Pó Cao Bằng. B. Hà Nội.

C. Tân Trào - Tuyên Quang. D. Quảng Châu – Trung Quốc.

Câu 23: ***Sự kiện nào trong Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động tạo thời cơ khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám giành chính quyền nhanh chóng và ít đổ máu?***

A. 19/5/1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức.

B. 08/8/1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông Nhật.

C. 14/8/1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.

D. 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 24: ***Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc trước khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi. Đúng hay sai?***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 25: ***Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng: "Chiều ngày 16 tháng 8, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ .... về giải phóng thị xã Thái Nguyên.***

A. Từ Bắc Pó. B. Từ Tân Trào. C. Từ Tuyên Quang. D. Từ Cao Bằng.

Câu 26: ***Sự kiện lịch sử nào dưới đây nằm trong Cao trào kháng Nhật cứu nước?***

A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945).

B. Phá kho thóc Nhật để giải quyết nạn đói.

C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 27: ***"Tôi thà làm dân nước tự do còn hơn làm vua nước nô lệ". Đó là câu nói của ai?***

A. Trần Bình Trọng. B. Nguyễn Trung Trực.

C. Nguyễn Thái Học. D. Bảo Đại.

Câu 28: ***Mười lăm ngày Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám được tính từ mốc lịch sử nào?***

A. 14/8/1945 đến 28/8/1945. B. 15/8/1945 đến 30/8/1945.

C. 16/8/1945 đến 30/8/1945. D. 18/8/1945 đến 2/9/1945.

Câu 29: ***Cách mạng tháng Tám thắng lợi trên thực tế nhân dân ta giành chính quyền từ tay bọn nào?***

A. Pháp - Nhật và bọn phong kiến tay sai.

B. Nhật và bọn phong kiến tay sai.

C. Bọn phong kiến. D. Tất cả đều đúng.

Câu 30: ***Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta đã hoàn thành việc chuẩn bị về chủ trương, đường lối cho Cách mạng tháng Tám?***

A. Hội nghị TW lần thứ 6 (11/1939).

B. Hội nghị TW lần thứ 8 (5/1941).

C. Hội nghị toàn quốc (13 đến 15/8/1945).

D. Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18/8/1945).

Câu 31: ***Ngày 30/8/1945 ghi dấu sự kiện lịch sử nào trong Cách mạng tháng Tám 1945?***

A. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

D. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.

Câu 32: ***Nguyên nhân quyết định nhất của thắng lợi Cách mạng tháng Tám là gì?***

A. Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.

B. Đảng Cộng sảng Đông Dương lãnh đạo

C. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 33: ***Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đón nhận Đồng minh vào trong Cách mạng tháng Tám?***

A. Hội nghị toàn quốc (13 đến 15/8/1945).

B. Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18/8/1945).

C. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ (5/1945).

D. Câu A và B đúng.

Câu 34: ***Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời trên cơ sở kết hợp giữa các lực lượng nào?***

A. Đội du kích Bắc Sơn và du kích Thái Nguyên.

B. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội du kích Bắc Sơn.

C. Đội du kích Ba Tơ và đội Cứu quốc quân.

D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội Cứu quốc quân.

Câu 35: ***Chọn một sự kiện không đồng nhất trong các sự kiện sau đây:***

A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945). B. Khởi nghĩa ở Hà Nội (19/8/1945)

C. Khởi nghĩa ở Huế (23/8/1945). D. Khởi nghĩa ở Sài Gòn (25/8/1945).

Câu 36: ***Niên dại nào dưới đây không thuộc thời kỳ tiền khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám 1945?***

A. 9/3/1945. B. 12/3/1945.

C. 14/8/1945. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 37: ***Tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong thời điểm lịch sử nào?***

A. Trong Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 đến 15/8/1945.

B. Trong khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

C. Trong Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18/8/1945).

D. Trong Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945).

Câu 38: ***Nội dung nào dưới đây khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta trên phương diện pháp lý và thực tiễn?***

A. Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay... dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập.

B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thật sự đã trở thành một nước tự do, độc lập.

C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

D. Tất cả các nội dung trên.

Câu 39: ***"Hỡi quốc dân đồng bào!... Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục..."***

Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám?

A. Thời cơ khách quan thuận lợi. B. Thời cơ chủ quan thuận lợi.

C. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

D. Thời kỳ tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

Câu 40: ***Tính chất của Cách mạng tháng Tám là gì?***

A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

B. Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

C. Cách mạng vô sản. D. Cách mạng cung đình.

III. GIAI ĐOẠN 1945-1954

Câu 1: ***Nêu khó khăn lớn nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám?***

A. Giặc đói. B. Giặc dốt.

C. Khó khăn về tài chính. D. Khó khăn về giặc ngoài.

Câu 2: ***Đối sách của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sách lược mềm dẻo với quân đội Tưởng ở miền Bắc như thế nào?***

A. Độc lập chủ quyền của nước ta phải được giữ vững.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu Đảng và Chính phủ.

C. Cung cấp lương thực cho 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc.

D. Tất cả các đối sách trên.

Câu 3: ***Vì sao Đảng ta chủ trương chuyển từ nhân nhượng với Tưởng sang hòa hoãn với Pháp?***

A. Pháp - Tưởng ký hòa ước Hoa- Pháp (28/2/1946).

B. Pháp mạnh hơn Tưởng. C. Tưởng chuẩn bị rút quân về nước.

D. Pháp, Tưởng đang tranh chấp Việt Nam.

Câu 4: ***Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định sơ bộ ngày 6.3.1946?***

A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong Liên hiệp Pháp.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.

C. Nước Việt Nam có chính phủ riêng, có quân đội riêng và nền tài chính riêng.

D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc, Việt Nam.

Câu 5: ***Việc ký kết Hiệp định sơ bộ ngày 6.3.1946 của ta nhằm mục đích gì?***

A. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

B. Phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.

C. Tạo điều kiện để xây dựng đất nước sau chiến tranh.

D. Thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 6: ***"...... Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới...". Điều gì nói lên sự thật đó?***

A. Pháp - Tưởng ký hòa ước Hoa – Pháp (28/2/1946) để Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc.

B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng (27/11/1946).

C. Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng (18/12/1946).

D. Câu A và B đúng.

Câu 7: ***Cuộc chiến đấu của quân dân ta ở các đô thị nhằm thực hiện mục đích gì?***

A. Phá tan âm mưu xâm lược ngay từ đầu của thực dân Pháp.

B. Tiêu diệt sinh lực địch để kết thúc nhanh chiến tranh.

C. Tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 8: Cuộc chiến đấu ở các đô thị của quân dân ta đã phá tan được âm mưu nào của thực dân Pháp?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh. B. Đánh úp.

C. Dùng người Việt trị người Việt. D. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 9: ***Trong các chiến thắng sau đây, chiến thắng nào đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân ta tiến lên bước phát triển nhảy vọt.***

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị.

B. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950. D. Câu A và B đúng.

Câu 10: ***Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh du kích ngắn ngày của ta?***

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị. B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 11: ***Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh diệt viện của ta?***

A. Chiến dịch Hòa Bình. B. Chiến dịch Tây Bắc.

C. Chiến dịch Việt Bắc. D. Chiến dịch Biên giới.

Câu 12: ***Âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?***

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

C. Chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 13: ***Trận chiến đấu các liệt nhất trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 là trận nào?***

A. Thất Khê. B. Cao Bằng. C. Đông Khê. D. Đình Lập.

Câu 14: ***Ai là người trực tiếp nghiên cứu, phê chuẩn, chỉ đạo kế hoạch tác chiến từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?***

A. Trường Chinh. B. Võ Nguyên Giáp.

C. Phạm Văn Đồng. D. Hồ Chí Minh.

Câu 15: ***Ai là người nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi tiếp tục xông lên phá lô cốt địch trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?***

A. La Văn Cầu. B. Trần Cừ. C. Triệu Thị Soi. D. Đinh Thị Dậu.

Câu 16: ***Ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên đánh địch trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.***

A. Trần Cừ. B. La Văn Cầu. C. Phan Đình Giót. D. Bế Văn Đàn.

Câu 17: ***Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được...". Lời kêu gọi ấy phục vụ cho đường lối kháng chiến nào của Đảng ta?***

A. Toàn dân. B. Toàn diện. C. Lâu dài. D. Tự lực cánh sinh

Câu 18: ***Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định cho được vùng lấn chiếm. Đó là kế hoạch nào của Pháp?***

A. Đác giăng liơ. B. Rơve.

C. ĐờLát đơ Tát xi nhi. D. Na va.

Câu 19: ***Ngày 3/3/1951, diễn ra sự kiện tiêu biểu nào thể hiện việc xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống Pháp?***

A. Thành lập mặt trận Việt – Miên – Lào.

B. Thành lập mặt trận Việt Minh. C. Thành lập Hội quốc dân Việt Nam.

D. Thành lập mặt trận Liên Việt.

Câu 20: ***Trong các sự kiện chính trị sau đây, sự kiện nào có tính chất quyết định nhất, có tác dụng đưa cuộc kháng chiến tiến lên?***

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951).

B. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt (3/1951).

C. Đại hội anh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc (5/1951).

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 21: ***Từ năm 1951 đến 1953, quân ta liên tiếp giành được thắng lợi trên mặt trận quân sự, hãy xác định chiến dịch quan trọng nhất trong các chiến dịch sau?***

A. Chiến dịch Trung Du. B. Chiến dịch Đường số 18.

C. Chiến dịch Hòa Bình. D. Chiến dich Tây Bắc.

Câu 22: ***Ai là anh hùng trí thức được biểu dương trong Đại hội anh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc (5/1951)?***

A. Nguyễn Quốc Trị. B. Hoàng Oanh.

C. Ngô Gia Khảm. D. Trần Đại Nghĩa.

Câu 23: ***Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã làm phá sản kế hoạch Rơve?***

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình 1951-1952.

D. Chiến dịch Tây Bắc 1952.

Câu 24: ***Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava?***

A. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

B. Chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954.

C. Chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào (1951-1953).

D. Chiến dịch Điên Biên Phủ.

Câu 25: ***Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Bước 1 của kế hoạch Nava từ thu - đông 1953 và Xuân 1954 sẽ giữ vững phòng ngự chiến lược ở..........."***

A. Miền Bắc. B. Miền Nam.

C. Cả hai miền Nam- Bắc. D. Tây Bắc.

Câu 26: ***Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava?***

A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng và cách xa hậu phương của ta.

B. Điện Biên Phủ được địch chiếm từ lâu.

C. Điện Biên Phủ được Pháp xây dựng kiên cố.

D. Câu A và C đúng.

Câu 27: ***Hãy xác định nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:***

A	B
1. Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.	a. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ, Sênô. b. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
2. Kế hoạch Nava bị phá sản hoàn toàn.	c. Địch điều quân từ Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên. d. Địch tăng cường lực lượng cho Tây Nguyên và Mường Sài.

Câu 28: ***Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai của địch?***

A. Phan Đình Giót. B. Bế Văn Đàn.
C. Tô Vĩnh Diện. D. La Văn Cầu.

Câu 29: ***Hội nghị Giơnevơ về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được khai mạc vào thời gian nào?***

A. 24/4/1954. B. 26/4/1954. C. 24/6/1954 D. 8/5/1954.

Câu 30: ***Phái đoàn của ta do phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị lúc nào?***

A. 26/4/1954. B. 7/5/1954. C. 8/5/1954. D. 21/7/1954.

Câu 31: ***Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do... Đó là nội dung của văn bản nào?***

A. Hiệp định Giơnevơ. B. Hiệp định sơ bộ.
C. Tạm ước 14/9/1946. D. Tất cả đều đúng.

Câu 32: ***Thời gian nào dưới đây gắn với kế hoạch Bôlaec?***

A. 12/1946 đến 2/1947. B. 3/1947 đến 12/1947.
C. 12/1947 đến 9/1950. D. 10/1950 đến 5/1951.

Câu 33: ***Tên tướng nào của Pháp thực hiện kế hoạch đánh lên Việt Bắc lần thứ hai?***

A. Bôlaéc. B. Rơve.
C. Đờ Lát đơ Tát xi nhi. D. Đác giăng liơ.

Câu 34: ***Từ khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đến khi các văn bản cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ được ký kết là bao nhiêu ngày?***

A. 21 ngày. B. 20 ngày. C. 15 ngày. D. 30 ngày.

Câu 35: ***Trong ba đợt tấn công địch ở Điện Biên Phủ, đợt tấn công nào gay go, quyết liệt nhất?***

A. Đợt I. B. Đợt II. C. Đợt III. D. Đợt I và III.

Câu 36: ***Phương châm "đánh chắc, tiến chắc" của Đảng ta được đề ra trong thời gian nào?***

A. Chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.
C. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950. D. Tất cả đều đúng.

Câu 37: ***Thắng lợi quyết định nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thể hiện trên mặt trận nào?***

A. Chính trị, ngoại giao. B. Kinh tế, văn hóa.

C. Quân sự. D. Chính trị, quân sự, văn hóa.

Câu 38: ***Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi được đánh giá như "Một mốc lịch sử bằng vàng". Đó là câu nói của ai?***

A. Võ Nguyên Giáp. B. Hồ Chí Minh.

C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 39: ***"Chín năm làm một Điện Biên***
Nên vành hoa đỏ, nên thiêng sử vàng"

Hai câu thơ đó của nhà thơ nào?

A. Chế Lan Viên. B. Huy Cận. C. Tố Hữu. D. Tế Hanh.

IV. GIAI ĐOẠN 1954 –1975

Câu 1: ***Đời tổng thống nào của Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh một phía ở miền Nam Việt Nam?***

A. Ken nơ đi. B. Ai xen hao. C. Giôn xơn. D. Ních xơn.

Câu 2: ***Với chiến thắng trong phong trào "Đồng khởi" của quân dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?***

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 3: ***Chiến lược chiến tranh cục bộ là một loại hình chiến tranh thực dân cũ của Mĩ. Đúng hay sai?***

A. Đúng B. Sai.

Câu 4: ***Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã sử dụng lực lượng nào là chủ yếu?***

A. Lực lượng quân ngụy. B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

C. Lực lượng quân Mĩ và chư hầu. D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 5: ***Chiến thắng Bình Giã (12.1964) đã góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?***

A. "Chiến tranh cục bộ". B. "Chiến tranh đặc biệt".

C. "Chiến tranh một phía". D. "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 6: ***Đế quốc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?***

A. 1960-1964. B. 1965-1968. C. 1969-1973. D. 1965-1969.

Câu 7: ***Chiến thắng nào của ta chứng tỏ rằng quân dân miền Nam đủ khả năng đánh bại quân chủ lực Mĩ?***

A. Chiến thắng Ấp Bắc – Mĩ Tho. B. Chiến thắng Bình Giã – Bà Rịa.

C. Chiến thắng Vạn Tường – Quảng Ngãi.

D. Chiến thắng Ba Gia – Quảng Ngãi.

Câu 8: ***Chiến thắng nào của ta có tính chất quyết định làm phá sản "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ?***

A. Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi.

B. Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

C. Cuộc Tổng công kích tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

D. Tất cả các chiến thắng trên.

Câu 9: ***Hãy xác định nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B?***

A	B
1. "Chiến tranh cục bộ" 2. "Chiến tranh đặc biệt" 3. "Việt Nam hóa" chiến tranh	a. Chiến thắng Ấp Bắc – Mĩ Tho (2/1/1963). b. Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi (18/8/1965). c. Chiến thắng Bình Giã (12/1964). d. Cuộc tiến công chiến lược 1972. e. Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

Câu 10: ***Thất bại trong chiến lược, chiến tranh nào buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pari?***

A. Trong chiến tranh đặc biệt. B. Trong chiến tranh cục bộ.

C. Trong Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Câu 11: ***Trong lúc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, Mĩ đã áp dụng loại hình chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam?***

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 12: ***Loại hình chiến tranh nào của Mĩ ở Việt Nam được tiến hành bởi hai đời tổng thống?***

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Viết Nam hóa chiến tranh.

Câu 13: ***Năm đời tổng thống Mĩ thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam, đời tổng thống nào nắm lấy thất bại cuối cùng, đau đớn nhất?***

A. Ai xen hao. B. Giôn xơn. C. Ních xơn. D. Pho.

Câu 14: ***Tổng thống nào của Mĩ gắn với sự sụp đổ của chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm?***

A. Ken nơ đi. B. Giôn xơn. C. Ních xơn. D. Pho.

Câu 15: ***Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm vào thời gian nào? Ở đâu?***

A. 11/5/1963. Ở Hà Nội. B. 11/7.1963. Ở Huế.

C. 11/6/1963. Ở Sài Gòn. D. 1/11/1963. Ở Đà Nẵng.

Câu 16: ***Chiến thắng lớn nhất thể hiện tình đoàn kết keo sơn chiến đấu của quân dân Việt – Lào trong những năm 1969-1972 là:***

A. Chiến thắng tại cánh đồng Chum Xiêng Khoảng – Lào.

B. Chiến thắng trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại đường 9 – Nam Lào.

C. Chiến thắng ở Sênô. D. Chiến thắng ở Luông-phabăng.

Câu 17: ***Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào miền Nam trong những năm 1969-1973 diễn ra rầm rộ nhất ở tỉnh, thành phố nào?***

A. Sài Gòn, Đà Nẵng, Nha Trang. B. Huế, Đà Nẵng , Sài Gòn.

C. Sài Gòn, Hà Nội, Huế. D. Sài Gòn, Nha Trang, Huế.

Câu 18: ***Thắng lợi nào của quân dân miền Nam trong những năm 1970-1972 buộc Mĩ phải thừa nhận thất bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh?***

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972, chủ yếu đánh vào Quảng Trị.

B. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mĩ trong 12 ngày đêm ở Hà Nội và Hải Phòng.

C. Trong chiến dịch Đông – Xuân 1969-1970.

D. Tất cả các thắng lợi trên.

Câu 19: ***Quá trình diễn biến của Hội nghị Pari gắn với đời tổng thống nào của Mĩ?***

A. Ken nơ đi, Ních Xơn. B. Giôn Xơn, Ních Xơn.

C. Ních Xơn, Pho. D. Giôn Xơn, Ních Xơn, Pho.

Câu 20: ***Hội nghị Pari diễn ra trong khoảng thời gian nào?***

A. 5/1968 đến 27/1/1973. B. Cuối năm 1969 đến đầu 1973.

C. 12/1972 đến 27/1/1973. D. 1970 đến 1973.

Câu 21: ***Thắng lợi trong Hội nghị Pari ta đã đánh cho Mĩ cút, ngụy nhào. Đúng hay sai?***

A. Đúng. B. Sai.

Câu 22: ***Để ép ta nhân nhượng, ký một hiệp định do Mĩ đặt ra, Ních Xơn đã cho máy bay B52 đánh vào đâu trong 12 ngày đêm năm 1972?***

A. Hà Nội, Nam Định. B. Hà Nội. Hải Phòng.

C. Hà Nội, Thanh Hóa. D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 23: ***Ngày 2/3/1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam được triệu tại Pari, gồm đại biểu các nước nào?***

A. Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc, Anh. B. Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Canađa.

C. Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Pháp, Anh.

Câu 24: ***Sau khi Hiệp định Pari ký kết tình hình ở miền Nam như thế nào?***

A. Mĩ đã cút nhưng ngụy chưa nhào. B. Cả Mĩ ngụy đều bị thất bại.

C. Ta đã giành thắng lợi mở màn ở Tây Nguyên.

D. Ta kết thúc thắng lợi về quân sự và ngoại giao.

Câu 25: ***Sự kiện nào tác động đến Hội nghi Bộ chính trị (từ 18/12/1974 đến 9/1/1975) để Hội nghị quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975?***

A. Chiến thắng ở Buôn Ma Thuột. B. Chiến thắng Tây Nguyên.

C. Chiến thắng ở Quảng Trị.

D. Chiến thắng Phước Long và đường số 14.

Câu 26: ***Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 đã chuyển cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?***

A. Chiến thắng Phước Long. B. Chiến thắng Tây Nguyên.

C. Chiến thắng ở Huế - Đà Nẵng. D. Chiến thắng Quảng Trị.

Câu 27: ***Cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên, ta còn mở chiến dịch đánh địch ở đâu?***

A. Ở Phước Long. B. Ở Quảng Trị. C. Ở Huế - Đà Nẵng. D. Ở Nha Trang.

Câu 28: ***Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 làm cho địch phải tháo chạy về hướng đông, tìm đường rút vào miền Nam?***

A. Chiến Thắng ở Tây Nguyên. B. Chiến thắng ở Huế.

C. Chiến thắng ở Đà Nẵng. D. Chiến thắng ở Quảng Ngãi.

Câu 29: ***"Phải tập trung nhanh nhất binh khí kỹ thuật để giải phóng miền Nam trước mùa mưa ..." . Chủ trương này ra đời trong thời điểm lịch sử nào?***

A. Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

B. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang sôi động.

C. Ta chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh đang tiếp diễn.

Câu 30: Sự kiện nào ở cột B gắn với cột A?

A	B
1. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975, thì giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. 2. Tập trung nhanh nhất binh khí kỹ thuật giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.	a. Chiến dịch Tây Nguyên. b. Chiến dich Huế - Đà Nẵng. c. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 31: ***Trận chiến đấu gay go, quyết liệt nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh là trận nào?***

A. Trận Phước Long và đường số 14. B. Trận đánh ở Phan Rang.

C. Trận đánh ở Xuân Lộc. D. Trận đánh ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 32: ***Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc bao nhiêu năm chiến tranh giải phóng dân tộc?***

A. 21 năm. B. 30 năm. C. 15 năm. D. 20 năm.

Câu 33: ***Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã có tác động mạnh mẽ nhất đối với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực nào trên thế giới?***

A. Châu Á. B. Châu Phi.

C. Châu Mĩ latinh. D. Không phải các khu vực trên.

PHẦN ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Phần I. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CHƯƠNG I

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 1

NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ- CHÍNH TRỊ , XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930

Câu 1: B ; Câu 2 : C ; Câu 3: B ; Câu 4: D ; Câu 5 : A ; Câu 6: D ;
Câu 7: D ; Câu 8: B ; Câu 9: C ; Câu 10: A ; Câu 11: C ; Câu 12: A ;
Câu 13: C ; Câu 14: A ; Câu 15: B ; Câu 16: C ; Câu 17: B ; Câu 18: C ;
Câu 19: C ; Câu 20: D ; Câu 21: D ; Câu 22: D ; Câu 23: D ; Câu 24: D ;
Câu 25: A ; Câu 26: B ; Câu 27: c ; Câu 28: B.

Bài 2

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Câu 29: A ; Câu 30: B ; Câu 31: D ; Câu 32: B ; Câu 33: C ; Câu 34: A;
Câu 35: C ; Câu 36: D ; Câu 37: B ; Câu 38: D ; Câu 39: C ; Câu 40: A ;
Câu 41: B ; Câu 42: C ; Câu 43: A ; Câu 44: C ; Câu 45: A ; Câu 46: D ;
Câu 47: C ; Câu 48: B ; Câu 49: C ; Câu 50: D ; Câu 51: B ; Câu 52: A ;
Câu 53: A.

Bài 3

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI THÀNH LẬP ĐẢNG (1925-1930)

Câu 54: D ; Câu 55: A ; Câu 56: C ; Câu 57: B ; Câu 58: C ; Câu 59: D ;
Câu 60: C ; Câu 61: B ; Câu 62: C ; Câu 63: D ; Câu 64: D ; Câu 65: A ;
Câu 66: B ; Câu 67: C ; Câu 68: 1B ; 2E; 3A; 4I; 5H; 6C; 7G; 8D ; 9L; 10M ;
Câu 69: B ; Câu 70: C.

CHƯƠNG II

CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM (1930 -1945)

Bài 4

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

Câu 71 C ; Câu 72 C ; Câu 73 A ; Câu 74 D ; Câu 75 A ;
Câu 76 B ; Câu 77 D ; Câu 78 C ; Câu 79 B ; Câu 80 D .

Bài 5

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH KHÔI PHỤC LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

Câu 81 C ; Câu 82 A ; Câu 83 B ; Câu 84 C ; Câu 85 A ; Câu 86 B ;
Câu 87 D ; Câu 88 D ; Câu 89 B ; Câu 90 A ; Câu 91 B ; Câu 92 D.

Bài 6

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936 –1939

Câu 93 C ; Câu 94 D ; Câu 95 B ; Câu 96 C ; Câu 97 D ; Câu 98 B ;
Câu 99 A ; Câu 100 D ; Câu 101 B ; Câu 102 C ; Câu 103 B ; Câu 104 A ;
Câu 105 A ; Câu 106 D ; Câu 107 A ; Câu 108 D ; Câu 109 C ; Câu 110 D ;
Câu 111 A ; Câu 112 D.

Bài 7

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 –1945)

Câu 113 B ; Câu 114 C ; Câu 115 D ; Câu 116 A ; Câu 117 C ; Câu 118 D ;
Câu 119 A ; Câu 120 B ; Câu 121 D ; Câu 122 B ; Câu 123 C ; Câu 124 D ;
Câu 125 B ; Câu 126 D ; Câu 127 B ; Câu 128 D ; Câu 129 A ; Câu 130 d ;
Câu 131 C ; Câu 132 C ; Câu 133 B ; Câu 134 C ; Câu 135 B ; Câu 136 A ;
Câu 137 C ; Câu 138 B ; Câu 139 A ; Câu 140 D ; Câu 141 B ; Câu 142 C ;
Câu 143 D ; Câu 144 B ; Câu 145 A ; Câu 146 B ; Câu 147 B ; Câu 148 A.

CHƯƠNG III

Bài 8

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1954)

Câu 149 C ; Câu 150 B ; Câu 151 C ; Câu 152 D ; Câu 153 B ; Câu 154 C ;
Câu 155 B ; Câu 156 A ; Câu 157 B ; Câu 158 A ; Câu 159 C ; Câu 160 B.

Bài 9

NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946-1954)

Câu 161 B ; Câu 162 B ; Câu 163 C ; Câu 164 D ; Câu 165 C ; Câu 166 A ;
Câu 167 D ; Câu 168 B ; Câu 169 A ; Câu 170 C ; Câu 171 B ; Câu 172 C ;
Câu 173 B ; Câu 174 C ; Câu 175 C ; Câu 176 D ;
Câu 177 A. Ngày 1.10.1949 ; B. Tháng 1.1950 ;
C.Tháng 6.1950 ; D. Tháng 8.1950.
Câu 178 A ; Câu 179 B ; Câu 180 A ; Câu 181 C ; Câu 182 A ; Câu 183 B ;
Câu 184 A.

Bài 10

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1951-1953

Câu 185 C ; Câu 186 D ; Câu 187 A ; Câu 188 B ; Câu 189 B ; Câu 190 D ;
Câu 191 C ; Câu 192 B ; Câu 193 A ; Câu 194 C ; Câu 195 B ; Câu 196 A ;
Câu 197 C ;

Câu 198: A. 25.12.1950 đến 17.1.1951; B. 30.3 đến7.4.1951 ;
C. 28.5.1951 đến 20.6.1951 ; D. 10.11. 1951 đến 23.2.1952 ;
E.10. 1952 đến 12.1952 ; G. 4.1953.

Câu 199 D ; Câu 200 A.

Bài 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

Câu 201 B ; Câu 202 C ; Câu 203 A ; Câu 204 B ; Câu 205 B ;
Câu 206 B ; Câu 207 C ; Câu 208 A ; Câu 209 C ; Câu 210 D ;
Câu 211 C ; Câu 212 B ; Câu 213 A ; Câu 214 B ;
Câu 215: A-7; B-3 ; C-1 ; D-5 ; E-10 ; G-9 ; H-4 ; I-2 ; K-6 ; L-8.

CHƯƠNG IV

Bài 12

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI (1954-1975)

Câu 216.

A. Pháp rút quân khỏi Hà Nội, quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô.

B. Tại quảng trường Ba Đình diễn ra cuộc mít tinh trọng thể của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Thủ đô.

C. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng.

D. Toán lính Pháp rút khỏi Cát Bà, Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Câu 217 B ; Câu 218 C ; Câu 219 D ; Câu 220 B ;
Câu 221 "có vai trò quyết định nhất" ; Câu 222 C.

BÀI 13

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM (1954-1965)

Câu 223 B ; Câu 224 A ; Câu 225 C ; Câu 226 D ; Câu 227 B ; Câu 228 C ;
Câu 229 A ; Câu 230 A ; Câu 231 D ; Câu 232 C ; Câu 233 B ; Câu 234 B ;
Câu 235 B ; Câu 236 C ; Câu 237 A: 2.1959 ; B : 8.1959 ; C: 17.1.1960.

Câu 238 D ; Câu 239 D ; Câu 240 C ; Câu 241 B ; Câu 242 A ; Câu 243 B ; Câu 244 B ; Câu 245 B ; Câu 246 B ; Câu 247 B ; Câu 248 A ; Câu 249 B ; Câu 250 C ; Câu 251 D ; Câu 252 B ;

Câu 253.

A. Lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

B. Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập.

C. Chiến thắng Ấp Bắc –Mĩ Tho.

D. Hai vạn Tăng ni Phật tử Huế biểu tình.

E. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.

G.70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.

H. Ngô Đình Diệm bị lật đổ.

I. Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

Câu 254 D ; Câu 255 B ; Câu 256 C ; Câu 257 C.

Bài 14

NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965-1973)

Câu 258 B ; Câu 259 A ; Câu 260 a ; Câu 261 C ; Câu 262 B ; Câu 263 A ; Câu 264 D ; Câu 265 B ; Câu 266 C ; Câu 267 D ; Câu 268 D ;

Câu 269: A. 30.1 đến 25.2.1968.

B. 4.5 đến 18.6.1968.

C. 17.8 đến 23.9 1968.

Câu 270 B ; Câu 271 A ; Câu 272 A ; Câu 273 C ; Câu 274 B ;

Câu 275 B ; Câu 276 A ; Câu 277 D ;

Câu 278: A. "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược".

B. "Chắc tay súng, vững tay búa".

C. "Chắc tay súng, vững tay cày".

Câu 279 D ; Câu 280 D ; Câu 281 C ; Câu 282 D ; Câu 283 B ; Câu 284 C ; Câu 285 D ; Câu 286 B ; Câu 287 : A2 ; B1 ; C3. Câu 288 A ; Câu 289 C ; Câu 290 D ; Câu 291 D ; Câu 292 B ; Câu 293 C ; Câu 294 D ; Câu 295 A ; Câu 296 B ; Câu 297 D ;

Câu 298: A. Ních xơn phê chuẩn kế hoạch đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

B. Mĩ tuyên bố ngừng hoạt động đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

C. Mĩ tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để ký với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Câu 299 B ; Câu 300 C ; Câu 301 B ; Câu 302 B ;

Câu 303: A1 ; B4 ; C2 ; D3 ; E5 ; G7 ; H6; I8.

Câu 304 A ; Câu 305 C ; Câu 306 C.

BÀI 15

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN

(1973 – 1975)

Câu 307 B ; Câu 308 A ; Câu 309 D ; Câu 310 B ;

Câu 311:

A. Ta đánh nghi binh ở Playcu, Kontum nhằm thu hút địch vào hướng đó.

B. Quân ta tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột.

C. Quân địch mở cuộc phản công tái chiếm Buôn Ma Thuột nhưng bị đánh bại.

D. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plâycu, Kontum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

E. Quân ta được lệnh đánh chặn và truy kích địch trên đường chúng rút chạy khỏi Tây Nguyên.

G. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

Câu 312 A ; Câu 313 C ; Câu 314 D ;

Câu 315: A. (19.3.1975); B. (26.3.1975); C. (29.3.1975);
D. (25.3.1975) E. (24.3.1975).

Câu 316 C ; Câu 317 D ; Câu 318 C ; Câu 319 B ; Câu 320 A ; Câu 321 A ;
Câu 322 B : Câu 323 D ; Câu 324 C ; Câu 325 D ; Câu 326 B.

BÀI 16

HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 – 1979)

Câu 327 C ; Câu 328 : A4 ; B5 ; C1 ; D2 ; E3 ;
Câu 329 A ; Câu 330 C ; Câu 331 B .

BÀI 17

VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(1976 – 1991)

Câu 332 B ; Câu 333 B ; Câu 334 C ; Câu 335 A ; Câu 336 C ;
Câu 337 C ; Câu 338 D ; Câu 339 B ; Câu 340 D.

Phần II. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

BÀI 1

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1.D 2.C 3.D 4.C 5.B 6.D 7.C
8.D 9.B 10.D 11.C 12.B 13.C 14.(1.A, 2.B-E)
15.D 16.C 17.C 18.D 19.D 20.C 21.B
22.D 23.A 24.C 25.B 26.D 27.D 28.A
29.B 30.D 31.A 32.C 33.C 34.D 35.D
36.D 37.D 38.A 39.A 40.C 41.B 42.C
43.C 44.D 45.D 46.B 47.D 48.A 49.A
50.B 51.B 52.D 53.C 54.C 55.D
56. (1.D, 2.C,3.A, 4.B, 5.E) 57. A(S) B(S) C(Đ) D(Đ) E(Đ) G(S)

BÀI 2

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1.D 2.A 3. (1.B 2.C 3.A 4.Đ 5.E 6.D 7.H 8.G)
4.C 5.D 6.C 7.C 8.A 9.A 10.A
11.C 12.B 13.B 14.C 15.B 16.C 17.C 18.D 19.B 20.D
21.D 22.B 23.D 24.D 25.C 26.D 27.C 28.A 29.A 30.D
31.C 32.A 33.A 34.C 35.B 36D 37.D 38.B 39.D
40. (1-D, 2-E, 3-G, 4-C, 5-A, 6-B)

41. A. Đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.
B. GDP tăng 9,8% đạt giá trị 7974,8 tỉ nhân dân tệ.
C. 1977 lên tới 325,06 tỉ USD.
D. Từ 1978 đến 1997 từ 133,6 lên 2090,1 nhân dân tệ.
E. Từ 343.4 lên 5160,3 nhân dân tệ

42.D 43 A(S) B(Đ) C(S) D(S) E(Đ) J(Đ) G(S) 44.S.A-E-D-G-B-C-J
45.D 46.C 47.C 48.C 49.D 50.C 51.D
52.D 53.A 54.A 55.1(C) 2(D) 3(B) 4(A) 5(E) 56.A 57.D 58.E
59.D 60.C 61.C 62.C 63.D 64.C 65.A 66.B 67.B 68.C 69.C
70.A 71.A 72.C 73.D 74.B 75.D 76.C 77.D 78.D 79.C 80.D
81.D 82.C 83.D 84.C 85.D 86.D 87.B 88.B 89.C 90.C 91C
92.D 93.B 94.B 95.B 96.D 97.B 98.B 99.C 100:

Châu Á	Mĩ latinh
- Cuối thế kỉ XIX hầu hết trở thành thuộc dịa hoặc nửa thuộc địa của phương Tây.	- Đầu thế kỉ XIX hầu hết các nước giành được độc lập. - Là thuộc địa kiểu mới.

- Là thuộc địa kiểu cũ. - Liên tục nổ ra các cuộc đấu tranh của nhân dân chống thực dân xâm lược. - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai một số nước giành được độc lập dân tộc. - Châu Á: cuối những năm 60 hầu hết các nước giành được độc lập dân tộc. - Châu Phi: giữa những năm 70 hầu hết các nước giành được độc lập. - Các giai đoạn đấu tranh. + Châu Á: 1945-1949, 1949-1954, 1954-1975 - nay + Châu Phi: 1945-1954, 1954-1960, 1960-1975, 1795- nay	- Từ những năm 1945 buộc phải tham gia các hiệp ước do Mĩ soạn thảo, về danh nghĩa là độc lập nhưng trên thực tế là thuộc địa kiểu mới. - Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới có những đặc điểm: + Sự phát triển của giai cấp công nhân. + Xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất lớn. + Đấu tranh vũ trang mang tính chất toàn lục địa. + Mặt trận dân tộc thống nhất thành lập và phát triển. - Các giai cấp đấu tranh: 1945-1959, 1959-1980, 1980- nay.

BÀI 3
MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1.D 2.C 3.A 4.D 5.B 6.E 7.C 8.B 9.A 10.D
11.B 12.B 13.D 14.C 15.A 16.B 17.B 18.B
19. 1-A, 2-D, 3-E, 4-G, 5-C, 6-B, 7-F, 8-H
20.D 21.D 22.A 23.D 24.D 25.A 26.A 27.B 28.D 29.B
30.A 31.D 32.B 33.D 34.D 35.C 36.C 37.D 38.B 39.B
40.C 41.B 42.B 43.B 44.C 45.C 46.B 47.B 48.D 49.C 50.C

51 A. không cách biệt nhau lắm
B. hết sức cần thiết,
C. chính trị,
D. thoát dần sự lệ thuộc vào Mĩ,
E. Mĩ,
G. cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

52.A 53.A 54.C 55.B 56.A 57.C

BÀI 4
QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1.A 2.C 3.A 4.B 5.D 6.B 7.A 8.C 9.A 10.A 11.D
12.B 13.B 14.B 15.C 16.A 17.D 18.D 19.B 20.A 21.C 22.D
23.C 24.D 25.A 26 (1.C, 2.A, 3.B, 4.J, 5.D, 6.G, 7.E)

BÀI 5

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC – KĨ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1.C	2.C	3.B	4.D	5.B	6.A	7.D	8.D	9.B	10.B
11.C	12.A	13.A	14.D	15.B	16.B	17.C			

18. A. Chói lọi trong lịch sử tiến hóa văn minh.
B. Phi thường.
C. Những thành tựu kì diệu.
D. Những bước nhảy vọt về sản xuất. E. Mức sống.
J. CMKH-KT G. Cơ cấu dân cư.
H. Giảm. I. Tăng lên.

19.C 20. (1.D, 2.E, 3.A, 4.B, 5.C, 6.J, 7.H, 8.G)

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. GIAI ĐOẠN 1919-1930:

Câu hỏi	Đáp án
1	A
2	D
3	B
4	B
5	A
6	A
7	A
8	B
9	C
10	1: C, I. 2: D, H, 3: B. 4: A, G, H, I.
11	C
12	A
13	C
14	B
15	1:C, 2: D, 3: A, 4: B
16	D
17	C
18	B
19	D
20	B

II. GIAI ĐOẠN 1930-1945:

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	A	21	C
2	A	22	D
3	C	23	C
4	D	24	A
5	C	25	B
6	C	26	D
7	A	27	D
8	D	28	A
9	C	29	B
10	B	30	B
11	A	31	C
12	B	32	B
13	D	33	B
14	1: C, 2: B, 3: A	34	D
15	A	35	A
16	D	36	C
17	B	37	C
18	Xem phần dưới	38	B
19	B	39	A
20	B	40	B

Câu 18:

A. Cuộc nổi dậy của hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên - Nam Đàn-Nghệ An.

B. Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Ma Cao - Trung Quốc.

C. Cuộc biểu tình của hơn 2 vạn quần chúng tại Nhà Đấu Xảo – Hà Nội.

D. Nguyễn Ái Quốc về nước tại Bắc Pó – Cao Bằng.

III. GIAI ĐOẠN 1945 –1954:

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	D	21	A
2	C	22	C
3	A	23	D
4	C	24	B
5	B	25	D
6	D	26	A

7	C	**27**	1:A,C,D. 2: B
8	B	**28**	A
9	C	**29**	B
10	B	**30**	C
11	D	**31**	B
12	A	**32**	B
13	C	**33**	B
14	D	**34**	C
15	A	**35**	B
16	A	**36**	A
17	C	**37**	C
18	C	**38**	B
19	D	**39**	C
20	D		

IV. GIAI ĐOẠN 1954-1975:

Câu hỏi	**Đáp án**	**Câu hỏi**	**Đáp án**
1	B	**18**	A
2	A	**19**	B
3	B	**20**	A
4	A	**21**	B
5	B	**22**	B
6	B	**23**	C
7	C	**24**	A
8	C	**25**	D
9	1: B C 2: A, E, 3: D	**26**	B
10	B	**27**	B
11	C	**28**	C
12	D	**29**	C
13	D	**30**	1: A, B. 2: C
14	A	**31**	C
15	C	**32**	B
16	B	**33**	C
17	B		

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

PHẦN I

LỊCH SỬ VIỆT NAM

Bài 1

NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930 5

Bài 2

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1919 – 1925) 12

Bài 3

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI THÀNH LẬP ĐẢNG (1925-1930) 23

Bài 4

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI 32

Bài 5

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG 40

Bài 6

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936 – 1939 47

Bài 7

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 – 1945) 53

Bài 8

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946) 75

Bài 9

NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946 – 1950 82

Bài 10

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1951 – 1953 93

Bài 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI 101

Bài 12

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI (1954 – 1975) 111

Bài 13
CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM (1954 –1965) 113
Bài 14
NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC (1965 – 1973) 122
Bài 15
CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1973 -1975) 134
Bài 16
HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 – 1979) 142
Bài 17
VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 – 1991) 144

PHẦN II
LỊCH SỬ THẾ GIỚI

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 148
CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ, LA TINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 158
MĨ – NHẬT BẢN – TÂY ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 183
QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 194
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC KỸ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 202

PHẦN III

BÀI TẬP LỊCH SỬ TỔNG HỢP THEO TỪNG GIAI ĐOẠN 208

PHẦN IV

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP THEO TỪNG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ 219

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM 236
B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI 241
C. ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP LỊCH SỬ VIỆT NAM 243

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715012; (04) 7547936. Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập: LÊ THU THUỶ
THANH HÀ

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

1000 CÂU HỎI & BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 12

Mã số: 2L – 80 ĐH 2005
In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24 tại Xưởng in Chi nhánh Công Ty Phát Triển Công Nghệ và Truyền Hình.
Số xuất bản: 43 – 2005/CXB/3 – 210/XB/NXB ĐHQGHN, ngày 12/10/2005.
Quyết định xuất bản số: 35 LK/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.